

92

物不能容

軀國欣悲便脫衣
 禮非亡也俗隨宜
 金穿衲嫗為懸杙
 明鏡盲人作蓋危
 玉標入琴牛不聽
 花粧璵瑤象何知
 吁嗟一曲玄中妙
 合把黃金鑄子期。

VẬT BẤT NĂNG DUNG

Khỏa quốc hân nhiên tiện thoát y,
 Lễ phi vô dã, tục tùy nghi.
 Kim xuyên thốc ầu vi huyền đặc^{1*},
 Minh kính manh nhân tác cái chi^{2*}.
 Ngọc thảo nhập cầm ngư bất thính,
 Hoa trang anh lạc tượng hà tri.
 Hu ta nhất khúc huyền trung diệu,
 Hợp bả hoàng kim chú Tử Kỳ.

DỊCH NGHĨA :

VẬT KHÔNG THỂ TÙY THEO MỌI NGƯỜI

Đến xứ cõi trần⁽¹⁾ cứ vui vẻ mà bỏ áo,
 Không phải là quên lễ, chỉ tùy theo thói tục mà thôi.
 Chiếc thoa vàng đối với bà già đầu hói chỉ là chiếc móc để treo,
 Tấm gương sáng đối với người mù chỉ là cái nắp dầy chén.
 Dấu tiếng ngọc nhập vào đàn cầm thì trâu cũng chẳng thềm nghe.
 Bóng hoa có trang sức thêm chuỗi ngọc thì voi cũng không biết đến.
 Than ôi, một khúc màu nhiệm trong huyền vi,
 Nên đem vàng mà đúc Tử Kỳ⁽²⁾.

DỊCH THƠ :

Vào xứ mình trần bỏ áo đi,
 Phải đâu quên lễ, chỉ tùy nghi.
 Trám vàng, mù hói treo làm móc,
 Gương sáng, anh mù lấy úp ly.
 Hoa giắt mình châu, voi chẳng biết,
 Đàn gieo tiếng ngọc, trâu nghe chi!
 Hỡi ôi! Một khúc huyền trong diệu,
 Dồn hết vàng kia đúc Tử Kỳ.

Theo TRÚC THIÊN
 (Bd. TSNL)

KHẢO ĐỊNH:

CÁC DI BẢN: TSNL1, TSNL2

- 1° TSNL1: 杙: TSNL2 chú: *khủng đặc* 恐杙 nghĩa là: có lẽ chữ *đặc*. Ở đây sửa lại theo TSNL2.
- 2° TSNL1: 廔. TSNL2 chú: 恐庖; nghĩa là: có lẽ chữ 庖. Hai chữ trên đều không rõ nghĩa. Chúng tôi ngờ cả hai bản đều muốn viết chữ *chi* 庀 là cái chén mà khắc nhầm. Vì vậy, tạm chữa lại.

CHÚ THÍCH:

- (1) *Xứ cõi trần* (khôa quốc): một nước trong truyền thuyết cổ đại Trung-quốc mà mọi người đều trần truồng. Theo *Triệu sách* 趙策, *Chiến quốc sách* 戰國策 thì vua Vũ 禹 xưa kia khi vào nước này cũng phải ở trần.
- (2) *Tử Kỳ*: tức Chung Tử Kỳ 鍾子期, người thời Chiến quốc, rất sành âm luật, là bạn tri kỷ của Bá Nha 伯牙. Nghe Bá Nha đánh đàn, ông biết trong lòng Bá Nha đang nghĩ đến non cao hay nước chảy. Sau khi Tử Kỳ chết, Bá Nha bỏ đàn không gảy nữa vì không còn ai là tri kỷ.

93 - 94

上福堂逍遙
禪師并引

久遠風彩
儔寄荒村
身雖天外之參商
意有鏡中之鸞鳳
閑唱無生之曲
用酌法乳之恩
濫札伽陀。上呈座下。

身雖肥遯寓鄉閑
四重恩深禾敢寒
意拙少逢漆意氣
心灰孤守寸心丹
春回虛對閑桃藥
風起空聞擊竹竿
當日到家參問罷
淡絃琴子請今彈。

THƯƠNG PHÚC-ĐƯỜNG TIÊU DAO
THIÊN SƯ (TỊNH DẪN)

Cửu vị phong thái, kiêu kỳ hoang thôn^{1°}. Thân tuy thiên ngoại chi sâm thương, ý hữu kinh trung chi loan phượng.

Nhân xương vô sinh chi khúc, dụng thủ pháp nhũ chi ản.

Lạm trát già đà, thương trình tòa hạ:

I

Thân tuy phì dộn ngu hương quan,
Tứ trọng ân thâm vị cảm hàn.
Ý chuyết thiêu phụng thêm ý khí.
Tâm khô có thủ thốn tâm đan.
Xuân hồi hư đối khai đào nhị,
Phong khởi không văn kích trúc can.
Đương nhật đáo gia tham vấn bãi,
Một huyền cầm tử thỉnh kim đàn.

二

暫來省問古雖禪
 像貌期頸壯且堅
 慧可身慚皮髓記
 趙州天與鶴龜年
 須知世有人中佛
 休怪爐開火裏蓮
 珍重伽陀隨興禮
 幾多縵却紫茸檀。

II

Tạm lai tỉnh vấn cổ chùy thiền,
 Tượng mạo kỳ di tráng thả kiên.
 Tuệ Khả thân tâm bì tủy kỷ,
 Triệu Châu thiên dữ hạc quy niên.
 Tu tri thế hữu nhân trung Phật,
 Hưu quái lò khai hỏa lý liên.
 Trân trọng gia đà tùy hứng lễ,
 Kỳ đa mạn khước tử nhung chiên.

DỊCH NGHĨA :

TRÌNH THIỀN SƯ TIÊU DAO Ở PHÚC-ĐƯỜNG (1).
 (KÈM LỜI DẪN)

Lâu nay xa phong thái, kiêu ngạo ở thôn hoang. Sấm thương (2) thân cách phương trời ; loan phượng (3) ý hăng chung bóng. Khúc hát « vô sinh » (4), thanh thoi cất tiếng. Công ơn pháp nữ (5), gọi chút đèn bùa. Lạm viết đôi lời (6) dưới tòa trình tiến :

I

Thân tuy quê kệch ở nơi xóm làng,
 Từ trọng (7) ơn sâu, lòng chưa dám lạnh.
 Ý vung về, nhờ gặp gỡ ít nhiều cũng đã tăng thêm ý khí,
 Lòng như tro nguội, song riêng gìn giữ tắc son.
 Xuân đến, lặng lẽ ngắm cây đào nảy nhị,
 Gió nổi lên, luống nghe khóm trúc khuya vang.
 Hôm nọ đến nhà tham vấn xong,
 Giờ đây, xin gảy cây đàn không giây (8).

II

Tạm đến thăm hỏi vị Thiền sư hiếm hoi đạo cao đức trọng (9),
 Tượng mạo thọ khảo, mạnh khỏe và kiên cường.
 Tuệ Khả hồ thẹn với lời ghi được da, được tủy (10),
 Triệu Châu trời trao cho cái tuổi thọ của rùa, của hạc (11).
 Nên biết rằng đời có vị Phật trong đám người bình thường.
 Thì đừng lạ gì đóa sen nở ra trong lò lửa.
 Kính dâng lời kệ là cái lễ tùy hứng,
 Có là bao, xin đừng từ khước điều nhỏ mọn.

DỊCH THƠ :

I

Thân tuy quê kệch chốn hương quan,
 Nghĩa nặng ơn sâu dám chút sòn.
 Ý vung, đôi trao thêm ý mới,
 Lòng băng, gìn giữ tắc lòng son.
 Xuân về lặng ngấm hoa đào nở,
 Gió nổi buồn nghe tiếng trúc đồn.
 Buổi nọ qua nhà thăm viếng đoan,
 Không giây, xin dạo một cung đàn.

II

Tạm tới thăm nom bậc thượng phương,
 Dung nhan thọ khảo lại kiên cường.
 Thần Quang lòng then lời xương tủy,
 Tông Thâm trời trao tuổi thọ khang.
 Nên biết trong đời sinh đức Phật,
 Lạ chi giữa lửa nở sen vàng.
 Kính dâng bài kệ câu tùy hỷng,
 Xin chớ từ chi chút lễ thường.

ĐỖ VĂN HỖ

KHẢO ĐỊNH :

CÁC DỊ BẢN : TSNI.1, TSNI.2

1* TSNI.2 chú: cứu tại 舊在; nghĩa là: bản cũ là chữ tại. Không rõ bản cũ là bản nào.

CHÚ THÍCH :

- (1) Phúc-đường: xem Cht. 1, bài Văn Phúc Đường đại sư tại, số 65, cùng tác giả.
- (2) Sâm thương: sao Sâm ở phương Tây, sao Thương ở phương Đông. khi lặn cũng như khi mọc đều không nhìn thấy nhau. Do đó người ta dùng đề vì với hai người xa cách.
- (3) Loan phương: thường dùng để chỉ lửa đôi, nhưng ở đây tác giả mượn nó để tượng trưng cho tình bạn.
- (4) Vô sinh: xem Cht. 19, bài Kim cương tam muội kinh tụng, số 4, của Trần Cảnh.
- (5) Pháp nhũ: thuật ngữ nhà Phật: đem cái tư vị của chính pháp để nuôi dưỡng cái pháp thân của người học đạo, như người mẹ dùng sữa nuôi con.
- (6) Nguyên văn là già dà, nghĩa là bài kệ, ở đây tam dịch là đôi lời.
- (7) Từ trọng: công ơn của cha mẹ, của chúng sinh, của quốc vương, của Tam bảo. Xem thêm Cht. 17, bài Thượng sĩ hành trạng số 207, của Trần Khâm.
- (8) Cây đàn không giây: xem Cht. 30, Phổ thuyết hương thượng nhất lộ, số 8, của Trần Cảnh.

- (9) *Vị Thiên sư hiếm hoi đạo cao đức trọng* (cổ chủ thiên): cổ chủ là cái dùi xira, tượng trưng cho hàng tiền bối đạo cao đức trọng.
- (10) *Lời ghi được da được tủy*: theo Kinh Đại tạng 大藏經 thì khi Đạt Ma 達磨, tổ Thiên tông sắp tịch, các đạo phó, như Nê Tổng Trì 尼總持 Đạo Uy 道愾 và Tuệ Khả 慧可 (tức Thần Quang 神光) đều hầu ở bên cạnh, mỗi người nói lên chỗ sở đắc của mình. Riêng Tuệ Khả chỉ lạy ba lạy rồi trở về chỗ ngồi. Đạt Ma bảo: «Chỉ có ông là đạt được cốt tủy của ta, còn các ông kia người thì được xương, người thì được thịt, người thì được da mà thôi». Sau đó Tuệ Khả được trao y bát thành tổ thứ hai Thiên Tông.
- (11) *Triệu Châu*: tức Tông Thâm 從諗, xem Chít. 6, bài *Phủ thuyết hương thượng nhất lộ*, số 8, của Trần Cảnh.

95

福堂景物

PHÚC-ĐƯỜNG CẢNH VẬT

福堂景致已郎當
 賴有禪風習習涼
 籬落蕭疎拙筍瘦
 門庭幽邃闕松荒
 未逢時泰賢人出
 且喜松深瑞獸藏
 早晚老无開佛日
 通門桃李弄春光。

Phúc-đường cảnh trí dĩ lang đang,
 Lại hữu thiền phong tập tập lương.
 Ly lạc tiêu sơ trừu duẩn sấu,
 Môn đình u thủy tịch tưng hoang.
 Vị phùng thì thái hiền nhân xuất,
 Thả hỷ lâm thâm thụ thú tàng.
 Tảo vãn lão thiên khai Phật nhật,
 Thông môn đào lý lộng xuân quang.

DỊCH NGHĨA:

CẢNH VẬT PHÚC-ĐƯỜNG

Phong cảnh Phúc-đường thật đã thoáng đặng,
 Nhờ có ngọn gió thiền vi vu mát rượi.
 Giậu đồ tiêu điều, nây chồi măng gầy,
 Sân cổng thâm u kẻ góc thông hoang.
 Chưa gặp thời thịnh để cho người hiền xuất hiện.
 Hãy mừng chốn rừng sâu có muông thú lành⁽¹⁾ ẩn.
 Sớm muộn trời già cũng mở ra mặt trời Phật⁽²⁾,
 Suốt từ ngõ vào, đào mạn đua giỡn ánh xuân.

DỊCH THƠ :

Quang cảnh Phúc-đường thoáng đặng sao,
 Gió thiên mát rọi thổi lao xao.
 Rào xiêu, mắng võ trời lưng giậu,
 Sân rộng, thông hoang sát cổng vào.
 Người giỏi đang chờ thay vận tốt,
 Thú lành còn ẩn giữa non cao.
 Trời già, sớm muộn phò vầng nhật,
 Khắp ngõ, tia xuân ánh mạn đào.

HUYỆ CHU

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : TSNL

- (1) *Muông thú lành* (thụ thú) : đời xưa cho kỳ lân là con vật nhân hậu, mỗi khi nó xuất hiện thì thế nào cũng có người giỏi ra giúp đời. Ý câu này gắn với câu trên, muốn coi Thiên sư Tiêu Dao là bậc tài tri, nhưng vì chưa gặp thời nên còn ẩn ở Phúc-đường.
 (2) *Mặt trời Phật* (Phật nhật) : thuật ngữ đạo Phật, một hình ảnh dùng để gọi tên đức Phật, coi đức Phật có ánh sáng rực rỡ giáo hóa chúng sinh như mặt trời xua tan bóng tối.

*

96

贈純一法師

法身寂滅色身存
 夜靜三更入夢魂
 縱未優遊禪祖域
 也曾出入法王門
 懶登賢聖無生路
 甘結人天有漏根
 若遇作家談妙旨
 天津何處起糊塗。

TẶNG THUẦN NHẤT PHÁP SƯ

Pháp thân tịch diệt, sắc thân tồn,
 Dạ tĩnh tam canh nhập mộng hồn.
 Tùng vị ưu du Thiền tổ vực,
 Đã từng xuất nhập Pháp vương môn.
 Lãn dăng hiền thánh vô sinh lộ,
 Cam kết nhân thiên hữu lậu căn.
 Nhược ngộ tác gia đàm diệu chỉ,
 Thiên-tân hà xứ khởi hồ tuyền.

DỊCH NGHĨA :

TẶNG PHÁP SƯ THUẦN NHẤT (1)

Pháp thân (2) đã tịch diệt mà sắc thân (3) thì còn đấy,
 Đêm khuya yên tĩnh lúc canh ba đi vào hồn mộng.
 Dầu chưa rong chơi trong cõi Thiền tổ (4),
 Nhưng cũng đã từng ra vào cửa Pháp vương (5).

Lười biếng bước lên đường vô sinh của thánh hiền ⁽⁶⁾.
 Đành huộc vớ căn tính hữu lậu trong cõi nhân thiên ⁽⁷⁾.
 Nếu gặp vị cao tăng đại đức đề bàn về ý chỉ diệu huyền.
 Thì đâu còn nổi lên trò con khỉ trên cầu Thiên-tân ⁽⁸⁾.

DỊCH THƠ :

*Pháp thân tịch diệt sắc thân còn,
 Đêm lặng, canh ba nhập mộng hồn.
 Vì chưa rong chơi nơi Tổ vực,
 Cũng từng qua lại chốn Thiên môn.
 Vô sinh đường thánh, lười không khứng,
 Hữu lậu chất phàm, cố giữ tròn.
 Phỏng gặp thầy hay bàn diệu lý,
 Dễ đâu bền nước dấy « hồ tôn » ?*

HUỆ CHI

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ ; TSNL

- (1) *Thuần Nhất* : chưa rõ là ai, nhưng theo đại ý bài thơ thì là một Đạo gia có tham Thiền ít nhiều nhưng cuối cùng vẫn không theo Phật.
- (2) *Pháp thân* : xem Cht. 8, bài *Phổ thuyết sắc thân*, số 6, của Trần Cảnh.
- (3) *Sắc thân* : xem Cht. 1, bài *Phổ thuyết sắc thân*, số 6, của Trần Cảnh.
- (4) *Thiền tử* : nguyên văn là Tổ vực, ở đây muốn chỉ Phật Thích Ca, hoặc nơi Phật Thích Ca ra đời.
- (5) *Pháp vương* : tức là Phật.
- (6) *Đường vô sinh* (vô sinh lộ) : con đường không sinh không diệt, tức là con đường tu hành đạo Phật. Xem thêm Cht. 19, bài *Kim cương tam muội kinh tụng*, số 4, của Trần Cảnh.
- (7) *Căn tính hữu lậu* : *Căn tính* : xem Cht. 4, bài *Lục thì sám hối khoa nghi tụng*, số 22, của Trần Cảnh. *Hữu lậu* : thuật ngữ đạo Phật, chỉ hiện tượng còn rỉ ra, còn cảm xúc, còn lưu thông giữa lục căn (trong cơ thể) với lục trần (sáu cảnh bên ngoài). Chưa dứt bỏ tham, sân, si, còn vẫn vương trong tam giới, lục đạo, là còn căn tính hữu lậu, đối lập với vô lậu là đã dứt bỏ được tất cả những cái đó, đã thoát vòng phiền não.
- (8) Câu này mượn ý từ câu nói của Pháp sư Đại Nhĩ Tam Tạng 大耳三藏 trả lời Quốc sư Tuệ Trung 慧忠 trong *Truyền đăng lục 傳燈錄*. Tuệ Trung người Chu-ky 諸葛, Việt-châu 越州, được vua Đại Tông 太宗 đón về Kinh khi vua lên ngôi. Gặp lúc Đại Nhĩ Tam Tạng từ Tây-thiên 西天 tới nói rằng : « Lão tăng có còn mắt tuệ, nhìn thấu được lòng người khác ». Vua sai Quốc sư thử xem. Quốc sư hỏi : « Ông hãy nói hiện nay tôi đương ở chỗ nào ? ». Đại Nhĩ đáp : « Hòa thượng là một vị Quốc sư sao lại đến Tây-xuyên 西川 xem bơi chài ? ». Quốc sư lại hỏi lại. Đại Nhĩ đáp : « Hòa thượng là một vị Quốc sư sao lại đến cầu Thiên-tân 天潭 xem trò con khỉ ? ». Quốc sư hỏi lần thứ ba, Đại Nhĩ lại nói như trước. Hỏi lâu, Đại Nhĩ không biết trốn đằng nào cho thoát. Quốc sư liền mắng : « Loài chồn ranh mãnh kia, cái « tha tâm thông » của nhà ngươi ở chỗ nào ? » Đại Nhĩ im lặng. Tuệ Trung Thượng sĩ mượn câu chuyện đấu tranh giữa Phật gia và Đạo gia trên đây để khen Pháp sư Thuần Nhất là người có bản lĩnh chứ không phải tầm thường trong hàng đạo sĩ.

勸世進道

四序循環春復秋
 駸駸已老少年頭
 榮華肯顧一場夢
 歲月空懷萬斛愁
 苦趣輪迴如轉轆
 愛河出沒等浮沤
 逢場亦不摸來鼻
 無限哀緣只麼休。

KHUYẾN THẾ TIẾN ĐẠO

Tứ tự tuần hoàn xuân phục thu,
 Năm xăm dĩ lão thiếu niên đầu.
 Vinh hoa khảng cổ nhất trường mộng.
 Tuế nguyệt không hoài vạn học sầu.
 Khổ thú luân hồi như chuyển cốc,
 Ái hà xuất một đẳng phù ous.
 Phung trường điệp bất mô lai tị.
 Vô hạn lương duyên chỉ má hưu.

DỊCH NGHĨA :

KHUYẾN ĐỜI VÀO ĐẠO

Bốn mùa tuần hoàn, hết xuân lại thu.
 Nhanh sấm sập, chả mấy chốc đã già mái đầu con trẻ.
 Chẳng chịu ngoài nhìn vinh hoa như một giấc mộng.
 Năm tháng luống mang vào lòng muôn học sâu.
 Nẻo « khổ » (1) cứ luân hồi như trục bánh xe quay mãi,
 Sông « ái » (2) chìm nổi như bọt nước bập bênh.
 Nếu cứ buông trôi trong mọi thú vui (3) mà không tìm ra điểm bắt đầu,
 Thì duyên lành vô hạn chỉ đến thế mà thôi.

DỊCH THƠ :

Năm tháng xoay vần, xuân đến thu,
 Xăm xăm tuổi trẻ đã phơ đầu.
 Giàu sang, mắt lóa cơn trường mộng,
 Tuổi tác, lòng đong vạn học sầu.
 Nẻo « khổ », bánh xe luân chuyển khắp,
 Sông « yêu », bọt nước nổi chìm mau.
 Mãi vui nếu chẳng tìm ra gốc,
 Nghìn thuở lương duyên chẳng đến đầu.

HUYỆ CHI

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : TSNL

- (1) Nẻo khổ (khổ thú) : con đường khổ ải luân hồi của người trần thế.
 (2) Sông yêu (ái hà) : xem Cht. 14, bài Phổ khuyến phát bồ-đề tâm, số 7, của Trần Cảnh.
 (3) Buông trôi trong mọi thú vui : nguyên văn là phung trường, gọi tắt của mấy chữ phung trường tác hỷ, là câu nói của Đặng Ân Phong 鄧隱峰 trong Truyền đăng lục 傳燈錄 : 竿木隨身, 逢場作戲. Cầm mộc tùy thân, phung trường tác hỷ; nghĩa là : « gậy gộc mang theo người, gặp chỗ thì chơi đùa », về sau trở thành thành ngữ, chỉ người sống buông trôi, gặp đâu vui đấy.

98

示眾

休尋少室與曹溪
體性明明未有迷
古月照來關遠近
天風吹不揀高低
紋光黑白隨緣色
蓮蕊紅香不著泥
妙曲本天須舉唱
莫尋南北與東西

THỊ CHÚNG

Hưu tâm Thiếu-thất dữ Tào-khê,
Thê tính minh minh vị hữu mê.
Cổ nguyệt chiếu phi quan viễn cận,
Thiên phong xuy bất giản cao dê.
Thu quang hắc bạch tùy duyên sắc,
Liên nhị hồng hương bất trược nê.
Diệu khúc bản lai tu cử xướng,
Mạc tâm Nam Bắc dữ Đông Tê (Tây).

DỊCH NGHĨA :

GỢI BẢO MỌI NGƯỜI

Đừng có tìm Thiếu-thất với Tào-khê (1),
Thê tính vắng vặc, chưa có mê lầm.
Mặt trăng xưa soi nào kể gì xa hay gần,
Gió trời thổi nào chọn nơi cao hay thấp.
Ánh sáng mùa thu lúc đen lúc trắng, tùy theo duyên sắc,
Nhị sen đỏ thơm, chẳng nhuộm bùn.
Khúc kỳ diệu «bản lai» (2) nên cất giọng hát,
Chẳng phải tìm ở Nam Bắc với Đông Tây.

DỊCH THƠ :

Thôi tìm núi Thiếu với khe Tào,
Tính sáng chưa mê lẫn chút nào.
Há quản gần xa, trăng cứ dọi,
Lo gì cao thấp, gió đều xao.
Thu trong, biếc hẳn tùy duyên sắc,
Sen ngát, hồng đâu bởi nước ao.
Khúc diệu «gốc nguồn» xin cứ hát,
Bốn phương thôi chờ hỏi nơi nào.

HUỆ CHI

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : TSNL

- (1) Thiếu-thất : xem Cht. 11, bài *Phổ thuyết hương thượng nhất lộ*, số 8, của Trần Cảnh.
Tào-khê : xem Cht. 2, bài *Thủ nê ngư*, số 63, cùng tác giả.
(2) Bản lai : tức bản lai diện mục, xem Cht. 4, bài *Phổ thuyết sắc thân*, số 6, của Trần Cảnh.

99

柱杖子

日日杖持在掌中
 忽然如虎又如龍
 招來却恐山河碎
 卓起還妨日月籠
 三叉雙林何處有
 六環地藏快難逢
 縱饒世道崎嶇甚
 不奈從前勃罕翁

TRỤ TRƯỢNG TỬ

Nhật nhật trượng trì tại chưởng trung.
 Hốt nhiên như hổ hựu như long.
 Niêm lai khước khủng sơn hà toái,
 Trắc khởi hoàn phương nhật nguyệt lung.
 Tam xích Song-lâm hà xứ hữu ?
 Lục hoàn Địa Tạng khoái nan逢.
 Túng nhiều thế đạo kỳ khu thậm,
 Bất nại tông tiền bột tốt ông.

DỊCH NGHĨA :

CHIẾC GẬY

Ngày ngày cầm chiếc gậy trong tay,
 Bổng nhiên như cọp lại như rồng.
 Nâng lên, chỉ sợ non sông vỡ nát,
 Dựng thẳng, e rằng mặt trời mặt trăng bị che khuất.
 Ba thước Song-lâm⁽¹⁾, biết tìm chốn nào được ?
 Sáu vòng Địa Tạng⁽²⁾ thật khó mà gặp gỡ.
 Dẫu cho đường đời gặp ghềnh biết mấy,
 Chẳng còn ngại gì như ông già trước đây đi lại lặt đặt.

DỊCH THƠ :

Ngày lại ngày qua tay vững gậy,
 Thoắt nhanh như cọp dẻo như rồng.
 Vung lên, sông núi e tan nát,
 Dựng dậy, trời trăng sợ mặt mùng.
 Ba thước Song-lâm tìm mãi mãi,
 Sáu vòng Địa Tạng kiếm hoài công.
 Dẫu cho đường tục chông gai mấy,
 Lão chẳng như xưa bước ngại ngừng.

HUỆ CHI

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : TSNL

- (1) *Ba thước Song lâm* : tức là Sa-la song thụ ; Sa-la phiên âm tiếng Phạn sàla, có nghĩa là kiên cố. Sa-la song thụ là cặp cây sa-la cao ba thước mọc trong một cánh rừng nhỏ bên con sông Airanyavati, gần thành Kuxinagara. Theo truyền thuyết, ông A Nan đã mắc võng giữa cặp cây ấy cho Phật Thích Ca nằm nghỉ trước khi vào Niết-bàn. Điện cố này về sau dùng để chỉ nơi Phật nhập diệt, chỉ cõi Phật.
- (2) *Sáu vòng Địa Tạng* : Địa Tạng là một vị Bồ-tát, đại từ đại bi, làm Giáo chủ cõi u minh, có nhiều phép ứng hóa nên có sáu danh hiệu gọi là lục Địa tạng : 1. Đàn đà địa tạng ; 2. Bảo châu Địa tạng ; 5. Trừ cái chướng Địa tạng ; 6. Nhật quang Địa tạng. Vì phải dùng phép đối, nên tác giả đã thêm chữ « hoàn » thành « lục hoàn Địa tạng », để đối với « Tam xích Song lâm ».

100

自題

秋光有筆莫形容
 激目山河處處同
 一派曹溪寒湛湛
 千年熊耳碧叢叢
 燈籠撞破金剛圈
 露柱渾吞栗棘蓬
 欲識箇中端的意
 新羅夜半日頭紅。

TỰ ĐỀ

Thu quang hữu bút mạc hình dung.
 Khích mục sơn hà xứ xứ đồng.
 Nhất phái Tào-khê hàn tràm tràm.
 Thiên niên Hùng-nhĩ bích tùng tùng.
 Đăng lung chằng phá kim cương
 quyền,
 Lộ trụ hồn thôn lật cực bông.
 Dục thức cá trung đoan đích ý.
 Tân-la dạ bán nhật đầu hồng.

DỊCH NGHĨA :

TỰ ĐỀ

Ánh sáng mùa thu không bút nào hình dung được,
 Ngược nhìn non sông nơi nào cũng một vẻ.
 Một dòng suối Tào-khê⁽¹⁾ lạnh ngán ngắt,
 Nghìn năm núi Hùng-nhĩ⁽²⁾ vẫn xanh lớp lớp.
 Đèn lồng đập vỡ vòng kim cương⁽³⁾,
 Cột trần nuốt trọn tấm phen gai góc⁽⁴⁾.
 Muốn biết cái ý xác thực trong đó,
 Nửa đêm ở Tân-la⁽⁵⁾, mặt trời đã ửng đỏ.

DỊCH THƠ :

Sắc thu, bút khó vẽ nên hình,
 Sóng núi nơi nơi một vẻ thanh.
 Một giải Tào-khé ngăn ngắt lạnh,
 Nghìn năm Hùng-nhĩ trập trùng xanh.
 Kim cương vỡ nát trong đèn tuệ,
 Gai góc trôi phăng trước Phật đình.
 Tĩnh thực bên trong như muốn biết,
 Tân-la, vắng nhạt nửa đêm sinh.

HUỆ CHI

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : TSNI.

- (1) *Tào-khé* : xem Cht. 2, bài *Thủ nê ngư*, số 63, cùng tác giả.
 (2) *Hùng nhĩ* : ngọn núi ở phía Nam huyện Lu-thị 盧氏 tỉnh Hà-nam 河南, Trung-quốc, là nơi an táng sư tổ Đại Ma.
 (3) *Đèn lồng* : tức *Thủy tinh dâng lung*, là đèn lồng bằng thủy tinh, danh hiệu mà người ta dùng để gọi Tông Lưu Tùy 宗流隨, làm chức Thông phán, là người sáng suốt thấu triệt (theo *Đông trai ký sự* 東齋記事). *Vòng kim cương* (kim cương quyền) : cái vòng rắn chắc không gì phá nổi. Tác giả mượn hình ảnh này để chỉ lòng dục của con người. Cả câu muốn nói: tri tuệ sáng suốt đã phá tan được lòng ham muốn là cái vòng xích buộc con người mãi mãi trong phiền não.
 (4) *Cột trần* (lộ trụ) : tức là hai cây trụ gỗ trồng ở trước cửa Thiền. *Phên gai góc* (lật cực bông) : là hình ảnh tượng trưng cho sự gian khổ mà người tu hành phải trải qua trong quá trình cầu đạo. *Ván khíp thất tiêm* 雲篋七籤 có đoạn ghi lời nói của một Thiền sư : « Ta mộ đạo đã lâu, dốc sức tu trì, ngày đêm suy nghĩ, như cồng trên lưng bó gai sắc nhọn ». Cả hai hình ảnh vòng kim cương ở câu trên, và bó gai nhọn sắc ở câu này xuất phát từ hai câu kệ của Thiền sư Dương Kỳ 楊奇, pháp danh Phương Hội 方會, (thế hệ thứ 11, dòng Thiền Lâm-tế — xem bảng Phả hệ).

透得金剛圈

吞得栗棘蓬

Thấu đắc kim cương quyền.

Thôn đắc lật cực bông.

(Lọt được cái vòng kim cương,

Nuốt được bó gai lật cực).

Đại ý nói người tu hành khi đã giác ngộ được chân lý, thấu hiểu được chân không bát-nhã, thì mọi vọng-niệm đều tan hết, đến như vòng kim cương rắn chắc cũng lọt qua, bó gai lật cực cũng nuốt được.

- (5) *Tân-la* : tên một nước thời xưa là một trong Tam Hàn. Xem Cht. 51, bài *Niệm tụng kệ*, số 21, của Trần Cảnh. Nhưng ở đây hai chữ Tân-la chỉ có nghĩa là cái « xa xăm », cái « vô cùng ». Câu thơ của Tô Thức 蘇軾 : 坐者一念遊新羅 *Tọa giả nhất niệm du Tân-la*; nghĩa là : Chỉ ngồi thiền một nháy mắt là có thể đi tới nước Tân-la.

101

頓省

斷知空有不相差
 生死元從一派波
 昨夜月明今夜月
 新年花發故年花
 三生倏忽真風燭
 九界循環是蟻磨
 或問如何為究竟
 摩訶般若薩婆訶

ĐỐN TỈNH

Đoán tri không hữu bất tương sa (sai).
 Sinh tử nguyên tông nhất phái ba.
 Tạc dạ nguyệt minh kim dạ nguyệt.
 Tân niên hoa phát cổ niên hoa.
 Tam sinh thúc hốt chân phong chúc.
 Cửu giới tuần hoàn thị nghĩ ma.
 Hoặc vấn như hà vi cứu cánh.
 Ma-ha bát-nhã tát-bà-ha.

DỊCH NGHĨA :

CHỢT TỈNH

Đoán biết rằng «không» và «có» không cách nhau lắm,
 Sống và chết vốn từ một đợt sóng.
 Trăng sáng đêm qua vẫn là trăng đêm nay,
 Hoa nở năm mới cũng là hoa năm cũ.
 Ba sinh⁽¹⁾ thắm thoát thực như ngọn đuốc trong gió,
 Chín cõi⁽²⁾ tuần hoàn, giống như cái kiến bò trên miệng cối xay bột.
 Có người hỏi thế nào là cứu cánh,
 Thì ta bảo : «Ma-ha bát-nhã, tát-bà-ha»⁽³⁾.

DỊCH THƠ :

Biết rằng «không», «có» chẳng cách xa,
 «Sống», «chết» nguyên từ đợt sóng ra.
 Trăng rọi tối nay : trăng tối trước.
 Hoa cười năm mới : hoa năm qua.
 Ba sinh : gió thổi, đuốc lờ tắt,
 Chín cõi : cối vùn, kiến nhàn nhàn.
 Muốn hỏi thế nào là cứu cánh,
 Ma-ha bát-nhã, tát-bà-ha !

HUỆ CHI

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : TSNL

(1) Ba sinh : thuật ngữ đạo Phật, theo Truyền đăng lục 傳燈錄 là ba kiếp luân hồi mà đời người phải trải qua : kiếp trước, kiếp này và kiếp sau.

- (2) *Chín cõi* : cũng gọi là *cửu địa*, là chín cảnh giới phân ra từ trong *tam giới* : 1. Dục giới ngũ thú địa ; 2. Ly sinh hỷ lạc địa ; 3. Định sinh hỷ lạc địa ; 4. Ly hỷ diệu lạc địa ; 5. Xả niệm thanh tịnh địa ; 6. Không vô biên xứ địa ; 7. Thức vô biên xứ địa ; 8. Vô sở hữu xứ địa ; 9. Phi tướng phi phi tướng xứ địa.
- (3) *Ma-ha bát-nhã* : phiên âm tiếng Phạn mahā prajñā có nghĩa là trí tuệ rộng lớn. *Tát-bà-ha* : phiên âm tiếng Phạn swāha, là một từ ngữ đạo Phật, thường để cuối câu niệm chú, tạo thêm cảm giác linh thiêng.

102

退居

THOÁI CƯ

儻來福福不單行
閑卜幽深寄此生
海國三春迷燕壘
煙村一雨隔農耕
多慚身濁逢時濁
小賴心清遇國清
夜夢觀音入荒草
秋江清淺露花橫

Thảng lai họa phúc bất đơn hành,
Nhàn bốc u thâm ký thử sinh.
Hải quốc tam xuân mê yến lũy,
Yên thôn nhất vũ cách nông canh.
Đa tàm thân trọc phùng thời trọc,
Tiểu lại tâm thanh ngộ quốc thanh.
Đạ mộng Quan Âm nhập hoang thảo,
Thu giang thanh thiển lộ hoa hoành.

DỊCH NGHĨA :

LUI VỀ

Họa, phúc chợt kéo đến, chẳng khi nào đơn độc,
Nhàn rồi chọn nơi xa vắng gửi tấm thân này.
Miền biển, ba xuân mịt mờ lũy yến⁽¹⁾,
Nơi thôn dã khói phủ, một trận mưa xuống, bỗng cách biệt việc
nông tang.
Đã thẹn nhiều cho tấm thân nhờ dục, gặp thời buổi nhờ dục,
May còn nhờ có chút lòng trong sạch, gặp được nước nhà trong sạch.
Đêm mơ thấy phật Quan Âm⁽²⁾ vào chốn cỏ hoang,
Sông mùa thu vừa trong vừa cạn, hoa sương bay khắp nơi.

DỊCH THƠ :

Xem cơ họa phúc nghĩ mà kinh.
Chọn chốn thanh u gửi gắm mình.
Ven biển xuân về mê lũy yến,
Xóm quê mưa xuống khuất đồng xanh.

Thẹn cho thân đục, đời đang đục,
 Vui với lòng thanh, nước cũng thanh,
 Đêm mộng Quan Âm vào cổ rậm,
 Dòng thu trong vắt, móc long lanh.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : TSNL

- (1) Lũy gấm : tổ chim én.
 (2) Quan Âm : xem Cht. 1. bài *Chỉ tâm phát nguyện*, số 37, của Trần Cảnh.

103

佛心歌

佛佛佛不可見
 心心心不可說
 若心生時是佛生
 若佛滅時是心滅
 滅心存佛是處無
 滅佛存心何時歇
 款知佛心生滅心
 直待當來彌勒決。

昔無心

今無佛

九聖人天如電拂
 心體無是亦無非
 佛性非虛又非實

忽時起

忽時止

往古來今徒擬擬
 豈惟埋沒祖宗乘
 更起妖魔自眾崇。

PHẬT TÂM CA

Phật Phật Phật bất khả kiến,
 Tâm tâm tâm bất khả thuyết.
 Nhược Tâm sinh thì thị Phật sinh,
 Nhược Phật diệt thì thị Tâm diệt.
 Diệt Tâm tồn Phật thì xư vô,
 Diệt Phật tồn Tâm hà thi yết.
 Dục tri Phật Tâm sinh diệt Tâm,
 Trục đãi đương lai Di Lặc quyết.

Tịch vô Tâm,

Kim vô Phật ;

Phàm thánh nhân thiên như điện phất.

Tâm thể vô thị diệc vô phi,

Phật tính phi hư hựu phi thật (thực).

Hốt thì khởi (khởi),

Hốt thì chỉ ;

Vãng cổ lai kim đồ nghĩ nghĩ.

Khởi duy mai một tổ tông thừa,

Cánh khởi yêu ma tự gia tụy.

欵求心
休外覓
本體如然自空寂
涅槃生死漫羅籠
煩惱菩提閑對敵。

心卽佛
佛卽心
妙旨靈明達古今
春來自是春花笑
秋到無非秋水深。

捨妄心
取真性
似人尋影而忘鏡
豈知影現鏡中來
不覺妄從真裏迸
妄來非實亦非虛
鏡受無邪亦無正。

也無罪
也無福
錯地摩尼兼白玉
玉有瑕纔有類
性底無紅亦無綠。

亦無得
亦無失
四十九來是七七
六度萬行海上波
三毒九情空裏日。

默默默
沉沉沉
萬法之心卽佛心
佛心却與我心合
法爾如然亘古今。

Dục cầu tâm,
Hưu ngoại mịch;
Bản thể như như tự không tịch.
Niết-bàn sinh tử mạn la lung,
Phiền não bồ-đề nhàn đối địch.

Tâm tức Phật,
Phật tức tâm,
Diệu chỉ linh minh đạt cổ cầm (kim).
Xuân lai tự thị xuân hoa tiếu,
Thu đáo vô phi thu thủy thâm.

Xả vọng tâm,
Thủ chân tính;
Tự nhân tầm ảnh nhi vong kính.
Khởi tri ảnh hiện kính trung lai,
Bất giác vọng tông chân lý bính.
Vọng lai phi thực diệc phi hư,
Kính thụ vô tà diệc vô chính.

Dã vô tội,
Dã vô phúc;
Thác tử ma-ni kiêm bạch ngọc.
Ngọc hữu hà hề, châu hữu loại,
Tính đề vô hồng dã vô lục.

Diệc vô đắc,
Diệc vô thất;
Tứ thập cửu lai thị thất thất.
Lục độ vạn hạnh hải thượng ba,
Tam độc cửu tình không lý nhật.

Mặc mặc mặc,
Trầm trầm trầm;
Vạn pháp chỉ tâm tức Phật tâm.
Phật tâm khước dữ ngã tâm hợp.
Pháp nhĩ như nhiên cẳng cổ cầm.

竹亦禪
坐亦禪
一朵紅爐火裏蓮
沒意氣時添意氣
得安便處且安便。

Hành diệp thiền,
Tọa diệp thiền ;
Nhất đoá hồng lô hỏa lý liên.
Một ý khí thì thêm ý khí,
Đắc an tiện xứ thả an tiện.

嘖嘖嘖
咄咄咄
大海中漚閑出沒
諸行無常一切空
何處先師覓靈骨。

Di di di,
Đốt. đốt. đốt ;
Đại hải trung âu nhàn xuất một.
Chư hành vô thường nhất thiết không,
Hà xứ tiên sư mịch linh cốt.

醒醒若
若醒醒
四綖踏地勿歌傾
阿誰於此信得及
高步毗盧頂上行。
喝。

Tỉnh tỉnh trước,
Trước tỉnh tỉnh ;
Tứ lăng tạp địa vật khi^{1*} khuynh.
A thủy ư thử tín đắc cập.
Cao bộ Ty-lư đỉnh thượng hành.
Hát !

DỊCH NGHĨA :

BÀI CA TÂM VÀ PHẬT

Phật, Phật, Phật không thể thấy được,
Tâm, Tâm, Tâm không thể nói được.
Khi Tâm sinh thì Phật sinh,
Khi Phật diệt thì Tâm diệt.
Không có chỗ nào diệt Tâm mà còn Phật,
Diệt Phật mà còn Tâm thì bao giờ cho hết.
Muốn biết Tâm Phật và Tâm sinh diệt,
Phải đợi sau này Phật Di Lặc⁽¹⁾ mới giải đáp được.

Xưa không có Tâm,
Nay không có Phật ;
Phàm, thánh, người, trời nhanh như chớp giạt.
Tâm thể⁽²⁾ không phải cũng không trái,
Phật tính⁽³⁾ không hư cũng không thực.

Chợt nổi lên,
 Chợt ngừng lại ;
 Xưa qua nay lại luống những bắt chước nhau.
 Chẳng những chôn vùi mất giáo pháp của tổ tông,
 Mà còn làm cho yêu ma nổi dậy, tự mình lại ám ảnh cả mình.

Muốn tìm Tâm,
 Đừng tìm ở bên ngoài ;
 Bản thể của nó cứ như thế và không tịch⁽⁴⁾.
 Niết-bàn⁽⁵⁾ và sinh tử ràng buộc lỏng lẻo thôi.
 Phiền não⁽⁶⁾ và khổ-đề⁽⁷⁾ coi thường cả sự đối nghịch của chúng.

Tâm là Phật,
 Phật là Tâm ;
 Tính huyền diệu thì sáng, linh, và thông suốt xưa nay.
 Mùa xuân lời, hoa xuân cười,
 Mùa thu về, không chỗ nào là nước thu không sâu.

Bỏ vọng làm,
 Tìm chân tính ;
 Giống như người tìm bóng quên gương.
 Nào có biết bóng từ trong gương mà ra,
 Nào có biết cái vọng dẫn đến từ trong cái thực.
 Cái vọng đến thì chẳng thực cũng chẳng hư,
 Cái gương tiếp nhận không tà cũng không chính.

Không có lợi,
 Không có phúc ;
 Lân cả hạt trai và ngọc trắng.
 Ngọc thì có vết mà hạt trai thì có tỳ,
 Còn « tịnh » thì không đỏ cũng không xanh.

Cũng không được,
 Cũng không mất ;
 Bốn mươi chín là bảy nhân với bảy.
 Lục độ⁽⁸⁾ vạn hạnh⁽⁹⁾ là sóng trên mặt bể,
 Tam độc⁽¹⁰⁾ cửu tình là mặt trời trên không.

Lặng, lặng, lặng !
 Trầm, trầm, trầm !
 Tâm của vạn pháp ⁽¹¹⁾ là tâm của Phật.
 Tâm Phật cũng phù hợp với Tâm ta,
 Pháp là như thế đấy suốt xưa nay.

Đi cũng thiền.
 Ngồi cũng thiền ;
 Một đóa hoa sen trong lò lửa hồng ⁽¹²⁾.
 Khi không có ý khi thì tăng thêm ý khi,
 Được nơi an định bấy cứ an định.

Ồi, ời, ời !
 Chà, chà, chà !
 Bọt trong biển lớn lênh đênh ầu hiện.
 Mọi hiện tượng đều biến diệt không ngừng, hết thấy là không.
 Biết tiên sư ở chỗ nào mà tìm linh cốt ⁽¹³⁾.

Tỉnh táo lên !
 Tỉnh táo lên !
 Bàn chân dẫm trên mặt đất chớ có ngã nghiêng.
 Ấy ai tin được tới chỗ đó.
 Cát cao bước đi trên đầu Ty-lư ⁽¹⁴⁾.
 Hết.

DỊCH THƠ :

Phật ! Phật ! Phật ! Không bóng hình,
 Tâm ! Tâm ! Tâm ! ngoài ngôn thuyết.
 Nếu Tâm sinh là Phật sinh,
 Bằng Phật diệt ấy Tâm diệt.
 Diệt Tâm còn Phật, chuyện này không,
 Diệt Phật còn Tâm, bao thuở hết.
 Muốn biết tâm Phật, Tâm diệt sinh,
 Hãy đợi về sau, Di Lặc quyết.

Trước không Tâm,
 Nay không Phật ;
 Phạm thánh trời người như chớp giật.
 Thế Tâm không thì cũng không phi.
 Tỉnh Phật chẳng hư cũng chẳng thật.

Bồng vui đấy,
 Bồng ngừng nhanh;
 Nay lại xưa qua luống quẩn quanh.
 Đâu chỉ chôn vùi nếp tẻ tởm,
 Còn gọi yêu ma về lộng hành

Muốn tìm Tâm,
 Ngồi chờ hỏi;
 Thế tình lặn không, không biển đời.
 Niết-bàn, sinh tử buộc ràng suông,
 Phiền não, bỏ-đề đối nghịch đối.

Lòng là Phật,
 Phật là lòng;
 Diệu chỉ sáng thiêng, kim cổ thông.
 Xuân đến, tự nhiên hoa xuân nở,
 Thu sang, đâu chẳng nước thu trong.

Bỏ vọng tâm,
 Cầm chân tính;
 Khác gì tìm bóng bỏ quên gương.
 Nào biết gương kia lồng bóng nọ.
 Không hay vọng vốn từ chân sinh.
 Không thực không hư là vọng đó,
 Chẳng tà chẳng chính gương in hình.

Cũng không tội,
 Cũng không phúc;
 Lầm vì hạt trai cùng bạch ngọc.
 Ngọc thì có vết, trai có tự,
 Tính vốn không hồng cũng không lục.

Cũng không được;
 Cũng không mất!
 Bảy bảy, bốn chín là đồng nhất.
 Muốn hạnh sáu độ sóng trùng dương,
 Ba đức chín tình là vàng nhạt.

Lãng ! Lãng ! Lãng !
 Trầm ! Trầm ! Trầm !
 Tâm của muôn loài tức Phật tâm.
 Tâm Phật tâm ta cùng khế hợp,
 Pháp vẫn y nguyên suốt cở kim.

Đi cũng thiền !
 Ngồi cũng thiền !
 Trong lò lửa đỏ một bông sen.
 Ý khi mất đi thêm ý khi,
 Được chốn ở yên hãy ở yên.

Chà ! Chà ! Chà !
 Ối ! Ối ! Ối !
 Bọt trong biển cả thấy chìm nổi.
 Muôn pháp vô thường hết thấy không,
 Linh cốt biết đâu tiên sư hỏi.

Tĩnh ! Tĩnh ! Thức !
 Thức ! Tĩnh ! Tĩnh !
 Bàn chân dẫm đất đứng chống chếnh.
 Ai người tin tưởng ở nơi đây,
 Bước trên đầu Phật trèo lên đỉnh.
 Hét !

HUYỆ CHII

KHẢO ĐỊNH :

CÁC DỊ BẢN : TSNL1, TSNL2

1* TSNL1 : ca 哥久, có lẽ nhầm. TSNL2 : khi : 奇久, và chú : cựu ca 舊歌. Ở đây, sửa lại theo TSNL2.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Di Lạc* : tên một trong tám vị đại Bồ-tát ; xem Cht. 15, bài *Phổ thuyết hương thượng nhất lộ*, số 8, của Trần Cảnh.
- (2) *Tâm thể* : thuật ngữ đạo Phật, chỉ thể lượng của tâm. Theo *Khởi tín luận* 起信論 thì thể lượng đó là bản giác hư không vô biên.
- (3) *Phật tính* : thuật ngữ đạo Phật, chỉ cái tính chân giác của Phật. Theo kinh *Lãng nghiêm* 楞嚴 thì đó là cái tính vô cùng trong sáng, không thiên lệch, không thay đổi.
- (4) *Không tịch* : trống không, lạng lẽ, chỉ cái thực thể, cái bản chất của vạn vật theo quan niệm đạo Phật.
- (5) *Niết-bàn* : xem Cht. 6, bài *Kim cương tam muội kinh tự*, số 4, của Trần Cảnh.
- (6) *Phiền não* : xem Cht. 3, bài *Chỉ tâm phát nguyên*, số 42, của Trần Cảnh.

- (7) *Bồ-đề*: thuật ngữ đạo Phật. Xem Cht. 1, bài *Phổ khuyến phát bồ-đề tâm*, số 7, của Trần Cảnh.
- (8) *Lục độ*: thuật ngữ đạo Phật, cũng gọi là *Lục ba-la-mật-đa*. Tức là sáu điều kiện đưa người tu đạo đến bờ bên kia, bờ giác. Sáu « độ » đó là: 1. Bố thí; 2. Trì giới; 3. Nhẫn nhục; 4. Tinh tiến; 5. Thiền định; 6. Trí tuệ.
- (9) *Vạn hạnh*: thuật ngữ đạo Phật, chỉ tất cả các đức hạnh và việc làm thuộc về đạo pháp của người tu hành, nhằm đạt tới chỗ giác ngộ.
- (10) *Tam độc*: xem Cht. 2, bài *Sám hối ý căn tội*, số 58, của Trần Cảnh.
- (11) *Vạn pháp*: thuật ngữ đạo Phật, chỉ tất cả thế giới hiện tượng.
- (12) Đây là một biểu tượng được dùng phổ biến trong kinh kệ Phật giáo, nhằm chỉ sự trường tồn của cái « tâm » ngộ đạo, cũng giống như một đóa hoa sen ném vào lò lửa mà vẫn tươi nguyên, không đổi sắc.
- (13) *Linh cốt*: tức xá-lỵ, là những hạt kết lại như hạt trui sáng chói và rắn, sau khi Phật được hỏa hóa (hỏa bằng lửa).
- (14) *Tỳ-lư*: thuật ngữ đạo Phật, tức Tỳ-lư-xá-na 毘盧舍那 (vairocana), là chân thân sáng chói của Phật.

104

放狂吟

天地眺望兮何茫茫
杖策優遊兮方外方
或高高兮雲之山
或深深兮水之洋
飢則食兮和羅飯
困則眠兮何有鄉
興時吹兮無孔笛
靜處焚兮解脫香
倦小憩兮歡喜地
渴飽啜兮逍遙湯
瀉山作鄰兮牧水牯
謝三同每兮歌滄浪
訪曹溪兮揖盧氏
謁石頭兮偕老龐
樂吾樂兮布衲樂

PHONG CUỒNG NGÂM

Thiên địa điều vọng hề hà mang mang,
Trượng sách ưu^{2*} du hề phương
ngoại phương.
Hoặc cao cao hề vân chi sơn,
Hoặc thâm thâm hề thủy chi dương.
Cơ tác xan hề hòa la phạn,
Khôn tắc miên hề há hữu hương.
Hưng thời xuy hề vô không địch,
Tĩnh xứ phần hề giải thoát hương.
Quyện tiêu phại hề hoan hỷ địa,
Khát bão tuyết hề tiêu dao thang.
Quy Sơn tác lân hề mục thủy cồ,
Tạ Tam đồng chu hề ca Thương-
lương^{3*}.
Phong Tào-khe hề ấp^{4*} Lư thị,
Yết Thạch-dâu hề sai Lão Bàng.
Lạc ngộ lạc hề Bồ Đại lạc,

狂 吾狂兮 善化狂
咄 咄浮雲兮 富貴
吁 吁過隙兮 年光
胡 爲兮 官途險阻
亘 耐兮 世態炎涼
深 則厲兮 淺則揭
用 則行兮 捨則藏
放 四大兮 莫我撓
了一 生兮 休奔忙
適 我願兮 得我所
生 死相逼兮 於我何妨。

Cuồng ngộ cuồng hề Phở Hóa cuồng.
Đốt đốt phù vân hề phú quý,
Hu hu quá khích hề niên quang.
Hồ vi hề quan ^{5*} đồ hiểm trở.
Phả nại hề thế thái viêm lương.
Thâm tắc lệ hề thiên tắc yết,
Dung tắc hành hề xả tắc tàng.
Phóng tứ đại hề mạc bả tróc,
Liêu nhất sinh hề lưu bốn mạng.
Thích ngã nguyện hề đắc ngã sở,
Sinh tử tương bức hề ư ngã hà phương ^{6*}.

DỊCH NGHĨA :

BÀI NGÂM CUỒNG PHỎNG

Ngâm trông trời đất sao mà mệnh mông.
Chống gây nhớn nhọc ngoài thế gian.
Hoặc đến chỗ núi mây cao cao,
Hoặc đến chỗ biển nước sâu sâu.
Đói thì ăn cơm hòa-la ⁽¹⁾,
Mệt thì ngủ làng « không có làng » ⁽²⁾.
Khi hừng thì thổi sáo không lỗ ⁽³⁾,
Nơi yên tĩnh thì thấp hương giải thoát ⁽⁴⁾.
Mệt thì nghỉ tạm ở đất hoan hỉ ⁽⁵⁾,
Khát thì uống no thang tiêu dao ⁽⁶⁾.
Làng giếng với Qui Sơn ⁽⁷⁾ đi chân trần nước,
Cùng thuyền với Tạ Tam ⁽⁸⁾ hát khúc Thương-lương ⁽⁹⁾.
Hỏi thăm đến suối Tào-khe ⁽¹⁰⁾ vãi chào Lư thị ⁽¹¹⁾.
Yết kiến Thạch Đầu ⁽¹²⁾ sánh cùng lão Bàng ⁽¹³⁾.
Vui niềm vui của ta niềm vui Bồ Đại ⁽¹⁴⁾,
Cuồng cái cuồng của ta, cái cuồng Phở Hóa ⁽¹⁵⁾.
Chà chà ! Cảnh giàu sang như mây nổi,
Ôi chao ! Thời gian thấm thoát như bóng ngựa qua kẽ vách.
Con đường làm quan sao mà hiểm trở đến thế !
Thôi đời nóng lạnh ta hãy tạm quên.
Sâu thì dấn má nóng thì yên,
Dung thì làm mà bỏ thì cất đi.
Bường lỏng tứ đại ⁽¹⁶⁾ đừng có bó buộc,
Xong một đời rồi, không chạy chọt đó đây.
Thỏa ý muốn của ta và được đúng chỗ của ta,
Sống, chết dồn ép, ta có ngại gì đâu !

DỊCH THƠ :

Trời đất liếc trông chừ, sao mệnh mang!
 Chống gậy nhớn như chừ, phương ngoài phương!
 Hoặc cao cao chừ, mây đỉnh núi,
 Hoặc sâu sâu chừ, nước trùng đưong.
 Đói thì ăn chừ, cơm tùy ý,
 Mệt thì ngủ chừ, lảng không lảng!
 Hứng lên chừ, thôi sao không lã,
 Lảng xuống chừ, dỗi giải thoát hương!
 Mỗi nghỉ tạm chừ, đất hoan hỉ,
 Khát uống no chừ, nước thành thang.
 Láng giềng cùng Quy Sơn chừ, chân con trâu nước,
 Cùng thuyền với Tạ Tam chừ, hát khúc Thương-lương.
 Thăm Tào-khê chừ, vãi chào Lư thị,
 Viếng Thạch Đầu chừ, sánh vai lão Bàng.
 Vui cái ta vui chừ, Bỏ Đại vui,
 Cuồng cái ta cuồng chừ, Phở Hóa cuồng!
 Ối ối! Giàu sang chừ, lưng trời mây nổi,
 Chà chà! Năm tháng chừ, bóng ngựa lướt ngang!
 Nói sao chừ, chống gậy bề hoạn,
 Tạm quen chừ, ấm lạnh thói thường!
 Sáu thì dẫn chừ, nóng thì xăn vén,
 Dừng thì làm chừ, bỏ thì ăn tàng.
 Buồng hình hài chừ, đừng năm bắt,
 Tỉnh một đời chừ, chó chạy quàng.
 Thỏa ước nguyện ta chừ, được nơi ta muốn,
 Sống chết thôi thúc chừ, lòng ta coi thường (17).

HUỆ CHI — ĐỖ VĂN HỖ

KHẢO ĐỊNH :

CÁC DI BẢN: TSNL1, TSNL2, HVVT

- 1* HVVT : Phóng cuồng ca 放狂歌
- 2* HVVT thiếu chữ ưu 優
- 3* Hai câu 11 và 12, HVVT chép khác hẳn : Vạn-niên thôn hề phú Khảo Bàn ; Cửu-khúc hà hề ca Thương lương 萬年村舍賦考槃九曲河分歌滄浪 ; nghĩa là : « Thôn Vạn-niên chừ, ngâm thơ Khảo Bàn ; sông Cửu-khúc chừ, ca khúc Thương-lương ». Thôn Vạn-niên : theo Bùi Huy Bích 裴輝璧 chính là phong ấp của Tuệ Trung Thượng sĩ. Ở đây chúng tôi tạm lấy nguyên văn bản TSNL cho nhất quán.
- 4* TSNL1 : liếp 楫 ; TSNL2 : 楫, và chú : cựu tiếp 舊楫, nghĩa là : bản cũ là liếp. Ở đây sửa lại theo TSNL2.
- 5* HVVT : hoạn 宦
- 6* HVVT : phương 妨

CHỮ THÍCH :

- (1) *Cơm hòa-la* (hòa-la phạn) : thuật ngữ đạo Phật, tức là *bát-hòa-la-phạn* (pravaraṇa), Trung-quốc trước đây dịch là « tự thú », sau này dịch là « tùy ý ». Theo luật nhà Phật thì cứ đến ngày cuối cùng của một khóa học (luật cũ là ngày 16 tháng Đầy Âm, luật mới là ngày 16 tháng Tám Âm hàng năm), tất cả mọi người đều được « tùy ý » nêu tội lỗi của mình để sám hối trước thầy tăng. Ở đây, tác giả chơi chữ, dùng chữ « phạn » với nghĩa là cơm, nên tạm dịch là « cơm hòa-la » hay « cơm tùy ý ».
- (2) *Làng « không có làng »* (hà hữu hương) : xem Cht. 4, bài *Kim cương tam muội kinh tự*, số 4, của Trần Cảnh.
- (3) *Sáo không lỗ* (vô không địch) : xem Cht. 29, bài *Phổ thuyết hương thượng nhất lộ*, số 8, của Trần Cảnh.
- (4) *Hương giải thoát* (giải thoát hương) : theo *Lục tổ pháp bảo đàn kinh* 六祖法寶壇經, thì từ tâm không bám víu vào một chỗ nào, không suy nghĩ điều thiện, không suy nghĩ điều ác, tự tại, không có gì ngăn trở, đó gọi là « giải thoát hương ».
- (5) *Đất hoan hỷ* (hoan hỷ địa) : hoan hỷ là một trong mười nét hạnh mà Bồ-tát trong khi tu hành cần phải đạt được để được « lợi tha » (lợi cho người khác, cho chúng sinh). Tác giả chơi chữ, dùng « hoan hỷ » như một địa danh để thống nhất về thủ pháp với toàn bài thơ.
- (6) *Thang tiêu dao* (tiêu dao thang) : tiêu dao là một thuật ngữ bắt nguồn từ *Tiên dao du* 逍遙遊 của Trang Tử 莊子, chỉ con người vượt mình ra giữa vũ trụ, rong chơi nhàn hạ, mọi quan niệm về thời gian và không gian đều trở nên tương đối. Cũng như trên, Tuệ Trung đã dùng khái niệm « tiêu dao » với thủ pháp vật hóa, như một thứ nước giúp con người giải cơn khát trần tục.
- (7) *Quy Sơn* : xem Cht. 13, bài *Niệm tụng kệ* số 21 của Trần Cảnh.
- (8) *Tạ Tam* : nhân vật này đã gặp trong bài *Giang hồ tự thích*, số 91, của Trần Tung, nhưng chưa rõ là ai.
- (9) *Thương-lang* : vốn là một tên khác của sông Hán-thủy 漢水 về sau có thêm một nghĩa tượng trưng : khúc hát của làng chài. Sách *Mạnh Tử*, *Ly lâu* 孟子, 離婁 có câu : 滄浪之水清兮可以濯我纓, 滄浪之水濁兮可以濯我足.
Thương-lang chi thủy thanh hề khả dĩ trạc ngã anh ; Thương-lang chi thủy trọc hề khả dĩ trạc ngã túc : Nghĩa là : « Nước Thương-lang trong có thể giặt giải mũ của ta. Nước Thương-lang đục có thể rửa chân ta ».
- (10) *Tào-khê* : xem Cht. 2, bài *Thủ nê ngư*, số 63, cùng tác giả.
- (11) *Lư thị* : tức Lư Tuệ Năng, tổ thứ sáu Thiền tông Trung-hoa. Xem Cht. 2, bài *Thiền tông chỉ nam tự*, số 3, của Trần Cảnh.
- (12) *Thạch Đầu* : biệt hiệu của Thiền sư Hy Thiên 希遷 (700—790), dựng am tu trên đầu một hòn đá lớn tại núi Hành-sơn 衡山. Nơi đây, Bàng cư sĩ thường đến hỏi đạo. Xem thêm Cht. 43, bài *Niệm tụng kệ*, số 21, của Trần Cảnh.
- (13) *Lão Bàng* : xem Cht. 20, bài *Phổ khuyến phát bồ-đề tâm*, số 7, của Trần Cảnh.
- (14) *Bồ Đại* : nghĩa đen là cái túi vải. Theo *Truyền đăng lục* 傳燈錄, vào thời Ngũ đại có một nhà sư kỳ lạ hàng ngày mang cái túi vải đi xin ăn, và chia hết mọi thứ xin được cho con trẻ. Do đó, trẻ con theo ông chặt đường sá. Người ta gọi ông là Bồ Đại Hòa thượng.
- (15) *Phổ Hóa* : xem Cht. 33, bài *Phổ khuyến phát bồ-đề tâm*, số 7, của Trần Cảnh.
- (16) *Tứ đại* : xem Cht. 2, bài *Phổ thuyết tứ sơn*, số 5, của Trần Cảnh.
- (17) Có tham khảo bản dịch Trúc Thiên.

生死閑而已

心之生兮生死生
 心之滅兮生死滅
 生死元來自性空
 此幻化身亦當滅
 煩惱菩提暗消磨
 地獄天堂自枯竭
 鑊湯爐炭頓清涼
 劍樹刀山立摧折
 聲聞坐禪我無生
 菩薩說法我實說。

生自妄生死妄死
 四大本空從何起
 莫為渴鹿趁陽燄
 永走西馳無暫已
 法身無去亦無來
 真性無非亦無是
 到象須知罷問程
 見月安能苦尋指
 愚人顛倒怖生死
 智者達觀閑而已
 愚人顛倒怖生死
 智者達觀閑而已。

DỊCH NGHĨA :

SỐNG CHẾT LÀ LẼ THƯỜNG MÀ THÔI

Tâm sinh thì sống chết sinh,
 Tâm diệt thì sống chết diệt.
 Sống chết vốn là không có tự tính,
 Cái thân do huyền ảo hóa thành này rồi cũng phải diệt.
 Phiền não (?), bờ-đề (?) đều ngấm tiêu ma hết,
 Địa ngục, thiên đường cũng tự khô kiệt.

SINH TỬ NHÀN NHÌ DĨ

Tâm chi sinh hề sinh tử sinh,
 Tâm chi diệt hề sinh tử diệt.
 Sinh tử nguyên lai tự tính không,
 Thử huyền hóa thân diệt đương diệt.
 Phiền não bờ-đề ám tiêu ma,
 Địa ngục thiên đường tự khô kiệt.
 Hoạch thang lô thân chốn thanh lương.
 Kiếm¹⁰ thu đao sơn lập tồi chiết.
 Thanh văn tọa thiền ngã vô tọa,
 Bồ-tát thuyết pháp ngã thực thuyết.

Sinh tự vọng sinh tử vọng tử.
 Tử đại bản không tông hà khí (khởi) ?
 Mặc vì khát lạc sẵn đương diệt.
 Đông hầu Tây tri vô tạm dĩ.
 Pháp thân vô khứ diệt vô lai.
 Chân tính vô phi diệt vô thị.
 Đạo gia tu tri hải vấn trình,
 Kiến nguyệt an năng khổ tầm chi.
 Ngu nhân điên đảo bố sinh tử,
 Trí giả đạt quan nhàn nhĩ dĩ.
 Ngu nhân điên đảo bố sinh tử,
 Trí giả đạt quan nhàn nhĩ dĩ.

Vạc dầu, lò lửa bỗng trở nên mát mẻ.
 Rừng gươm, mũi dao lập tức đỡ gãy.
 Thanh văn⁽²⁾ ngồi thiền, ta không ngồi.
 Bồ tát⁽⁴⁾ thuyết pháp, ta nói thực.

Sinh từ cái cần rồi mà sinh ra, chết từ cái cần rồi mà chết đi.
 Tứ đại⁽⁵⁾ vốn là không thì còn từ đâu mà đẩy lên được.
 Đứng như con hươu khát chạy vào giữa ảo ảnh⁽⁶⁾.
 Chạy Đông chạy Tây không lúc nào dừng.
 Pháp thân⁽⁷⁾ không đi cũng không lại.
 Chân tính⁽⁸⁾ không trái cũng không phải.
 Đến nhà thì nên thôi đừng hỏi đường nữa⁽⁹⁾.
 Thấy mặt trăng rồi sao còn vất vả đi tìm ngón tay⁽¹⁰⁾?
 Người ngu ngả nghiêng, sợ sống chết.
 Bạc tri có cái nhìn thông đạt, xem sống chết là lẽ thường mà thôi.
 Người ngu ngả nghiêng, sợ sống chết,
 Bạc tri có cái nhìn thông đạt, xem sống chết là lẽ thường mà thôi.

DỊCH THƠ :

Khi tâm sinh chứ sinh từ sinh.
 Khi tâm diệt chứ sinh từ diệt.
 Sinh từ xưa nay tính vốn không.
 Hư huyền thân này rồi cũng hết.
 Phiền não, bỏ-để dần tiêu mòn.
 Địa ngục, thiên đường tự khó kiết.
 Lò lửa, vạc dầu, chợt êm ru,
 Núi kiếm, rừng đao bỗng gãy tiết.
 Thanh văn ngồi thiền ta không ngồi.
 Bồ-tát nói pháp ta nói thiệt.

Sống là sống đối, chết : chết đối.
 Tứ đại vốn không, từ đâu nổi ?
 Đứng như hươu khát rượt « bóng sông ».
 Chạy quanh không nghỉ, khắp Tây Đông.
 Pháp thân không qua cũng không lại.
 Chân tính không trái cũng không phải.
 Đến nhà, thôi chờ hỏi con đường.
 Thấy trăng, tìm gì ngón tay chỉ.
 Người ngu, điên đảo tử và sinh,
 Bạc tri, từ sinh thường thôi vậy.

Người ngu điên đảo tử và sinh.
 Bạc tri, từ sinh thường thôi vậy.

KHẢO ĐỊNH :

CÁC DỊ BẢN : TSNL1, TSNL2

- 1* TSNL1 : nhận 劍. TSNL2 chú : *khủng kiếm 恐劍*; nghĩa là : có *lẽ* là chữ *kiếm*. Ở đây sửa lại theo TSNL2.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Phiền não* : xem Cht. 3, bài *Chi tâm phát nguyện*, số 42, của Trần Cảnh.
- (2) *Bồ-đề* : xem Cht. 1, bài *Phổ khuyến phát bồ-đề tâm*, số 7, của Trần Cảnh.
- (3) *Thanh văn* : thuật ngữ đạo Phật, chỉ người tu đạo Phật, phái Tiểu thừa, nghe lời Phật dạy mà chứng được đạo quả. Nhưng từ Thanh văn còn phải tu mấy bậc nữa mới đến Bồ-tát.
- (4) *Bồ-tát* : xem Cht. 2, bài *Sơ dạ chúc hương*, số 46, của Trần Cảnh.
- (5) *Tứ đại* : xem Cht. 2, bài *Phổ thuyết tứ sơn* số 5, của Trần Cảnh.
- (6) *Ảo ảnh* : nguyên văn là *đương điểm*, tức là cái ảo ảnh của người đi giữa sa mạc nhìn thấy đằng xa có một lùm cây xanh, có suối nước mát, cố đi dần lên cho tới, nhưng cuối cùng bị chết gục. Kinh *Duy-ma 維摩經* nói : thân người như đương điểm, nương theo khát vọng mà chịu cái khổ của sự sinh.
- (7) *Pháp thân* : xem Cht. 8 bài *Phổ thuyết sắc thân*, số 6, của Trần Cảnh.
- (8) *Chân tính* : thuật ngữ đạo Phật, tương đương với *chân như*, *Phật tính*, là cái tính bản nguyên chân thật, hồn nhiên, không biến đổi, là tâm thể mà mọi chúng sinh đều sẵn có trong mình.
- (9) *Đến nhà thì nên thôi đừng hỏi đường nữa* : một thành ngữ thường dùng trong kinh, luận nhà Phật. Phật giáo coi sự tu hành là một phương tiện làm cho con người giác ngộ. Khi đã giác ngộ rồi thì phải quên những cái đó đi, như người đi đường khi đã đến nhà thì thôi không cần hỏi lại con đường làm gì.
- (10) Kinh Viên giác có câu : ~ 一切修多羅教如標指月。若復見月了知所標必竟非月. Nhất thiết tu đa la giáo như tiêu chỉ nguyệt. Nhược phục kiến nguyệt liễu tri sở tiêu tất cánh phi nguyệt. Nghĩa là : « hết thảy các giáo lý trong kinh điển như cái « tiêu » chỉ lên mặt trăng. Muốn thấy mặt trăng mà mới nhìn được cái « tiêu » rồi ngừng lại ở đấy, thì rốt cuộc chẳng phải trăng ». Cũng như câu trên, ở đây ý muốn nói giáo lý chỉ là phương tiện để đạt tới giác ngộ ; khi đã giác ngộ, không cần dừng lại ở giáo lý nữa.

106

九聖不異

身從無相本來空
幻化分差成二見
我人似露亦似霜
九聖如雷亦如電
功名富貴等浮雲
身世光陰若飛箭
瞥起星兒憎愛情
似覓饅頭而棄麵
眉毛尖橫鼻孔垂
佛與眾生都一面

非是九兮非是聖
塵劫搜尋沒根性
非心無是亦無非
無見非邪也非正
廣額眉兒果願王
慶喜地丘功德聖
覺他覺自按迷途
遍界清涼甦熱病
君不見

前失看是阿誰
後得看又是誰
兩這般心一般命

到頭八萬四千陀羅尼之法門

同攝入如來廣大圓智之鏡

出。

PHẠM THÁNH BẤT DI

Thân tòng vô tướng bản lai không.
Huyền hóa phán sai thành nhị kiến.
Ngã nhân tự lộ diệc tự sương.
Phạm thánh như lôi diệc như điện.
Công danh phú quý đẳng phú vân.
Thân thế quang âm nhược phi tiễn.
Miết khởi tình nhi tăng ái tình.
Tự mệnh mạn dầu nhi khí miễn.
Mĩ mao tiêm hoành ty không thủy.
Phật dĩ chúng sinh đồ nhất diện.

Thục thị phạm hề thục thị thánh?
Quảng kiếp sưu tầm một cấu tính.
Phi tâm vô thị diệc vô phi.
Vô kiến phi ta dã phi chính.
Quảng ngach đồ nhi Quả nguyện vương,
Khánh Hỷ ty khư công đức thánh.
Giác tha giác tự bạt mê đồ.
Biến giới thanh lương tô nhiệt bệnh.
Quán bất kiến,
Tiền thất giả thị a thủy?
Hậu đắc giả hựu thị thủy?
Lưỡng giá ban tâm nhất ban mệnh.
Đạo đầu bát vạn từ thiên dã-la-ni chi
pháp môn,
Đồng nhiếp nhập Như Lai quảng đại
viên trí chi kính.

DỊCH NGHĨA:

PHẠM THÁNH CHẴNG CÓ GÌ KHÁC NHAU

Thân từ « vô tướng » (1) vốn là không.
Vi huyền hóa mà chia biệt thành nhị kiến (2).
Ta và người, như móc cũng như sương.
Phạm và thánh, như sấm cũng như chớp.

Công danh và giàu sang đều như mây nổi,
 Thân thể và tháng năm, tựa mũi tên bay.
 Bỗng vì hoa mắt mà nảy sinh tình yêu ghét,
 Giống như tìm bánh bao mà bỏ bột.
 Lòng mây ngang, lỗ mũi dọc.
 Phật và chúng sinh đều một bộ mặt mà thôi.

Ai là phàm, ai là thánh ?

Tìm tôi trong quảng kiếp (3) cũng không thấy căn tính (4).

« Phi tâm » (5) không phải cũng không trái.

« Vô kiến » (6) chẳng tà, cũng chẳng chính.

Anh đồ lỗ trán rộng (7) là vua Quả nguyên (8).

Tỳ-kheo Khánh Hỷ (9) là thánh công đức.

Giác ngộ mình và giác ngộ cho người vượt khỏi đường mê,

Khấp cỡi mắt mẽ và không bệnh tật.

Người chẳng thấy.

Kẻ mất trước là ai ?

Kẻ được sau là ai ?

Hai cái « tâm » sai khác và một cái « mệnh » như nhau.

Rút cục cửa pháp tám vạn bốn nghìn đa-la-ni (10),

Cùng thu vào tấm gương quảng đại viên trí của Như Lai.

Hết !

DỊCH THƠ :

Thân từ vô tướng vốn là không,
 Hư huyền làm chĩa thành « nhị kiến ».
 Tu, người, như móc cũng như sừng,
 Phàm, thánh, như sấm cũng như điện.
 Công danh, phú quý, mây bông bẽnh,
 Năm tháng, đời người, tên bay biến.
 Ghét, ghét, như mắt lóc tia sao,
 Khác nào bỏ bột tìm bánh bao.
 Cũng nét mây ngang, đường mũi dọc,
 Phật với chúng sinh mặt khác nào.

Ai là phàm chứ, ai là thánh ?

Muốn kiếp kiếm tìm mất căn tính.

Chẳng tâm nào không thị với không phi.

Không kiến nào chẳng tà cũng chẳng chính.

Đồ tể Quảng ngách: Quả nguyên vương,
 Tỷ-kheo Khánh Hỷ: công đức thánh.
 Độ người, tự độ khỏi đường mê,
 Mắt rọi muôn phương không tật bệnh.
 Anh chẳng thấy:
 Người mất trước đó là ai?
 Người được sau lại là ai?
 Hai cái tâm riêng chung một mệnh.
 Rốt cuộc tâm vạn bốn nghìn pháp môn đà-la-ni,
 Cùng thu vào tám gương trí tuệ Như Lai rộng lớn vành vạnh.
 Hết!

HUỆ CHI

CHỮ THÍCH:

XUẤT XỨ: TÊN.

- (1) *Vô tướng*: không có hình tướng gì cả. Xem thêm Ch. 21, bài *Kính cương tam muội kinh* (t. 4, của Trần Cảnh).
- (2) *Nhị kiến*: tức *Nhân ngũ kiến* và *Pháp ngũ kiến*. Nhân ngũ kiến là sự sai lầm của cái «thấy» về phương diện coi con người là một chủ thể hằng thường và duy nhất, mà không hiểu con người là sự giả hợp của «ngũ uẩn». Còn pháp ngũ kiến là sự sai lầm của cái «thấy» về phương diện coi mọi pháp (mọi hiện tượng) đều là những chủ thể hằng thường và duy nhất, mà không hiểu mọi pháp đều nảy sinh từ nhân duyên.
- (3) *Quảng kiếp*: thời gian dài vô hạn.
- (4) *Căn lĩnh*: xem Ch. 7, bài *Tặng Thuận Nhất Pháp sư*, số 95, cùng tác giả.
- (5) *Phi tâm*: theo *Vô môn quan* 無門關: có một môn tăng hỏi Mã tổ 馬祖 (xem Ch. 4, bài *Phổ thuyết hương thượng nhất tộ*, số 8, của Trần Cảnh) «Thế nào là Phật?» Mã tổ trả lời: «Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật» (Phi tâm phi Phật). Câu trả lời của Mã tổ nhằm phá sự chấp trước. Nếu còn chấp trước «tâm» hay «Phật» thì không đạt tới chính giác.
- (6) *Vô kiến*: coi sự vật là hoàn toàn không thực có.
- (7) *Đồ tể trùn rọng*: theo *Quy Nguyên tập* 歸原集, có anh đồ tể hàng ngày giết hàng nghìn trùn, bò, lợn, gà. Sau bỏ nghề sát sinh đi tu hành, cuối cùng thành Phật.
- (8) *Quả nguyên*: nguyện thành chứng quả, quyết chí tu hành để được giác ngộ.
- (9) *Tỷ-kheo*: thuật ngữ đạo Phật, chỉ người tu hành là đàn ông.
Khánh Hỷ: xem Ch. 2, bài *Chỉ tâm phát nguyện*, số 37, của Trần Cảnh.
- (10) *Cửa pháp tâm vạn bốn nghìn*: cửa pháp tức Pháp môn, là những điều Phật dạy làm khuôn mẫu cho những người tu hành nhập đạo. Do chỗ pháp môn trong đạo Phật có rất nhiều, nên để biểu hiện số nhiều này, người ta thường gọi: bát vạn tứ thiên pháp môn (84.000), hay pháp môn hải (biển pháp môn), pháp môn vô lượng (vô số pháp môn)... *Đà-la-ni*: phiên âm tiếng Phạn dhāraṇī, nghĩa là tổng trì, có sức giữ gìn, nhóm họp tất cả các pháp lành, không để cho tán loạn, giữ cho những điều ác không sinh ra được. Có 4 chữ đà-la-ni: 1. Văn đà-la-ni hay pháp đà-la-ni; 2. Nghĩa đà-la-ni; 3. Chú đà-la-ni; 4. Nhân đà-la-ni. Pháp đà-la-ni và nghĩa đà-la-ni là giữ gìn không quên những nghĩa của các pháp và giáo pháp của Phật. Chú đà-la-ni là giữ gìn không bỏ mất cái bí mật chân ngôn của Phật và Bồ-tát. Nhân đà-la-ni là an trú mà lòng không dao động đối với cái thực tướng của các pháp.

107

迷悟不異

迷去生空色
悟來無色空
色空迷悟者
一理古今同。

妄起三途起
真通五眼通
涅槃心寂寂
生死海重重。

不生還不滅
無始亦無終
但能忘二見
法界盡包融。

MÊ NGỘ BẤT DI

Mê khứ sinh không sắc.
Ngộ lai vô sắc không.
Sắc không mê ngộ giả,
Nhất lý cổ kim đồng.

Vọng khởi tam đồ khởi,
Chân thông ngũ nhãn thông.
Niết bàn tâm tịch tịch,
Sinh tử hải trùng trùng.

Bất sinh hoàn bất diệt,
Vô thủy diệt vô chung.
Đãn năng vong nhị kiến,
Pháp giới tận bao dung.

DỊCH NGHĨA :

MÊ LẦM VÀ GIÁC NGỘ KHÔNG KHÁC GÌ NHAU

Lúc mê sinh ra «không» và «sắc»,
Khi ngộ không còn «sắc» với «không».
Những điều gọi là sắc, không, mê, ngộ,
Xưa nay vẫn chung nhau ở một lẽ.

Mê vọng nổi dậy thì ba đường⁽¹⁾ nổi dậy,
Cứ chân thông suốt thì năm mắt đều thông suốt.
Tâm niết-bàn lặng lẽ,
Biên sống chết trùng trùng.

Không sinh mà không diệt,
Không trước cũng không sau.
Nếu quên được cả ngã kiến⁽²⁾ và pháp kiến⁽⁴⁾,
Thì bao hàm được cả pháp giới.

DỊCH THƠ :

Mé lằm, sinh « không », « sắc ».
Giác ngộ, hết « sắc », « không ».
« Sắc », « không », với « mé », « ngộ ».
Xưa nay một lẽ đồng.

« Tà » đầy, ba đường đầy.
« Chân » thông, năm mắt thông.
Tâm niết-bàn tịch tịch.
Biên sinh tử trùng trùng.

Không sinh, mà không diệt.
Vô thủy, lại vô chung.
Vi bằng quên « nhị kiến ».
Pháp giới thủy bao dung.

HUỆ CHI

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : TSNL

- (1) Ba đường (tam đồ): xem Cht. 2, bài Sám hối nhân căn tội, số 28, của Trần Cảnh.
(2) Năm mắt (ngũ nhãn): xem Cht. 1, bài Ngẫu tác, số 77, cùng tác giả.
(3) Ngã kiến: tức nhân ngã kiến. Xem Cht. 2, bài Phàm thánh bất dị, số 106, cùng tác giả.
(4) Pháp kiến: tức pháp ngã kiến. Xem Cht. 2, bài Phàm thánh bất dị, số 106, cùng tác giả.

*

108

持戒兼忍辱

無常諸法行
心疑眾便生
本來無一物
半種亦半萌。

日日對境時
景景從心出
心境本來無
處處巴羅密。

TRÌ GIỚI KIÊM NHẪN NHỤC

Vô thường chư pháp hành.
Tâm nghi tội tiện sinh.
Bản lai vô nhất vật.
Phi chủng diệt phi manh.

Nhật nhật đối cảnh thời.
Cảnh cảnh từ tâm xuất.
Tâm cảnh bản lai vô.
Xử xử ba-la-mật.

喫草與喫肉
種生各所食
春來百草生
何處見眾福

持戒兼忘辱
招眾不招福
欲知無眾福
非持戒忘辱

如人上樹時
安中茲求危
如人不上樹
風月何所為

Khiết thảo dữ khiết nhục,
Chủng sinh các sở thực.
Xuân lai bách thảo sinh,
Hà xứ kiến tội phúc?

Trì giới kiêm nhân nhục,
Chiêu tội bất chiêu phúc.
Dục tri vô tội phúc,
Phi trì giới nhân nhục.

Như nhân thượng thụ thì,
An trung tư cầu nguy.
Như nhân bất thượng thụ,
Phong nguyệt hà sở vi?

DỊCH NGHĨA:

TRÌ GIỚI VÀ NHÂN NHỤC (?)

Tất cả mọi hiện tượng đều luôn luôn biến diệt,
Khi «tâm» đã ngờ thì «tội» liền sinh ra.
Xưa nay không có một vật nào hết thấy,
Chẳng có gốc cũng chẳng có mầm để cho chúng xuất hiện.

Hàng ngày khi ta đối diện với ngoại cảnh,
Thì cảnh này cảnh nọ đều từ tâm sinh ra.
«Tâm» và «cảnh» vốn đều là không,
Khắp nơi đều là ha-la-mạt (?).

Ăn thịt và ăn cỏ,
Chúng sinh loài nào có thói quen của loài đó.
Như mùa xuân đến, trăm hoa cỏ sinh sôi.
Có chỗ nào nhìn thấy tội hay phúc đâu?

Trì giới và nhân nhục,
Chỉ chuốc tội chứ không chuốc phúc.
Muốn biết không tội phúc,
Thì đừng trì giới, nhân nhục.

Như khi người trèo lên cây,
Là đang trong bình an lại tự tìm lấy nguy hiểm.
Nếu người ta không trèo lên cây,
Thì gió lay, trăng đợi, có làm gì được.

DỊCH THƠ :

Mọi pháp đều biến diệt,
Tâm ngò tội liền sinh.
Xưa nay không một vật,
Mầm mống hỏi đâu thành ?

Ngày ngày khi đối cảnh,
Cảnh cảnh từ tâm ra.
Cảnh, tâm không có thật,
Chốn chốn ba-la-mật.

Ăn thịt và ăn cỏ,
Chúng sinh từng loài đó.
Xuân về cây cỏ sinh,
Họa phúc nào đâu có ?

Tri giới và nhẫn nhục,
Chuồn tới chũng chuồn phúc.
Muốn biết không tới phúc,
Đừng trì giới nhẫn nhục.

Như khi người leo cây,
Đang yên bỗng tìm nguy.
Không trèo lên cây nữa,
Tráng gió làm được gì.

HUỆ CHI

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : TSNL

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Theo bài *Thượng sĩ hành trạng* trong TSNL, đây là bài kệ dài, Trần Tung ứng khẩu trả lời Trần Nhân Tông 陳仁宗 hỏi về ích lợi của trì giới và nhẫn nhục, trong dịp nhà vua đi đốn ông về để cầu siêu cho mẫu hậu. Xem thêm bài *Thượng sĩ hành trạng* số 207. của Trần Khâm.
- (2) *Ba-la-mật* : phiên âm tiếng Phạn paramita, thuật ngữ đạo Phật, chỉ những phương châm và đức hạnh lớn mà con người cần tuân thủ để đạt đến Niết-bàn. Có ba loại ba-la-mật.
 1. *Lục độ* : a) Bố thí ; b) Trì giới ; c) Nhẫn nhục ; d) Tinh tiến ; e) Thiền định ; g) Bát-nhã.
 2. *Tứ đức* : a) Thường ; b) Lạc ; c) Ngã ; d) Tịnh. Hoặc là : a) Khô ; b) Không ; c) Phi thường ; d) Phi ngã.
 3. *Thập ba-la-mật* : ngoài 6 phương châm như ở *lục độ*, còn có thêm 4 điểm : a) Phương tiện ; b) Nguyện ; c) Lực ; d) Trí.

109

抽 唇 吟

從來一物兮也非
身生帶業兮也是
如何五蘊兮紛紜
爲攬四大兮依倚
橫出高下兮短長
自受生老兮病死。

入之有盛兮有衰
花之有艷兮有萎
國之有興兮有亡
時之有泰兮有否
日之有暮兮有朝
年之有終兮有始。

歸歟道隱兮山林
灰劫利名兮朝市
少室九年兮與我同心
黃梅半夜兮與我知己
隨分兮蓮社攢眉
豁志兮趙州叩齒

設使聲前兮點頭
爭奈靴裏兮動趾
洪爐不鑄兮囊錘
猛虎不瞥兮肉饑
明珠豈礙兮風波
正色何妨兮紅紫
到任麼時兮理事全彰
摸持放過兮何須擬擬
石牛夜半入海東
撞著珊瑚月如水。

TRUU THIÊN^{1*} NGÂM

Tòng lai nhất vật hề dã phi,
Thân sinh đới nghiệp hề dã thị.
Như hà ngũ uẩn hề phân vân,
Vị cử tứ đại hề y y.
Hoành xuất cao hạ hề đoãn trường,
Tự thọ sinh lão hề bệnh tử (tử).

Nhân chi hữu thịnh hề hữu suy,
Hoa chi hữu diễm hề hữu úy.
Quốc chi hữu hưng hề hữu vong,
Thì chi hữu thái hề hữu bĩ.
Nhật chi hữu mộ hề hữu triêu.
Niên chi hữu chung hề hữu thủy.

Qui dư đạo ẩn hề sơn lâm,
Khôi khước lợi danh hề triêu thị.
Thiếu-thất cửu niên hề dữ ngã đồng tâm,
Hoàng-mai bán dạ hề dữ ngã tri kỷ.
Tùy phận hề Liên-xã tán my,
Khoát chí hề Triệu Châu khấu xỉ.

Thiệt sử thanh tiền hề điểm đầu,
Tranh nại ngoa lý hề động chỉ.
Hồng lô bất chú hề nang chùy,
Mãnh hổ bất miết hề nhục ký (cơ).
Mình châu khởi ngại hề phong ba,
Chính sắc hà phương hề hồng tử.

Đạo nhậm^{2*} ma thì hề lý sự toàn chương,
Đề tri phóng quá hề hà tu nghĩ nghĩ.
Thạch ngư dạ bán nhập Hải-dông,
Chàng trước san hồ nguyệt như thủy.

DỊCH NGHĨA :

BÀI NGÂM BỮU MÔI

Xưa tới nay, bất kỳ vật nào cũng đều là « phi »,
 Thân sinh ra mang lấy nghiệp, ấy là « thị ».
 Tại sao ngũ uân (1) lại rồi bởi ?
 Vì tựa nương vào tứ đại (2) đấy thôi.
 Lâm sinh cao thấp với vắn dài,
 Mang lấy sinh, già, ốm, chết.

Người đời có thịnh thì có suy,
 Hoa kia có tươi thì có héo.
 Quốc gia có hưng thì có vong,
 Thời thế có thái thì có bỉ.
 Ngày có sớm thì có chiều,
 Năm có trước thì có sau.

Về thôi ! Ẩn đạo nơi núi rừng,
 Ngươi lạnh lợi danh với triều thị (3).
 Người ở Thiếu-thất chín năm (4) là bạn đồng tâm của ta,
 Người nơi Hoàng-mai lúc nửa đêm (5) là bạn tri kỷ của ta,
 Theo số phận của mình, Liên-xã châu mây (6),
 Bình tĩnh cái chi của mình, Triệu Châu (7) nghiêng rằng.

Vì bằng gặt đầu trước tiếng nói,
 Thì đầu phải động ngón ở trong giày (8).
 Chiếc lò lớn không đúc mũi dùi ở trong túi (9).
 Loài hổ mạnh đầu thêm miếng thịt thiu.
 Hạt ngọc sáng há ngại gì sóng gió,
 Màu sắc chính nào hiểm chi tia hồng.

Đến khi nào thì « lý » và « sự » mới hoàn toàn rõ rệt,
 Sao còn đắn đo gì nắm cầm và buông bỏ.
 Trâu đá nửa đêm chạy xuống Hải-dông (10),
 Xông vào giữa đám san hô ánh trắng như nước.

DỊCH THƠ :

Xưa nay mọi vật chứ rằng sai,
 Thân mang lấy nghiệp chứ rằng phải.
 Vì sao năm uân chứ rồi bởi ?
 Bởi chưng tựa nương chứ tư đại.
 Lâm sinh cao thấp chứ vắn dài,
 Nhận lấy sinh, già chứ chết, hoại.

Người có thịnh chứ có suy,
 Hoa có tươi chứ có rữa.
 Nước có hưng chứ có vong,
 Thời có thái chứ có bĩ.
 Ngày có hôm chứ có mai,
 Năm có qua chứ có lại.

Về thời, ăn đạo chứ núi rừng,
 Ngươi danh lợi chứ triều thị.
 Thiếu-thất chín năm chứ người bạn đồng tâm,
 Hoàng-mai nửa đêm chứ cùng ta tri kỷ.
 Tày theo số phận chứ Liễn-xã chau mày,
 Buông thả tâm trí chứ Triệu Châu hỏi dạ.

Vì trước lời nói chứ gặt đầu,
 Đâu nổi trong giầy chứ ngón cựa.
 Lơ hồng không đục chứ chiếc diu tâm thương,
 Mạnh hồ đâu thêm chứ miếng mồi thối rữa.
 Ngọc sáng nào ngại chứ sóng dề,
 Sắc chính hiềm chi chứ đỏ tía.

Đến khi nào chứ sự lý rõ ràng,
 Cầm năm buông bỏ chứ cần gì nghĩ ngợi.
 Nửa đêm trâu đá chứ chạy xuống Hải-đông,
 Xò vớ biển san hô chứ trứng trong vôi vọi.

ĐỖ VĂN HỮ

KHẢO ĐỊNH :

CÁC DI BẢN : TSNL1, TSNL2

- 1* TSNL2 chú : thần, cồ thần tự 辰辰 古 脣 字 ; nghĩa là : chữ 辰辰 là cách viết cồ của chữ 脣.
 2* TSNL2 : 仁 , có lẽ chữ nhầm 仁 , khác nhầm.

CHÚ THÍCH :

- (1) Ngũ năn : xem Cht. 3, bài Phô thuyết tứ sơn, số 5, của Trần Cảnh.
 (2) Tứ đại : xem Cht. 2, bài Phô thuyết tứ sơn, số 5, của Trần Cảnh.
 (3) Triều thị : chốn triều đình dò hỏi.
 (4) Thiếu thất chín năm : xem Cht. 11, bài Phô thuyết lượng thượng nhất lộ, số 8, của Trần Cảnh.
 (5) Hoàng-mai lúc nửa đêm : xem Cht. 3, bài Họa Hưng Tri Thượng vị hầu, số 89, cùng tác giả.

- (6) Liên-xã châu mây: theo *Lư-sơn ký* 廬山記 của Chu Tục Chi 周續之 thi sư Viện sai Uyên Minh 淵明 đi vào Liên-xã 蓮社, ông châu mây mà đi. Ý nói phải tuân theo số phận của mình.
- (7) Triệu Châu: xem Cht. 6, bài *Phổ thuyết hương thượng nhất lộ*, số 8, của Trần Cảnh.
- (8) Nội dung hai câu này rút từ điển cổ nào, chúng tôi chưa rõ, nhưng có ý muốn đề cao trực giác Thiên, xuất hiện trước cả ý nghĩ được phát ra thành tiếng nói, thành cử động.
- (9) Mũi dùi ở trong túi: *Sử ký* 史記 chép khi Bình Nguyên Quân 平原君 đời Chiến quốc đi sang Sở 楚, một thực khách là Mao Toại 毛遂 xin đi theo. Bình bèn bảo rằng: «Người hiền sĩ trong đời cũng như chiếc dùi ở trong túi, mũi nó tất phải thò ra ngoài». Ý muốn nói người có thực tài thì cái tài trước sau thế nào cũng phát lộ ra, đâu chưa đặc dụng.
- (10) Hải-dông: sách *Tống tăng truyện* 宋僧傳 chép rằng: xưa có Nguyễn Hiếu 元曉 vào du học Trung-hoa, cốt cách khác tục, phong thái siêu thoát, khiến ai cũng mến. Ông người Hải-dông, nước Tân-la 新羅. Do đó hai thuật ngữ Tân-la và Hải-dông dùng để chỉ cảnh giới thanh tịnh, giải thoát. Xem thêm Cht. 51, bài *Niệm tụng kệ*, số 21, của Trần Cảnh.

110

杼辭自警文

光陰流水
富貴浮雲
風火散時
老少成塵。

魂魄分色身如夢
但日用牽和傀儡
常每戲把捉鄰虛
丹頂鶴九皋有跡
鰭尾魚禹門不易
不轉頭回光返照
契心要識性通明
求解脫正覺圓成
在冥歆清心妙用。

TRỪ TỪ TỰ CẢNH VĂN

Quang âm lưu thủy,
Phú quý phù vân.
Phong hỏa tán thì.
Lão thiếu thành trần.

Hồn phách phân sắc thân như mộng,
Đãn nhật dụng khiến trừu ời lối,
Thường mỗi bử bả tróc lân hư.
Đan đỉnh hạc cửu cao hữu dư,
Trình^{1*} vĩ ngư Vũ-môn bất dị.
Bất chuyển đầu hồi quang phản chiếu,
Khế tâm yếu thức tính thông minh.
Cầu giải thoát chính giác viên thành,
Tại minh dục thanh tâm diệu dụng.

夢中造作
 覺後都無
 夢中作生細生
 覺後無絕纖絕
 清淨心非塵非
 聖固身無後無
 春花色朵朵紅
 秋月影團團圓
 九聖繫念
 但只嫌真實相
 生死忘懷
 便了得本來性
 剎那情三塗應
 毫釐念六道結
 隨七識有厭有
 破三毒無真無
 人我相難收難
 河沙劫輪迴四
 貧嗔癡相關相
 僧祇數橫衡九
 肯照願無明則
 枉空過四大色
 能支遠有瀉諸
 便證入真如三
 顛倒二見
 便將網上羅
 寂滅一如
 騎倒驢高登
 胸中若無偏
 耳聽他任他
 把火燒天徒
 眼底見垂悲
 求真如而斷
 似揚聲止響
 如日影逃形
 般般類

Mộng trung tạo tác,
 Giác hậu đô vô.
 Mộng trung tác sinh tế sinh thô.
 Giác hậu vô tuyệt tiêm tuyệt hào.
 Thanh tịnh tâm phi trần phi cấu.
 Kiên cố thân vô hậu vô tiên,
 Xuân hoa sắc đoá đoá hồng tiên,
 Thu nguyệt ảnh đoàn đoàn viên diệu.

Phàm thánh hệ niệm,
 Đăn chỉ hiềm chân thực tương quai.
 Sinh tử vong hoài,
 Tiệm liễu đắc bản lai tính ngộ.
 Sát-na tình tam đồ ứng báo,
 Hào ly niệm lục đạo kể nhân.
 Tùy thất thức hữu yếm hữu hân,
 Phá tam độc vô chân vô vọng.
 Nhân ngã tướng nan thu nan nhiếp,
 Hà sa kiếp luân hồi tứ sinh.
 Tham sân si tương đấu tương tranh,
 Tăng kỳ số hoành hành cửu loại.
 Kháng chiếu nguyện vô minh tắc cá,
 Uông không quả tứ đại sắc thân.
 Năng chỉ di hữu lậu chư căn,
 Tiệm chứng nhập chân như tam muội.

Diên đảo nhị kiến,
 Tiệm tương vãng sơn thượng la ngư.
 Tịch diệt nhất như,
 Kỳ đảo lư cao đăng bỉ ngạn.
 Hung trung nhược vô thiên vô thắng,
 Nhĩ tỉnh nhậm tha báng tha phỉ,
 Bả hỏa thiên thiên đồ tự bị,
 Nhân dễ kiến thủy bị thủy từ.
 Cầu chân như nhị đoạn vọng niệm,
 Tự dương thanh chỉ hưởng tương man.
 Xả phiền não nhi thủ né-hoàn.
 Như nhật ảnh đào hình ban loại.

瞥爾隨心猿意馬
難免累利顯名韁
豈指歸祖域道場
安得免閻王獄吏
將箇字無常迅速
不退轉六賊仍祛
發三昧火光燒除
證得入無餘涅槃
廣大張鳳凰妙網
莫放志燕雀同謀
今欲拋鯨鯢釣駒
却累愁蝦蟆等類。

高揖珍重
朋友弟兄
或人人有聖有靈
好眈起眼睛薦耶。
咄。

Miết nhĩ tùy tâm viên ý mã,
Nan miễn lũy lợi tỏa danh cương.
Khởi chỉ qui tổ vực đạo trường,
An đắc miễn Diêm vương ngục lại.
Trương cá tự vô thường tấn tốc,
Bất thoái chuyển lục tặc nhưng khứ.
Phát tam muội hỏa quang thiêu trừ,
Chứng đắc nhập vô dư Niết-bàn.
Quảng đại trương phượng hoàng
điệu võng,
Mạc phóng chí yển tước đồng mưu.
Kim dục phao kinh nghệ điều câu,
Khước lụy sâu hà mô đẳng loại.

Cao ấp trần trọng,
Bằng hữu đệ huynh.
Hoặc nhân nhân hữu thánh hữu linh,
Hiếu trác khởi nhơn tinh tiến da.
Đối !

DỊCH NGHĨA :

BÀI VĂN TRỮ TÌNH TỰ RĂN

Ngày tháng như nước trôi,
Giàu sang như mây nổi.
Khi gió, lửa tan đi (1),
Thì trở, già thành bụi.

Khi hồn phách chia lìa thì sắc thân (2) như mộng.
Nhưng ngày thường vẫn vương trò mưa rồi.
Thường đùa nghịch nắm bắt cái lân hư (3).
Hạc đầu đỏ (4) chín nội có thừa,
Cá đuôi đỏ Vũ-môn (5) không dễ có.
Sao không quay đầu soi lại,
Để ben lòng nên biết tính thông minh.
Tìm giải thoát chính giác viên thành (6).
Ở diệu dụng thanh tâm diệt dục.

Sự tạo tác trong giấc chiêm bao,
 Sau khi tỉnh đều là không cả.
 Trong giấc mộng sinh nhỏ sinh to,
 Sau khi tỉnh không tơ không tóc.
 Tâm thanh tịnh (7) không bụi không nhờn,
 Thân kiên cố không sau không trước.
 Sắc hoa xuân đóa đóa tươi hồng,
 Bóng trăng thu tròn đầy viên diệu.

Thánh phàm vầu vơ trong ý nghĩ,
 Nhưng e thực tướng lánh xa.
 Sống chết không đề bụng,
 Thì hiểu ngay chân tính nguyên xưa.
 Một chút tình giây lát cũng báo ứng ba đường (8).
 Một ý nghĩ tóc tơ cũng luân hồi lục đạo (9).
 Theo bảy thức (10) có ghét có ưa,
 Phá ba độc (11) không chân không vọng.
 Tướng nhân ngã khó thu khó nắm,
 Kiếp hà sa (12), luân quần bốn loài (13).
 Tham, sân, si (14) tranh đấu cùng nhau,
 Tăng kỳ số (15) hoành hành chín loài (16).
 Không nhìn ngó cái vô minh (17) mờ mịt,
 Uổng trôi qua cái tứ đại (18) sắc thân (19).
 Gạt bỏ được các căn hữu lậu (20),
 Thì chứng ngay tam muội chân như (21).

Đảo điên nhị kiến (22),
 Nào khác chi giăng lưới trên núi để bắt cá.
 Tịch diệt nhất như (23),
 Là cười ngược con lừa thẳng tới bờ kia (24).
 Trong bụng bằng không lệch không thiên,
 Bèn tai mặc ai dè ai bủ.
 Đem lửa đốt trời lường nhọc mình thôi,
 Dưới mắt thấy rú lòng thương xót.
 Tìm chân như (25) mà dứt vọng niệm (26),
 Có khác chi đối nhau bằng cách thét lớn để ngăn tiếng vang.
 Bỏ phiền não (27) mà lấy Niết-bàn (28),
 Thực chẳng khác trốn hình trong nắng chói.

Lắm lét theo ý ngựa lòng vượn,
 Khó tránh khỏi cái lụy lợi ràng danh buộc.
 Không hướng về đất tổ cõi đạo,
 Sao tránh khỏi ngục lại của Diêm vương ?
 Nêu cái chữ « vô thường nhanh chóng »⁽²⁹⁾,
 Thì sáu giấc⁽³⁰⁾ vững trơ trơ cũng đẹp xong.
 Phóng ngọn lửa tam muội⁽³¹⁾ thiêu trừ,
 Liên chứng được Niết-bàn vĩnh cửu.
 Muốn bủa lưới diệu rộng lớn để bắt phượng hoàng,
 Thì đừng mưu cùng loài yến trước bé nhỏ.
 Nay muốn thả cần câu loài kinh ngạc,
 Đừng để phiền lụy cho đám ếch ương.

Trần trọng vái chào.
 Bạn hữu anh em.
 Hoặc mọi người có thánh có linh,
 Hãy mở to mắt lên mà tiến.
 Hết !

DỊCH THƠ :

Tháng ngày nước chảy,
 Giàu sang mây trôi.
 Gió lửa tan rồi,
 Trẻ già thành bụi.

Hồn phách lìa sắc thân như mộng.
 Đường mưu sinh trỏ rồi kéo co,
 Thường đưa cột dựa tay bắt bóng.
 Hạc cừu cao đầu đỏ có thừa,
 Cá cửa Vũ đuôi hồng chẳng mấy.
 Không ngoài đầu tia hồi quang soi lại.
 Tâm khế hợp nhận rõ tính thông minh.
 Cầu giải thoát chính giác viên thành,
 Nguồn đục sáng, lòng thanh diệu dụng.

Đắp xây trong mộng,
 Tỉnh giấc hư vô.
 Mộng tạo nên nào nhỏ nào to,
 Tỉnh hết sạch nào to nào nhỏ.

Tâm trong lặng không nhớ không quên,
Thân cứng bền không trước không sau.
Hoa xuân hồng, đóa đóa tươi màu,
Trăng thu sáng, vàng vàng viên diệu.

Thánh phàm niệm buộc,
Chỉ hiềm vì trái ngược lẽ chân.
Sinh tử lòng quên,
Liên ngộ được « nguyện xưa » tình thực.
Tình khoảnh khắc, quả ba đường ứng báo,
Niệm tức tợ, nhân sâu nẻo tiếp duyên.
Theo bảy thức, ưa ghét đẩy lên,
Phá ba độc, vọng chân đều bắt.
Tướng nhân ngã khó thu khó bắt,
Kiếp hà sa lần quất bốn đường sinh.
Tham, sân, si, cùng giết cùng giành,
Tăng kỳ số hoành hành chín loại.
Không ngộ về quy thức vô minh,
Đánh bỏ uổng sức thân từ đời.
Khéo đời chuyển các căn hữu lậu,
Liên chứng vào tam muội chân như.

Đảo điên nhị kiến,
Ấy lưới giăng bủa cá lặn non cao.
Tịch diệt nhất như,
Tức lừa cười ngược đầu lên bến Giác.
Trong lòng ví không tiêu không lạc,
Mặc tình nghe kẻ bác người dèm.
Châm lửa đốt trời nhọc sức thêm,
Đầy mắt thấy từ bi rủ bóng.
Cầu chân như mà dặt niềm vọng,
Tựa hét to để át tiếng vang.
Bỏ phiền não mà giữ Niết-bàn,
Như sợ bóng chạy vào nắng trốn.

Lắm lết theo lòng mưu ỷ vọng,
Tránh khỏi sao tội buộc danh ràng?
Không quay về chỗ vực đạo tràng,
Nào thoát được Diêm vương ngục thất?
Nêu mấy chữ « vô thường chớp mắt »,
Vững tro tro sáu giấc đẹp yên.

Đốt trong tâm lửa tam muội sáng lên,
 Thiêu cháy sạch, Niết-bàn được chứng.
 Giảng lược diệu bất chìm hoàng chim phượng,
 Không mưu cùng loài én, sẽ quần quanh;
 Đã buông câu, câu cá ngọc cá kinh,
 Chờ để lụy đắm ênhi vương hèn mọn.

Chấp tay trân trọng,
 Bè bạn thân tình.
 Hoặc ai người có thành có linh,
 Mở tâm mắt ta cùng tiến tới.
 Hết!

HUỆ CHI — ĐỖ VĂN HỖ

KHẢO ĐỊNH:

CÁC DI BẢN: TSNL1, TSNL2

- 1* TSNL1: *sanh* 頌; TSNL2: *trinh* 頌. Hai chữ này cùng nghĩa, và thường dùng thay cho nhau.

CHÚ THÍCH:

- (1) *Gió lửa* (phong hỏa): đây là hai yếu tố trong tứ đại: đất, nước, lửa, gió. Xem thêm Cht. 2, bài *Phổ thuyết tứ sơn*, số 5, của Trần Cảnh.
- (2) *Sắc thân*: xem Cht. 1, bài *Phổ thuyết sắc thân* số 6, của Trần Cảnh.
- (3) *Lân hư*: tức *lân hư trần*, là bụi rất nhỏ. Theo quan niệm đạo Phật thì thế giới là do những bụi nhỏ hợp lại mà thành. Nhưng bụi nhỏ cứ phân chia mãi thì sẽ đến chỗ « không ». Bụi nhỏ là « không » thì thế giới do bụi nhỏ ấy hợp thành cũng là « không ».
- (4) *Hạc đầu đỏ*: (đan đình hạc): theo *Thanh dị lục* 清異錄 của Đào Cốc 陶谷 thì Vũ Tống 武宋 khi làm Đình vương 穎王, trong vườn ngự của ông nuôi những loài chim muông, mỗi loài ông đặt cho một tên. Ngan trắng là « huyền sách tiên sinh », gà là « trường minh đồ úy », rùa là « linh thọ tử », hạc là « cửu cao xử sĩ ». Qua đây, có lẽ tác giả đã mượn hình tượng hạc đầu đỏ để chỉ những xử sĩ.
- (5) *Cá đuôi đỏ* (trinh vĩ ngư): Bài *Nhữ phần* 汝墳 thiển Chu nam 周南 trong Kinh Thi 詩經 có câu 魚尾 頌尾, 王室如 大毀. Phương ngữ trinh vĩ; vương thất như hủy; nghĩa là: cá mè đỏ đuôi, việc nhà vua như lửa. Còn Vũ-môn tức Long môn, là một nơi rất hiểm trở. Theo *Tam Tần ký* 三秦記 thì các loài cá con nào vượt qua được nơi đây sẽ hóa rồng. Ở đây tác giả muốn nói: xử sĩ (hạc) thì có nhiều, nhưng vượt qua được khó khăn trong lúc tu hành thì ít, cũng như loài cá vượt Vũ-môn vậy.
- (6) *Chính giác viên thành*: giác ngộ một cách viên mãn.
- (7) *Tâm thanh tịnh* (thanh tịnh tâm): cái tâm trong sạch không bụi bặm, là cái chân tâm vốn có của chúng sinh.
- (8) *Ba đường* (tam đồ): xem Cht. 2, bài *Sám hối nhân căn tội*, số 28, của Trần Cảnh.
- (9) *Lục đạo*: xem Cht. 9, bài *Phổ thuyết tứ sơn*, số 3, của Trần Cảnh.
- (10) *Bảy thức* (thất thức): thuật ngữ đạo Phật, vốn là bát thức, nhưng ở đây chỉ nói đến bảy, tức là bớt đi a-lại-da thức. Xem thêm Cht. 12, bài *Phổ khuyến phát bồ-đề tâm*, số 7, của Trần Cảnh.

- (11) *Ba độc* (tam độc) : xem Cht. 4, bài *Sám hối ý căn tội*, số 58, của Trần Cảnh.
 (12) *Kiếp hà sa* (hà sa kiếp) : thời gian dài vô hạn như số cát sông Hằng-hà.
 (13) *Bốn loài* (tứ sinh) : xem Cht. 2, bài *Giới sát sinh văn*, số 15, của Trần Cảnh.
 (14) *Tham, sân, si* : xem Cht. 2, bài *Sám hối ý căn tội*, số 58 của Trần Cảnh.
 (15) *Tăng kỷ tức A-tăng-kỳ* phiên âm tiếng Phạn asamkhyā, dịch nghĩa là « vô số », số cực lớn.
 (16) *Chín loài* (cửu loại) : xem Cht. 5, bài *Khải bạch*, số 35, của Trần Cảnh.
 (17) *Vô minh* : một tên khác của chữ « si » : chỉ cái tâm si độn của chúng sinh ; tức là sự không sáng suốt, và do không sáng suốt nên phải gánh chịu tất cả mọi phiền não.
 (18) *Tứ đại* : xem Cht. 2, bài *Phổ thuyết tứ sơn*, số 5, của Trần Cảnh.
 (19) *Sắc thân* : xem Cht. 1, bài *Phổ thuyết sắc thân*, số 6, của Trần Cảnh.
 (20) *Hữu lậu* : xem Cht. 7, bài *Tặng Thuần Nhĩ Pháp sư*, số 95, cùng tác giả.
 (21) *Tam muội chân như* (chân như tam muội) : phép tu đạt định chân như nhằm giác ngộ được cái chân lý mọi vật là không và trừ bỏ những mối nghi ngờ hoặc lầm lẫn.
 (22) *Nhị kiến* : xem Cht. 2, bài *Phẩm thánh bất di*, số 106, cùng tác giả.
 (23) *Tịch diệt nhất như* : thoát ly được mọi hình tướng của thế giới hiện hữu mà đạt tới cái bản thể của vũ trụ.
 (24) *Bồ کیا* (bồ nại) : xem Cht. 6, bài *Thụ giới luận*, số 10, của Trần Cảnh.
 (25) *Chân như* : xem Cht. 25, bài *Phổ thuyết hương thượng nhất lộ*, số 8, của Trần Cảnh.
 (26) *Vọng niệm* : xem Cht. 22, bài *Kim cương tam muội kinh tự*, số 4, của Trần Cảnh.
 (27) *Phiền não* : xem Cht. 3, bài *Chỉ tâm phát nguyện*, số 42, của Trần Cảnh.
 (28) *Niết-bàn* : nguyên văn là nê-hoàn, một cách phiên âm khác của thuật ngữ Nirvāṇa, xem Cht. 6, bài *Kim cương tam muội kinh tự*, số 4, của Trần Cảnh.
 (29) *Vô thường nhanh chóng* : xem Cht. 36, bài *Phổ thuyết tứ sơn*, số 5, của Trần Cảnh.
 (30) *Sáu giác* (lục tặc) : xem Cht. 6, bài *Phổ thuyết sắc thân*, số 6, của Trần Cảnh.
 (31) *Lửa tam muội* (tam muội hỏa) : ngọn lửa do sự nhập định mà phát ra. Xem thêm Cht. 38, bài *Niệm tụng kệ*, số 21, của Trần Cảnh.

*

THƯỢNG SĨ NGŨ LỤC

上士語錄

111

對機

一日師燕居。次門僧侍立。

時有僧問。

啟咨上士。某為生死事大。無常迅速。未審此身。生從何來。死從何去。

師云。長空縱使雙飛轂

不計何如一點泥

進云。

如何是道。

師云。

道不在問。問不在道。

進云。

古德云。無心是道。是否。

師云。

無心不是道

無道亦無心。

又云。

若他說無心是道。卽一切草木皆是道。若却說無心不是道。何假說有無。聽吾偈曰。

本無心無道

有道不無心

心道原虛寂

何處更追尋。

僧豁然頷首。禮拜退。

問。

啟咨上士。如何是佛法大意。

師云。

鰲頭打浪。螭螟眼

鵬翼搏風。蝼蛄腸。

進云。

恁麼則學人得入頭處。

師曰。

爬疥非他疥

饑餐只汝餐。

進云。

如何是清淨法身。

師云。出入牛溲內

鑽研馬糞中。

進云。恁麼則證入去也。

師云。

無穢垢念。是清淨身。聽吾偈曰。
 本來無垢淨
 垢淨總虛名
 法身無罣礙
 何濁復何清。

又問。

瀉山道。老僧百年後。向山下作一頭水
 指牛。意旨如何。

師云。

紅稻啄殘鷲鷁粒
 碧梧棲老鳳凰枝。

進云。

昔悉達太子入天神廟。神像拜足。其事
 如何。

師云。

開拳元是掌
 捏目又千差。

問。

南泉賣身。意旨如何。

師云。

正承賣命。意旨如何。

僧無語。師喝出。

問。

水潦和尚初參馬祖。問西來意。祖一踏
 蹋倒。潦起來大悟。拈掌呵呵大笑。意作
 麼生。

師云。

龍象蹴踏。非驢所堪。

進云。

後示衆道。自從一喫馬師踏。直到如
 今笑不休。又作麼生。

師云。

真師子之哮吼
 非野豕之號鳴。

真獅子之哮吼
非野狐之號鳴。

進云。

學人不曾。

師以偈示之。

一踏蹋倒
誰解尋討
大笑起來
增生懊惱
要識西來
馬駒喫草。

僧禮退。

問。

啟咨上士。青青翠竹總是法身。是否。

師云。

沙彌昨日食溪笋
莫是如今汝法身。

進云。

鬱鬱黃花無非般若。意作麼生。

師云。

桃花不是菩提樹
何事靈雲入道場

進云。

有三箇向師行脚。此路逢一虎。各從虎
邊過。時如何。

師云。

風吹不礙花間客
月落無妨澗底深。

進云。

歸宗道。大似猫兒。意作麼生。

師云。

口說不是身逢。

進云。

智堅道。大似狗子。意旨如何。

師云。

這老漢。用得捏聚掃蕩之機。然可惜許。

進云。

師作麼生。

師云。

狗子。

進云。

南泉道。是箇大蟲。意旨如何。

師云。

脚跟不點地。

問。

香嚴通三藏教。為什麼事不現前。

師云。

長房持竹杖。

進云。

擊竹忘所知。意作麼生。

師云。

漁父失金梭。

進云。

如何是法身。

師云。

池邊看兩箇。

月下喜三人。

進云。

法身與色身。是同是別。

師云。

劍著龍泉號。

珠稱琥珀天。

問。

世尊道。四十九年。未嘗說一字。十二分教。其處得

來。

師云。

劍衝出匣求扳撥。

靈寶開瓶欲病銷。

進云。

如何是自己佛。

師云。

不向蒲萄酒
稀逢破甕人。

進云。

如何理會。

師云。

大厦一夜眠
長江同渡船。

進云。

如何是古佛心。

師云。

盡道滿城無國艷
不知朱戶有嬋娟。

進云。

古人道。即心即佛。為什麼佛不現前。

師云。

探珠剖蚌雖難得
莫向剝魚作別尋。

進云。

不可以智知。不可以識識。時如何。

師云。

木人入海無生唱
石女穿雲篋篋吹。

進云。

怎麼則無識亦無知。

師云。

孔誣未進迤風識
薛燭非資截羽知。

進云。

見色便聞心。意旨如何。

師云。

須知裸國解紗襦
莫作邯鄲忘玉桃。

啟問。

如何上士家風。

師云。

閑拋巖果呼猿接
懶釣溪魚引鶴爭。

進云。

祖意與教意。是同是別。

師云。

波水名雖異
閑含乃一花。

進云。

菩提煩惱。同別如何。

師云。

水中鹽味
色裏膠清。

進云。

如何是生死業。

師云。

秋霜滴滴蘆花岸
夜雪紛紛月色天。

進云。

逸多不修定慧。為什麼成佛無疑。

師云。

紅桃樹上真時節
黃菊籬邊不是春。

進云。

坐禪習定時如何。

師云。

君王下戰關蛙池。

進云。

不坐禪定時如何。

師云。

自適江湖范蠡舟。

問。歟達無生路。須知識本源。如何是本源。

師云。

尋源非有本
攬本亦無源。

進云。

教中道。空卽是色。色卽是空。意旨如何。

師良久云。

會麼。

進云。

不會。

師云。

汝有色身麼。

進云。

有。

師云。

何謂色卽是空。

又云。

汝見空有相貌麼。

進云。

無。

師云。

何謂空卽是色。

進云。

畢竟如何。

師云。

色本無空
空本無色。

僧禮謝。

師云。

聽吾偈曰。

色卽是空空是色
三世如來方便力
空本無色色無空
體性明明非失得。

喝。

PHIÊN ÂM:

ĐỐI CỬ

Nhất nhật sư yển cư, thứ môn tăng thị lập.

Thời hữu tăng vấn :

— Khái tư Thượng sĩ, mỗ vị sinh tử sự đại, vô thường tấn tốc, vị thâm thử thân, sinh tông hà lai ? Tử tông hà khứ ?

Sư vân :

*Trường không tung sử song phi cốc,
Cự hải hà phương nhất điểm âu.*

Tiến vân :

— Như hà thị đạo ?

Sư vân :

— Đạo bất tại vấn, vấn bất tại đạo.

Tiến vân :

— Cổ đức vân : « Vô tâm thị đạo », thị phủ ?

Sư vân :

*Vô tâm bất thị đạo,
Vô đạo diệc vô tâm.*

Hữu vân :

— Nhược tha thuyết vô tâm thị đạo tức nhất thiết thảo mộc giai thị đạo. Nhược khước thuyết vô tâm bất thị đạo, hà giả thuyết hữu vô ? Thỉnh ngộ kê viết :

*Bản vô tâm vô đạo,
Hữu đạo bất vô tâm.
Tâm đạo nguyên hư tịch,
Hà xư cảnh trụ tâm ?*

Tăng khoát nhiên lĩnh chỉ, lễ bái thoái.

Vấn :

— Khái tư Thượng sĩ, như hà thị Phật pháp đại ý ?

Sư vân :

*Ngao đầu dã lãng tiêu minh nhãn,
Bằng đức đoàn phong lữ nghị trường.*

Tiến vân :

— Nhậm ma tắc học nhân đắc nhập đầu xư ?

Sư viết

*Bà giới phi tha giới,
Cơ xan chỉ như xan.*

Tiến văn :

— Như hà thị thanh tịnh pháp thân ?

Sư vấn :

*Xuất nhập ngũu tâu nội,
Toàn nhiên mã phần trung.*

Tiến văn :

— Nhậm ma tắc chứng nhập khứ dã ?

Sư vấn :

— Vô uest câu niệm, thị thanh tịnh thân. Thỉnh ngộ kế viết :

*Bản lai vô câu tịnh,
Cầu tịnh tổng hư danh.
Pháp thân vô khuể ngại,
Hà trọc phục hà thanh ?*

Hựu vấn :

— Quy Sơn đạo : lão tăng bách niên hậu, hương sơn hạ tác nhất đầu thủy cô ngũu. Ý chỉ như hà ?

Sư vấn :

*Hồng đạo trác tàn anh vũ lập,
Bích ngộ thể lão phượng hoàng chi.*

Tiến văn :

— Tích Tất Đạt Thái tử nhập thiên thân miếu, thần trọng bát túc, kỳ sự như hà ?

Sư vấn :

*Khai quyền nguyên thị chương,
Niết mục hựu thiên sai.*

Vấn :

— Nam Tuyên mãi thân, ý chỉ như hà ?

Sư vấn :

— Chính vị mãi mệnh, ý chỉ như hà ?

Tăng vô ngữ.

Sư hát, xuất.

Vấn :

— Thủy Lạp Hòa thượng, sơ tham Mã Tổ, vấn Tây lai ý. Tổ nhất đáp thập đảo, Lạp khởi lai đại ngộ, phủ chứng kha kha đại liễu. ý tác ma sinh ?

Sư vấn :

— Long tượng xúc đập, phi lư sở kham.

Tiến văn :

— Hậu thị chúng đạo : «Tư tông nhất khiết Mã sư đập, trực đảo như kim tiểu bất hưu. Hựu tác ma sinh ?

Sư vấn :

Chân sư tử^{1} chi hao hồng,*

Phi dã can^{2} chi hảo minh,*

Tiến văn :

— Học nhân bất hội.

Sư dĩ kế thị chi :

Nhất đập tháp đảo,

Thùy giải tâm thảo,

Đại tiểu khởi lai,

Tăng sinh ảo não.

Yếu thức Tây lai,

Mã câu khiết thảo.

Tăng lễ thoái.

Vấn :

— Khái tư Thượng sĩ : «Thanh thanh thủy trực tông thị pháp thân» thị phủ ?

Sư vấn :

Sa dĩ tác nhật thực khê duẩn

Mạc thị như kim nhữ pháp thân.

Tiến văn :

— «Uất uất hoàng hoa vô phi bát nhã», ý tác ma sinh ?

Sư vấn :

Đảo hoa bất thị bồ-đề thụ,

Hà sư Linh Vân nhập đạo trường ?

Tiến văn :

— Hữu tam từ a sư hành cước, thử lộ phùng nhất hồ, các tông hồ biên quá, thời như hà ?

Sư vấn :

Phong xuy bất ngại hoa gian mật,

Nguyệt lạc vô phương giản để thâm.

Tiến vân :

— Quy tông đạo : « Đại tự miêu nhi », ý tác ma sinh ?

Sư vân :

— Khâu thuyết bất thị thân phùng.

Tiến vân :

— Trí Kiên đạo : « Đại tự cầu tử », ý chỉ như hà ?

Sư vân :

— Giá lão hán, dụng đắc niết tụ tảo đãng chi cơ, nhiên khả tích hử.

Tiến vân :

— Sư tác ma sinh ?

Sư vân :

— Cầu tử.

Tiến vân :

— Nam Tuyên đạo : « Thị cá đại trùng », ý chỉ như hà ?

Sư vân :

— Cước cân bất diêm địa.

Vấn :

— Hương Nghiêm thông Tam tạng giáo, vị thập ma sự bất hiện tiền ?

Sư vân :

— Trường Phòng tri trúc trượng.

Tiến vân :

— « Kích trúc vong sở tri », ý tác ma sinh ?

Sư vân :

— Ngự phủ thất kim thoa.

Tiến vân :

— Như hà thị pháp thân ?

Sư vân :

*Tri biên khan lưỡng cá
Nguyệt hạ hỷ tam nhân.*

Tiến vân :

— Pháp thân dữ sắc thân thị đồng thị biệt ?

Sư vân :

Kiểm trước Long-tuyền hiệu,
Châu xung hồ phách thiên.*

Vấn :

— Thế Tôn đạo : « Tứ thập cửu niên, vị thường thuyết nhất tự ». Thập nhị phân giáo, thậm xư đặc lai ?

Sư vãn :

*Kiểm⁴⁰ xung xuất hợp cầu khôi phục,
Linh bảo khai bình dục bệnh tiêu.*

Tiến vãn :

— Như hà thị tự kỷ Phật ?

Sư vãn :

*Bất hương bồ đạo tửu,
Hy phùng phá ứng nhân.*

Tiến vãn :

— Như hà lý hội ?

Sư vãn :

*Dại hạ nhất dạ miên,
Trường gian đồng độ thuyền.*

Tiến vãn :

— Như hà thị cổ Phật tâm ?

Sư vãn :

*Tận đạo mãn thành vô quốc diêm,
Bất tri chu hộ hữu thuyền quên.*

Tiến vãn :

— Cổ nhân đạo : « Tức tâm tức Phật », vị thập ma Phật bất hiện tiền ?

Sư vãn :

*Thâm châu phẫu bạn tuy nan đắc,
Mạc hương khoa ngư tác biệt tâm.*

Tiến vãn :

— « Bất khả dĩ tri tri, bất khả dĩ thức thức », thời như hà ?

Sư vãn :

*Mộc nhân nhập hải vô sinh xướng,
Thạch nữ xuyên vân lất lất xuy.*

Tiến vãn :

— Nhậm ma tắc « vô thức diệc vô tri » ?

Sư vãn :

*Khổng Nhân vị tiến truy phong thức,
Tốt chúc phi tư liệt nữ tri.*

Tiến vãn :

— « Kiến sắc tiện văn tâm », ý chỉ như hà ?

Sư vấn :

Tu tri khóa^{5} quốc giải sa khóa,
Mạc tác Hàm-đan vong ngọc đảo.*

Khải vấn :

— Như hà Thượng sĩ gia phong ?

Sư vấn :

*Nhân phao nham quả hồ viên tiếp,
Lân điều khê ngư dẫn hạc tranh.*

Tiến vấn :

— Tô ý dữ giáo ý, thị đồng thị biệt ?

Sư vấn :

*Ba, thủy danh tuy dị,
Khai, hàm nãi nhất hoa.*

Tiến vấn :

— Bồ đề, phiền não, đồng biệt như hà ?

Sư vấn :

*Thủy trung diêm vị,
Sắc lý giao thành.*

Tiến vấn :

— Như hà thị sinh tử nghiệp ?

Sư vấn :

*Thu sương trích trích lô hoa ngạn,
Đa tuyết phân phân nguyệt sắc thiên.*

Tiến vấn :

— Dật Đa hất tu định tuệ, vị thập ma thành Phật vô nghi ?

Sư vấn :

*Hồng đảo thụ thượng chân thời tiết,
Hoàng cúc lý biên bất thị xuân.*

Tiến vấn :

— Tọa Thiền tập định thời như hà ?

Sư vấn :

— Quán vương hạ thức đầu oa tri.

Tiến vấn :

— Bất tọa thiền định thời như hà ?

Sư vấn :

— Tự thích giang hồ Phạm Lãi chu.

Vấn :

— «Dục đạt vô sinh lộ ; tu tri thức bản nguyên», như hà thị bản nguyên?

Sư vấn :

*Tâm nguyên phi hữu bản,
Cử bản diệc vô nguyên.*

Tiến vấn :

— Giáo trung đạo : «Không tức thị sắc, Sắc tức thị không, ý chỉ như hà ?

Sư lượng cứu, vấn :

— Hội ma ?

Tiến vấn :

— Bất hội.

Sư vấn :

— Nhữ hữu sắc thân ma ?

Tiến vấn :

— Hữu.

Sư vấn :

— Hà vị «sắc tức thị không» ?

Hựu vấn :

— Nhữ kiến không hữu tướng mạo ma ?

Tiến vấn :

— Vô.

Sư vấn :

— Hà vị «không tức thị sắc» ?

Tiến vấn :

— Tất cánh như hà ?

Sư vấn :

*Sắc bản vô không,
Không bản vô sắc.*

Tăng lễ tạ.

Sư vấn :

— Thỉnh ngộ kệ viết :

*Sắc tức thị không không thị sắc,
Tam thể Như Lai phương tiện lực.
Không bản vô sắc sắc vô không,
Thê tính minh minh phi thất đắc.*

Hết

DỊCH NGHĨA :

TÙY THEO CƠ DUYÊN MÀ ỨNG ĐỐI

Một ngày kia, Sư ⁽¹⁾ rảnh rang, hàng môn đệ sau trước đứng hầu. Bấy giờ có một môn tăng hỏi :

— Bạch Thượng sĩ ⁽²⁾: Tôi cho rằng sống chết là việc lớn. Nó vô thường và mau lẹ. Chưa rõ tấm thân này từ đâu sinh ra? Chết rồi sẽ đi đâu?

Sư đáp :

*Đôi vành ⁽³⁾ luân chuyển giữa bầu trời,
Biển cả lo gì chút bọt trôi.*

Lại hỏi :

— Thế nào là đạo?

Sư đáp :

— Đạo không ở trong câu hỏi. Câu hỏi không ở trong đạo.

Lại hỏi :

— Hàng đại đức xưa nói : « Vô tâm tức là đạo », đúng chăng?

Sư đáp :

*Vô tâm nào phải đạo
Vô đạo cũng vô tâm.*

Sư lại nói tiếp :

— Nếu họ bảo « Vô tâm là đạo » thì tất cả cây cỏ đều là đạo cả sao? Bằng ngược lại nói « Vô tâm không phải là đạo », thì sao còn nói chuyện « hữu », « vô » làm gì? Hãy nghe bài kệ của ta :

*Vốn không tâm không đạo,
Có đạo chẳng không tâm.
Tâm, đạo là hư tịch,
Biết nơi nào truy tìm?*

Môn tăng bừng tỉnh, lĩnh ý, vội lui ra.

•

Hỏi :

— Bạch Thượng sĩ. Thế nào là đại ý của Phật pháp?

Sư đáp :

*Đầu ngao vỗ sóng, mắt sâu họ,
Cánh bằng lướt gió, ruột kiến trùng.*

Lại hỏi :

— Như vậy thì người học đạo làm thế nào để bước vào nơi đó?

Sư đáp :

*Gãi ngựa phải đầu ngựa của người,
Đói ăn chính thật bụng nhà người.*

Lại hỏi :

— Thế nào là thanh tịnh Pháp thân ?

Sư đáp :

*Ra vào trong nước đui trâu,
Chui rúc giữa đồng phân ngựa.*

Lại hỏi :

— Vậy làm thế nào mà chứng ngộ được ?

Sư đáp :

— Không có niệm như bản tức là pháp thân thanh tịnh. Hãy nghe bài kệ của ta :

*Xưa nay không bẩn, sạch,
Bẩn, sạch đều hư danh.
Pháp thân không vương mắc,
Nào « trọc » với nào « thanh »!*

Lại hỏi :

— Quy Sơn⁽⁴⁾ nói : « Trăm năm sau lão tăng này sẽ xuống núi làm con trâu nước ». Ý nghĩa thế nào ?

Sư đáp :

*Nếp hồng mở lại hạt anh vũ,
Ngó biếc ngồi trơ nhánh phượng hoàng⁽⁵⁾.*

Lại hỏi :

— Xưa Thái tử Tất Đạt Đa⁽⁶⁾ vào miếu Thiên-thần, tượng thần sụp lạy dưới chân, việc ấy thế nào ?

Sư đáp :

*Xòe ra vẫn một bàn tay,
Ấn vào mắt đã hóa ngàn nghìn hình⁽⁷⁾.*

Hỏi :

— Nam Tuyền⁽⁸⁾ bân mình, ý nghĩa thế nào ?

Sư hỏi lại :

— Còn lúc chưa bân mình, thì ý nghĩa thế nào ?

Môn tăng không đáp được.

Sư quát lên, và đi ra.

Hỏi :

— Hòa thượng Thủy Lạp lần đầu tiên đến tham bái Mã tổ⁽⁹⁾, hỏi về ý nghĩa việc « từ phương Tây tới »⁽¹⁰⁾. Tổ liền đáp cho một đáp ngã nhào. Thủy Lạp ngồi dậy, bưng tỉnh, vỗ tay cười ha ha. Vậy là ý thế nào ?

Sư đáp :

*Cái đáp của rồng voi,
Sức lư nào chịu nổi.*

Lại hỏi :

— Về sau, mỗi khi gọi bảo cho học trò, Thủy Lạp nói : « Từ khi ăn đáp của Mã tổ. Cười đến bây giờ vẫn chưa thôi ». Thế là ý nghĩa gì ?

Sư đáp :

*Quả thật tiếng gầm sư tử,
Phải đâu giọng rú cáo đồng.*

Lại hỏi :

— Đệ tử không hiểu.

Sư bèn đọc bài kệ để gợi ý :

*Một đáp ngã nhào,
Ai hay giảng rõ.
Trỗi dậy cả cười,
Lại sinh buồn khổ.
Hiếu lễ « Tây sang »⁽¹¹⁾,
Ngựa tơ ăn cỏ.*

Môn tăng vái, lui ra.

»

Hỏi :

— Dám bạch Thượng sĩ : « Trúc xanh biêng biếc, Thủy đều pháp thân », đúng chăng ?

Sư đáp :

*Sa-di măng suối chèn ngày xưa,
Nào phải pháp thân người hiện giờ.*

Lại hỏi :

— « Rực rỡ hoa vàng, đều là bát nhã » ý nghĩa thế nào ?

Sư đáp :

*Bồ-đề nào phải ở hoa đào,
Giác ngộ Linh Vân, hỏi có sao ?⁽¹²⁾*

Lại hỏi :

— Có ba vị sư trưởng đi vân du các nơi, giữa đường gặp một con hổ, ai nấy đều đi qua cạnh nó. Bấy giờ như thế nào ?

Sư đáp :

*Gió xao, hoa rậm quẩn gì,
Trống chìm tận đáy, nào vì suối sâu (13).*

Lại hỏi :

— Quy Tông (14) nói : « Lớn tựa con mèo », đó là ý gì ?

Sư đáp :

— Miệng nói không bằng mình gặp.

Lại hỏi :

— Trí Kiên (15) nói : « Lớn như con chó », đó là ý gì ?

Sư đáp :

— Lão ấy đã nắm được cái cơ rữ sạch lảng lảng. Nhưng có điều đáng tiếc.

Lại hỏi :

— Còn ý Sư thế nào ?

Sư đáp :

— Con chó.

Lại hỏi :

— Nam Tuyền (16) nói : « Đó là con cọp lớn », đó là ý gì ?

Sư đáp :

— Chân không chấm đất.

Hỏi :

— Hương Nghiêm (17) lầu thông Tam tạng (18), tại sao sự việc không hiện ra trước mắt ?

Sư đáp :

— Trường Phong (19) cầm gậy trúc.

Lại hỏi :

— « Nghe tiếng đánh vào trúc mà quên hết điều hiểu biết » (20), ý nghĩa thế nào ?

Sư đáp :

— Ông chài mất cái thoi dệt cửi vàng.

Lại hỏi :

— Thế nào là Pháp thân ?

Sư đáp :

*Bên ao thấy một đôi,
Dưới trăng vui ba người (21).*

Lại hỏi :

— Pháp thân với sắc thân, giống nhau hay khác nhau ?

Sư đáp :

*Gươm mang hiệu Long-tuyền,
Ngọc xưng tên hổ phách (22).*

Hỏi :

— Phật Thế Tôn (23) nói : « Suốt bốn mươi chín năm nay, ta chưa hề nói một tiếng nào », thế thì mười hai phân giáo (24) do đâu mà có ?

Sư đáp :

*Kiểm vung khỏi hộp mong về lại,
Thuốc báu lìa bình muốn bệnh tiêu.*

Lại hỏi :

— Thế nào là Phật chính mình ?

Sư đáp :

*Không nhấp rượu bồ đào,
Khó tìm người đáp hũ.*

Lại hỏi :

— Làm thế nào mà biết được ?

Sư đáp :

*Một đêm cùng ngủ nhà to,
Gặp con sông rộng chung đò cùng sang.*

Lại hỏi :

— Thế nào là tâm của cô Phật ?

Sư đáp :

*Đều bảo khắp thành không quốc sắc,
Hay đâu cửa tia có thuyền quỳnh.*

Lại hỏi :

— Người xưa nói « tức tâm tức Phật », mà sao Phật không hiện ra trước mắt ?

Sư đáp :

*Mồ trai, dầu vẫn khó tìm châu,
Mồ cá, đờng mong dễ kiếm đầu.*

Lại hỏi :

— « Không thể dùng « tri » mà biết, không thể dùng « thức » mà hiểu », thế thì nên làm thế nào ?

Sư đáp :

Người gổ⁽²⁵⁾ tìm xuống biển,

Ca hát khúc vô sinh⁽²⁶⁾.

Gái đá⁽²⁵⁾ lướt mây xanh,

Thời điệu buồn tất lật⁽²⁷⁾.

Lại hỏi :

— Thế nào là « vô thức cũng vô tri » ?

Sư đáp :

Không Nhân chưa trình rõ,

Tại « thức » ngựa « truy phong »⁽²⁸⁾ ;

Tiết Chúc hẩn khó lòng,

Giới « tri » gươm « tiết vũ »⁽²⁹⁾.

Lại hỏi :

— « Thấy sắc liền nghe tâm », ý nghĩa thế nào ?

Sư đáp :

Vào nước « cõi trần » nên bỏ khổ⁽³⁰⁾,

Đừng học Hàm-đan quên ngọc-đào⁽³¹⁾.

Dám hỏi :

— Gia phong của Thượng sĩ thế nào ?

Sư đáp :

Nhân, kêu vợ đón quả rừng,

Lười câu cá suốt, xin cùng hạc tranh.

Lại hỏi :

— Tỏ ý và giáo ý giống nhau hay khác nhau ?

Sư đáp :

Sóng, nước tuy hai chẳng cách xa,

Hoa dù nở, nụ vẫn là hoa.

Lại hỏi :

— Bồ-đề⁽³²⁾ và phiền não⁽³²⁾, giống nhau khác nhau thế nào ?

Sư đáp :

Vị muối trong nước biển,

Sắc keo giữa màu xanh⁽³⁴⁾.

Lại hỏi :

— Thế nào là nghiệp sinh tử?

Sư đáp :

Sương thu li tách bờ lau,
Tuyết đêm lất phất dưới bầu trời trắng (35).

Lại hỏi :

— Đạt Đa (36) không tu định tuệ (37), tại sao vẫn thành Phật như thường?

Sư đáp :

Trên cây, đào thắm đúng kỳ,
Cúc vàng bên dậu chắc gì đã xuân.

Lại hỏi :

— Ngồi thiền tập định thì thế nào?

Sư đáp :

— Vua chúa xuống xe chào ếch bương (38).

Lại hỏi :

— Không ngồi Thiền tập định thì thế nào?

Sư đáp :

— Thuyền Phạm Lãi sông hồ thỏa thích (39).

Hỏi :

— « Muốn đạt đến đường vô sinh, cần biết rõ cội nguồn ». Thế nào là cội nguồn?

Sư đáp :

Tìm nguồn không có cội,
Bám cội thấy đâu nguồn.

Lại hỏi :

— Trong giáo lý nói : « Không tức là sắc, sắc tức là không », ý nghĩa thế nào?

Sư im lặng giây lâu, hỏi :

— Đã hiểu chưa?

Đáp lại :

— Chưa hiểu.

Sư nói :

— Người có sắc thân không?

Đáp lại :

— Có.

Sư nói :

— Vậy sao nói « sắc tức là không ? »

Lại nói tiếp :

— Người có nhìn thấy cái « không » có trạng mạo gì không ?

Đáp lại :

— Không.

Sư nói :

— Vậy sao nói « không tức là sắc ».

Lại hỏi :

— Rốt cuộc là thế nào ?

Sư nói :

Sắc vốn chẳng phải không.

Không vốn không phải sắc.

Môn tăng lễ tạ.

Sư bảo :

— Nghe kệ ta đây :

Sắc tức là không, không tức sắc.

Ba đời chư Phật⁽⁴⁰⁾ quyền biến đặt,

Không vốn không sắc, sắc không không,

Thề tình sáng lâu, chẳng được mất.

Héi.

ĐỖ VĂN HỖ — HUỆ CHI

KHẢO ĐỊNH :

CÁC DI BẢN : TSNL1, TSNL2,

1* TSNL1 : sư tử 師子, không có nghĩa.

2* TSNL1 : dã can 野干, không có nghĩa.

3* TSNL1 : nhận 釧; TSNL2 : chú thêm : *khủng kiếm 恐劍*; nghĩa là : có lẽ là chữ kiếm. Ở đây, chữa lại theo TSNL2.

4* TSNL1, TSNL2 : đều là khí 氣. Có lẽ là chữ *kiếm 劍* thì đúng hơn. Biểu tượng « kiếm rời hộp báu, thuốc thoát bình vàng » được dùng phổ biến trong kinh kệ đạo Phật, và cả trong thơ văn Phật giáo thời Lý-Trần. Ở đây tạm chữa lại.

5* TSNL1 : *khỏa 褻*, không có nghĩa. TSNL2 chú : *khủng khỏa 恐裸*; nghĩa là có lẽ là chữ *khỏa* (khỏa thân). Ở đây, chữa lại theo TSNL2.

CHÚ THÍCH :

(1) Sư : tức Thượng sĩ Tuệ Trung.

(2) *Thượng sĩ* : hay cũng gọi là Đại sĩ, tức là Bồ-tát. *Du giả luận 瑜伽論* giải thích : không lợi mình lợi người là Hạ sĩ. Có lợi mình không lợi người là Trung sĩ. Được cả hai thứ là Thượng sĩ.

- (3) *Đôi vành chuyền* (song phi cốc) : xuất xứ từ câu thơ 日月轉雙轂, 古今同
一丘. *Nhật nguyệt chuyền song cốc* ; Cỗ kim đồng nhất khấu. Nghĩa là : « Mặt trời
mặt trăng chuyền vắn như hai bánh xe. Xưa nay người ta đều trở về một nấm mồ ».
Cả hai câu của Tuệ Trung muốn nói : nếu đã hiểu sự vận hành của thời gian là nhanh
chóng không cưỡng được, thì sự sống phết của con người chỉ như một chút bọt giữa
biển cả, không cần gì phải lo lắng.
- (4) *Quy Sơn* : tức Thiền sư Linh Hựu 靈祐, xem Cht. 19, bài *Niệm tụng kệ*, số 21, của
Trần Cảnh. Theo *Thiền lâm bảo giám* 禪林寶鑑 thì một hôm ông lên giảng
đường nói rằng : trăm năm sau nữa, lão tăng này sẽ làm một con trâu đen ở nhà người
dân viết dưới chân núi. Hồng bên hữu viết năm chữ : « lão sư Quy Sơn nọ... » Đương
nhiên lúc bấy giờ ai muốn gọi thầy tăng núi Quy-sơn là con trâu đen, hay gọi con trâu
đen là thầy tăng núi Quy-sơn đều được cả.
- (5) Hai câu thơ này Tuệ Trung rút từ bài *Thu hứng* 秋興, của Đỗ Phủ 杜甫. Hai
câu thơ nổi tiếng ở cấu trúc đảo trang tảo bạo của chúng. Lẽ ra, nếu xếp theo trật tự
ngữ pháp bình thường thì phải là :

Anh vũ trác tàn hồng đạo lập,

Phượng hoàng thê lão bích ngô chi.

Nghĩa là :

Chim anh vũ mờ thừa hạt nếp đỏ,

Chim phượng hoàng đậu già cành ngô đồng biếc.

- (6) *Tất Đạt Đa* : tên của Phật Thích Ca khi còn là Thái tử. Xem Cht. 19, bài *Phổ khuyến
phát bồ-đề tám*, số 7, của Trần Cảnh.
- (7) Đề gọi bảo « tỉnh thấy » cho ông A Nan (Ananda), Phật đã dùng cách co năm ngón tay
lại, rồi lại mở ra, mở ra rồi lại co lại, và hỏi rằng : « Ông thấy gì ? ». A Nan đáp : « Tôi
thấy bàn tay « bách bảo luân » của Như Lai lúc mở lúc nắm ». Phật bảo : « Ông thấy tay
tôi khi mở khi nắm, đó là tay tôi khi mở khi nắm hay là « cái thấy » của ông có mở có
nắm ». A Nan đáp : « ... Tôi thấy bàn tay của Thế Tôn tự mở tự nắm chứ không phải
« tỉnh thấy » của tôi có mở có nắm ». Tuệ Trung dẫn điển tích này để nhắc nhở học
trò rằng không nên đồng nhất giữa « cái thấy » và các hiện tượng diễn ra bên ngoài :
các hiện tượng bên ngoài đập vào mắt ta là vọng động, là giả, cũng như ta ấn tay vào
mắt thì thấy nhiều đốm hoa trong không trung. Và như vậy, việc Thái tử Tất Đạt Đa
vào miếu thần, tượng thần sụp lạy, cũng là một hiện tượng giả, là huyền thoại mà thôi.
Xem Cht. 2, bài *Kiến giải* ; số 61, cùng tác giả.
- (8) *Nam Tuyền* : tức Thiền sư Phổ Nguyên 普願, xem Cht. 21, bài *Niệm tụng kệ*, số 21,
của Trần Cảnh. Theo *Ngũ đăng hội nguyên* 五燈會元, một hôm ông lên giảng
đường nói với chúng sinh : « Lão tăng bán mình đây, có ai mua thì mua ». Một môn
tăng nói : « Tôi mua ». Ông bảo : « Giá bán không đắt, không rẻ, không mua sao được ? ».
Môn tăng im lặng.
- (9) *Mã lô* : xem Cht. 2, bài *Phổ thuyết hướng thượng nhất lộ*, số 8, của Trần Cảnh.
- (10) (11) *Từ phương Tây tới ; Tây sang* : đều dịch từ chữ « Tây lai », xem Cht. 34, bài *Niệm
tụng kệ*, số 21, của Trần Cảnh.
- (12) *Linh Vân* : tức Thiền sư Chí Càn 志勳 cao tăng đời Đường, tu ở núi Linh-vân
靈雲, Phúc châu 福州, nên có hiệu là Linh Vân. Theo *Ngũ đăng hội nguyên*
五燈會元 lúc đầu ông theo học ở Quy-sơn 為山, một hôm nhân nhìn hoa
đào nở mà ngộ đạo. Ông có làm bài kệ :

三 十 年 來 尋 劍 客
幾 回 落 葉 又 抽 枝
自 從 一 見 桃 花 後
直 到 如 今 更 不 疑

Tam thập niên lai tầm kiếm khách,
 Kỷ hồi lạc điệp hựu trưu chí.
 Tự tông nhất kiến đào hoa hậu,
 Trục đảo như kim cánh bất nghi.

Nghĩa là :

Ba mươi năm qua ta như người khách đi tìm gương,
 Đã mấy phen hoài công làm rụng lá lại lay cành.
 Từ sau khi được thấy hoa đào nở,
 Cho đến hôm nay thực không còn chút nghi ngờ gì nữa.

- (13) Cả hai câu này nhằm diễn tả ý nghĩa của hai chữ « vô ngại ». Vô ngại là hoàn toàn thông suốt, không có gì ngăn cách. Như luồng gió thổi, dù đám hoa rậm mấy cũng qua lọt, như ánh trăng chiếu dù khe sâu mấy cũng tới đây.
- (14) (15) (16) Là tên ba nhà sư trong câu chuyện đi vân du gặp cọp. Sư Quy Tông nói cọp lớn như con mèo, sư Tri Kiên nói cọp lớn như con chó. Còn sư Nam Tuyên nói : lớn như con cọp không lồ.
- (17) *Hương Nghiêm* : tức Thiền sư Tri Nhân 智閑 quê ở Đặng-châu 鄧州
- (18) *Tam Tạng* : ba kho kinh điển của nhà Phật, chia làm *Kinh tạng*, *Luật tạng* và *Luận tạng*.
- (19) *Trưởng Phòng* : tức Phi Trưởng Phòng 費長房 người đời Hậu Hán 後漢 có thuật thần tiên, cưỡi cái gậy trúc, tha hồ đi đồ đi đây, hóa xa thành gần, đường nghìn dặm ở ngay trước mắt. Tuệ Trung mượn ý này để nói Hương Nghiêm là người đã đạt tới chỗ hoàn toàn tự tại.
- (20) Theo *Truyền đăng lục* 傳燈錄 Thiền sư Tri Nhân học đạo rất giỏi và rất tự đắc về hiểu biết của mình. Một hôm có người hỏi ông về cái gọi là « bản lai diện mục », ông không trả lời được, hồ thẹn, đốt hết kinh sách và tìm một cái hang mà tu. Một ngày kia vào rừng phật cổ, ông lấy hòn đá đánh vào cây trúc bật thành tiếng, và đột nhiên tỉnh ngộ. Ông bèn làm bài kệ, trong đó có câu « kích trúc vong sở tri » kể trên.
- (21) Ý câu này nói Phật có ba thân : pháp thân, hóa thân, và báo thân, nhưng vẫn là một. Cũng như người đứng bên ao, mình với bóng tuy là hai, nhưng kỳ thực vẫn là một.
- (22) Tuệ Trung mượn hai câu này để nói pháp thân và sắc thân tuy hai mà một, vì pháp thân là chân tướng còn sắc thân chỉ là biểu hiện ảo giác của pháp thân. Cũng như thanh kiếm và tên Long-tuyên, viên ngọc và tên hồ phách, tuy hai mà vẫn là một.
- (23) *Phật Thế Tôn* : tức Phật Thích Ca. Xem. Cht. 19, bài *Phổ khuyến phát bồ-đề tâm*, số 7, của Trần Cảnh.
- (24) *Mười hai phân giáo* (thập nhị phân giáo) : tức là 12 bộ kinh :
 1. Tu đà la 修多羅 ; 2. Kỳ đà 祇夜 ; 3. Già đà 伽陀 ; 4. Ni đà na 尼陀那 ; 5. Y đế mục da già 伊帝目多伽 ; 6. Đồ da già 闍多伽 7. A phú đạt ma 阿浮達磨 ; 8. A ba da na 阿波陀那 9. Ưu bà đề xá 優婆提舍 10. Ưu đà na 優陀那 ; 11. Tỳ phát lực 毘佛略 12. Hòa già la 和伽羅
- (25) *Người gỗ, Gái đá* : xem Cht. 23, bài *Phổ thuyết hương thượng nhất lộ*, số 3 của Trần Cảnh.
- (26) *Khúc vô sinh* : xem Cht. 1, bài *Điều liên sư* số 67, cùng tác giả.
- (27) *Tất lật* : một nhạc cụ sản xuất từ đất Hồ. Thanh âm của nó bí ai, nên người ta còn gọi là bí lật. Xem thêm Khảo đính 4*, bài *Tụng cổ*, số 112, cùng tác giả.
- (28) *Khổng Nhân* : tức Khổng Phương Nhân 孔方仁. Theo *Tán luận* 新論 thì Khổng Phương Nhân có tài xem ngựa. Lúc còn ngựa còn chưa chạy « nhanh như gió », « nhanh như chớp », « chạy không bốc bụi », « chạy không trông thấy bóng », mà ông đã thấy hết cái nhanh của thể chân ngựa.

- (29) *Tiết Chúc* : cũng theo *Tân luận*, ông này là người sành xem kiểng. Khi thanh kiểng chưa «chém con huyền tể ở trên cạn», chưa «chém sợi lông nhẹ ở dưới nước» (tiết vũ), nhưng ông đã thấy hiện ra cái thể sắc bén của thanh kiểng. Ý của cả hai câu trên đây: sở dĩ người ta «vô thức» và «vô tri» là vì người ta chưa có cái «thức» của Không Nhân và cái «tri» của Tiết Chúc.
- (30) *Nước «cởi trần»* (Khỏa quốc): xem Cht. 1, bài *Vật bất năng dung*, số 92, cùng tác giả.
- (31) *Học Hàm-dan*: tức «Hàm-dan học bộ» học đi ở đất Hàm-dan. Theo Thành Huyền Anh 成玄英, người ở Hàm-dan kinh đô nước Triệu 趙, đi rất giỏi, nên những người tuổi trẻ ở nước Yên 燕 từ xa đến học. Nhưng chưa học được cách đi của người Hàm-dan thì đã quên mất bản tính của mình. Ý cả hai câu thơ trên muốn nói: mỗi tủy theo căn cơ của mình mà ngộ đạo, chứ đừng nên gượng ép, bắt chước, nhất định thất bại.
- (32) *Bồ-đề*: xem Cht. 1, bài *Phổ khuyến phát bồ-đề tâm*, số 7, của Trần Cảnh.
- (33) *Phiền não*: xem Cht. 3, bài *Chi tâm phát nguyện*, số 42, của Trần Cảnh.
- (34) Hai câu này muốn giải thích «bồ-đề» và «phiền não» tuy đối lập nhưng lại không tách rời nhau.
- (35) Tác giả muốn nói «nghiệp sinh tử» là vô thường và mau chóng, giống như hai sương đầu ngọn cỏ, như một bông tuyết giữa đêm trăng.
- (36) *Dật Đa*: tức A-Dật Đa, tên của Di Lặc Bồ-tát. Xem Cht. 15, bài *Phổ thuyết hương thượng nhất lộ*, số 8, của Trần Cảnh.
- (37) *Định, tuệ*: xem Cht. 1, bài *Giới định tuệ luận*, số 9, của Trần Cảnh.
- (38) Câu này xuất phát từ điển cổ sau: vua nước Việt 越 sắp đánh nước Ngô 吳, muốn cho quân sĩ dũng cảm xông trận, nên khi ra đi, thấy con ếch có nộ khí ở bên đường, ông liền xuống xe kính cẩn chào. Người hầu hỏi: Vì có gì bệ hạ làm vậy? Vua đáp: Vì con ếch có dũng khí. Sĩ tốt nghe vậy liền nói con ếch có dũng khí vua còn kính trọng, huống chi là người. Cả câu chỉ muốn nói rằng người tu tập thiền định cần coi trọng dũng khí.
- (39) Câu trả lời của Tuệ Trung muốn nói: nếu không tu tập thiền định thì tha hồ tự do, giống như Phạm Lãi 范蠡 nước Sở 楚 thời Xuân thu, sau khi đã giúp Câu Tiễn 勾踐 diệt xong nước Ngô rồi liền bỏ quan, lên thuyền trên con thuyền ở vùng Ngũ-hồ. 五湖
- (40) *Ba đời chư Phật*: (tam thế Như Lai): xem Cht. 3, bài *Khải bạch*, số 27, của Trần Cảnh.

112

頌古

舉。

涅槃經云。

諸行無常

是生滅法。

師云。

誰生滅。

頌曰。

諸竹無常
是生滅法
三界兩蒙
十方風颯
九聖不居
龍蛇非混
諸竹無常
生滅之心
若逢凍驪
未免欄胸
咄
不見陽和
能看桃李
開。

舉

生滅已
寂滅為樂。

師云。

淵明攢眉作麼。

頌曰。

生滅已
寂滅為樂
鈍鳥謾棲蘆
困魚閑止泊
不管身起病
不恐勞手作藥
休將負重擔
過獨木橋著
歸家罷問程
從何來失跡
萬一不謀已
依前看謀畧
嘆
若也得不到
胡為迷荻岸
武陵溪。

舉。

維摩經云。

觀身實相
觀佛亦然。

師一笑。

頌曰。

觀身實相
觀佛亦然
求厨落地
仰面窺天
本來無寸腹
今日有多愆
無縛還求縛
無纏却就纏
虎踞真虎踞
龍眠是龍眠
欲知身與佛
種藕出紅蓮
玉鑑團團生海角
只因控目有移遷。

舉

華嚴經云。

一切法不生
一切法不滅
若能如是解
諸佛常現前。

師云。

看看。

又云。

高聲告靜
止餅喫麵。

喝。

頌曰。

黃頭饒舌賺眾生
處處眠時獨自行

頌曰

紫兔銜尖玉板新
暗描窈得本承身
縱饒打殺還燒却
天上人間能幾人。

舉。

瀉山封一面鏡。寄仰山。山上堂提懸云。
且道是瀉山鏡。是仰山鏡。有人道得。卻
不撲破。眾無語。師乃撲破。

師云。

未免瀉山褐

又云。

以細竹而棄大衆

頌曰。

寶鏡緘封一向前
提撕妍醜自俱全
破將却負鎔來意
只許清光自在懸。

舉。

老子曰。寵辱若驚。

師云。

手中巧畫千般物
心上緣生萬慮憂。

頌曰。

寒自著衣熱脫衣
無寒無熱有誰知
但看御柳宮花色
不獨尋春壞四時

舉。

臨濟到塔主。塔主曰。先禮佛先禮
祖。師曰。祖佛俱不禮。塔主曰。祖佛
與長老。有什麼冤家俱不禮。師便
拂袖而出。

師云。

得騎虎頭
不捋虎鬚。

頌曰。

一重拂袖等閒行
塔主瞞肝汗不生
佛祖到頭俱不禮
秋光曉潤玉璚珠。

舉。

陳尊者問僧什麼處來。僧瞪目視之。

師云。

驢前馬後漢
道將一句來。

僧無語。

頌曰。

驢前馬後莫橫衡
馬踏驢蹄作麼生
昨夜夢中人說語
兩屍埋下一長坑。

舉。

景通後住霍山。有行者問如何是佛法大意。師乃禮拜。行者云和尚爲什麼禮俗人。師曰。汝不見道尊重弟子。

師云。

唯之與阿。相去幾何。

又師問什麼處來。僧提起坐具。師曰。龍頭蛇尾。

師云。

月影不是一家計。活。

又汝乃 僧打趁 問我出 如有 何道 是理 佛我 師打 打汝 之無 僧道 亦理 打僧 師無 師語 曰師

師 云一一 箇箇 將伏 以雞 暴搏 兵狸 當乳 無犬 義犯 矣虎

頌 曰 戒清解聲 功國戰秋 未六酣撼 伯聞槍馬 三傳千萬 軍帝了聞 將一纔又

舉 家麼看 譚不生尼 空用師曰 和尚龍得 和開云變 法成老乃 說歲與師 堂八汝精 開女變狐 欲龍八野 尼曰十是 有尼女只 尚堂龍得 和開云變 法成老乃 說歲與師 堂八汝精 開女變狐 欲龍八野 尼曰十是 有尼女只

師 云是 即 是 猶 滯 一 線 道

頌 曰 談籃旨三 玄放意三 欲也精後 法籃狐與 妙携野三 憐奈趁三 深爭打前

PHIÊN ÂM :

TỤNG CỒ

Cử :

— Niết bàn kinh văn :

*Chư hành vô thường,
Thị sinh diệt pháp.*

Sư vấn :

— Thù sinh diệt ?

Tụng viết :

*« Chư hành vô thường,
Thị sinh diệt pháp »
Tam giới vũ mông mông,
Thập phương phong táp táp.
Phàm thánh bất đồng cư,
Long xà phi hỗn tạp.
Chư hành vô thường nhất thiết không,
Sinh diệt chi tâm thù vẫn đáp ?
Nhược phùng đồng nững lão Cồ-đàm,
Vị miễn lan hung đáp.
Đốt !
Bất kiến dương hòa sắc,
Năng khan đao lý khai.*

Cử :

*« Sinh diệt diệt dĩ,
Tịch diệt vi lạc ».*

Sư vấn :

— Uyên Minh toàn mi tác ma ?

Tụng viết :

*« Sinh diệt diệt dĩ,
Tịch diệt vi lạc »
Độn điều man thê lộ,
Khốn ngư nhân chỉ bạc^{1*}.
Bất quản thân khởi bệnh,
Khủng lao thủ tác được.*

Hưu tương phụ trùng đờm,
 Quá độc mộc kiều trước.
 Quy gia bãi văn trình,
 Tông hà lai thất cước.
 Vạn nhất bất đắc dĩ,
 Y tiền khán mưu lược.
 Di!
 Nhược dã bất nhân mê địch^{2*} ngàn,
 Hồ vi đắc đảo Vũ-lăng khê.

Cử :

— Duy ma kinh văn :

« Quán thân thực tướng,
 Quán Phật diệc nhiên ».

Sư nhất tiểu.

Tụng viết :

« Quán thân thực tướng,
 Quán Phật diệc nhiên ».
 Cầu châm lạc địa,
 Ngưỡng diện khuy thiên.
 Bản lai vô thốn phúc,
 Kim nhật hữu đa khiên^{3*}.
 Vô phọc hoàn cầu phọc,
 Phi triền khước trụ triền.
 Hồ cừ chân hồ cừ,
 Long miên thị long miên.
 Dục tri thân dữ Phật,
 Chủng ngẫu xuất hồng liên.
 Ngọc giám đoàn đoàn sinh hải giác.
 Chỉ nhân niết mục hữu di thiên.

Cử :

— Hoa nghiêm kinh văn :

« Nhất thiết pháp bất sinh,
 Nhất thiết pháp bất diệt,
 Nhược năng như thị giải,
 Chư Phật thường hiện tiền ».

Sư vản :

— Khán ! Khán !

Hữu vản :

*Cao thanh cáo tĩnh,
Chỉ bính khiết miễn.*

Hát.

Tụng viết :

*Hoàng đầu nhiều thiết thiêm chúng sinh,
Xíc xíc miên thời độc tự hành.
Bất quản dạ lan do mộng lý.
Đỉnh đông phượng khuyết hiều thối canh.*

Cử :

— Vạn Tuế Thiên sư. Tăng vản : « Đại chúng vân tập », hợp đàm hà sự ? ». Sư vản : « Tự phạm đệ nhất ».

Sư vản :

— Đệ nhị diệc đắc.

Tụng viết :

*Xuất tự phạm đệ nhất,
Thượng hạ vô đẳng sát.
Trí giả vô thực hư,
Mê nhân sinh đắc thất.
Mộc nhân vũ thác chi,
Thạch nữ xuy tất lật^{4*}.
Dục cầu minh thử ý,
Bát nhĩ ba-la-mật.*

Cử :

— Tăng vản Trường Sa Sầm : « Khâu dẫn trăm vi lưỡng đoạn, lưỡng đầu câu động ; Phật tỉnh tại na đầu ? » Sa vản : « Động dữ bất động, thị hà cảnh giới ? »

Sư vản :

*Lưỡng biên phi động,
Động tại như biên.*

Tụng viết :

*Khâu dẫn trăm vi lương đoạn thi,
Lương đầu câu động hữu thủy tri.
Vấn lai Phật tính toàn nan đắc,
Cò phụ khoa trường tạc lục quy.*

Cử :

— Triệu Châu : Hữu tăng tả đắc sư chân, trình sư. Sư vân : « Thả đạo : Tự ngã ? Bất tự ngã ? Nhược tự ngã, đả sát lão tăng. Nhược bất tự, tức thiếu khước chân ». Tăng vô ngữ.

Sư vân :

— Câu thị phi công phu.

Tụng viết :

Từ thổ^{5} phong tiềm ngọc bản tân.
Ám miêu uyển đắc bản lai thân.
Tùng nhiều đả sát hoàn thiếu khước,
Thiên thượng nhân gian năng kỷ nhân.*

Cử :

— Quy Sơn phong nhất diện kính, ký Ngưỡng Sơn. Sơn thượng đương đề khởi vân : « Thả đạo ! Thị Quy Sơn kính ? Thị Ngưỡng Sơn kính ? Hữu nhân đạo đắc, tức bất phác phá ». Chúng vô ngữ. Sư nãi phác phá.

Sư vân :

— Vị miên Quy Sơn hạt.

Hựu vân :

— Dĩ tế hạnh nhi khí đại thừa.

Tụng viết :

*Bảo kính châm phong nhất hương tiền,
Đề tư nghiên xú tự câu tuyền.
Phá tương khước phụ dùng lai ý,
Chỉ hứa thanh quang tự tại huyền.*

Cử :

— Lão Tử viết : « Sùng nhục nhược kinh ».

Sư ^{6*} văn :

*Thủ trung xảo họa thiên ban vật,
Tâm thương duyên sinh vạn lý tru.*

Tụng viết :

*Hàn tự trước ý nhiệt thoát ý,
Vô hàn vô nhiệt hữu thù tri ?
Đãn khan ngư liễu cung hoa sắc,
Bất độc tâm xuân hoại từ th.*

•

Cử :

— Lâm Tế đảo tháp chủ. Tháp chủ viết : « Tiên lễ Phật ? Tiên lễ Tổ ? ».

Sư viết : « Tổ Phật câu bất lễ ». Tháp chủ viết : « Tổ Phật dữ Trùng lão hữu tháp ma oan gia ^{7*} câu bất lễ ? ». Sư tiên phát tự nhi xuất.

Sư văn :

*Đắc kỳ hồ đầu,
Bất loát hồ tu.*

Tụng viết :

*Nhất trùng phát tự đẳng nhân hành,
Tháp chủ man can hãn bất sinh.
Phật Tổ đảo đầu câu bất lễ,
Thu quang hiền giản ngọc sùng vinh.*

•

Cử :

— Trần tôn giả văn tăng tháp ma xứ lai. Tăng trừng mục thị chi.

Sư văn :

*Lư tiền mã hậu hán !
Đạo tương nhất củ lai.*

Tăng vô ngữ. Tụng viết :

*Lư tiền mã hậu mạc hoành hành,
Mã đạp lư đề tác mã sinh ?
Tạc dạ mộng trung nhân tấn ngữ,
Lưỡng thi mai hạ nhất trường khanh.*

•

Cử :

— Cảnh Thông hậu trụ Hoắc-son. Hữu hành giả vấn : « Như hà thị Phật pháp đại ý ? » Sư nãi lễ bái. Hành giả vấn : « Hòa thượng vị thập ma lễ tục nhân ? » Sư viết : « Nhữ bất kiến đạo : tôn trọng đệ tử ».

Sư vấn :

— Dục chi dữ a **, tương khứ kỷ hà ?

Hữu sư vấn : « Thập ma xứ lai ? ». Tăng đề khởi tọa cụ. Sư viết : « Long đầu xà vĩ ».

Sư vấn :

— Nguyệt ảnh bất thị nhất gia kế hoạt.

Hữu tăng vấn : « Như hà thị Phật ? ». Sư tả chi. Tăng diệp tả sư. Sư viết : « Nhữ tả ngã hữu đạo lý. Ngã tả nhữ vô đạo lý ». Tăng vô ngữ. Sư nãi sản xuất.

Sư vấn :

— Nhất cá tương dĩ bạo binh, đương vô nghĩa hỹ

— Nhất cá phục kê bác lý, nhữ khuyển phạm hồ.

Tụng viết :

Tướng quân tam bá vị công thành,

Nhất đế truyền văn lục quốc thanh.

Tài liệu thiên thương cam chiến giải,

Hữu văn vạn mã hãm thu thành.

•

Cử :

— Đàm Không Hòa thượng. Hữu ni dục khai đường thuyết pháp. Sư viết : « Ni nữ gia bất dụng khai đường ». Ni viết : « Long nữ bất tếu thành Phật, hựu tác thập ma sinh ? ». Sư vấn : « Long nữ thập bát biến, nhữ dữ lão tăng thị nhất biến khán ! ». Ni viết : « Biến đặc chỉ thị dã hồ tinh ». Sư nãi tả sản.

Sư vấn :

— Thị tức thị, do trệ nhất tuyến đạo.

Tụng viết :

Thâm lân diệu pháp dục huyền đàm,

Tranh nại huề lam dã phóng lam,

Đã sản dã hồ tinh ý chỉ,

Tiền tam tam dữ hậu tam tam.

DỊCH NGHĨA :

TỤNG CỒ (1)

PHÁP SINH DIỆT (2)

Nêu :

— Kinh Niết-bàn nói :

« Muốn vật vô thường,
Ấy sinh diệt pháp » (3).

Sư (4) hỏi :

— Ai sinh diệt ?

Tụng rằng :

« Muốn vật vô thường,
Ấy sinh diệt pháp ».
Ba cõi (5) mưa sa,
Mười phương (6) gió táp.
Phàm thánh chẳng chung nơi,
Rắn rỗng không hỗn tạp.
Muôn vật vô thường thấy thấy không,
Sinh diệt tâm kia ai hỏi đáp ?
Vì gặp Cồ-đàm (7) quen công lạnh,
Tránh sao khỏi ngang hông một đập,
Ồi !
Chưa thấy mùa xuân ấm áp,
Nào hay đào lý đơm bông ?

TRÚC THIÊN
(Bd. TSNL)

: NIẾT BÀN VUI

Nêu :

« Sinh diệt diệt hết,
Tịch diệt là vui » (3).

Sư nói :

— Uyên Minh châu mày (8) làm gì ?

Tụng rằng :

« Sinh diệt diệt hết,
 Tịch diệt là vui ».
 Chìm mỗi đâu khóm lau,
 Cả một chìm đáy nước.
 Quấn gì thân nhuộm đau.
 Sợ nhọc tay chế thuốc.
 Đứng gánh nặng vai mang,
 Mới qua cầu « khổ » được.
 Về nhà chờ hồi đường,
 Vì đâu mà lạc bước.
 Muốn một không thể đừng,
 Mơu kẻ nhìn người trước.
 Ối !
 Giá chẳng mê lằm tại bến lau,
 Khe suối Vũ-lăng⁽⁹⁾ sao đến được ?

Theo TRÚC THIÊN

(Bd. TSNL)

QUÁN THÂN — QUÁN PHẬT

Nêu :

— Kinh Duy ma nói :

« Quán được thực tướng⁽¹⁰⁾ của thân thể nào,
 Thì quán Phật cũng như vậy ».

Sư uở nu cười.

Tụng rằng :

« Quán thân thực tướng,
 Quán Phật thể thôi ».
 Tìm kim dưới đất,
 Ngửa mặt nhìn trời.
 Xưa kia không tác dạ,
 Nay lằm lổi bởi bởi.
 Chẳng trôi tự tìm trôi,
 Không lổi cũng tìm lổi.

Rỗng ngủ là rỗng ngủ.
 Hồ ngồi thực hồ ngồi.
 Muốn biết thân và Phật,
 Ngó sen nảy đóa tươi,
 Gương ngọc tròn xoay nơi góc bể,
 Chỉ do hòa mất hóa thay đời.

HUỆ CHI

KHÔNG SINH KHÔNG DIỆT

Nêu :

— Kinh Hoa nghiêm nói :

« Mọi pháp đều không sinh,
 Mọi pháp đều không mất.
 Nếu thấu rõ lẽ này,
 Phật hiện ngay trước mắt ».

Sư nói :

— Xem đi ! Xem đi !

Lại nói :

Cao giọng để im đi,
 Bỏ bánh mà ăn bột.

Hết

Tụng rằng :

Hoàng đầu⁽¹⁾ mưa lười trổ sinh linh,
 Khắp chốn giấc say, dạo một mình.
 Chẳng kể sáng đêm còn mộng寐,
 Lầu son⁽²⁾ chuông đã giục tàn canh.

HUỆ CHI

THỨ NHẤT — THỨ NHỊ

Nêu :

— Thiền sư Vạn Tuế⁽³⁾. Một môn tăng hỏi : « Mọi người đã họp lại như mây, để cùng nhau bàn luận việc gì vậy ? » Sư đáp : « Tự phẩm thứ nhất⁽⁴⁾ »

Sư nói :

— Thứ nhì cũng được.

Tụng rằng :

*Từ từ phẩm thứ nhất,
Dưới trên không thứ bậc.
Bậc trí chẳng thực hư,
Kẻ ngu sinh được mắt.
Người gỗ mùa thác chi, ⁽¹⁵⁾
Gai đá thời tất lật ⁽¹⁶⁾.
Muốn sáng rõ ý này,
Bát nhã ba-la-mật ⁽¹⁷⁾.*

HUỆ CHI

HAI PHÍA ĐỀU ĐỘNG

Nếu :

— Một thiền tăng hỏi Trương-Sa-Sâm ⁽¹⁸⁾ : « Con giun bị chém làm hai đoạn, hai phía đều động, vậy Phật tính ở phía nào ? » Sư hỏi lại : « Động và bất động là cảnh giới nào ? »

Sư nói :

*Hai phía đều chẳng động,
Động ở phía nhà người.*

Tụng rằng :

*Chặt đứt con giun thành hai khúc,
Hai đầu đều động, có ai ngờ.
Hỏi rằng tính Phật không hề biết,
Mồ bụng cắt rùa ⁽¹⁹⁾ uống phi chưa !*

ĐỖ VĂN HỖ

GIỐNG TA — KHÔNG GIỐNG TA

Nếu :

— Thiền sư Triệu Châu ⁽²⁰⁾. Có một Thiền tăng vẽ được bức chân dung của Thiền sư, đem trình. Sư bảo : « Hãy nói xem ! Giống ta chăng ? Không giống ta chăng ? Nếu giống ta thì đánh chết lão tăng này đi. Nếu không giống, thì đốt quách bức hình ». Thiền tăng không trả lời được.

Sư nói :

— Rõ là uổng công phí sức.

Tụng rằng :

Mũi nhọn bút lông, khuôn giấy bâu,

« Bẩn lai » thân ấy về cho rành.

Vì tha tội chết thì đem đốt,

Thượng giới trần gian mấy kẻ sánh.

ĐỖ VĂN HỮ

GUƠNG QUY SƠN — GUƠNG NGƯỠNG SƠN

Nêu :

— Qui Sơn⁽²¹⁾ gởi một tấm gương gửi Ngưỡng Sơn⁽²²⁾. Ngưỡng Sơn lên giảng đường giờ gương lên nói : « Hãy nói xem ! Đây là gương của Quy Sơn ? Hay gương của Ngưỡng Sơn ? Nếu ai nói được thì ta sẽ không đập vỡ ». Mọi người im lặng. Sư bèn đập vỡ tấm gương.

Sư nói :

— Chưa tránh khỏi cái họa Quy Sơn.

Lại nói tiếp :

— Tham cái hạnh nhỏ mà bỏ thừa lớn⁽²³⁾.

Tụng rằng :

Phong gởi trình lên một tấm gương,

Nhắc cho xấu đẹp đủ đôi đường.

Đập đi nữ phụ người trao tặng,

Tự tại treo cao vẻ rõ ràng.

HUỆ CHI

VINH NHỤC ĐỀU SỢ NHƯ NHAU

Nêu :

— Lão Tử nói : « Vinh nhục đều sợ như nhau »⁽²⁴⁾.

Sư nói :

Tay khéo vẽ nên ngàn sự vật,

Lông càng thêm nầy vạn lo âu.

Tụng rằng :

Nồng cõi áo ra, lạnh khoác vô,
Không nồng không lạnh, biết sao giờ ?
Xem màu liễu ngự hoa cung⁽²⁵⁾ đấy,
Lọ phải tìm xuân hồng bốn mùa.

TRÚC THIÊN
(Bd. TSNL)

KHÔNG LỄ PHẬT — KHÔNG LỄ TÔ

Nêu :

— Lâm Tế⁽²⁶⁾ đến thăm tháp chủ. Tháp chủ hỏi : « Lễ Phật trước ? Hay lễ Tô trước ? » Sư đáp : « Tô và Phật đều không lễ ». Tháp chủ hỏi : « Tô, Phật với Trưởng lão có chuyện oan nghiệt gì mà không lễ ? ». Sư phất tay áo đi ra.

Sư nói :

Được cưới đầu hồ,
Chớ vuốt râu hùm.

Tụng rằng :

Một phen phất áo bước thông dong,
Tháp chủ trơ trơ, giận chẳng xong.
Phật, Tô rốt cùng đều chẳng lễ,
Ngọc ngân khe sớm, ánh thu trong.

HUỆ CHI

LỬA TRƯỚC NGỰA SAU

Nêu :

— Trần Tôn Giả⁽²⁷⁾ hỏi một Thiền tăng từ đầu đến. Thiền tăng trơ mắt nhìn ông.

Sư nói :

Anh chàng là trước ngựa sau,
Nói thử một tiếng xem nào ?

Tăng không đáp.

Tung rằng :

*Ngựa sau lừa trước đứng hùng hồ,
Lừa đá ngựa dầy dễ biết đầu.
Đêm trước trong mơ người xóm hỏi :
Hai thầy chôn dưới một mồ sâu.*

TRÚC THIÊN
(Bd: TSNL)

THẦY LẠY TRÒ

Nêu :

— Cảnh Thông⁽²⁸⁾ sau về trụ trì ở Hoắc-sơn⁽²⁹⁾. Có hành giả hỏi : « Thế nào là đại ý của Phật pháp ? ». Sư bèn vái lay. Hành giả hỏi : « Tại sao Hòa thượng lại vái lay người tục ? » Sư đáp : « Người há không nghe nói phải tôn trọng đệ tử sao ? ».

Sư nói :

— Vàng dạ với ứ hữ khác nhau là mấy⁽³⁰⁾ !

Sư Cảnh Thông⁽³¹⁾ lại hỏi tiếp : « Người ở đâu đến đây vậy ? ». Thiên tăng liền giơ tấm tọa cụ lên. Sư nói : « Đầu rồng đuôi rắn ».

Sư nói :

— Ánh trăng chẳng phải là sinh kể một nhà.

Vị hành giả⁽³²⁾ lại hỏi : « Thế nào là Phật ? ». Sư Cảnh Thông bèn đánh ông ta. Ông ta cũng đánh lại. Sư nói : « Người đánh ta là có đạo lý. Ta đánh người không có đạo lý ». Hành giả không đáp. Sư bèn bỏ ra.

Sư⁽³³⁾ nói :

— Một bên là viên tướng đối xử tàn bạo với quân lính. Đúng là điều vô nghĩa. Một bên là gà mái bắt chồn, chó con vờn hồ.

Tung rằng :

*Ba phen tranh bá chữa nên công,
Nghiep để truyền ra sáu nước xong.
Say đánh, nghìn gươm vira hạ xuống,
Lại nghe muôn ngựa, tiếng thu rừng.*

ĐỖ VĂN HỸ

SƯ ĐÁNH NI

Nêu :

— Hòa thượng Đàm Không⁽³⁴⁾. Có một ni cô muốn mở đường thuyết pháp. Sư bảo : « Ni cô là đàn bà không cần thuyết pháp ». Ni cô hỏi : « Long nữ⁽³⁵⁾ tám tuổi thành Phật, thì đã có sao ? ». Sư đáp : « Long nữ có mười tám phép biến hóa⁽³⁶⁾, ni cô hãy biến hóa một lần cho lão tăng xem nào ? ». Ni cô nói : « Biến hóa được chỉ là loài chồn tinh ranh mãnh⁽³⁷⁾ thôi ». Sư bèn đánh đuổi ra⁽³⁸⁾.

Sư nói :

— Đứng thì đứng đấy, nhưng còn mắc kẹt ở một mối.

Tụng rằng :

Thương thay diệu pháp muốn bán xa.

Nào phải xách làn, lại bỏ ra⁽³⁹⁾.

Chỉ muốn xua loài chồn quý quái.

Ba ba rồi lại đến ba ba⁽⁴⁰⁾.

THUẬT CHỮ

KHẢO ĐỊNH :

CÁC DỊ BẢN : TSNL1, TSNL2

- 1* TSNL1 : *bạc* 箔 không hợp nghĩa ; TSNL2 : *tiềm* 潜 bị lạc vần, và mất đối. Chúng tôi ngờ là chữ *bạc* 泊 là hồ nước, vũng nước, bị chép nhầm. Tạm chữa lại.
- 2* TSNL1 : *thu* 荻 có lẽ nhầm, vì thu là một loại cỏ thơm ; TSNL2 chú : *khủng địch* 恐荻 ; nghĩa là : có lẽ là chữ *dịch*. Ở đây, sửa lại theo TSNL2.
- 3* TSNL1 : *đề* 愁 có lẽ khắc nhầm.
- 4* TSNL1 và TSNL2 đều viết ; *tất lật* 咸策. Theo *Từ nguyên* 辭源, hai chữ tất lật này và *tất lật* 筆策 là đồng nghĩa. Xem Ch. 27, bài *Đổi cơ* số 111, cùng tác giả.
- 5* TSNL1 : *thổ* 兔 ; TSNL2 chú : *hổ* 兔 ; nghĩa là : bản cũ là 兔, không rõ bản cũ là bản nào.
- 6* TSNL1 và TSNL2 đều : *Niên vân* 拈云 nhưng ở tất cả mọi chỗ trong bài văn, trình tự ở đây đều là *sư vân* 師云 ; có lẽ nguyên bản bị nhầm lẫn trong quá trình lưu truyền. Tạm chữa lại.
- 7* TSNL1 : *gia* 加, có lẽ nhầm, TSNL2 : *gia* 家 và chú : *cựu gia* 舊加 ; nghĩa là : bản cũ là *gia*.
- 8* TSNL1 : *阿* TSNL2 chú : *khủng a* 恐呵 ; nghĩa là : có lẽ là chữ *a*. Nhưng đây là câu văn trích từ sách *Lão Tử* 老子 (chương 20), mà sách này viết chữ *a* 阿. Vì vậy, ở đây theo TSNL1.

CHÚ THÍCH :

- (1) *Tụng cổ* : tụng là đọc một cách tập trung, một biện pháp của các tín đồ nhà Phật trong khi tu hành. Tụng cổ là tụng theo các câu nói của người xưa, đứng làm phép tắc để thâm thiền. Đây là một hình thức quen thuộc của Thiền học, được gọi là tu tập công án. Công án là câu nói rút ra từ kinh Phật hoặc từ các bộ ngữ lục của chư Tổ, hầu hết

đều tối nghĩa và phi lý. Người học đạo trong quá trình tu tập, cần trực cảm được cái chân lý Thiền ẩn sau những mệnh đề phi lý đó, nhưng không phải bằng con đường mạch lạc của trí tuệ mà bằng con đường nung đốt của tình cảm, dồn ép của tâm trạng, ngưng tụ của tâm thần. Ông thầy sẽ dựa vào đó mà khơi mở tâm lý Thiền trong lòng người học đạo theo những cách thích ứng với từng người, và thông thường là đẩy tâm trạng bối rối, sự « khổ cầu » của môn nhân lên đến mức cao nhất, và tới một thời điểm nhất định thì trực quan sẽ giúp họ vượt qua khủng hoảng, và đó là lúc nhà tu hành ngộ đạo. Cũng gần giống như kết cấu các công án của Trần Thái Tông 陳太宗, mỗi một công án của Trần Tung thường gồm có 3 phần: *cử* tức là nêu vấn đề, thường là nhắc lại một đoạn kinh, một đoạn ngữ lục, một điển cố, một câu nói... của người xưa, trong đó có hàm chứa vấn đề được nêu; *Luận* là phần giải thích của Tuệ Trung Thượng sĩ, và *Tụng* là kết luận bằng bài kệ, cũng của Tuệ Trung Thượng sĩ. Tuy nhiên, từ cách đặt vấn đề đến cách giải thích và kết luận ở đây đều không phải tuân theo lô-gích của lý trí thông thường; trái lại ở đây bác bỏ lý trí, bác bỏ suy luận theo lý trí. Do đó *cử*, *luận* và *tụng* chỉ gắn với nhau một cách hình thức. Thực chất chúng làm tới thêm vấn đề đặt ra, làm cho người đang nung nấu một nghi án cảm thấy bất lực hơn trong việc đi tìm lời giải đáp. Nhưng về mặt tâm lý, chính sự luận giải phi lý tình kia lại có một hiệu quả rất mạnh để đưa nhanh người học Thiền đến độ căng giới hạn của tình cảm, đến sự « bùng vỡ » của tiềm thức, trong một trạng thái dường như xuất thần. Có khi sự « đốn ngộ » có vẻ huyền bí như thế phải đi kèm với tiếng hét của thầy, nó như là một tiếng sét đánh vào cái mờ mịt của ý thức của trò, làm cho họ chợt tỉnh. Tất nhiên, trong các công án của Tuệ Trung Thượng sĩ, cũng có khá nhiều công án mang thể tài suy luận khá rõ. Những trường hợp này lý trí đã can thiệp vào quá trình tu tập công án và hình như đây cũng là đặc điểm chung của các hình thức đối thoại Phật học thời Trần, kể cả công án và ngữ lục. Xem thêm Cht. 1, bài *Niệm tụng kệ*, số 21, của Trần Cảnh.

- (2) Tất cả 13 công án trong bộ sách này đều in liền không chia tách. Để bạn đọc dễ theo dõi chúng tôi đã tham khảo bản dịch của Trúc Thiên. (Sài-gòn, 1969) phân chia thành từng công án, và đầu mỗi công án, tìm chọn một ý tiêu biểu chứa đựng trong công án đó để làm đầu đề.
- (3) Hai đoạn thơ được « nêu » trong công án này và công án sau là rút từ bài kệ trong kinh *Niết bàn* 涅槃經, do quý La-sát đọc cho Phật nghe. Lúc bấy giờ Phật còn là một đạo sĩ Bà-la-môn. Hai câu đầu Phật tỉnh cố nghe được, nhưng hai câu sau, Phật hứa phải đổi mạng sống cho quý ăn thịt thì quý mới chịu đọc cho nghe. Quý đây là một vị Thiên vương trá hình. Phật giáo gọi điển tích này là « Tuyết-sơn bán kệ » (Nửa bài kệ ở núi Tuyết-sơn).
- (4) Trong 13 công án ở phần này, chữ sư có khi chỉ Tuệ Trung Thượng sĩ, lại có khi chỉ nhân vật ở trong đoạn văn trích ra làm công án. Thông thường các chữ sư đặt đầu câu là Tuệ Trung Thượng sĩ. Các trường hợp khác chúng tôi sẽ chú thích rõ để phân biệt.
- (5) *Ba cõi* (tam giới): xem Cht. 8, bài *Khải bạch*, số 52, của Trần Cảnh.
- (6) *Mười phương* (thập phương): xem Cht. 1, bài *Khải bạch*, số 27, của Trần Cảnh.
- (7) *Cồ-dàm*: họ thánh của Phật, phiên âm tiếng Phạn Gautama, sau cũng dùng để gọi tên Phật. Ở đây mượn họ của Phật để chỉ những bậc tu hành đặc đạo.
- (8) *Uyên Minh châu mây* (Uyên Minh tán my): xem Cht. 6, bài *Trừu thần ngâm*, số 109, cùng tác giả.
- (9) *Vũ-lăng*: tên một dòng suối ở Hà-nam 河南. Theo *Đào hoa nguyên kỷ* 桃花源記 của Đào Tiềm 陶潛 đời Tấn 晉 thì một người đánh cá vì lạc lối mà men theo suối Vũ-lăng đến hẻm rừng hoa đào, một nơi có đời sống hoàn toàn tự do, sung sướng. Sau hỏi mới biết đó là con cháu của những người ngàn năm trước tránh nhà Tần tàn bạo vào đây, rồi từ đó cách biệt với thế giới bên ngoài.

- (10) *Thực tướng* : thuật ngữ đạo Phật, chỉ cái thực thể, thực tính, tức bản thể của thế giới hiện tượng.
- (11) *Hoàng đầu* : một vị tiên phong Đạo giáo. Xem thêm Cht. 2, bài *Phổ thuyết hương thượng nhất lộ*, số 8, của Trần Cảnh.
- (12) *Lầu son* : nguyên văn là phượng khuyết. Theo *Quan trung ký* 關中記 thì cung Kiến-chương 建章 một hôm có con chim phượng hoàng đến đậu ở cửa khuyết, từ đó cửa khuyết được gọi là Phượng khuyết.
- (13) *Vạn Tuế* : chưa rõ là ai.
- (14) *Tự phẩm thứ nhất* : có năm phẩm : 1. Tùy hỷ phẩm ; 2. Độc tụng phẩm ; 3. Thuyết pháp phẩm ; 4. Kiêm hành lục độ phẩm ; 5. Chính hạnh lục độ phẩm. Tự phẩm thứ nhất tức là Tùy hỷ phẩm, và thứ nhì là Độc tụng phẩm. Tuệ Trung nói đến tự phẩm này để gián tiếp bảo rằng chúng sinh tự hợp đồng như mây để làm việc « tùy hỷ » (tùy theo điều vui thích của mình mà làm).
- (15) *Thác chi* : Theo *Từ phá* 詞譜 thì đây là một điệu múa gồm hai người con gái, đầu đội mũ gắn nhạc đồng, đứng trong một đóa hoa sen rất lớn. Khi đóa sen mở, hai người xuất hiện và cùng nhau múa. Về điệu người gõ, xem Cht. 23, bài *Phổ thuyết hương thượng nhất lộ*, số 8, của Trần Cảnh.
- (16) *Tất lật* : xem Cht. 27, bài *Đổi cơ*, số 111, cùng tác giả. Về điệu *Gái đá*, xem Cht. 23, bài *Phổ thuyết hương thượng nhất lộ*, số 8, của Trần Cảnh.
- (17) *Bát-nhã ba-la-mật* : là một trong sáu phép tu lục độ. Xem Cht. 2, bài *Tri giới kiêm nhãn nhục*, số 103, cùng tác giả.
- (18) *Trương Sa Sầm* : chưa rõ là ai.
- (19) *Cải rửa* : Nguyên văn là *tàng lục quy* ; tức là sáu phép giặt rửa. 1. Rửa giấu kín đầu để ví với người tu hành thụ nhiếp « nhỡn căn » ; 2. Rửa rứt chân trái phía trước để ví với người tu hành thụ nhiếp « nhĩ căn » ; 3. Rửa rứt chân phải phía trước để ví với người tu hành thụ nhiếp « ty căn » ; 4. Rửa rứt chân trái phía sau để ví với người tu hành thụ nhiếp « thiết căn » ; 5. Rửa rứt chân phải phía sau để ví với người tu hành thụ nhiếp « thân căn » ; 6. Rửa rứt đuôi để ví với người tu hành thụ nhiếp « ý căn ».
- (20) *Triệu Châu* : xem Cht. 6, bài *Phổ thuyết hương thượng nhất lộ*, số 8, của Trần Cảnh.
- (21) *Quy Sơn* : xem Cht. 19, bài *Niệm tụng kệ*, số 21, của Trần Cảnh.
- (22) *Ngưỡng Sơn* : xem Cht. 34, bài *Phổ khuyến phát bồ-đề tâm*, số 7, của Trần Cảnh. Quy Sơn và Ngưỡng Sơn là thầy trò, nên phái Thiền của hai ông cũng gọi chung là Quy Ngưỡng tông.
- (23) *Hạnh* : xem Cht. 9, bài *Phật tâm ca*, số 103, cùng tác giả. *Thừa lớn* : dịch chữ Đại-thừa, một thuật ngữ đạo Phật, nguyên tiếng Phạn là mahâyānī, là cỗ xe lớn, hay Giáo pháp lớn, đưa các nhà tu hành đến cõi đại giác. Theo kinh *Pháp hoa* 法華經 nếu có chúng sinh nào theo Phật Thế Tôn, nghe pháp thụ tín, tu tập tinh tiến, làm cho vô lượng chúng sinh khác được yên vui, làm lợi ích cho cả cõi trời, cõi người phổ độ hết thảy thì gọi là Đại thừa.
- (24) Câu này rút từ sách *Lão Tử* 老子.
- (25) *Liễu ngự hoa cung* : tác giả mượn ý trong câu thơ của Hàn Duy 韓維 đề thành Tây :
 御柳初長遮雉雉
 宮花未識駭遊人
Ngự liễu sơ trường, giá cầu trĩ,
Cung hoa vị thức hãi du nhân.

Nghĩa là :

Cảnh liễu ở vườn ngự mới dài che chim trĩ đang kêu,
Hoa ở trong cung chưa tỉnh làm sợ hãi người du khách.

- (26) *Lâm Tế* : xem Cht. 9, bài *Phổ thuyết hương thượng nhất lộ*, số 8, của Trần Cảnh.
- (27) *Trần Tôn Giả* : tức Mục Châu 牧州, trụ trì ở chùa-Long hưng 隆興, là môn đệ của thiền sư Hoàng Bá.
- (28) *Cảnh Thông* : chưa rõ là ai.
- (29) *Hoắc-sơn* : tên hòn núi ở phía Đông nam huyện Hoắc tỉnh Sơn-tây 山西, Trung-quốc.
- (30) Câu này rút từ sách *Lão Tử* 老子.
- (31) Chữ sư ở đây là Cảnh Thông nên chúng tôi thêm vào cho rõ. Còn chữ sư ở đầu câu trên và đầu câu dưới là Tuệ Trung Thượng sĩ.
- (32) Nguyên văn là *tằng*, muốn chỉ vị hành giả ở đầu công án này. Vì vậy chúng tôi dịch rõ là vị hành giả để bạn đọc dễ theo dõi.
- (33) Sư ở đây lại trở lại là Tuệ Trung Thượng sĩ.
- (34) *Đám Không* : chưa rõ là ai.
- (35) *Long nữ* : theo Kinh *Pháp hoa* 法華經 thì Long nữ là con gái vua Bà-yết-la Long vương, 8 tuổi đã ngộ đạo. Có nhiều người không tin, Long nữ bèn hiện lên dâng cho Phật một viên ngọc và nói : ta thành Phật còn mau hơn việc đó.
- (36) *Mười tám phép biến hóa* (thập bát biến) : 1. Nách tay phải chảy ra nước ; 2. Nách tay trái bốc ra lửa ; 3. Nách tay trái chảy ra nước ; 4. Nách tay phải bốc ra lửa ; 5. Trên thân thể chảy ra nước ; 6. Dưới thân thể bốc ra lửa ; 7. Dưới thân thể chảy ra nước ; 8. Trên thân thể bốc ra lửa ; 9. Đi dưới nước như đi trên mặt nước ; 10. Đi dưới nước như đi trên mặt đất ; 11. Ở giữa không trung mất đi rồi hiện ra ở mặt đất ; 12. Dưới mặt đất mất đi, hiện ra giữa không trung ; 13. Đi trên hư không ; 14. Ở yên giữa hư không ; 15. Ngồi trên hư không ; 16. Nằm trên hư không ; 17. Hiện ra hình lớn trên hư không ; 18. Hình đang lớn lại hiện ra nhỏ.
- (37) *Loài chồn tinh ranh mãnh* : chỉ người ngoại đạo. Mượn ý trong lời nhà sư Tuệ Trung 慧忠 mắng Đạo sĩ Đại Nhĩ Tam Tang 大耳三藏. Xem Cht. 8, bài *Tặng Thuận Nhất Pháp sư*, số 95, cùng tác giả.
- (38) Đánh ở đây là một phương pháp khai thị trong Thiền tông, dùng hèo (Thiền bổng) để đánh. Thiền sư Lâm Tế chia thành tám phép «bổng», cao nhất là «thường bổng», đánh vào những người nói lên một câu nói rất thần thiết, và khế hợp với đạo; thấp nhất là «vô tình bổng», nghĩa là «nói cũng đánh, không nói cũng đánh, mở miệng là đánh mà không mở miệng cũng đánh, kỳ cho đến không còn gì hết». (Theo Trúc Thiên, Sdd).
- (39) *Xách làn lại bỏ ra* (huề lam phóng lam) : Linh Chiếu 靈照 là con gái Bàng Cư sĩ 龐居士 (xem Cht. 29, bài *Phổ khuyến phát bồ-đề tâm*, số 7, của Trần Cảnh) ở đất Tương-dương hàng ngày dùng tre đan phen lọc nước để bán. Một hôm Thiền sư Đan Hà 丹霞 là bạn thân của Bàng Cư sĩ đến chơi, thấy cô đang nhặt rau, Thiền sư hỏi : «Cư sĩ có nhà không?». Cô liền bỏ cái làn ra, đứng chấp tay lại. Thiền sư hỏi tiếp : «Cư sĩ có nhà không?». Cô cầm cái làn lên rồi đi thẳng.
- (40) *Ba ba rồi lại đến ba ba* ; một ngữ nhà Phật, xuất phát từ điển tích sau đây trong *Truyền-dăng-lục* 傳燈錄: Thiền sư Vô Trước Văn Hỷ 無著文喜 lên chùa Hoa-nghiêm

ở Ngũ-dài-son 五臺山 để lễ Bồ-tát Văn Thù 文殊, khi đến một nơi, gặp một ông già dắt trâu, ông mời sư vào chùa, trong chùa tường vách đều một màu vàng chói lọi. Ông chỉ vào một chiếc đôn bọc gấm mời sư ngồi còn mình thì ngồi xồm trên giường. Ông già hỏi sư ở đâu lên đây. Sư đáp: «Phương Nam». «Pháp phật ở phương Nam trụ trì ra sao?». «Tuy đời mặt pháp, các tỷ kheo giữ giới luật không ít». «Được bao nhiêu?». «Hoặc ba trăm hoặc năm trăm». Sư hỏi lại ông già: «Còn ở đây pháp Phật trụ trì ra sao?». «Rắn rỗng lẫn lộn, phạm thánh ở chung». «Được bao nhiêu?». Ông già đáp: «Trước ba ba sau lại ba ba». Ông già sai chú tiểu đem trà đãi khách, và cả sửa quý. Ông cầm chén pha lê giờ lên hỏi: «Phương Nam có thứ này không?». Sư nói: «Không». «Vậy bình thường uống trà làm sao?». Sư không đáp. Sau đó sư hỏi chú tiểu nghĩa câu «ba ba» trên, chú tiểu không trả lời, và cho biết đây là động Kim-cương 金剛, chùa Bát-nhã. Sư mới rõ ông già dắt trâu chính là Bồ-tát Văn Thù (theo Cht. của Trúc Thiên, Sđd). Vậy «ba ba» là gì? Theo ý trong bài, chúng tôi đoán: $3 + 3 = 6$, mà sáu (lục) tức là một (nhất) (lục tức nhất), theo quan điểm của Thiên thai tông, có nghĩa là: thứ bậc tu hành của các vị Bồ-tát thì có 6 bậc, nhưng đều nhằm đi tới cái «một», tức là thành Phật.

*

LÊ VĂN HƯU

黎文休

(1230 — ?)

Lê Văn Hữu người làng Phú-lý 甫里, huyện Đông-sơn 東山, lộ Thanh-hoa 清華⁽¹⁾, đỗ bảng nhãn năm Đinh mùi (1247), niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình 天應正平 dưới triều Trần Thái Tông 陳太宗. Lúc đó ông mới 18 tuổi⁽²⁾. Sau làm đến chức Hàn lâm học sĩ kiêm Quốc sử viện giám tu. Năm 1272 ông soạn xong bộ *Đại-biệt sử ký* 大越史記 từ Triệu Vũ Đế 趙武帝 đến Lý Chiêu Hoàng 李昭皇. Đó là bộ sử ký quý mớ đầu tiên của nước ta, đã được Trần Thánh Tông 陳聖宗 ban chiếu khen. Nhưng đáng tiếc hiện nay bộ sách đã thất lạc, chỉ còn một ít lời bình được Ngô Sĩ Liên 吳仕連 ghi lại trong ĐVSKTT. Qua những đoạn văn còn lại đó, ông tỏ ra là một sử gia có lòng yêu nước, có cách nhìn tiến bộ đối với nhiều sự kiện lịch sử đương thời. Mặc dù còn bị quan điểm Nho giáo hạn chế nên một đôi trường hợp khen chê chưa thật thỏa đáng, nhưng bộ sử của ông đã đóng góp rất nhiều cho ĐVSKTT của Ngô Sĩ Liên và đã để lại cho chúng ta nhiều nhận định quý báu về các sự kiện lịch sử cũng như những đoạn bình luận giàu tính chất văn học.

Dưới đây, chúng tôi giới thiệu toàn bộ những đoạn văn bình sử ấy, sắp xếp theo trật tự thời gian như ĐVSKTT đã sắp xếp, trừ bốn đoạn bàn về Triệu Đà 趙陀, về Lữ Gia 呂嘉, về Sĩ Nhiếp 士燮 và về việc lập vua nước Chiêm-thành 占城 tạm gác lại.

(1) Làng Phú-lý : nay thuộc huyện Thiệu-hóa, tỉnh Thanh-hóa.

(2) Theo *Đăng khoa lục sưu giảng* 登科錄搜講, *Liệt huyện đăng khoa lục* 列縣登科錄 thì nói năm ấy ông mới 16 tuổi. Nếu theo sách này thì Lê Văn Hữu sinh năm 1232. Chưa biết tài liệu nào đúng, chúng tôi ghi chú thêm để bạn đọc tham khảo.

113

徵論

徵側徵賁以女子一呼而九真日南含浦及嶺外六十
十五城皆應之。其立國稱王易如反掌。可見越形勢
足致霸王之業也。惜乎繼趙之後以至吳氏之前。千餘
年之間。男子徒自底頭牙手。為北人臣僕。曾不愧二徵
之。子口口口口。呼。可謂自棄矣。

PHIÊN ÂM :

NHỊ TRUNG LUẬN

Trung Trắc, Trung Nhị dĩ nữ tử nhất hồ nhị Cửu-chân, Nhật-nam, Hợp-phổ cập Lĩnh ngoại lục thập ngũ thành giai ứng chi. Kỳ lập quốc xưng vương, dị như phản chưởng, khả kiến ngã Việt hình thể tức tri bá vương chi nghiệp dã. Tích hồ, kế Triệu chi hậu dĩ chí Ngô thị chi tiền, thiên dư niên chi gian, nam tử đồ tự đề đầu thúc thủ, vi Bắc nhân thân hộc, tăng bất quý Nhị Trưng chi nữ tử. Hu! Khả vị tự khi hỷ.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ HAI BÀ TRUNG⁽¹⁾

Trung Trắc, Trưng Nhị là đàn bà, hồ một tiếng mà Cửu-chân, Nhật-nam, Hợp-phổ và sáu mươi lăm thành ở Lĩnh ngoại⁽²⁾ đều hưởng ứng, việc dựng nước xưng vương dễ như trở bàn tay. Như thế đủ biết hình thể nước Việt ta có thể dựng được cơ nghiệp bá vương. Tiếc rằng nối sau họ Triệu⁽³⁾ đến trước họ Ngô⁽⁴⁾, trong khoảng hơn một nghìn năm, bọn đàn ông chỉ cúi đầu bó tay, chịu làm tôi tớ cho người phương Bắc, chưa từng biết xấu hổ với hai người họ Trưng là con gái...⁽⁵⁾. Ôi, có thể gọi là tự vứt bỏ mình vậy.

CAO HUY GIU — CAO XUÂN HUY.

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Hai bà Trưng: Trưng Trắc, Trưng Nhị là con quan Lạc tướng huyện Mê-linh 麤冷, quê ở Phong-châu 峰州. Năm 40, hai bà nổi lên đánh đuổi Tô Định 蘇定, thủ phục bờ cõi, xưng vương. Làm vua được ba năm thì bị Mã Viện 馬援 đánh thua, nước ta lại mất.
- (2) Lĩnh ngoại: phía ngoài Ngũ-lĩnh 五嶺, chỉ những miền ở phía ngoài năm dãy núi lớn phía Nam Trung-quốc như Quảng-đông 廣東, Quảng-tây 廣西 và nước ta.
- (3) Triệu: chỉ nhà Triệu (208 — 137 tr. CN).
- (4) Ngô: tức nhà Ngô, khởi đầu từ Ngô Quyền 吳權. (Xem tiền sử ở Thơ văn Lý — Trần tập I).
- (5) Chỗ này mất mấy chữ.

114

我越屬東漢之時論

觀史至我越無主之時。為北人刺史之無清行者
所困。北京地遠無所告訴。不覺愧感交集。冀見精誠如
後唐明宗時。焚香祝天。願天為我越早生聖人。自帝其
國。以免北人之侵漁者也。

PHIÊN ÂM :

NGÃ VIỆT THUỘC ĐÔNG HÁN CHI THỜI LUẬN

Quar sữ chí ngã Việt vô chủ chi thời, vi Bắc nhân Thứ sử vô thanh hạnh
giả sở khốn, Bắc kinh địa viễn, vô sở cáo tố, bất giác quý cảm giao tập. Kỳ kiến
tinh thành như Hậu Đường Minh Tông thời, phân hương chúc thiên, nguyện
thiên vị ngã Việt tạo sinh thành nhân, tự đế kỳ quốc, dĩ miễn Bắc nhân chi
xâm ngư giả dã.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ THỜI KỲ NƯỚC TA PHỤ THUỘC ĐÔNG HÁN (1)

Xem sử đến thời nước Việt ta không có vua, bị bọn Thứ sử người Bắc
tham tàn làm khổ. Kinh đô Bắc quốc đường xa không tố cáo vào đâu được.
bất giác thấy vừa thẹn vừa cảm thương. Mong có được tấm lòng tinh thành
như Minh Tông nhà Hậu Đường thắp hương khẩn trời (2), xin trời vì nước Việt
ta sớm sinh thánh nhân, để tự làm vua nước nhà, khỏi bị người phương Bắc
xâm chiếm bóc lột.

CAO HUY GIU — BẢNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Sau cuộc khởi nghĩa của Hai bà Trưng, nước ta bị nội thuộc
Đông Hán hơn 100 năm (43 — 186).

(2) Tương truyền Minh Tông 明宗 nhà Hậu Đường 後唐 đêm nào cũng thắp hương
khẩn trời rằng : Tôi là người Hồ, nhân lúc loạn, được chúng tôn làm vua, xin trời sớm
sinh thánh nhân để làm chủ. Đến năm sau thì Tống Thái Tổ 宋太祖 sinh.

115

雪耻論

賁育之稚幼則不能抗跋扈之壯年。林邑乘我越無君之時乃寇日南九真而求廣之。豈當時我越不能支此林邑耶特以無統率之君故也。

時不終否而必泰。勢不終屈而必伸。李太宗斬其主乍斗。聖宗擒其主制矩而繫其足。五萬人至今為臣僕。亦足以雪數年污辱之讐耻也。

PHIÊN ÂM :

TUYẾT SỈ LUẬN

Bôn, Dục chi trī ấu tặc bất năng kháng bì uông chi tráng niên. Lâm-ấp thừa ngã Việt vô quân chi thời, nãi khẩu Nhật-nam, Cửu-chân nhi cầu lĩnh chi, khởi đương thời ngã Việt bất năng chi thủ Lâm-ấp da? Đặc dĩ vô thống xuất chi giả, cố dã.

Thời bất chung bỉ nhi tất thái; thế bất chung khuất nhi tất thân. Lý Thái Tông trảm kỳ chủ Xạ Đầu; Thánh Tông cầm kỳ chủ Chế Củ nhi hệ kỳ dân ngũ vạn nhân, chí kim vi thần bộc, diệc túc dĩ tuyết sỉ niên ô nhục chi thủ sỉ dã.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ VIỆC RỬA THÉN (1)

Khỏe như Bôn và Dục (2) mà còn nhỏ cũng không địch nổi kẻ khỏe khiêng đã tráng niên. Lâm-ấp thừa lúc nước ta không có vua, đến cướp Nhật-nam, Cửu-chân mà xin chức cai trị Giao-châu, có phải bấy giờ nước Việt ta không chống nổi Lâm-ấp đâu! Chỉ vì không có người thống suất mà thôi.

Nhưng thời không bỉ mãi, ắt phải thái; thế không khuất mãi, ắt có lúc vươn dậy. Lý Thái Tông chém vua nước ấy là Xạ Đầu, Thánh Tông bắt vua nước ấy là Chế Củ và trói năm vạn dân của họ (3), khiến cho đến nay họ vẫn phải làm thần bộc nước ta. Những việc ấy có thể rửa được mối thù về sự ô nhục vậy.

CAO HUY GIU — BẢNG THANH

CHỦ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Theo ĐVSKTT, năm 432 vua Lâm-ấp là Phạm Dương Mai 范陽邁 sai sứ sang cống nước Tống và xin thống lĩnh Giao-châu 交州. Vua Tống trả lời vì đường xa không cho.

(2) Bôn, Dục: Bôn là Mạnh Bôn 孟賁, Dục là Hạ Dục 夏育, hai dũng sĩ của Trung-quốc thời cổ.

(3) Theo ĐVSKTT, năm 1044 Lý Thái Tông thân cầm quân đi đánh Chiêm-thành 占城, chém được Xạ Đầu tại trận. Trận ấy người Chiêm thiệt hại nhiều, Thái Tông phải hạ lệnh: « Kê nào giết bảy người Chiêm thì giết không tha ».

Năm 1069, Lý Thánh Tông 李聖宗 lại đi đánh Chiêm-thành. Lần này bắt được Chế Củ và năm vạn người. Sau Chế Củ được tha về.

116

成敗論

兵法云。三萬齊力。天下莫能當焉。
 今李賁有眾五萬。而不能守國。然則賁短於為將
 耶。抑新集之兵。不可與戰耶。
 李賁亦中才之將。其距敵制勝。不為不能。然卒以
 兩敗身亡者。蓋不幸而遇陳伯先之善用兵也。

PHIÊN ÂM :

THÀNH BẠI LUẬN

Binh pháp vân : tam vạn tề lực, thiên hạ mạc năng đương yên.

Kim Lý Bôn hữu chúng ngũ vạn, nhi bất năng thủ quốc, nhiên tắc Bôn đoan ư vi tướng da? Ưc tân tập chi binh bất khả dĩ chiến da?

Lý Bôn diệc trung tài chi tướng, kỳ làm địch chế thắng bất vi bất năng. Nhiên tốt dĩ lưỡng bại, thân vong giả, cái bất hạnh nhi ngộ Trần Bá Tiên chi thiện dụng binh dã.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ SỰ THÀNH BẠI (?).

Sách binh pháp nói : ba vạn quân đều hợp sức thì thiên hạ chẳng ai địch nổi.

Nay Lý Bôn có một đội quân năm vạn mà không giữ được nước, thế thì Bôn là một tướng tồi chăng? Hay là đội quân mới tập hợp không thể đánh nhau được?

Lý Bôn cũng là một vị tướng tài vào bậc trung, việc ra trận đánh thắng không phải không làm được. Thế mà rốt cuộc hai lần bị thua rồi chết, là vì không may gặp phải Trần Bá Tiên là tay giỏi việc binh đó thôi.

CAO HUY GIU — BẢNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Lý Bôn : người Thái-bình 太平 phủ Long-hưng 隆興, nay thuộc tỉnh Thái-bình.

Năm 541 vì bọn quan cai trị nhà Lương 梁 rất tàn ác, Lý Bôn dấy binh đánh đuổi, lấy lại nước, xưng là Nam Đế 南帝, đặt hiệu nước là Vạn-xuân 萬春, đóng đô ở Long-biên 龍編. Năm 545, nhà Lương sai bọn Trần Bá Tiên sang đánh. Lý Bôn chống cự được, đến mùa xuân năm 548 thì mất ở động Khuất-lão 屈老. Cuộc kháng chiến chuyển sang Triệu Quang Phục 趙光復 lãnh đạo.

117

善為國者論

一李璠之貧暴。致數十年蠻寇之患。况甚虐於李璠者乎。一高駢之督屬。斬數十萬賊眾之強。况賢於高駢者乎。故璠不能自保。而駢據城稱王。善為國者當謹擇焉。

PHIÊN ÂM :

THIỆN VI QUỐC GIẢ LUẬN

Nhất Lý Trác chi tham bạo, tri sở thập niên. Man khẩu chi hoạn, hướng thậm ngược ư Lý Trác giả hồ? Nhất Cao Biền chi đốc thuộc, trăm sở thập vạn tặc chúng chi cường, hướng hiền ư Cao Biền giả hồ? Cổ Trác bất năng tự bảo, nhi Biền cứ thành xưng vương.

Thiện vi quốc giả đương cần trạch yên.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ NGƯỜI GIỎI TRỊ NƯỚC (*)

Có một Lý Trác tham bạo mà đến đến nổi gây nên mối họa giặc Man quấy nhiễu đến mấy chục năm, hướng chỉ là kẻ bạo ngược hơn Lý Trác? Có một Cao Biền đốc suất thuộc tướng mà có thể giết được vài mươi vạn quân giặc hùng mạnh, hướng chỉ là kẻ giỏi hơn Cao Biền? Cho nên Trác không thể bảo toàn được thân mình mà Cao Biền giữ thành xưng vương.

Kẻ khéo trị nước phải nên lựa chọn cho cẩn thận.

CAO HUY GIU — BẢNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm. *Lý Trác* : làm An-nam đô hộ phủ dưới thời Tùy Đường, rất tham tàn bạo ngược nên người Man oán giận dẫn đường cho người Nam-chiếu đến đánh phá biên giới. *Cao Biền* : năm 864, vua Đường cử Biền sang đánh quân Nam-chiếu và cho làm Tĩnh hải quân tiết độ sứ, cai trị nước ta, sau đó Biền xưng vương và đặt La-thành

118

前吳王論

前吳王能以我越新集之兵。破劉弘標百萬之眾。
拓土稱王。使北人不復來者。可謂以一怒而安其民。
善謀而善戰者也。雖以王自居。未即帝位。改元。而我越
之正統庶幾乎復續矣。

PHIÊN ÂM :

TIỀN NGÔ VƯƠNG LUẬN

Tiền Ngô Vương năng dĩ ngã Việt tân tập chi binh, phá Lưu Hoảng Thao bách vạn chi chúng, thác thổ xưng vương sử Bắc nhân bất cảm phục lại giả, khả vị dĩ nhất nộ nhi an kỳ dân, thiện mưu nhi thiện chiến giả dã. Tuy dĩ vương tự cư, vị tức đế vị, cải nguyên nhi ngã Việt chi chính thống thứ cơ hồ phục tục hĩ.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ TIỀN NGÔ VƯƠNG (1)

Tiền Ngô Vương có thể đem quân mới tập hợp của đất Việt ta mà phá được hàng trăm vạn quân của Lưu Hoảng Thao (2), mở nước xưng vương, khiến cho người phương Bắc không dám trở lại nữa. Như thế có thể bảo là một cơn giận mà làm yên được dân nước mình, mưu giỏi mà đánh cũng giỏi. Tuy chỉ xưng vương, chưa lên ngôi hoàng đế và cải niên hiệu, nhưng nền chính thống của nước nhà cơ hồ đã nối lại được.

CAO HUY GIU — BẢNG THAHN

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. *Tiền Ngô Vương*: Ngô Quyền 吳權 (899—944), người Đường-lâm 唐林, huyện Phúc-lộc 福祿, châu Giao 交州 nay thuộc ngoại thành Hà-nội. (Sách *An nam kỷ yếu* 安南紀要 của Trung-quốc ghi Ngô Quyền người châu Ái-lô 愛州). Ông là con rể và là tướng tài của Dương Đình Nghệ 楊廷藝 người đã lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống nhà Nam Hán 南漢 giành độc lập năm 930—931. Năm 937 Dương Đình Nghệ bị Kiều Công Tiễn 矯公羨 ám sát. Quân Nam Hán lại kéo sang. Cuối năm 938 Ngô Quyền từ châu Ái đem quân ra giết Kiều Công Tiễn, phá tan đội thủy quân của Lưu Hoảng Thao trên sông Bạch-đăng 白藤, lập ra nhà Ngô, đóng đô ở Cổ-loa 古螺. Ông làm vua được 6 năm (939—944) (xem thêm *Thơ văn Lý-Trần*, tập I).

(2) *Lưu Hoảng Thao*: con trưởng vua Nam Hán, một triều đại trong thời Ngũ đại 五代 Trung-quốc.

119

公罪私恩論

逐君之子而自立，公罪也。養君之子為己子而食邑，私恩也。逐昌茂而自位，篡逆之臣，於義固不容誅矣。後吳王不正其罪，乃以口體私恩，不忍加刑，又賜之食邑，豈不大謬乎。

PHIÊN ÂM :

CÔNG TỘI, TƯ ÂN LUẬN

Trục quân chi tử nhi tự lập, công tội dã. Dưỡng quân chi tử vi kỷ tử nhi thực ấp, tư ân dã. Trục Xương Ngập nhi tự vị, thoán nghịch chi thần, ư nghĩa cố bất dung tru hỹ. Hậu Ngô Vương bất chính kỷ tội, nãi dĩ khẩu thể tư ân, bất nhần gia hình, hựu tứ chi thực ấp, khởi bất đại mậu hồ?

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ ƠN RIÊNG MÀ TỘI CHUNG (1)

Đuổi con vua mà tự lập làm vua là có tội đối với công nghĩa. Nuôi con vua làm con mình, mà cho thực ấp là ơn riêng đối với nhau. Đuổi Xương Ngập mà tự lập làm vua là bề tôi phản nghịch, đối với nghĩa thì cố nhiên giết chết cũng còn chưa đủ. Hậu Ngô Vương không trị tội, đó là vì ơn riêng cơm áo không nỡ giết. Nhưng còn cho thực ấp, thì há chẳng làm to sao!

CAO HUY GIU — CAO XUÂN HUY

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ: ĐVSKTT

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Dương Tam Kha: là gia thân và anh vợ Ngô Quyền. Ngô Quyền chết năm 944, Tam Kha cướp ngôi, nhiều lần tìm bắt Ngô Xương Ngập là con trưởng của Ngô Quyền nhưng không được. Kha lại nuôi Xương Văn 昌文 làm con rồi cho thực ấp.

Năm 950, Xương Văn đánh Tam Kha lấy lại ngôi vua. Các tướng xin giết Tam Kha nhưng Văn nói: « Bình Vương đối với ta có ơn, sao nỡ giết ». Rồi giáng làm Trương công cấp cho thực ấp.

120

南 晋 王 論

吳南晉王前為家世三哥之拘囚。後為其兄昌爰之掩抑。一日得志。不能自慎。而享國日淺。政績無聞。惜哉。

然觀其免平王之衆逆。豈非仁乎。容昌爰之驕倨。豈非泰乎。既仁且泰。亦可見其為人矣。

PHIÊN ÂM :

NAM TẤN VƯƠNG LUẬN

Ngô Nam Tấn Vương tiền vì gia thần Tam Kha chi câu tù, hậu vì kỳ huynh Xương Ngập chi yếm ức. Nhất đán đắc chí, bất năng tự thận, nhi hưởng quốc nhật thiển, chính tích vô văn. Tích tai!

Nhiên quan kỳ miễn Bình vương chi tội quá, khởi phi nhân hồ? Dung Xương Ngập chi kiêu cử, khởi phi cung hồ? Kỳ nhân thả cung, diệc khả kiến kỳ vi, nhân hĩ?

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ NAM TẤN VƯƠNG (1)

Vua Nam Tấn nhà Ngô trước thì bị gia thần là Tam Kha giam lỏng, sau lại bị anh là Xương Ngập lấn át. Một khi đắc chí lại không biết giữ gìn cẩn thận nên làm vua chẳng được bao lâu, chính tích chẳng có gì đáng kể. Tiếc thay!

Nhưng xét ra việc tha tội cho Bình vương, há chẳng phải là nhân hậu ư? Dung thứ cho Xương Ngập kiêu nhờn, há chẳng phải là cung kính ư? Đã nhân hậu và cung kính, thì qua đó cũng có thể biết được nhân cách của ông ta vậy.

CAO HUY GIU — BẢNG THANH

CHỮ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Nam Tấn Vương : là Ngô Xương Văn 吳昌文, con thứ hai Ngô Quyền 吳權. Sau khi truất bỏ Tam Kha (950), Vương đón Xương Ngập về kinh đô cùng coi việc nước. Xương Ngập xưng là Thiên Sách Vương 天策王, về sau Xương Ngập chuyên giữ quyền bính, Nam Tấn Vương không được dự chính sự nữa. Năm 954 Thiên Sách Vương mất, ông lại lên ngôi, đến năm 967 thì mất.

121

丁先皇論

先皇以過人之才明。蓋世之勇畧。當我越無主。群雄割據之時。一舉而十二使君盡服。其開國建都。改稱皇帝。置百官。設六軍。制度畧備。殆天意為我越復生聖哲。以接趙王之統也歟。

PHIÊN ÂM:

ĐÌNH TIÊN HOÀNG LUẬN

Tiên Hoàng dĩ quá nhân chi tài minh, cái thế chi dũng lược, đương ngã Việt vô chủ, quần hùng cát cứ chi thời, nhất cử nhi thập nhị sứ quân tận phục. Kỳ khai quốc kiến đô, cải xưng Hoàng đế, trí bách quan, thiết lục quân, chế độ lược bị. Đãi thiên ý vị ngã Việt phục sinh thánh triết, dĩ tiếp Triệu Vương chi thống dã dư?

DỊCH NGHĨA:

BÀN VỀ ĐÌNH TIÊN HOÀNG (1)

Tiên Hoàng với tài năng sáng suốt hơn người, dũng lược bậc nhất thiên hạ, dẫu đương lúc nước Việt ta không có chủ, các hùng trưởng cát cứ khắp nơi, một lần cử sự, Mười hai sứ quân đều thần phục hết. Thế rồi mở nước, dựng đô, đổi niên hiệu, xưng Hoàng đế, đặt trăm quan, lập sáu quân, chế độ gần đủ. Chắc hẳn ý trời muốn vì nước Việt ta, lại sinh bậc thánh triết để tiếp nối chính thống của Triệu Vương (2) chẳng?

CAO HUY GIU — CAO XUÂN HUY

CHÚ THÍCH:

XUẤT XỨ: ĐVSKTT

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm. *Đình Tiên Hoàng*: Đình Bộ Lĩnh 丁部領, người đất Hoa-lư 花閭, nay thuộc tỉnh Hà-nam-ninh. Sau khi dẹp xong Mười hai sứ quân (968), ông lên ngôi vua, lập ra nhà Đinh, đóng đô ở Hoa-lư. Đinh Tiên Hoàng làm vua được 12 năm (968 — 979).
- (2) *Triệu vương*: chỉ Triệu Đà 趙陀 (208 trước CN — 137 trước CN), vốn người Trung-quốc, làm một chức Ủy ở quận Nam-hải 南海, khoảng năm 208 trước CN sang đánh nước ta rồi xưng vương. Hầu hết sử sách cũ đều gọi là một triều đại của nước ta, vì Triệu Đà đã xây dựng nước Âu-lạc 瓠貉 thành một quốc gia riêng biệt, gọi là nước Nam-việt 南越, độc lập với nhà Hán.

122

溺私論

天地並其覆載。日月並其照臨。故能生成萬物。發育庶類。亦猶皇后配儔宸極。故能表出宮中。化成天下。自古秋立一人。以主內治而已。未聞有五其名者。先皇無稽不學。而當時群臣又無匡正之者。致使溺私。並立五后。下至黎李二家。亦多效而行之。由先皇始唱其亂階也。

PHIÊN ÂM :

NỊCH TƯ LUẬN

Thiên địa tính kỳ phủ tải, nhật nguyệt tính kỳ chiếu lâm, cố năng sinh thành vạn vật, phát dục thứ loại, diệc do hoàng hậu phối lệ thần cực, cố năng biểu xuất cung trung, hóa thành thiên hạ. Tự cổ chỉ lập nhất nhân, dĩ chủ nội trị nhi dĩ, vị văn hữu ngũ kỳ danh giả. Tiên Hoàng vô kê bất học, nhi đương thời quần thần hữu vô khuông chính chỉ giả, trí sử nịch tư, tính lập ngũ hậu. Hạ chí Lê, Lý nhị gia, diệc đa hiệu nhi hành chi, do Tiên Hoàng thủy xướng kỳ loạn giai dã.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ VIỆC SAY Đắm TÌNH RIÊNG (1)

Trời đất cùng che chở, mặt trăng mặt trời cùng sáng soi, cho nên mới sinh thành muôn vật, phát triển nuôi dưỡng mọi loài, cũng như hoàng hậu sánh với ngôi vua, cho nên mới làm tiêu biểu trong cung, giáo hóa thiên hạ. Từ xưa chỉ lập một hoàng hậu để chủ việc nội trị mà thôi, chưa từng nghe thấy có việc lập năm hoàng hậu. Tiên Hoàng không kê cứu, không có học, các bề tôi đương thời lại không người nào biết giúp sửa cho đúng, để đến nỗi đắm đuối vì tình riêng mà lập năm hoàng hậu ngang nhau. Về sau, hai triều Lê, Lý cũng nhiều khi bắt chước làm việc ấy, chính là do Tiên Hoàng khởi đầu mỗi loạn đó vậy.

CAO HUY GIU — BẢNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ: ĐVSKTT

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Theo ĐVSKTT, năm Canh ngọ, niên hiệu Thái Bình năm thứ nhất (970), Đinh Tiên Hoàng lập năm hoàng hậu là: Đan Gia 丹嘉, Trình Minh 貞明, Kiều Quốc 矯國, Cồ Quốc 瞿國, Ca Ông 歌翁.

123

以李德鑒黎論

大行之誅丁佃執阮匄擒君辨。虜奉勲如驅小兒。如役奴隸。曾不數年而疆土大定。其戰勝攻取之功。雖漢唐無以過也。或問黎大行與李太祖孰優。

曰。自其削平內奸。攘挫外寇。以壯我越。以威宋人而言。則李太祖不如大行之功為難。自其素著恩威。人樂推戴。延長國祚。聖裕後昆而言。則大行不如李太祖之慮為長。然則太祖優歟。

曰。優則不知。但以李德鑒黎為厚爾。當從李。

PHIÊN ÂM :

Dĩ Lý Đức Giám Lê Luận

Đại Hành chi tru Đinh Điền, chấp Nguyễn Bặc, cầm Quân Biện, lỗ Phụng Huân như khu tiểu nhi, như dịch nô lệ, tăng bất số niên nhi cương thổ đại định. Kỳ chiến thắng công thủ chi công tuy Hán Đường vô dĩ quá dã. Hoặc vấn Lê Đại Hành dĩ Lý Thái Tổ thực ưu ?

Viết : tự kỳ tước bình nội gian, nhưng tỏa ngoại khẩu dĩ tráng ngã Việt, dĩ uy Tống nhân nhi ngôn, tắc Lý Thái Tổ bất như Đại Hành chi công vi nan. Tự kỳ tổ trư ân uy, nhân lạc suy đời, diên trường quốc tộ, thù dụ hậu con nhi ngôn, tắc Đại Hành bất như Lý Thái Tổ chi lự vi trường. Nhiên tắc Thái Tổ ưu dư ?

Viết : ưu tắc bất tri, đăn dĩ Lý đức giám Lê vi hậu nhi. Đường tông Lý.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ VIỆC SO SÁNH ĐỨC NHÀ LÝ VÀ NHÀ LÊ (1)

Lê Đại Hành giết Đinh Điền, bắt Nguyễn Bặc (2) giam Quân Biện, đánh Phụng Huân (3) dễ như lừa trẻ con, như sai nô lệ, chưa đầy vài năm mà bờ cõi yên tĩnh. Cái công đánh dấu được đầy của ông dù nhà Hán nhà Đường cũng không hơn được. Có người hỏi Lê Đại Hành với Lý Thái Tổ ai hơn ?

Trả lời rằng : về mặt dẹp gian bên trong, đánh giặc bên ngoài để làm mạnh nước Việt ta và ra uy với người Tống thì công của Lý Thái Tổ không bằng Lê Đại Hành gian nan khó nhọc. Về mặt ân uy rõ rệt, lòng người vui vẻ suy tôn, làm cho vận nước lâu dài, để phúc lại cho con cháu thì Đại Hành không biết lo xa bằng Lý Thái Tổ. Thế thì Lý Thái Tổ hơn ư ?

Trả lời rằng: hơn thì không biết, nhưng xem ra đức của nhà Lý hậu hơn nhà Lê. Hãy theo nhà Lý.

CAO HUY GIU — CAO XUÂN HUY

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ: ĐVSKTT

- (1) Bàu đề do chúng tôi thêm. *Lê Đại Hành*: tức Lê Hoàn 黎桓, người châu Ái 愛州 nay là tỉnh Thanh-hóa. Được Dương Thái hậu 楊太后 truyền ngôi và các tướng tá suy tôn, ông lên làm vua thay nhà Đinh từ năm 980 đến 1005.
Lý Thái Tổ: tức Lý Công Uẩn 李公蘊 (974—1028), người châu Cổ-pháp 古法, lộ Bắc-giang 北江, nay thuộc tỉnh Hà-bắc. Ông lên ngôi vua năm 1009, năm 1010 thì dời đô ra Thăng-long.
- (2) *Đinh Điền và Nguyễn Bặc*: hai bề tôi nhà Đinh. Khi Đinh Toàn 丁全 lên ngôi, năm 979, mới có 6 tuổi, Lê Hoàn nhiếp chính, tự xưng là Phó vương, hai người sợ Hoàn cướp ngôi nên đem quân đến kinh sư định giết Hoàn. Việc không thành, hai người đều bị giết.
- (3) *Quân Biện, Phụng Huân*: Quách Quân Biện 郭君辨 và Triệu Phụng Huân 趙奉勳. Năm 981 quân Tống sang xâm lược nước ta, Lê Hoàn đóng cọc ngăn sông Bạch-đăng 白藤, dùng kế nghi binh phá tan được quân Tống. Tướng Hậu Nhân Bảo 侯仁寶 bị giết, cánh quân của Khâm Tổ 欽祖 bị vỡ, quân lính chết quá nửa, tướng Quân Biện và Phụng Huân bị bắt đem về Hoa-lư. 花閼。

124

謚論

天子與皇后初崩殂。未歸山陵。則號大行皇帝。大行皇后。及寢陵既安。則會群臣議其德行之賢否。以爲謚。曰某皇帝。某皇后。不復以大行稱之。

黎大行乃以大行為謚號。相傳至今。何哉。蓋以不肖之卧朝爲子。又無儒臣弼亮之。以議其謚法。故也。

PHIÊN ÂM:

THUY LUẬN

Thiên tử dữ hoàng hậu sơ băng tồ, vị quy sơn lăng, tác hiệu Đại Hành hoàng đế, Đại Hành hoàng hậu. Cập tẩm lăng ký an tắc hội quần thần nghị ký đức hạnh chi hiền phủ dĩ vi thụy, viết mộ hoàng đế, mộ hoàng hậu, bất phục dĩ Đại Hành xưng chi.

Lê Đại Hành nãi dĩ Đại Hành vi thụy hiệu, tương truyền chí kim. hà tai? Cái dĩ bất tiểu chi Ngọa Triều vi tử, hựu vô nho thần bất lượng chi dĩ nghị ký thụy pháp, cố dã.

DỊCH NGHĨA:

BÀN VỀ VIỆC ĐẶT TÊN THUY (1)

Vua và hoàng hậu khi vừa mất, chưa an táng vào sơn lăng thì gọi là Đại Hành hoàng đế, Đại Hành hoàng hậu. Khi lăng tẩm đã yên rồi thì họp quần thần bàn bạc xem đức hạnh tốt hay xấu để theo đó mà đặt thụy là mộ hoàng đế, mộ hoàng hậu, không gọi là Đại Hành nữa.

Lê Đại Hành mang thụy hiệu Đại Hành mãi tới nay là tại sao? Bởi vì Ngọa Triều (2) là con bất hiếu, lại không có các bề tôi nho học phụ giúp để bàn về phép đặt tên thụy, nên mới thế.

CAO HUY GIU — BẮNG THANH

CHÚ THÍCH:

XUẤT XỨ: ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm.

(2) Ngọa Triều: tức Lê Long Đĩnh 黎龍錠, con thứ năm Lê Đại Hành, lên ngôi năm 1005, làm vua được bốn năm. Vua là một người tàn bạo, giết anh để cướp ngôi, không tôn trọng đình thần, lại hoang dâm. Vì vua có bệnh trĩ, phải nằm coi chậu nên có tên là Ngọa Triều.

125

卧朝弑兄論

卧朝弑其兄而自立,虐其眾以自逞,以至亡國,此
 祚非黎氏之不幸也。其過在大行不早正儲位,與中宗
 不能防其微,以至之也。

PHIÊN ÂM:

NGỌ TRIỀU THỊ HUYNH LUẬN

Ngọ Triều thị kỳ huynh nhi tự lập, ngược kỳ chúng dĩ tự sinh, dĩ chí vong quốc thất tộ, phi Lê thị chi bất hạnh dã, kỳ quá tại Đại Hành bất tảo chính trừ vị, dĩ Trung Tông bất năng phòng kỳ vi dĩ chí chi dã.

DỊCH NGHĨA:

BÀN VỀ VIỆC NGỌ TRIỀU GIẾT ANH⁽¹⁾

Ngọ Triều⁽²⁾ giết anh, tự lập làm vua, bạo ngược với dân chúng dễ thỏa lòng hung ác của mình, đến nỗi mất ngôi, mất nước. Đó không phải là sự bất hạnh của nhà Lê mà lỗi tại Đại Hành không sớm đặt ngôi thái tử, Trung Tông không biết phòng giữ từ khi sự việc mới chớm nở nên đến nỗi thế.

CAO HUY GIU

CHÚ THÍCH:

XUẤT XỨ: ĐVSKTT

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Lê Trung Tông: tên là Long Việt 龍越, con thứ ba Lê Đại Hành, lên ngôi được ba ngày thì bị em là Ngọ Triều giết.
(2) Ngọ Triều: xem Chít. 2, bài Thuy Luận (Bàn về việc đặt tên thuy), số 124, cùng tác giả.

*

126

追封尊號論

有周興王。其追封則曰太王。王季。宋稱帝。其追封則曰僖祖。翼祖。蓋父爲子貴之義。我李太祖旣稱帝。而追封其父曰顯慶王。當時禮官不能正之。所謂自卑矣。

PHIÊN ÂM :

TRUY PHONG TÔN HIỆU LUẬN

Hữu Chu hưng vương, kỳ truy phong tặc viết : Thái Vương, Vương Quý. Tống xưng đế, kỳ truy phong tặc viết : Hy Tổ, Dực Tổ. Cái phụ vị tử quý chi nghĩa. Ngã Lý Thái Tổ ký xưng đế, nhi truy phong kỳ phụ viết : Hiền Khánh Vương. Đương thời Lễ quan bất năng chính chi. Sở vị tự ti hỹ.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ VIỆC TRUY PHONG TÔN HIỆU (1).

Nhà Chu dấy nghiệp vương thì truy phong Thái Vương, Vương Quý. Nhà Tống xưng đế, thì truy phong Hy Tổ, Dực Tổ. Cách làm đó là theo nghĩa «cha vì con mà được tôn quý». Lý Thái Tổ ta đã xưng đế mà truy phong cha là Hiền Khánh Vương. Lễ quan bấy giờ cũng không biết cải chính. Thế là tự ti vậy.

CAO HUY GIU — BẢNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Năm 1009, Lý Thái Tổ lên ngôi truy phong cha là Hiền Khánh Vương 顯慶王, mẹ là Minh Đức Thái hậu 明德太后. Lê Văn Hưu cho là chưa đúng lễ, chưa đủ tôn quý nên ông có ý chê.

*

127

李家崇佛論

李太祖卽帝位甫及二年。宗廟未建。社稷未立。先於天德府創立八寺。又重修諸路寺觀。而度京師千餘人爲僧。則土木財力之費不可勝言也。

財非天雨。力非神作。豈非浚民之膏血歟。浚民之膏血。可謂修福歟。創業之主躬行勤儉。猶恐子孫之奢怠。而太祖垂法如此。宜其後世起凌霄之堵坡。立削石之寺柱。佛宮壯麗倍於宸居。下習化之。至有數形易服。

破產逃親百姓太半為僧。國內到處皆寺。其源豈無所
自哉。

PHIÊN ÂM :

LÝ GIA SÙNG PHẬT LUẬN

Lý Thái Tổ tức đế vị, phủ cấp nhị niên, tông miếu vị kiến, xã tắc vị lập, tiên ư Thiên-đức phủ sáng lập bát tự, hựu trùng tu chư lộ tự quán, nhi độ kinh sư thiên dư nhân vi tăng, tắc thổ mộc tài lực chi phí bất khả thắng ngón đã.

Tài phi thiên vũ, lực phi thần tác, khởi phi tuần dân chi cao huyết dư? Tuần dân chi cao huyết, khả vị tu phúc dư? Sáng nghiệp chi cao, cung hành cần kiệm, do khủng tử tôn chi xa dãi, nhi Thái Tổ thủy pháp nư thử, nghi kỳ hậu thế khởi lãng tiên chi đồ pha, lập tức thạch chi tự trụ; Phật cung tráng lệ bệ tr thần cư. Hạ giai hóa chi, chi hữu hủy hình dịch phục, phá sản đào thân. Bách tính thái bán vi tăng, quốc nội đảo xứ giai tự, kỳ nguyên khởi vô sở tự tại!

DỊCH NGHĨA:

BÀN VỀ VIỆC NHÀ LÝ SÙNG PHẬT (1)

Lý Thái Tổ lên ngôi mới được hai năm, tông miếu (2) chưa dựng, xã tắc (3) chưa xây mà trước hết đã dựng tám ngôi chùa ở phủ Thiên-đức, lại sửa chữa chùa quán ở các lộ, cấp độ điệp (4) cho hơn một nghìn sư sãi ở kinh đô. Thế thì tiền phi sức lực của cải cho việc xây chùa, làm tháp biết bao nhiêu mà kể.

Của cải chẳng phải trời mưa cho, sức lực chẳng phải thần làm cho, như thế há chẳng phải là khơi vét máu mỡ của dân ư? Khởi vét máu mỡ của dân có thể gọi là tu phúc được chăng? Bậc vua sáng nghiệp tự mình cần kiệm còn lo con cháu ngày sau xa xỉ lười nhác, huống chi Thái Tổ nêu gương như thế, trách gì con cháu đời sau chẳng xây tháp cao ngút trời, trồng cột chùa đá chạm (5); chùa Phật lộng lẫy hơn cả cung vua. Người dưới học theo, có kẻ hủy hoại thân thể, thay đổi cách ăn mặc, bỏ sản nghiệp, trốn thân thích. Dân quá nửa là sư sãi, khắp nước chỗ nào cũng chùa chiền, nguồn gốc há chẳng phải từ đó mà ra sao?

CAO HUY GIU — BẢNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Theo ĐVSKTT năm Canh-tuất (1010) sau khi dời đô ra Thăng-long 昇龍, Lý Thái Tổ xuống chiếu phát 2 vạn quan tiền kho để làm 8 ngôi chùa ở phủ Thiên-đức 天德 (nay là Đình-bảng huyện Tiên-sơn, tỉnh Hà-bắc); hạ lệnh cho các hương ấp nơi nào có chùa quán đồ nát thì phải sửa lại; cấp độ điệp cho nhân dân làm sự sai, phát 1680 lạng bạc để đúc chuông lớn.
Lý Thái Tổ : Lý Công Uân 李公蘊 (1009 — 1028), xem Cht. 1 bài *Đề lý đức giám Lê luận*, số 123, cùng tác giả.
- (2) *Tông miếu* : nơi thờ tổ tiên nhà vua và các vua đã mất.
- (3) *Xã tắc* : nền tế trời đất.
- (4) *Độ điệp* : văn bằng cấp cho những người đi tu để chứng nhận trình độ và tư cách về đạo của họ.
- (5) Đây nói tháp Báo-thiên 報天 cao 12 tầng và chùa Diên-hựu 延祐 có cột đá, xây dựng dưới triều Thánh Tông 聖宗 và Thái Tông 太宗.

128

正儲位論

李家封嫡子皆為王。庶子皆為皇子。而皇太子不設。及至宮車大漸。方擇諸子一人。入繼大統。傳之成俗。不知何意也。

或曰。李家不先正儲位。蓋欲使諸子疊疊為善。謂儲既定。則君臣分定。雖有微子之賢。將何以處之哉。

曰。天下之本既定。猶有楊廣飾竹奪嫡之禍。況儲貳不正。事至倉卒。方欲擇立。萬一有三夫人強請之嗣君。徐文通再筆之遺詔。雖欲不允。其可得乎。有國家者當以此為戒。

PHIÊN AM :

CHÍNH TRƯ VỊ LUẬN

Lý gia phong đích tử giai vi vương, thứ tử giai vi hoàng tử, nhi hoàng thái tử chi vị bất thiết. Cập chí cung xa đại tạm, phương trạch chư tử nhất nhân nhập kế đại thống. Truyền chi thành tục, bất tri hà ý dã?

Hoặc viết : Lý gia bất tiên chính trừ vị, cái dục sử chư tử vi vi thiên. Vị trừ kỷ định, tắc quân thần phạt định, tuy hữu Vi Tử chi hiền, tương hà dĩ xử chi tai !

Viết : Thiên hạ chi bản kỷ định, do hữu Dương Quảng sức hạnh đoạt địch chi họa ; huống trừ nhị bất chính, sự chi thắng thốt phương dục trách lập, vạn nhất hữu tam phu nhân cường thịnh chi tự quân, Từ Văn Thông lộng bút chi di chiếu, tuy dục bất doãn, kỷ khả đắc hồ ? Hữu quốc gia giả đương dĩ thử vi giới.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ VIỆC PHẢI CHÍNH NGÔI KẾ VỊ ⁽¹⁾

Nhà Lý phong con đích làm vương, con thứ làm hoàng tử, mà không đặt ngôi thái tử. Đến khi vua ốm nặng mới chọn một người trong các con để nối nghiệp lớn. Truyền dân thành tục, không biết là ý thế nào ?

Có người nói : Nhà Lý không đặt ngôi thái tử trước, là vì muốn cho các con đều chăm làm điều thiện. Nếu ngôi thái tử đã lập thì phận vua tôi đã nhất định rồi, dù trong các con có người hiền như Vi Tử ⁽²⁾, cũng không xử trí thế nào được nữa.

Trả lời rằng : Gốc thiên hạ đã định rồi, mà còn có cái họa như Dương Quảng giả dối để cướp ngôi con đích ⁽³⁾, huống chi ngôi thái tử không lập trước, đến khi vội vàng mới chọn lập, không may có việc như ba phu nhân nài xin lập con khác, Từ Văn Thông thay đổi di chiếu ⁽⁴⁾ thì dù muốn không bằng lòng cũng chẳng được nữa. Người làm chủ đất nước nên lấy đó làm răn.

CAO HUY GIU — BẢNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm.
- (2) Vi Tử : tên là Khải 啟, anh của vua Trụ 紂 nhà Ân 殷. Vua Trụ hoang dâm, can ngăn nhiều lần không được, Vi Tử bỏ nước mà đi. Sau nhà Ân mất, Chu Công 周公 đưa ông về thờ tự nhà Ân ở đất Tống 宋.
- (3) Dương Quảng : con thứ Tùy Văn Đế 隨文帝. Văn Đế đã lập Dương Dũng 楊勇 làm thái tử. Nhưng vì Văn Đế kiếm ước mà Dũng xa xỉ nên Văn Đế ghét. Quảng cố ý làm cho Văn Đế yêu mình rồi phé Dũng lập Quảng. Sau Văn Đế có ý hối, Quảng giết Văn Đế và Dũng để lên ngôi vua.
- (4) Việc ba phu nhân : Lý Thần Tông trước đã lập hoàng tử Thiên Lộc 天祿 làm con kế tự. Ba phu nhân Cẩm Thánh 感聖, Nhật Phụng 日奉, Phụng Thánh 奉聖 muốn dành ngôi thái tử cho Thiên Tộ 天祚 nên đưa lễ nói lút với Từ Văn Thông là Tham tri chính sự. Khi Thần Tông ốm nặng, gọi Thông vào viết di chiếu, Thông không dám xin nhưng cứ cầm bút chần chờ không viết. Một lát sau ba phu nhân đến, khóc lóc xin thay người kế vị, Thần Tông có lẽ vì sức ép của hôn người nên phải quyết định trao ngôi cho Thiên Tộ.

129

陵閣號論

夫古者天子既崩。安靈柩有陵。或號曰茂陵。或號曰昌陵。遺宸章有閣。或名顯謨。或名寶文。

今李唐歷代陵祇曰壽陵。閣祇曰龍圖。蓋時君不學。而儒臣不能潤色。或無稽古之力也。

PHIÊN ÂM:

LĂNG CÁC HIỆU LUẬN

Phù cổ giả thiên tử ký băng, an linh cữu hữu lăng, hoặc hiệu viết: Mậu-lăng, hoặc hiệu viết: Xương-lăng; di thần chương hữu các, hoặc danh Hiền-mô, hoặc danh Bảo-văn.

Kim Lý gia lịch đại lăng chỉ viết: Thọ-lăng; các chỉ viết: Long-đồ. Cái thời quân bất học, nhi nho thần bất năng nhuận sắc, hoặc vô kê cổ chỉ lực dã.

DỊCH NGHĨA:

BÀN VỀ TÊN LĂNG VÀ CÁC⁽¹⁾

Ngày xưa thiên tử mất, linh cữu an táng ở lăng, hoặc gọi là Mậu-lăng, hoặc gọi là Xương-lăng; di văn chương ở các, hoặc gọi là Hiền-mô, hoặc gọi là Bảo-văn.

Nay nhà Lý, lăng các đời chỉ gọi chung là Thọ-lăng, còn các chỉ gọi chung là Long-đồ. Ấy là vì vua thời đó không có học mà các nho thần không biết sửa chữa, hoặc là không có năng lực khảo cứu điển lệ xưa vậy.

CAO HUY GIU — BẮNG THANH

CHÚ THÍCH:

XUẤT XỨ: ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm.

130

稱號論

天子自稱曰朕。曰予一人。人臣稱君曰陛下。指天子所居曰朝廷。指政令所出曰朝省。自古不易之稱也。太宗使群臣呼己為朝廷。其後聖宗自號為萬乘。高宗使人呼為佛。皆無所法。而好為誇大。孔子所謂名不正。則言不順。此也。

PHIÊN ÂM :

XUNG HIỆU LUẬN

Thiên tử tự xưng viết trẫm, viết dư nhất nhân. Nhân thần xưng quân viết: bệ hạ; chỉ thiên tử sở cư viết: triều đình; chỉ chính lệnh sở xuất viết: triều sảnh. Tự cổ bất dịch chi xưng dã. Thái Tông sử quân thần hô kỷ vi Triều đình, kỷ hậu Thánh Tông tự hiệu vi Vạn Thặng, Cao Tông sử nhân hô vi Phật. giai vô sở pháp nhi hiếu vi khoa đại. Khổng Tử sở vị « danh bất chính, tắc ngôn bất thuận », thử dã.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ VIỆC XUNG TÊN HIỆU CỦA VUA ⁽¹⁾

Thiên tử tự xưng là trẫm, là « dư nhất nhân ». Bề tôi gọi vua là bệ hạ; chỉ chỗ ở của thiên tử là triều đình; chỉ nơi ban bố chính lệnh là triều sảnh. Những tiếng xưng hô đó từ xưa không thay đổi.

Thái Tông bảo bề tôi gọi mình là Triều đình, sau đó Thánh Tông tự xưng là Vạn Thặng ⁽²⁾, Cao Tông bắt người ta gọi mình là Phật ⁽³⁾, đều là do sự thích khoe khoang mà không theo phép tắc gì cả. Đó chính là điều mà Khổng Tử gọi là « tên không chính thì lời nói không thuận » ⁽⁴⁾ vậy.

CAO HUY GIU — BĂNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ: ĐVSKTT

(1). Đầu đề do chúng tôi thêm. Theo ĐVSKTT năm Canh tuất (1034) Thái Tông xuống chiếu cho các quan khi tâu việc ở trước mặt vua thì gọi vua là Triều đình.

(2) (3) Không thấy ĐVSKTT chép sự kiện này trong phần Lý Thánh Tông và Lý Cao Tông.

- (4) Danh bất chính tắc ngôn bất thuận : lời Khổng Tử 孔子 trả lời Tử Lộ 子路 trong Luận ngữ 論語, thiên Tử Lộ 子路, khi ông này hỏi: Nếu vua nước Vệ dùng thầy vào chính sự thì thầy sẽ làm gì trước? Nguyên văn: 名不正則言不順; 言不順則事不成; 事不成則禮樂不興; 禮樂不興則刑罰不中; 刑罰不中則民無所措手足. Danh bất chính tắc ngôn bất thuận; ngôn bất thuận tắc sự bất thành; sự bất thành tắc lễ nhạc bất hưng; lễ nhạc bất hưng tắc hình phạt bất trúng; hình phạt bất trúng tắc dân vô sở thủ túc. Nghĩa là: Tên không đúng thì lời không thuận; lời không thuận thì việc không thành; việc không thành thì lễ nhạc không hưng khởi; lễ nhạc không hưng khởi thì hình phạt không trúng; hình phạt không trúng thì dân không biết hành động thế nào.

131

加尊號論

帝堯。帝舜。文王。武王。皆以一字為號。未嘗有增其尊號也。

後世帝王好為誇大。乃有累至數十餘字者。然以功德稱之。未有以物件及蠻夷聯綴於其間者也。太宗乃納群臣所上“金湯銀生儂平藩伏”八字為號。則於誇大中又失於麤矣。

太宗不學。無以知之。而儒臣進此。以諛媚其君。不可謂無罪也。

PHIÊN ÂM:

GIA TÔN HIỆU LUẬN

Đế Nghiêu, Đế Thuấn, Văn Vương, Vũ Vương giai dĩ nhất tự vi hiệu, vị thường hữu tăng kỳ tôn hiệu dã.

Hậu thế đế vương hiếu vi khoa đại, nãi hữu lũy chí sô thập dư tự giả. Nhiên dĩ công đức xưng chi, vị hữu dĩ vật kiện cập Man Di liên xuyết ư kỳ gian giả dã. Thái Tông nãi nạp quần thần sở thượng « Kim dũng ngân sinh, Nùng bình Phiên phục » bát tự vi hiệu, tắc ư khoa đại trung hựu thất ư thô hỹ.

Thái Tông bất học, vô dĩ tri chi, nhi nho thần tiến thử, dĩ du mị kỳ quân, bất khả vị vô tội dã.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ VIỆC THÊM CHỮ VÀO TÔN HIỆU (1).

Đế Nghiêu, Đế Thuấn, Văn Vương, Vũ Vương đều lấy một chữ làm hiệu, chưa từng thấy có thêm tôn hiệu bao giờ.

Đế Vương đời sau thích khoe khoang mới gia thêm tôn hiệu đến hơn vài chục chữ. Nhưng chỉ lấy công đức mà xưng, chưa bao giờ lấy những từ ngữ chỉ sự vật và Man Di mà chấp vào tôn hiệu cả. Thái Tông lại nhận lời bày tôi dâng tám chữ : « Kim dũng ngân sinh, Nùng bình Phiên phục » (2) làm tôn hiệu, thì chẳng những là khoe khoang mà lại còn thô thiển nữa.

Thái Tông vô học không biết đã đành, nhưng bọn nho thần dâng lên những chữ ấy để nịnh hót, thì không thể bảo là không có tội được.

CAO HUY GIU — BẢNG THANH

CHỮ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm.
- (2) Theo ĐVSKTT: Năm Kỷ mao (1039), tháng Hai Lý Thái Tông thân chinh dẹp được Nùng Tồn Phúc 儂存福; tháng Tư con vua Chiêm-thành 占城 và 4 người nữa vào quy phụ triều đình; tháng Năm động Vũ-kiến 武建 châu Quảng-nguyên 廣源 dâng một khối vàng sống, châu Lộng-thạch 弄石, châu Định-biên 定邊, huyện Liên 連 tâu rằng trong xứ có hổ bạc. Do đó tháng Sáu năm ấy bày tôi xin đổi niên hiệu là « Càn Phù Hữu Đạo » 乾符有道 và tăng tôn hiệu tám chữ : « Kim dũng ngân sinh, Nùng bình Phiên phục », nghĩa là : vàng nổi bạc sinh, dẹp nọ Nùng, bình nước Phiên.

溺小人而忘大事論

前年儂存福之叛逆。僭號開國。置官屬。太宗既罪存福。而遺其子智高。今智高復蹈其父之不軌。則其罪大矣。誅之可也。奪其爵邑。降為庶人。亦可也。太宗既赦其罪。又以州郡附益之。賜印封為太保。則賞罰無章。及其為廣源之患。乃出兵以援鄰為辭。何以異放虎兇使之噬人。而徐救之哉。

蓋溺佛氏之小仁而忘其國之大義也。

PHIÊN ÂM:

NỊCH TIÊU NHÂN NHI VONG ĐẠI SỰ LUẬN

Tiền niên Nùng Tồn Phúc chi bạn nghịch, tiếm hiệu, khai quốc, trị quan thuộc; Thái Tông ký tội Tồn Phúc nhi di kỳ tử Tri Cao. Kim Tri Cao phục đạo kỳ phụ chi bất quý, tác kỳ tội đại hỷ, tru chi khả dã; đoạt kỳ tước ấp, giáng vi thứ nhân diệc khả dã. Thái Tông ký xá kỳ tội, hựu dĩ châu quận phụ ích chi, tửn ẩn phong vi Thái bảo, tác tướng phạt vô chương. Cập kỳ vi Quảng-nguyên chi hoạn, nãi xuất binh dĩ viện lân vi từ, hà dĩ dĩ phóng hồ hỷ, sử chi phê nhân nhi từ cứu chi tai!

Cái nịch Phật thị chi tiêu nhân nhi vong kỳ quốc chi đại nghĩa dã.

DỊCH NGHĨA:

BÀN VỀ VIỆC HAM ĐIỀU NHÂN NHỎ MÀ QUÊN VIỆC LỚN⁽¹⁾

Năm trước Nùng Tồn Phúc phản nghịch, tiếm hiệu, mở nước, sắp đặt quan thuộc; Thái Tông đã bắt tội Tồn Phúc, nhưng để lại con là Tri Cao⁽²⁾. Nay Tri Cao lại noi theo việc trái phép của cha thì tội to lắm, giết đi là phải; lấy lại tước ấp, giáng làm thứ dân cũng là phải. Nhưng, Thái Tông đã tha tội lại còn cho thêm mấy châu quận, cho ẩn phong tước thái bảo, như thế là thưởng phạt không minh. Đến khi Tri Cao quấy rối Quảng-nguyên, phải đem quân đi đánh, lại lấy cớ là giúp nước láng giềng⁽³⁾. Như thế có khác gì thả hổ, tề giác cho cắn người rồi mới từ từ đến cứu?

Bởi vì Thái Tông say đắm cái nhân nhỏ của nhà Phật mà quên cái nghĩa lớn của quốc gia đó thôi!

CAO HUY GIU — BẢNG THANH

CHÚ THÍCH:

XUẤT XỨ: ĐVSKTT

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm.
- (2) Theo ĐVSKTT năm 1039 Nùng Tồn Phúc chiếm châu Quảng-nguyên đổi làm nước Trường-sinh 長生, phong con trai Tri Thông 智通 tước vương, vợ A Nùng, làm hoàng hậu, chuẩn bị giáp binh, thành trì, đối lập với nhà Lý. Tháng Hai năm ấy Lý Thái Tông đem quân đi đánh, bắt được cha con Tồn Phúc và Tri Thông, riêng A Nùng và Tri Cao chạy thoát. Thái Tông cũng không truy lùng. Năm 1041 Tri Cao lại trở về chiếm cứ châu Thăng-do 倘由, đổi làm nước Đại-lịch 大曆. Thái Tông sai tướng đi đánh, bắt được Tri Cao đem về Kinh. Nhưng Thái Tông không bắt tội lại cho giữ châu Quảng-nguyên như cũ và cho thêm các động: Lôi-hỏa 雷火, Bình-bà 平婆 và châu Tư-lãng 思浪 (phần lớn thuộc đất Cao-bằng ngày nay). Đến năm 1043 Thái Tông sai Ngụy Trưng 魏徵 đến Quảng-nguyên trao ấn và phong tước Thái bảo.
- (3) Tháng Tư năm 1052 Nùng Tri Cao lại nổi dậy, xưng là Nhân vương 仁王, đặt tên nước là Đại-nam 大南, đánh sang các châu Ung 雍, Hoành 橫, đến tận thành ngoài Quảng-châu 廣州 nước Tống để mở rộng biên giới. Nhà Tống phải huy động một lực lượng quân lớn đi đánh dẹp. Khi cuộc giao chiến bắt đầu Lý Thái Tông xin đem quân giúp Tống. Sau khi bàn bạc, nhà Tống không thuận.

Năm 1053 Tri Cao thua, quân xin Thái Tông cứu viện. Thái Tông sai quân đi cứu, nhưng Tri Cao vẫn thua, và cuối cùng bị nước Đại-lý 大理 bắt chém dâng nhà Tống.

133

除服論

人子生三年。然後出於懷抱。而免於父母。故自天子至於庶人。雖貴賤不同。而三年哀慕之情則一。蓋所以報其劬勞也。

矧神宗之於仁宗。鞠在宮中。恩莫厚矣。義當慎終追遠。其報可也。今未閱月而遽命群臣除服。未卒哭而迎兩妃后入宮。不知當時將何以儀型四海。表率百官哉。

神宗雖幼弱。而在朝之臣亦幸其短絀。無一言及之者。可謂朝無人矣。

PHIÊN ÂM:

TRỪ PHỤC LUẬN

Nhân tử sinh tam niên, nhiên hậu xuất ư hoài bảo nhi miễn ư phụ mẫu. Cổ tự thiên tử, chi ư thứ nhân, tuy quý tiện bất đồng nhi tam niên ai mộ chi tình tắc nhất. Cái sở dĩ báo kỳ cù lao dã.

Thần Thần Tông chi ư Nhân Tông cùc tại cung trung, ân mạc hậu hỹ. Nghĩa đương thận chung truy viễn, kỳ báo khả dã. Kim vị duyệt nguyệt nhi cử mệnh quần thần trừ phục, vị tốt khốc nhi nghênh lương phi hậu nhập cung, bất tri đương thời tương hà dĩ nghi hình tứ hải, biền suất bách quan tại!

Thần Tông tuy ấu nhược, nhi tại triều chi thần diệc hạnh kỳ đoản tang, vô nhất ngôn cập chi giả. Khả vị triều vô nhân hỹ.

DỊCH NGHĨA:

BÀN VỀ VIỆC ĐOẠN TANG (1)

Kẻ làm con sinh ra được ba năm, cha mẹ mới khỏi phải bế ẵm trong lòng. Cho nên từ thiên tử đến dân thường, tuy sang hèn khác nhau, nhưng tình thương nhớ ba năm đều như một. Thế là để báo đền công khó nhọc của cha mẹ vậy.

Huống chi Thần Tông được Nhân Tông nuôi nấng trong cung, ơn ấy không gì lớn hơn, đáng lẽ phải thận trọng việc tang chế và thờ cúng tổ tiên xa đời để báo đáp mới phải. Nay chưa đầy một tháng đã vội cho quần thần bỏ áo tang, chưa đến lễ trăm ngày đã đón hoàng hậu và thứ phi vào cung, không biết lúc bấy giờ lấy gì để làm khuôn phép cho thiên hạ và nêu gương cho các quan?

Thần Tông còn nhỏ tuổi, nhưng các quan trong triều cũng lấy việc đề tang ngăn làm may, không ai can ngăn lấy một lời. Có thể bảo là triều đình không có người vậy!

CAO HUY GIU — BẢNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Lý Thần Tông tên là Dương Hoán 楊煥, con trai Sùng hiễn hầu, gọi Thái Tông là bác. Thái Tông không có con, nuôi các cháu, và chọn Dương Hoán cho nối ngôi.

Ngày Đinh mao tháng Chạp năm Đinh mùi (1127) Thái Tông mất. Ngày Ất dậu (78 ngày sau) Thần Tông bắt đầu thị triều và xuống chiếu cho các quan bỏ áo trở. ĐVSKTT không ghi ngày đón phi và hoàng hậu.

134

歸功佛道論

夫運籌帷幄之中。決勝千里之外。皆良將臨戎制勝之功也。

太傅李公平破真臘之寇於乂安州。遣人奏捷神宗當告捷于太廟。論功于朝堂。以賞功平等克敵之勲。今乃歸功于佛道。臨寺觀而拜謝之。非所以勞有功。鼓士氣也。

PHIÊN ÂM :

QUY CÔNG PHẬT, ĐẠO LUẬN

Phù vận trù duy ác chi trung. quyết thắng thiên lý chi ngoại. giai lương tướng lâm nhung chế thắng chi công dã.

Thái phó Lý Công Bình phá Chân-lạp chi khấu ư Nghệ-an châu, khiến nhân tấu tiếp, Thần Tông đương cáo 捷 vu thái miếu, luận công vu triều đường dĩ thưởng Công Bình đẳng khắc địch chi huân. Kim nãi quy công ư Phật, Đạo, lâm tự, quán nhi bái tạ chi, phi sở dĩ lao hữu công, cổ sĩ khí dã.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ VIỆC QUY CÔNG CHO PHẬT VÀ ĐẠO (1)

Những việc trừ tặc trong cửa tướng, quyết thắng ngoài nghìn dặm, đều là công của bậc tướng giỏi cầm quân nơi chiến trận.

Thái phó Lý Công Bình phá được quân Chân-lạp vào cướp châu Nghệ-an, sai người báo tin thắng trận. Đáng lẽ Lý Thần Tông phải làm lễ cáo tiếp ở Thái miếu, bàn công ở triều đình, khen thưởng công dẹp giặc cho bọn Lý Công Bình mới phải. Nay lại quy công cho Phật, Đạo, đến khắp các chùa và các quán (2) lễ tạ, như thế không phải là cách ủy lạo kẻ có công, cổ lệ chỉ khi quân lính.

CAO HUY GIU — CAO XUÂN HUY

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Theo ĐVSKTT, ngày Giáp dần tháng Hai năm Mậu thân (1128), hơn 2 vạn người Chân-lạp 真獵 vào cướp châu Nghệ-an 乂安. Thái phó Lý Công Bình đem quân đi đánh. Ngày Đinh mao thư báo tin thắng trận của Công Bình về đến Kinh sư. Hôm sau Thần Tông đến hai cung Thái-thanh 太清, Cảnh-linh 景靈 và các chùa quán trong thành tạ ơn Phật và Thánh đã phù hộ cho Công Bình thắng trận.

Dưới thời Lý Thần Tông, Công Bình cũng có một vai trò quan trọng. Ông nhiều lần đánh thắng người Chân-lạp vào cướp phá biên giới phía Nam.

- (2) Nơi thờ cúng của Phật giáo gọi là chùa, nơi thờ cúng của Đạo giáo gọi là quán.

135

二 其 本 論

神宗以宗室之子。仁宗育為子。使繼大統。義當以仁宗為父。而稱所生父崇賢侯為皇叔。封生母杜氏為王夫人。如宋孝宗之於秀安僖王及夫人張氏。以一其本。可也。今乃封崇賢侯為太上皇。杜氏為皇太后。無乃二其本乎。

蓋神宗時方幼冲。而在朝公卿如蔡伯玉。牟俞都又無知禮者。故也。

PHIÊN ÂM:

NHỊ KỶ BẢN LUẬN

Thần Tông dĩ tông thất chi tử, Nhân Tông dục vi tử, sử kế đại thống, nghĩa đương dĩ Nhân Tông vi phụ nhi xưng sở sinh phụ Sùng hiến hầu vi hoàng thúc, phong sinh mẫu Đỗ thị vi Vương phu nhân như Tống Hiếu Tông chi ư Tù An Hi Vương cập phu nhân Trương thị, dĩ nhất kỷ bản, khả dã. Kim nãi phong Sùng hiến hầu vi Thái thượng hoàng, Đỗ thị vi Hoàng thái hậu, vô nãi nhị kỷ bản hồ?

Cái Thần Tông thời phương ấu sung, nhị tại triều công khanh như Lê Bá Ngọc, Mậu Du Đô hựu vô tri lễ giả, cố dã.

DỊCH NGHĨA:

BÀN VỀ VIỆC TỰ COI MÌNH LÀ MỘT DÒNG KHÁC (1)

Thần Tông là còn một người trong tông thất, Nhân Tông nuôi làm con, lại cho nối nghiệp lớn. Đáng lẽ phải tôn Nhân Tông làm cha, mà gọi cha đẻ Sùng hiến hầu là hoàng thúc, phong mẹ đẻ Đỗ thị là Vương phu nhân, như Tống Hiếu Tông đối với Hi Vương Tù An và phu nhân họ Trương, để thống nhất một gốc mới phải. Nay lại tôn Sùng hiến hầu làm Thái thượng hoàng, Đỗ thị làm Hoàng thái hậu, như thế chẳng hóa ra là hai gốc ư?

Bởi vì Thần Tông còn trẻ thơ mà các công khanh trong triều như Lê Bá Ngọc, Mậu Du Đô (2) cũng không biết lễ nên mới thế.

CAO HUY GIU — BĂNG THANH

CHÚ THÍCH:

XUẤT XỨ: ĐVSKTT

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Theo ĐVSKTT, sau khi lên ngôi, tháng Giêng năm Kỷ dậu (1129), Thần Tông tôn cha làm Thái thượng hoàng, mẹ làm Hoàng thái hậu.
- (2) Lê Bá Ngọc và Mậu Du Đô là hai bề tôi quan trọng dưới triều Lý Thần Tông; Lê Bá Ngọc chính là người được Nhân Tông gọi vào trao di chiếu.

136

獻獸賜爵論

夫古人所謂瑞者。以得賢與豐年。外此不足為瑞也。况珍禽異獸不育於國。亦先王之遺戒也。

神宗因阮祿。阮子克獻白鹿。以為瑞物。拜祿為大僚班。子克為明字。則賞者。受者皆非也。何則。

神宗以獻獸拜官。是濫其賞也。祿克以無功受賞。是欺其君也。

PHIÊN ÂM :

HIỂN THÚ TỬ TƯỚNG LUẬN

Phù cổ nhân sở vị thụy giả, dĩ đắc hiền dữ phong niên, ngoại thử bất túc vi thụy dã. Huống trăn cầm dị thú bất dục ư quốc, diệc tiên vương chi di giới dã.

Thần Tông nhân Nguyễn Lộc, Nguyễn Tử Khắc hiển bạch lộc dĩ vi thụy vật, bái Lộc vi Đại liêu ban, Tử Khắc vi Minh tự, tác thưởng giả, thụ giả giai phi dã. Hà tặc ?

Thần Tông dĩ hiển thú bái quan, thị lạm kỳ thưởng dã ; Lộc, Khắc dĩ vô công thụ thưởng, thị khi kỳ quân dã.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ VIỆC DĂNG THÚ BAN TƯỚNG⁽¹⁾

Những sự việc mà người xưa gọi là điềm lành chỉ là tìm được người hiền và được mùa mà thôi, ngoài ra không có gì đáng gọi là điềm lành cả. Huống chi «trong nước không nuôi chim quý thú lạ», cũng là lời khuyên răn của tiên vương để lại.

Thần Tông nhân việc Nguyễn Lộc, Nguyễn Tử Khắc⁽²⁾ dâng hươu trắng mà cho là điềm lành, ban cho Lộc tước Đại liêu ban, cho Tử Khắc tước Minh tự, thì người thưởng và người nhận thưởng đều sai cả. Sao vậy ?

Thần Tông vì dâng thú mà cho quan tước, đó là thưởng quá dễ dãi ; Lộc và Khắc không có công mà nhận thưởng, đó là dối vua.

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Theo ĐVSKTT, tháng Hai năm Kỷ Dậu (1129) Lý Lộc tâu trên núi Tân-viên 傘園 có hươu trắng. Vua sai Thái úy Dương Anh Nhĩ 鄧英弼 đến bắt được. Cho Lộc tước Đại liêu ban. Tháng Ba, Lý Tử Khắc 李子克 lại tâu rừng miền sông Đáy có hươu trắng. Vua sai Thái úy Lưu Khánh Đàm 劉慶談 đến bắt rồi thăng Tử Khắc làm Khu mật sứ, theo trật Minh tự.
- (2) ĐVSKTT chú thích : Lộc và Tử Khắc vốn họ Lý. Lê Văn Hưu tránh tên húy của nhà Trần nên đổi làm họ Nguyễn.

*

137

自 奉 論

天生民而作之君。使司牧之。非自奉也。

父母之心。誰不欲其子之有室家。聖人體此心。惟恐匹夫匹婦之不得其所。故詩形桃夭。標有梅美嫁之及時。與刺其晚也。

神宗詔百官之女選畢然後嫁。此乃自奉。豈為民父母之意哉。

PHIÊN ÂM :

TỰ PHỤNG LUẬN

Thiên sinh dân nhi tác chi quân, sử tư mục chi, phi tự phụng dã.

Phụ mẫu chi tâm, thù bất dục kỳ tử chi hữu thất gia. Thánh nhân thể thủ tâm, duy khùng thất phu thất phụ chi bất đắc kỳ sở. Cố Thi hình Đào yểu, Phiếu hữu mai mỹ giá chi cập thời, dữ thích kỳ văn dã.

Thần Tông chiếu bách quan chi nữ tuyền tất nhiên hậu giá, thử nãi tự phụng, khởi vi dân phụ mẫu chi ý tại !

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ VIỆC TỰ CUNG PHỤNG MÌNH (*)

Trời sinh dân, lại đặt ra vua, ấy là để vua chăn dắt dân, chẳng phải để vua tự cung phụng mình.

Lòng kẻ làm cha mẹ ai chẳng muốn con cái có vợ có chồng. Thánh nhân thể lòng ấy, chỉ sợ kẻ thất phu thất phụ không được yên ổn nơi chốn của họ. Cho nên *Kinh thi* đã biểu hiện điều đó trong bài *Đào yêu* và bài *Phiếu hữu mai*, khen hôn thú kịp thời và chê việc dè lữ thời.

Thế mà Thần Tông xuống chiếu bắt con gái các quan phải đợi vua tuyển xong cung nữ, ai không trúng mới được lấy chồng. Đó là tự phung sự cho mình, đâu phải tấm lòng của người làm cha mẹ dân!

CAO HUY GIU — BẢNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. ĐVSKTT chép tờ chiếu này ban bố vào tháng Giêng năm Canh tuất (1130).

*

138

養虎遺患論

杜莫武出入禁庭私通母后。罪莫大焉。武帶等宜庭奏奸狀。收捕繫獄而誅之可也。今乃出眾人突入越城門。驚脇幼主。強求詔旨。及捕獲莫武乃受太后之金。而不用阮楊之言。後竟為其所殺。累及數十人。所謂養虎遺患也。

PHIÊN ÂM :

DƯƠNG HỒ DI HOẠN LUẬN

Đỗ Anh Vũ xuất nhập cấm đình, tư thông mẫu hậu, tội mạc đại yên. Vũ Đới đẳng nghi đình tấu gian trạng, thu hồ hệ ngục nhi tru chi, khả dã. Kim nãi xuất chúng nhân đột nhập Việt-thành môn, kinh hiếp ấu chúa, cưỡng cầu chiếu chỉ; cập hồ hoạch Anh Vũ nãi thu Thái hậu chi kim nhi bất dụng Nguyễn Dương chi ngôn. Hậu cánh vi kỳ sở sát, luy cập sở thập nhân, sở vị dưỡng hồ di hoạn dã.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ VIỆC NUÔI HỒ ĐỀ MỐI HỌA (1)

Đỗ Anh Vũ ra vào trong cung cấm, tư thông với mẫu hậu, tội không gì lớn bằng. Bọn Vũ Đới nên tâu bày tội trạng trước vua rồi bắt bỏ ngục mà giết đi mới phải. Nay lại đem quân đột nhập cửa Việt-thành, ức hiếp vua nhỏ, ép lấy chiến chỉ; khi bắt được Anh Vũ lại nhận của đút của Thái hậu mà không nghe lời bàn của Nguyễn Dương. Về sau bị Anh Vũ giết chết, liên lụy đến vài chục người. Như thế có thể gọi là nuôi hồ đề lại mối họa vậy.

CAO HUY GIU — BẮNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Theo ĐVSKTT, Lý Anh Tông lên ngôi còn nhỏ tuổi, Đỗ Anh Vũ, em của Đỗ Thái hậu (vợ Sùng hiến hầu 崇賢侯) được làm chức Cung điện lệnh tri nội ngoại sự. Sau y tư thông với thái hậu Lê Cảm Thánh 黎感聖 nên ngày càng có quyền thế trong triều. Năm 1150 bọn Vũ Đới 武蒂, phó mã Dương Tư Minh 楊思明 bèn nhào bắt Anh Vũ. Sau đó, Vũ Đới đem quân đến cửa Việt-thành uy hiếp, bắt được Anh Vũ, đem giam ở chái Tả-hưng-thánh 左興聖, giao cho đình úy xét xử. Cảm Thánh sai người mang cơm cho Anh Vũ, dẫu vàng ở dưới đề đút lót cho người canh và Vũ Đới. Nguyễn Dương biết nếu Anh Vũ được tha thì cả bọn sẽ bị hại nên bèn đem giết đi. Đàm Dĩ Mông 潭以蒙 không nghe. Sau vua xử tội, Anh Vũ chỉ bị đày làm canh điền. Cảm Thánh nhiều lần mở đại hội xá tội, Anh Vũ dần dần lại được phục chức Thái úy phụ chính và được yêu tin hơn, y liền tìm cách trị tội bọn Vũ Đới, kẻ bị giết, bị bêu đầu, người bị đày đi các nơi, tất cả đến mấy chục người.

TRẦN QUỐC TUẤN

陳國峻

HUNG ĐẠO VƯƠNG

興道王

(1232 ? — 1300)

Ông là con An sinh vương Trần Liễu 陳柳 ⁽¹⁾, cháu gọi Trần Thái Tông 陳太宗 bằng chú, người hương Tức-mặc 即墨, phủ Thiên-trường 天長 ⁽²⁾, được phong ấp ở hương Vạn-kiếp 萬劫, thuộc huyện Chi-linh 至靈, châu Nam-sách 南策, lộ Lạng-giang 諒江 ⁽³⁾. Sinh khoảng 1232 ⁽⁴⁾.

Theo truyền thuyết, từ nhỏ Trần Quốc Tuấn đã ham thích trò chơi đánh trận, sáu tuổi biết làm thơ ⁽⁵⁾. Lớn lên, học văn rất uyên bác, vừa giỏi văn chương vừa hiểu thấu lục thao tam lược, cưỡi ngựa, bắn cung đều thành thạo. Năm 1257, quân Nguyên sang xâm lược nước ta lần đầu, ông được cử cầm quân giữ biên thủy phía Bắc. Ba chục năm sau, trong hai cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông lần thứ hai (1285), và lần thứ ba (1287 — 88), ông lại được đề bạt làm Tiết chế thống lĩnh toàn quân và đã giành thắng lợi lẫy lừng.

Là một vị tướng tài kiêm văn võ, biết đánh giá đúng vai trò quan trọng của dân — nền tảng của xã tắc — và của quân — lông cánh của chim hồng chim học — Trần Hưng Đạo đã biết đề ra một đường lối quân sự ưu việt, có tính chất nhân dân, mà tiêu biểu là hai cuộc rút lui chiến lược khỏi Kinh thành Thăng-long, tránh cho nhà Trần những tổn thất lớn, và tạo thời cơ bẻ gãy lực lượng của địch. Những kế hoạch làm vườn không nhà trống trên khắp các nẻo đường mà giặc đi qua, những hoạt động phối hợp nhịp nhàng giữa hương binh và quân đội chính quy của nhà nước, những trận phục kích lừng danh như trận Bạch-đăng 白藤 đã làm cho tên tuổi của ông sống mãi. Ngay đến kẻ thù cũng phải nhắc đến mấy chữ Hưng đạo vương với niềm kính trọng.

Bên cạnh tư tưởng quân sự đột xuất, Trần Quốc Tuấn còn nêu một tấm gương về lòng trung nghĩa sáng suốt, biết gạt bỏ mọi hiềm khích riêng để đoàn kết các tôn thất và tướng tá trong triều nhằm phò vua giúp nước, đánh bại kẻ thù ⁽⁶⁾. Sử sách từng ghi lại câu nói nổi tiếng của ông với vua Trần Thánh Tông

陳聖宗, khi đất nước đang lâm vào tình thế nghìn cân treo sợi tóc: « Xin

Bệ hạ hãy chém đầu tôi trước rồi sau sẽ hàng»⁽⁷⁾. Cho đến trước khi chết ông vẫn ân cần dặn vua Trần Anh Tông 陳英宗 trong mọi chính sách của nhà nước phong kiến phải biết «nói sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc». Ông không những là một công thần của nhà Trần mà còn là một anh hùng lớn của dân tộc.

Trần Quốc Tuấn mất ngày 20 tháng Tám năm Canh tý (3-IX-1300) tại nhà riêng ở Vạn-kiếp. Sau khi mất, ông được triều đình phong tặng Thái sư thượng phụ thượng quốc công, nhân võ Hưng đạo đại vương.

Tác phẩm: theo ĐVSKTT và ĐVTS, Trần Quốc Tuấn có soạn *Bình gia diệu lý yếu lược* 兵家妙理要略 (còn gọi là *Bình thư yếu lược* 兵書要略) và *Vạn-kiếp tông bí truyền thư* 萬劫宗秘傳書, nhưng văn bản nay đều đã gần như thất lạc⁽⁸⁾. Tác phẩm thứ ba, duy nhất còn giữ được của ông là bài *Dụ chư tỳ tướng hịch văn* 諭諸裨將檄文, văn quen gọi là *Hịch tướng sĩ*. Đây là bài hịch viết vào khoảng trước cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông lần thứ hai, nhằm kêu gọi tướng sĩ chăm lo luyện tập và nghiên cứu binh thư để kịp thời đối phó với âm mưu xâm lược của giặc. Bài hịch chứng tỏ tài năng văn chương trác luyện và nhiệt tình yêu nước cháy bỏng của Trần Quốc Tuấn.

Ngoài các tác phẩm trên, Trần Quốc Tuấn cũng để lại nhiều lời nói có ý nghĩa khuyên răn hay triết lý, được nhắc nhở và ghi chép như những huấn dụ quý báu đối với người nắm vận mệnh xã tắc qua nhiều thời đại. Dưới đây, xin chọn in một vài câu tiêu biểu nhất, để soi sáng thêm cho thơ văn và tư tưởng của ông.

- (1) *Trần Liễu* (1211-1251): anh ruột Trần Thái Tông, lấy Công chúa Thuận Thiên 順天 là chị ruột Lý Chiêu Hoàng 李昭皇. Sau ông bị Trần Thủ Độ 陳守度 bắt ép phải nhường vợ cho Trần Thái Tông, nên đã khởi loạn chống lại nhà Trần.
- (2) *Hương Tức-mức*: xem Chít. 1, tiểu sử Trần Cảnh.
- (3) *Hương Vạn-kiếp*: nay thuộc huyện Chí-linh, tỉnh Hải-hưng.
- (4) Về năm sinh của Trần Quốc Tuấn, có nhiều thuyết, nhưng phần lớn đều là ước đoán. Chẳng hạn, Nguyễn Văn Tố đã dựa vào ĐVSKTT và một vài cuốn gia phả của nhà Trần trong Thư viện mà đoán ông sinh năm 1228. Tuy nhiên, những tìm tòi mới nhất cho biết Trần Quốc Tuấn là em ruột Trần Tung 陳嵩 (xem tiểu sử trong cùng tập), mà Trần Tung sinh năm 1230, cho nên phỏng đoán của Nguyễn Văn Tố và những thuyết nói ông sinh từ 1230 trở về trước đều không hợp lý. Chúng tôi tạm theo HTTVVN2.
- (5) TTTPHT có chép một bài thơ nhan đề *Khâu ngâm* 口吟 nói là thơ Trần Quốc Tuấn ứng khẩu lúc 6 tuổi. Bài thơ như sau:

四七蘊胸中
八八操易象
六華市障圖
殺韃靼元將。

Tứ thất uẩn hung trung,
Bát bát thao dịch tượng.
Lục hoa bố trận đồ,
Sát Thát cầm Nguyên tướng.

Nghĩa là :

Bốn bảy chứa chất trong lòng.
Tám tám dò xét tượng Kinh dịch.
Bảy thế trận Lục hoa,
Giết giặc Thát, bắt tướng Nguyên.

Bốn bảy : 28 ngôi sao trên trời, ý nói chí khí rất lớn.

Tám tám : 64 quẻ trong *Kinh dịch* 易經.

Lục hoa : tên một thế trận do Lý Tĩnh 李靖 đời Đường sáng tạo ra.

Theo chúng tôi, đây là một trường hợp đáng nghi vấn, vì không những cách dùng điển cổ trong 4 câu thơ không thích hợp với một em bé 6 tuổi, mà ngay vào thời gian đó (1238), nguy cơ xâm lược của giặc Thát đối với vùng Đông Nam Á cũng chưa phải đã rõ ràng. Bài thơ thực ra chỉ là một sáng tác thuộc loại thơ « khẩu khí » của người sau gán cho Trần Quốc Tuấn đề đề cao tài năng xuất chúng của ông.

- (6) Theo ĐVSKTT, trước lúc mất, Trần Liễu có dặn Trần Quốc Tuấn phải cướp ngôi nhà Trần để trả thù cho mình. Chính Trần Liễu từng thuê thầy giỏi đào tạo Trần Quốc Tuấn thành tài cũng nhằm mục đích đó. Nhưng Trần Quốc Tuấn đã làm ngược lại ý cha, giữ vững lòng trung nghĩa với nhà Trần, đưa đất nước vượt qua cơn nguy biến để giành toàn thắng. Bình sinh Trần Quốc Tuấn không hợp ý Trần Quang Khải, nhưng hai người đã tự nguyện bỏ hết hiềm khích riêng, sống hòa thuận với nhau, nhờ đó đã đoàn kết được vương hầu và tôn thất trong triều.
- (7) Theo ĐVSKTT, Bản kỷ, Q. VI, thi trong cuộc kháng chiến lần thứ hai, vào lúc thế nước nguy ngập nhất, vua Trần Thánh Tông đã nói với Trần Quốc Tuấn : « Thế giặc như thế ta nên hàng chúng thôi », Trần Quốc Tuấn bèn đáp lại mấy lời trên. Nhưng Trần đại vương bình Nguyên thực lục 陳大王平元 帝錄 chép tỷ mỉ hơn : 時帝御輕舟幸海東。召大王問曰。傳言爭地以戰。殺人盈野。今賊勢如此。姑且降之以救萬民之命。對曰。陛下出此誠仁者之言。奈宗廟社稷何。臣請先斬臣頭然後降賊。臣頭若在社稷猶存。願陛下無憂。臣自有破賊之策。 Thời đó ngự khinh chu hạnh Hải-dông, triệu Vương vấn viết : Truyền ngôn tranh địa dĩ chiến, sát nhân doanh dã. Kim tặc thế như thử, cô thả hàng chi dĩ cứu vạn dân chi mệnh. Đối viết : Bệ hạ xuất thử, thành nhân giả chi ngôn. Nay tông miếu xã tắc hà ? Thần thỉnh tiên trảm thần đầu nhiên hậu hàng tặc. Thần đầu nhược tại, xã tắc do tồn. Nguyên bệ hạ vô ưu. Thần tự hữu phá tặc chi sách. Nghĩa là : Bấy giờ vua Trần đi chiếc thuyền nhẹ ra Hải-dông, triệu Hưng đạo vương đến hỏi : « Lời xưa truyền rằng nếu đánh nhau để giành đất thì giết người đầy nội. Nay thế giặc như thế, hãy hàng chúng để cứu muôn dân chăng ? » Đáp rằng : « Lời bệ hạ nói ra thực là lời của bậc nhân giả. Nhưng còn tông miếu xã tắc thì sao ? Thần xin trước hãy chém đầu thần rồi sau lại hàng. Đầu thần còn đây thì xã tắc ắt còn. Xin bệ hạ đừng lo. Thần đã tự mình có kế sách phá giặc. » Hà Văn Tấn và Phạm Thị Tâm trong *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông* cho rằng vua Trần đã hỏi Trần Quốc Tuấn mấy lời trên lúc rút lui về Vạn-kiếp.
- (8) *Vạn kiếp tông* bị truyền thư hiện chỉ còn giữ được một bài bạt của Trần Khánh Dư 陳慶餘 in trong ĐVSKTT (xem phần tác giả Trần Khánh Dư trong cùng tập), còn *Bình thư yếu lược* thì hiện vẫn lưu truyền một tác phẩm với đầu đề như vậy, nhưng thực chất đó không còn là tác phẩm đời Trần.

諭諸裨將檄文

受難遠身。古人當即途見犬事帑。常於無俸之為。為使以之脫不。背國一以死。半何城兀之。竊委以之。搗膏。衣其進之。愧偽園國聲。樹。以赴鄉士徒。相聖之解里。際廷帛限。如身。以給為部。為饗田軍淫之。于而果義態。信公大骨萬。難辱索竭。心之。衣者其裨。曾樂或而或賭博。由臂圖臣之。疑王斗賜於名。難辱索竭。心之。衣者其裨。曾樂或而或賭博。帝斷之忠子。說之。顧受腐留艱陵而以哉。頭余則薄同偏。恥之娛業酒甲。高崩充古女哉。其言顧今瘴今於而命銀也交雖者。祿死為國常為之美。虞。脫申世自兒朽聞事魚至骨至長舌之金患泗也之。衣爵生之。當太以產甘穿。而讐免計為不既之。魴靈也。長秋寸烈需後涕恨為無其則堅。憂心賭修習足。死主得之區為義韃以生人君之必而遺槐為願權遷兵公。為忿或己之不。代復而賊區相文宋也。之何之攘烏忽號免撫血亦兵則以視。不無樂於守距。身而宗逆子地曉以人宋又韃擾鴉托之能夜飲革握者之其。曾而為私攻之。以炭太從數天不余何使思使於捍輒王寧中肝馬掌卑委樂。尊苗以以怠鷄。信吞翼不使與種。今又鋒修頃生午宰南虎食。茹於下官馬所。主夷鷄子而雄。紀讓身而設白。將論立之。亦之等旁傲雲。廢忘皮裏門食。給其。主夷鷄子而雄。之。豫也。山之竹為勿文萬將旬汝途倨假校餐寢屍居以竹同爾。視立鬪妻遊來。聞王生祿無垂世。姑置阮百裨數與道而求肉臨肉千乂之陸語下坐侍。或戀之。冠。常昭小罵代名等。姑將堂其於余來軀誅以嘗食之等食舟笑未等將。色或獵之。余蔽一口何能汝事。裨堂也。詔况往又之猶余能余汝則給則亦汝之怒家田韃。而德也。國鳥之其哥人南。使之以己譬。未野。看竹寢貳。國無其恣蒙。戈敬臣殉下。先也。蒙何蹶。偽羊無庫。以草。食水在副。邦而養務有。

累之輩。采家祖他難此。之犬以之。之為名。當。孥。獵。足。余。余。亦。臭。矣。將。妻。首。不。唯。唯。墓。下。敗。軀。薦。聲。不。不。墳。之。敗。之。購。淫。哉。有。不。母。世。為。金。以。單。痛。所。父。百。名。千。足。虜。可。之。之。雖。免。讀。不。恥。甚。人。人。等。辱。不。以。多。以。縛。他。他。汝。受。亦。乎。足。之。足。就。為。為。而。生。聲。得。不。產。不。主。亦。為。今。家。樂。以。措。火。使。肉。終。亦。父。下。芳。於。富。生。酒。臣。祿。孥。踐。之。之。娛。當。爾。雲。倖。之。等。百。名。亦。遺。之。用。美。家。倖。妻。所。余。等。其。等。當。爾。雲。倖。之。等。百。名。亦。遺。園。之。眾。我。之。之。唯。汝。肆。汝。卒。下。等。汝。而。汝。之。姓。得。家。兵。教。之。仇。讐。天。又。遺。明。田。國。賊。時。等。人。不。而。汝。肆。汝。卒。下。等。汝。而。汝。之。姓。得。家。兵。教。之。仇。讐。天。又。遺。明。謀。軍。驅。之。汝。汝。他。極。存。雖。明。告。士。關。汝。而。汝。之。姓。得。家。兵。教。之。仇。讐。天。又。遺。明。軍。充。以。此。而。而。為。發。長。等。余。訓。練。於。而。尊。享。志。汝。為。娛。選。諸。受。余。世。不。為。心。萬。等。施。以。足。當。削。驅。稷。所。諾。汝。今。戒。之。青。安。萬。生。垂。歛。不。余。歷。是。書。是。風。乃。凶。之。後。汝。等。以。足。不。耳。被。被。社。之。惡。時。汝。為。烈。為。得。廟。今。永。雖。或。能。遠。何。則。蒙。除。虜。之。故。汝。等。足。不。力。虜。邑。小。宗。人。洗。之。

PHIÊN ÂM :

DỰ CHƯ TỶ TƯỚNG HỊCH VĂN^{1*}

Dư thường văn chi : Kỷ Tín dĩ thân đại tử nhi thoát Cao Đế ; Do Vu dĩ hối thu quả nhi tế Chiêu Vương. Dự Nhượng thốn thán nhi phục chủ thù ; Thân Khoái đoạn tí nhi phó quốc nạn. Kinh Đức nhất tiếu sinh dã, thân dực Thái Tông nhi đắc miễn Thế Sung chi vi ; Cảo Khanh nhất viễn thân dã, khẩu mạ Lộc Sơn nhi bất tòng nghịch tặc chi kế. Tự cổ trung thân nghĩa sĩ, dĩ thân tuần quốc hà đại vô chi ? Thiết sử sở tử khu khu vi nhi nữ tử chi thái, đồ tử dữ hạ, ô năng danh thùy trúc bạch, dữ thiên địa tương vi bất hủ tai !

Nhữ đẳng thế vi tướng chủng, bất hiểu văn nghĩa, ký văn kỳ thuyết, nghi tín tương bán. Cổ tiên chi sự cô tri vật luận. Kim dư dĩ Tống, Thát chi sự ngôn chi : Vương Công Kiên hà nhân dã ? Kỳ tỳ tướng Nguyễn Văn Lập hựu hà nhân dã ?^{2*} Dĩ Điều-ngư tỏa tỏa đầu đại chi thành, đương Mông Kha đường đường bách vạn chi phong, sử Tống chi sinh linh chi kim thu tử ! Cốt-đãi-ngột-lang hà nhân dã ? Kỳ tỳ tướng Xích^{3*}-tu-tư hựu hà nhân dã ? Mao chương lệ ư vạn lý chi đồ, quệ Nam-chiếu ư sở tuần chi khoảnh, sử Thát chi quân trưởng chỉ kim lưu danh !

Hướng dư dữ nhữ đẳng, sinh ư nhiều nhưng chi thu ; trường ư gian nan chi tế. Thiết kiến nguy sử vãng lai, đạo đồ bàng ngọ. Trạo hào ô chi thốn thiết nhi lãng nhục triều đình ; ủy khuyên dương chi xích khu nhi cử ngạo tề phụ. Thác Hốt Tất Liệt chi mệnh nhi sách ngọc bạch, dĩ sự vô dĩ chi tru cầu ; giả Văn nam vương chi hiệu nhi nhu kim ngân, dĩ kiệt hữu hạn chi thắng khổ. Thí do dĩ nhục đầu nổi hồ, ninh năng miễn di hậu^{4*} hoạn dã tai ?

Dư thường lâm xan vong thực, trung dạ phủ chằm, thế tứ giao di, tâm phúc như đảo. Thường dĩ vị năng thực nhục tâm bì, như can ẩm huyết vi hạn dã. Tuy dư chi bách thân, cao ư thảo dã ; dư chi thiên thi, khóa ư mã cách, diệc nguyện vi chi.

Nhữ đẳng cửu cư môn hạ, chương ác hình quyền. Vô y giả tắc ý chi dĩ y ; vô thực giả tắc tự chi dĩ thực. Quan tí giả tắc thiên kỳ trước ; lộc bạc giả tắc cấp kỳ bông. Thủy hành cấp chu ; lục hành cấp mã. Ủy chi dĩ binh tắc sinh tử đồng kỳ sở vi ; tiến chi tại tâm, tắc tiểu ngữ đồng kỳ sở lạc. Kỳ thị Công Kiên chi vi thiên tí, Ngột Lang chi vi phó nhĩ, diệc vị hạ nhĩ.

Nhữ đẳng tọa thị chủ nhục, tăng bất vi tru ; thân đương quốc sĩ, tăng bất vi quý. Vi bang quốc^{5*} chi tướng, thị lập dĩ tử nhi vô phân tâm ; thịnh thái thường chi nhạc, yến hưởng nguy sử nhi vô nộ sắc. Hoặc đầu kê dĩ vi lạc ; hoặc đồ bác dĩ vi ngu. Hoặc sự diễn viên dĩ dưỡng kỳ gia ; hoặc luyện thê tử dĩ tư ư kỷ. Tu sinh sản chi nghiệp nhi vong quân quốc chi vụ ; tứ diễn liệt chi du, nhi đãi công thủ chi tập. Hoặc cam mỹ tửu ; hoặc thị dâm thanh. Thoát hữu Mông Thát chi khẩu lai, hùng kê chi cự, hất tức dĩ xuyên lỗ giáp ; đồ bác chi thuật, bất tức dĩ thi quân miru. Diễn viên chi phú, bất tức dĩ thực thiên kim chi khu ; thê noa chi luy, bất tức dĩ sung quân quốc chi dụng. Sinh

sản chi đa, bất túc dĩ cấu lỗ thủ ; liệt khuyến chi lực, bất túc dĩ khu tặc chúng. Mỹ tửu bất túc dĩ trăm tổ quán ; đảm thanh bất túc dĩ lung lỗ nhĩ. Đương thử chi thời, ngã gia thần chủ tưu phọc, thậm khả thống tai ! Bất duy dư chi thái ấp bị tước, nhi nhữ đẳng chi hồng lộc diệc vi tha nhân chi sở hữu ; bất duy dư chi gia tiểu bị khu, nhi nhữ đẳng chi thê noa diệc vi tha nhân chi sở lỗ ; bất duy dư chi tổ tông xã tắc, vi tha nhân chi sở tiên xâm, nhi nhữ đẳng chi phụ mẫu phần mộ, diệc vi tha nhân chi sở phát quật ; bất duy dư chi kim sinh thu nhục, tuy bách thể chi hạ, xú danh nan tẩy, ác thuy trường tồn, nhi nhữ đẳng chi gia thanh, diệc bất miễn danh vi bại tướng hĩ ! Đương thử chi thời, nhữ đẳng tuy dục từ kỳ ngu lạc, đắc hồ ?

Kim dư minh cáo nhữ đẳng, đương dĩ thổ hỏa tích tân vi nguy ; đương dĩ trừng canh xuy tê vi giới. Huấn luyện sĩ tốt ; tập nhĩ cung thủ. Sử nhân nhân Bàng Mông ; gia gia Hậu Nghệ. Cru Tất Liệt chi đầu ư khuyết hạ ; hủ Văn nam chi nhục ư cảo nhai. Bất duy dư chi thái ấp vĩnh vi thanh chiến, nhi nhữ đẳng chi hồng lộc diệc chung thân chi thụ tử ; bất duy dư chi gia tiểu đắc an sàng nhục, nhi nhữ đẳng chi thê noa diệc bách niên chi giai lão ; bất duy dư chi tông miếu vạn thế hưởng tự^{6*}, nhi nhữ đẳng chi tổ phụ diệc xuân thu chi huyết thực ; bất duy dư chi kim sinh đắc chí, nhi nhữ đẳng bách thể chi hạ, phương danh bất hủ ; bất duy dư chi mỹ thuy vĩnh thùy, nhi nhữ đẳng chi tính danh diệc di phương ư thanh sử hĩ. Đương thử chi thời, nhữ đẳng tuy dục bất vi ngu lạc, đắc hồ !

Kim dư lịch tuyên chư gia binh pháp vi nhất thư, danh viết *Bình thư yếu lược*. Nhữ đẳng hoặc năng chuyên tập thị thư, thụ dư giáo hối, thị túc thể chi thần chủ dã ; hoặc hạo khí thị thư, vi dư giáo hối, thị túc thể chi cừ thù dã. Hà tặc ? Mông Thất^{7*} nãi bất cộng đại thiên chi thù, nhữ đẳng kỳ diêm nhiên bất dĩ tuyết sỉ vi niệm, bất dĩ trừ hung vi tâm, nhi hựu bất giáo sĩ tốt, thị đảo qua nghênh hàng, không quyền thụ địch ; sử binh lỗ chi hậu, vạn thể di tu, thương hữu hà diện mục lập ư thiên địa phủ tại chi gian đa ? Cố dục nhữ đẳng minh tri dư tâm, nhân bút dĩ lịch văn.

DỊCH NGHĨA :

HỊCH TƯỚNG SĨ

Ta thường nghe : Kỷ Tín⁽¹⁾ đem mình chết thay, cứu thoát cho Cao Đế ; Do Vu⁽²⁾ chia lưng chịu giáo, che chở cho Chiêu Vương. Dự Nhượng⁽³⁾ nuốt than, báo thù cho chủ ; Thân Khoái⁽⁴⁾ chặt tay cứu nạn cho nước. Kinh Đức⁽⁵⁾ một chàng tuổi trẻ, thân phò Thái Tông thoát khỏi vòng vây Thế Sung ; Cảo Khanh⁽⁶⁾ một bầy tôi xa, miệng mắng Lộc Sơn, không theo mưu kế nghịch tặc. Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ, bỏ mình vì nước, đời nào chẳng có ? Vì thử mấy người đó cứ khư khư theo thói nữ thường tình thì cũng đến chết hoai ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách cùng trời đất muôn đời bất hủ được ?

Các người vốn dòng võ tướng, không hiểu văn nghĩa, nghe những chuyện ấy nửa tin nửa ngờ. Thôi việc đời trước hẵng tạm không bàn. Nay ta lấy chuyện Tống, Nguyên mà nói: Vương Công Kiên⁽⁷⁾ là người thế nào? Nguyễn Văn Lập tỳ tướng của ông lại là người thế nào? Vậy mà đem thành Điều-nghư⁽⁸⁾ lớn tây cái đầu đương đầu với quân Mông Kha⁽⁹⁾ đường đường trăm vạn, khiến cho sinh linh nhà Tống, đến nay còn đời ơn sâu! Cốt-đãi-ngột-lang⁽¹⁰⁾ là người thế nào? Xích-tu-tư⁽¹¹⁾ tỳ tướng của ông lại là người thế nào? Vậy mà xông vào chốn lam chương xa xôi muôn dặm, đánh quy quân Nam-chiếu⁽¹²⁾ trong khoảng vài tuần, khiến cho quân trưởng người Thất đến nay còn lưu tiếng tốt!

Huống chi, ta cùng các người sinh ra phải thời loạn lạc, lớn lên gặp buổi gian nan. Lên nhìn sứ nguy đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn tắc lưỡi cả điều mà lảng nhục triều đình; đem tâm thân dè chó mà khinh rẻ tổ phụ. Ý mệnh Hốt Tái Liệt⁽¹³⁾ mà đòi ngọc lụa, để phụng sự lòng tham không cùng; khoác hiệu Văn nam vương⁽¹⁴⁾ mà hạch bạc vàng, để vét kiệt của kho có hạn. Thật khác nào đem thịt ném cho hổ đói, tránh sao khỏi tai họa về sau.

Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ giận chưa thể xả thịt, lột da, ăn gan, uống máu quân thù; dẫu cho trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn thầy ta bọc trong da ngựa⁽¹⁵⁾, cũng nguyện xin làm.

Các người ở lâu dưới trướng, nắm giữ binh quyền, không có mặc thì ta cho áo; không có ăn thì ta cho cơm. Quan thấp thì ta thăng chức; lộc ít thì ta cấp lương. Đi thủy thì ta cho thuyền; đi bộ thì ta cho ngựa. Làm trận mạc thì cùng nhau sống chết; được nhân hạ thì cùng nhau vui cười. So với Công Kiên đãi kẻ tỳ tướng, Ngột-lang đãi người phụ tá nào có kém gì?

Nay các người ngồi nhìn chủ nhục mà không biết lo; thân chịu quốc sỉ mà không biết thẹn. Lâm tướng triều đình đứng hầu quân man mà không biết tức; nghe nhạc thái thường⁽¹⁶⁾ đãi yến sứ nguy mà không biết căm. Có kẻ lấy việc chơi gà làm vui; có kẻ lấy việc cờ bạc làm thích. Có kẻ chăm lo vườn ruộng để cung phụng gia đình; có kẻ quyến luyến vợ con để thỏa lòng vị kỷ. Có kẻ tính đường sản nghiệp mà quên việc nước; có kẻ ham trò săn bắn mà trễ việc quân. Có kẻ thích rượu ngon; có kẻ mê giọng nhảm. Nếu bắt chợt có giặc Mông Thất tràn sang thì cựa gà trống không đủ đâm thủng áo giáp của giặc; mẹo cờ bạc không đủ thi hành mưu lược nhà binh. Vườn ruộng nhiều không chuộc nổi tấm thân ngàn vàng; vợ con bận không ích gì cho việc quân quốc. Tiền của dẫu lắm không mua được đầu giặc; chó săn tuy hay không đuổi được quân thù. Chén rượu ngọt ngon không làm giặc say chết; giọng hát réo rắt không làm giặc điếc tai. Lúc bấy giờ chúa tôi nhà ta cũng bị bắt, đau xót biết chừng nào! Chẳng những thái ấp⁽¹⁷⁾ của ta không còn mà bổng lộc các người cũng thuộc về tay kẻ khác; chẳng những gia quyến của ta bị đuổi mà vợ con các người cũng bị kẻ khác bắt đi; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị kẻ khác giày xéo mà phần mộ cha ông các người cũng bị kẻ khác bới đào; chẳng

những thân ta kiếp này chịu nhục đến trăm năm sau tiếng nhớ khôn rửa, tên xấu còn lưu, mà gia thanh các người cũng không khỏi mang danh là tướng bại trận. Lúc bấy giờ, dẫu các người muốn vui chơi thỏa thích, phỏng có được chăng?

Nay ta bảo thật các người: nên lấy việc «đặt mỗi lửa dưới đồng củi nổ»⁽¹⁸⁾ làm nguy; nên lấy điều «kiềm canh nóng mà thổi rau nguội»⁽¹⁹⁾ làm sợ. Phải huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên, khiến cho ai nấy đều giỏi như Bàng Mông⁽²⁰⁾, mọi người đều tài như Hậu Nghệ⁽²¹⁾, có thể bêu đầu Hốt Tất Liệt dưới cửa khuyết, làm rửa thịt Văn nam vương ở Cảo-nhai⁽²²⁾. Như thế chẳng những thái ấp của ta mãi mãi vững bền⁽²³⁾ mà bổng lộc các người cũng suốt đời tận hưởng; chẳng những gia thuộc ta được ấm êm giường nệm, mà vợ con các người cũng trăm tuổi sum vầy; chẳng những tông miếu ta được hương khói nghìn thu mà tổ tiên các người cũng bốn mùa thờ cúng; chẳng những thân ta kiếp này thỏa chí, mà đến các người, trăm đời sau còn để tiếng thơm; chẳng những thụy hiệu ta không hề mai một, mà tên họ các người cũng sử sách lưu truyền. Lúc bấy giờ, dẫu các người không muốn vui chơi, phỏng có được không?

Nay ta chọn lọc binh pháp các nhà hợp thành một quyển, gọi là *Bình thư yếu lược*. Nếu các người biết chuyên tập sách này, theo lời ta dạy bảo, thì trọn đời là thần tử; ngược bằng khinh bỏ sách này, trái lời ta dạy bảo thì trọn đời là nghịch thù.

Vì sao vậy? Giặc Mông Thát với ta là kẻ thù không đội trời chung, mà các người cứ điềm nhiên không muốn rửa nhục, không lo trừ hung, lại không dạy quân sĩ, chẳng khác nào quay mũi giáo mà xin đầu hàng, giơ tay không mà chịu thua giặc. Nếu vậy, rồi đây, sau khi dẹp yên nghịch tặc⁽²⁴⁾, để thẹn muôn đời, há còn mặt mũi nào đứng trong cõi trời che đất chổ này nữa?

Cho nên ta viết bài hịch này để các người hiểu rõ bụng ta.

HUỆ CHI

(Dịch lại trên cơ sở các bản dịch cũ) ⁽²⁵⁾

KHẢO ĐỊNH

CÁC BẢN: ĐVSKTT, HVVT

- 1^o ĐVSKTT không ghi đầu đề bài hịch. HVVT: Trần Hưng Đạo đại vương dụ chư tỳ tướng hịch văn 陳興道大王諭諸裨將檄文. Chúng tôi lược gọn lại.
- 2^o ĐVSKTT: tại 哉
- 3^o HVVT: xích 介. ĐVSKTT: cán 介. Hai chữ gần giống nhau nhưng không rõ sách nào chép nhầm, vì theo Hà Văn Tấn và Phạm Thị Tâm trong *Cuộc kháng chiến chống Nguyên-Mông* thì chưa có tài liệu nào cho biết về tên tướng Mông-cổ này và cũng không thể khôi phục lại tên Mông-cổ.
- 4^o HVVT: không có chữ hậu 後
- 5^o ĐVSKTT: Trung-quốc 中國
- 6^o ĐVSKTT: từ hưởng 祀享
- 7^o HVVT không có chữ Mông Thát 蒙 韃

CHÚ THÍCH :

- (1) *Kỷ Tín* : một tướng của Hán Cao Tổ 漢高祖. Khi Hán Cao Tổ bị Hạng Vũ 項羽 vây ở Huỳnh dương 陽, Kỷ Tín giả làm Hán Cao Tổ ra hàng, bị Hạng Vũ thiêu chết. Hán Cao Tổ nhờ đó trốn thoát.
- (2) *Đo Vu* : Tướng của Sở Chiêu Vương 楚昭王 thời Xuân thu. Theo *Tả truyện* 左傳, Sở Chiêu Vương bị nước Ngô 吳 đánh phải lánh sang phương Đông, một đêm bị cướp vây đánh. Đo Vu đã chia lưng ra che chở cho vua mình.
- (3) *Dị Nhượng* : gia thân của Tri Bá 智伯 thời Chiến quốc. Tri Bá bị Triệu Tương Tử 趙襄子 giết chết, Dị Nhượng bèn nuốt than cho khác giọng đi, giả làm hành khất, mưu giết Tương Tử để báo thù cho chủ.
- (4) *Thần Khoái* : viên quan giữ ao cá của Tề Trang Công 齊莊公 thời Xuân thu. Trang Công bị Thôi Trữ 崔杼 giết, Thần Khoái bèn chết theo chủ.
- (5) *Kinh Đức* : tức Uất Tri Cung 鬱地宮 đời Đường. Khi Đường Thái Tông 唐太宗 (bấy giờ còn là Tần Vương 秦王) bị Vương Thế Sung 王世充 vây, ông đã lấy mình che chở, hộ vệ cho vua chạy thoát.
- (6) *Cảo Khanh* : họ Nhan 顏, bề tôi của nhà Đường. Khi An Lộc Sơn nổi loạn, đánh đuổi Đường Huyền Tông 唐玄宗 ông đã chửi mắng Lộc Sơn và bị cắt lưỡi.
- (7) *Vương Công Kiên* : tức Vương Kiên 王堅, tướng nhà Tống, giữ Hợp-châu 合州 (Tứ-xuyên 四川), đã huy động quân dân chiến đấu ở núi Đieu-ngư 釣魚, cầm cự với đạo quân Mông-cổ do Môngke (Mongka, phiên âm Hán Việt là Mông Kha) chỉ huy, trong 4 tháng trời. Đến khi Môngke chết, quân Mông-cổ đành phải rút.
- (8) *Đieu-ngư* : tên một trái núi rất hiểm trở ở Tứ-xuyên, ba mặt nhìn xuống sông. Đời Tống 宋 Dir Giới 余玠 có đắp thành ở đó.
- (9) *Mông Kha* : tức Môngke (Mongka) là anh của Hốt Tất Liệt (Qubilai), làm Đại hãn (chúa tể) Mông-cổ từ năm 1251, từng trực tiếp chỉ huy cuộc viễn chinh sang Trung-quốc 中國 và các nước ở phía Đông. Chính y bị tử trận ở thành Đieu-ngư trong cuộc vây hãm đội quân nhà Tống do Vương Công Kiên chỉ huy.
- (10) (12) *Cốt-dã-ngột-lang* : tức Uryangkhađai (Uriyangqadai), là một tướng giỏi của Môngke, con viên tướng nổi tiếng Nubutai (Subutai). Uryangkhađai từng nhận lệnh Môngke, cùng với Hốt Tất Liệt đánh chiếm nước Nam-chiếu 南詔, một nước ở vào khoảng giữa hai tỉnh Tứ-xuyên và Vân-nam 雲南 thủ đô là Đại-lý 大理 (Vân-nam). Uryangkhađai cũng chính là viên tướng chỉ huy đạo quân xâm lược Việt-nam lần thứ nhất (1258).
- (11) *Xích-tu-tư* : Xem *Khảo đính* 3, cùng bài.
- (13) *Hốt tất liệt* : tức Khubilai (Qubilai), em ruột và là tướng của Môngke. Sau khi Môngke chết (1259), Hốt Tất Liệt đã tự xưng làm Đại hãn ở Khai-bình, tổ chức cuộc nội chiến tranh giành ngôi báu với em ruột là Aric Buké (Ariq-Buka). Năm 1264, Aric Buké đầu hàng, Hốt Tất Liệt bèn dời đô về Yên-kinh 燕京, tức Bắc-kinh ngày nay và đến năm 1271 thì đặt quốc hiệu là Nguyên 元. Hốt Tất Liệt chính là Nguyên Thế Tổ 元世祖.
- (14) *Vân nam vương* : tức Hughê-tư (Hugaci) con Hốt Tất Liệt, được phong làm Vân nam vương năm 1267, đóng quân ở Vân-nam với nhiệm vụ khống chế các dân tộc thiểu số vùng này cũng như làm áp lực quân sự đối với nước ta lúc bấy giờ.
- (15) *Nghìn thây ta học trong da ngựa* ; lấy ý ở câu nói của Mã Viện 馬援 đời Hán 漢 (trong *Hậu Hán thư* 後漢書) 大丈夫當死於疆場以馬革裹屍耳. Đại tướng phu dương tử ư cương trường, dĩ mã cách khóa thi nhĩ. Nghĩa là: Bậc đại tướng phu nên chết ở giữa chiến trường, lấy da ngựa mà bọc thây.

- (16) *Nhạc thái thường*: nhạc của triều đình dùng trong những tế lễ quan trọng ở tông miếu. Bấy giờ là thời kỳ ngoại giao giữa ta và quân Nguyên, trong những tiệc yến tiếp sứ giặc, triều đình phải dùng đến nhạc thái thường để giúp vui. Trần Quốc Tuấn coi đó là một điều nhục nhã.
- (17) *Thái úp*: phần đất vua phong cho các vương hầu.
- (18) *Đặt mỗi lửa dưới đồng củi nổ* (thổ hỏa tích tàn), lấy từ một câu văn của *Hàn thư*:
夫抱火厝之積薪之下而寢其上;火未及燃因謂之安. *Phủ bão hỏa, thổ chi tích tàn chi hạ nhi lâm kỳ thượng; hỏa vị cập nhiên nhân vị chi an*, nghĩa là: «ôm mỗi lửa đặt dưới đồng củi rồi nằm lên trên, lửa chưa kịp cháy vẫn cho là yên».
- (19) *Kiểm canh nóng mà thổi rau ngọai* (trùng canh xuy tề): xuất xứ từ một câu văn của *Sở từ* 楚辭: 懲於羹而吹竈兮. *Trừng ư canh nhi xuy tề hề*; ý nói: người bị bỏng vì canh nóng, trong lòng e sợ, dù gặp rau ngọai đi nữa, cũng lấy miệng thổi.
- (20) (21) *Bàng Mông, Hậu Nghệ*: hai nhân vật bán cung giỏi trong thần thoại Trung-quốc.
- (22) *Cảo-nhai*: nơi trú ngụ của các vua «chư hầu» khi vào chầu vua Hán ở Trường-an.
- (23) *Mãi mãi vững bền*: dịch thoát câu vịnh *vi thanh chiền*; Sách *Thế thuyết* 世說 chép rằng: Vương Tử Kính 王子敬 đêm nằm ngủ ở trai phòng thấy một bọn trộm lẻn vào nhà, trộm hết mọi vật. Ông từ tốn nói với chúng: cái nệm xanh (thanh chiền) này là đồ cũ của nhà ta, các người đừng lấy. Tác giả mượn điển này để nói bóng về những của cải lưu truyền từ đời nọ đến đời kia.
- (24) Nguyên văn là *Bình lỗ chi hậu*. Bản dịch của Trần Trọng Kim cũng như bản chú thích của Dương Quảng Hàm trong *Việt-nam thi văn hợp tuyển*, 1942, đều cho Bình-lỗ là tên đất. Bùi Văn Nguyên cũng ức đoán Bình lỗ tức là vùng Phú-lỗ thuộc huyện Kim-anh, tỉnh Vĩnh-phú ngày nay. Nhưng chúng tôi tán thành cách dịch của Ngô Tất Tố, Phan Kế Bính... coi đây là một từ chỉ việc bình định giặc nội-chung.
- (25) Bản dịch này có tham khảo và chọn lọc câu chữ ở các bản dịch trong quá khứ của Trần Trọng Kim (*Việt-nam sử lược*), Ngô Tất Tố (VIIĐT, 1940), Nguyễn Đổng Chi (VNCVHS1, 1941), Chu Thiên (*Chống quân Nguyên*, 1957), Bùi Văn Nguyên (HTTV-VN2, 1962), Cao Huy Giu (Bd, ĐVSKTT2, 1967), Hà Văn Tấn và Phạm Thị Tâm (*Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông*, 1967).

140

答國王賊勢之問

我國太平日久。民不知兵。是以前年
 元人入寇。或胡有。避若。賴祖宗威靈。習敗。
 神武。彼心。清輝。於遠。行。且懲。恆。瓘。之。無。有。
 鬪。心。臣。觀。之。破。彼。必。矣。

PHIÊN ÂM :

ĐÁP QUỐC VƯƠNG TÁC THỂ CHI VẤN

Ngã quốc thái bình nhật cửu, dân bất tri binh. Thị dĩ tiền niên Nguyên nhân nhập khẩu, hoặc hữu hàng, ty. Lại tổ tông uy linh, hệ hạ thần vũ, khắc thanh Hồ trần. Bĩ nhược hựu lai, ngã sĩ tập ư công chiến. Bĩ quân đạn ư viễn hành, thả trừng Hằng, Quán chi bại, vô hữu đấu tâm. Dĩ thần quan chi, phá hĩ tất hĩ.

DỊCH NGHĨA :

TRẢ LỜI NHÀ VUA HỎI VỀ THỂ GIẶC (1)

Nước ta thái bình đã lâu ngày, dân không biết đến việc binh, vì thế năm trước quân Nguyên vào cướp phá, cũng còn có kẻ đầu hàng hoặc trốn tránh. May nhờ uy linh của tổ tông và võ lực thần thông của hệ hạ nên đã quét sạch được bại Hồ. Nếu nay bọn chúng lại sang thì quân lính của ta đã quen chiến trận, mà quân lính của chúng thì sợ phải đi xa, hơn nữa lại đã chồn về thất bại của Hằng và Quán (2), nên không còn lòng nào chiến đấu nữa. Cứ ý thần xem ra thì đánh thắng chúng là điều cầm chắc vậy.

HUỆ CHI

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Theo ĐVSKTT, Q.V, tháng Ba năm Bình tuất (1286), sau cuộc kháng chiến chống Nguyên lần thứ hai thắng lợi, giặc Nguyên lại rục rịch chiêu tập binh mã sang đánh báo thù. Tháng Sáu năm đó, vua Trần Nhân Tông 陳仁宗 hỏi Trần Quốc Tuấn: 今年賊世何如 Kim niên tặc thế hà như? Nghĩa là; « năm nay thế giặc thế nào? » Ông đã trả lời vua mấy lời trên.
- (2) Hằng và Quán: tức Lý Hằng 李恆 tướng quân Nguyên, và Lý Quán 李瓘 lý tướng của Hằng. Cả hai viên tướng này đều bị giết ở biên giới Đông bắc nước ta trong khi bảo vệ cho Thoát Hoan mở đường máu rút chạy về châu Tư-minh 思明.

kết thúc cuộc xâm lược lần thứ hai của chúng. Tuy nhiên đó là theo ĐVVKTT. Gần đây Hà Văn Tấn và Phạm Thị Tâm, trong *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên-Mông* lại cho biết, trong nhiều sách sử của Trung-quốc chép về trận này, không hề có tên Lý Quán. Theo Yamamoto trong *Án-nam sử nghiên cứu* 安南史研究 thì câu nói trên của Trần Quốc Tuấn là nhằm nói đến Lý Hằng và Thoát Hoan (tức Tôgân : Toyan), vì chữ Hoan 完 gần giống chữ Quán 完 nên ĐVVKTT đã chép nhầm.

*

141

臨終遺囑

昔趙武立國漢帝加兵。小民清野。大軍出廩欽擊長沙。短兵覆後。此一時也。丁黎之世技得賢良。南地新強。北方疲弱。上下同歡。民心不離。築平虜城而破宋軍。此一時耳。李帝開基。宋侵地界。用李常傑攻欽廉。累至梅嶺。有其勢也。

昨者唆都烏馬兒四面包圍。君臣同心。兄弟和睦。國家併力。彼自就擒。天使然也。

大槩彼恃長陣。我恃短兵。以短制長。兵法之常也。祇見彼單徧至。如火如風。其勢易制。若用蠶食緩行。不務民財。不求速勝。則技用良將。觀其權變。如圍燕然。隨時制宜。收得父子之兵。始可用也。且寬民力。以為深根固柢之計。此守國之上策也。

PHẦN AM:

LÂM CHUNG DI CHÚC

Tích Triệu Vũ lập quốc, Hán đế gia binh, tiểu dân thanh dã. Đại quân xuất Liêm Khâm, kích Trường-sa, đoản binh phục hậu. Thứ nhất thời dã. Đinh Lê chi thế, bạt đắc hiền lương. Nam địa tân cường, Bắc phương bi nhược, thượng hạ đồng duyệt, dân tâm bất ly, trúc Bình-lỗ thành nhi phá Tống quân. Thứ nhất thời nhĩ. Lý đế khai cơ, Tống xâm địa giới, dụng Lý Thường Kiệt công Khâm, Liêm, lũy chi Mai-lĩnh, hữu kỳ thế dã.

Tạc giả Toa Đò, Ô Mã Nhi tứ diện bao vây, quân thần đồng tâm, huynh đệ hòa mục, quốc gia thịnh vượng, bỉ tự tự cầm, thiên sử nhiên dã.

Đại khái bỉ thị thường trận, ngã thị đoàn binh, dĩ đoàn chế trường, binh pháp chi thường dã. Kỳ kiến bỉ quân biến chí, như hỏa như phong, kỳ thế dị chế. Nhược dụng tâm thực, hoãn hành, bất vụ dân tài, bất cầu tốc thắng, tắc bất dụng lương tướng, quan kỳ quyền biến, như vi kỳ nhiên, tùy thời chế nghị; thu^{1*} đắc phụ tử chi binh, thủy khả dụng dã. Thả khoan dân lực dĩ vi thâm căn cố đế chi kế, thử thử quốc chi thượng sách dã.

DỊCH NGHĨA:

CĂN DẶN TRƯỚC KHI MẤT⁽¹⁾

Xưa kia, Triệu Vũ Đế⁽²⁾ dựng nước, vua Hán đem quân sang đánh, dân chúng bèn làm kế « vườn không nhà trống ». Rồi đại binh kéo sang châu Liêm, châu Khâm⁽³⁾ đánh vào Trường-sa⁽⁴⁾, đoàn binh thì tập kích phía sau. Đó là một thời. Đời Đinh, Lê, dễ bại được bậc hiền tài, cỡi Nam vừa hùng cường lên mà phương Bắc thì đang mỗi một suy yếu. Trên dưới cùng ý nguyện, lòng dân không chia lìa, xây thành Bình-lỗ⁽⁵⁾ mà phá được quân Tống. Đó lại là một thời. Nhà Lý vừa mở mang cơ nghiệp, quân Tống đã xâm phạm vào bờ cõi. Bèn dùng Lý Thường Kiệt để đánh châu Khâm, châu Liêm, mấy lần đến tận Mai-lĩnh⁽⁶⁾. Ấy là có cái thế đánh được vậy.

Mới rồi Toa Đò⁽⁷⁾ và Ô Mã Nhi⁽⁸⁾ bốn mặt bao vây, nhờ vua tôi đồng lòng, anh em hòa thuận, cả nước dồn sức lại mà bọn chúng đành phải chịu trôi, đó cũng là do lòng trời xui nên như vậy.

Tóm lại, giặc cậy trận dài, ta cậy binh ngắn, lấy ngắn chế dài là lẽ thường của binh pháp. Nếu thấy quân giặc đến ồ ạt như lửa to gió táp thì đó là tình thế dễ chế ngự. Nếu chúng dùng lối tằm ăn lá, hành binh dần dà, không ham của dân, không cốt thắng mau, thì phải kén dùng tướng giỏi, liệu xem quyền biến, giống như đánh cờ, phải tùy tình thế mà đưa nước chống cho thích hợp. Phải gây dựng được một « đội quân cha con » rồi mới có thể sử dụng được. Vả lại, khoan sức cho dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy.

HUỆ CHI

KHẢO ĐỊNH:

VĂN BẢN KHẢO ĐỊNH: ĐVSKTT

1* ĐVSKTT 攷, có lẽ là chữ thu khắc nhầm 攷. Tạm chữa lại.

CHÚ THÍCH:

- 1) Đầu đề do chúng tôi thêm. ĐVTKTT, Q. VI, chép rằng, ngày 24 tháng Sáu năm Canh tý (1300) Trần Quốc Tuấn ốm nặng, vua Trần Anh Tông đến tận nhà riêng ở Vạn-kiếp để thăm, nhân đó vua hỏi ông: 如有不諱北界來侵其策安在。 Như hữu bất hủý Bắc khấu lai xâm, kỳ sách an tại?; nghĩa là: « Nếu như không may ông chết mà giặc Bắc lại sang xâm lăng thì kế sách làm sao? ». Trần Quốc Tuấn đã trả lời bằng đoạn văn trên.

- (2) *Triệu Vũ Đế*: (208 TCN—137 TCN), tức Triệu Đà 趙陀; xem Ch. 2, bài *Đình Tiên Hoàng luận*, số 121, của Lê Văn Hưu.
- (3) *Châu Liêm, Châu Khâm*: hai châu (phủ) của Trung-quốc, đều thuộc tỉnh Quảng-dông.
- (4) *Trường-sa*: tên huyện, thuộc tỉnh Hồ-nam 湖南, Trung-quốc.
- (5) *Bình-Lỗ*: Dư địa chí 輿地誌 của Nguyễn Trãi 阮應 chép: nhà Lý vét đào sông Bình-lỗ để tiện đi lại trên đất Thái-nguyên 太原, VSTGCM, Q. VIII, chú rằng sông Bình-lỗ có lẽ thuộc đất Thái-nguyên, Bđ. ĐVSKTT Tập 2, đoán Bình-lỗ ở khoảng sông Như-nguyệt 如月 vì Lê Đại Hành 黎大行 chặn quân Tống ở sông Như-nguyệt và nhà Lý cũng đắp lũy ở đây để chặn quân Tống. Nhưng theo nhiều nhà nghiên cứu gần đây thì Bình-lỗ hồi xưa chính là Phù-lỗ, thuộc huyện Kim-anh 金安, Vĩnh-phu ngày nay.
- (6) *Mai lĩnh*: tức đèo Đại-dũ 大庾, ở phía Nam huyện Đại-dũ 大庾 tỉnh Giang-tây 江西 nối Quảng-dông 廣東 với Quảng-tây 廣西. Thật ra theo sử chép thì Lý Thường Kiệt không từng đánh đến Mai-lĩnh.
- (7) *Toa Đô*: tức Xôghêtu (Sogatu), một viên tướng Mông-cổ, được Hốt Tất Liệt cử sang xâm lược Chiêm-thành 占城 và Đại-việt. Trong cuộc kháng chiến lần thứ hai của quân và dân ta, y bị chém chết.
- (8) *Ô Mã Nhi*: tức Ôma Batur (Omar batur) một viên tướng dưới trướng Thoát Hoan, từng hai lần sang xâm lược Đại-việt, sau bị quân dân ta bắt sống, và đim chết.

TRẦN HOANG

陳 晃

THÀNH TÔNG

聖 宗

240 — 1290

Ông là con trưởng Trần Thái Tông 陳太宗, sinh ngày 25 tháng Chín năm Canh tý, niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình 天應正平 thứ chín (13-X-1240), lên ngôi tháng Hai năm Mậu ngọ (1258), mất ngày 25 tháng Năm năm Canh dần (3-VI-1290).

Trong 21 năm ở ngôi, Thánh Tông đã biết sử dụng nhân tài, chăm lo việc nước. Ông đã thực hành đường lối ngoại giao mềm dẻo nhưng không kém phần kiên quyết đề đối phó với mưu đồ xâm lược của nhà Nguyên. Khi không tránh khỏi chiến tranh, ông đã có sáng kiến triệu tập hội nghị Diên-hồng 延洪, phát động tinh thần yêu nước, «sát Thát» của toàn dân. Cùng với con là Trần Nhân Tông 陳仁宗, ông trực tiếp tham gia lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông lần thứ hai và ba, góp phần không nhỏ vào các chiến thắng lịch sử năm 1285 và 1288, bẻ gãy ý đồ xâm lược của kẻ thù. Sau đó, ông về ở Bắc cung rồi đi tu, chuyên tâm nghiên cứu đạo Phật và viết sách.

Thánh Tông là người yêu thích và giỏi thơ văn. Thơ ông giàu chất trữ tình, kết hợp nhuần nhị giữa tinh thần tự hào về đất nước, về dân tộc của người chiến thắng, với tình yêu cuộc sống yên vui, thành bình, và phong độ ung dung, phóng khoáng của một người biết tự tin, lạc quan. Trong thơ, ông đã xen nhịp ba của thơ dân tộc với nhịp bốn quen thuộc của thơ Đường, tạo nên một nét mới về nhịp điệu thơ và về thơ miêu tả thiên nhiên. Đây là thử nghiệm đầu tiên, mở đầu cho những cuộc cách tân trong thơ ca Việt-nam.

Tác phẩm: theo ĐVSKTT và TĐNL, Trần Hoảng có soạn các tập: *Di hậu lục* 遺後錄, *Cơ cầu lục* 箕裘錄, *Thiền tông liễu ngộ ca* 禪宗 3 悟歌, *Phóng ngư* 放牛, *Chỉ giáo minh* 祇這銘.

Những tác phẩm trên đều đã thất lạc, hiện chỉ còn 7 bài thơ.

142

幸安邦府

HẠNH AN-BANG PHỦ

朝遊浮雲嶠
暮宿明月灣
忽然得佳趣
萬象生毫端。

Triêu du phù vân kiêu,
Mộ túc minh nguyệt loan.
Hốt nhiên đắc giai thú,
Vạn tượng sinh hào đoan.

DỊCH NGHĨA :

CHƠI PHỦ AN-BANG (1)

Sáng chơi trên ngọn núi có đám mây nổi,
Tối về nghỉ ở eo biển trắng sáng.
Bỗng nhiên được hứng thú hay,
Muôn hình tượng nảy sinh ra đầu ngọn bút.

DỊCH THƠ :

Sớm chơi núi mây nổi,
Đêm nghỉ bến trắng thanh.
Bỗng dưng được thú lạ.
Ngọn bút nảy muôn hình.

PHAN VÕ
(HTTVVN II)

Đầu non mây nổi chơi khi sớm,
Eo biển trắng soi ngủ lại đêm.
Bỗng chốc thấy mình đầy hứng thú,
Thơ tuôn ngọn bút, đạt dào thêm.

NAM TRẦN

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : VATT, TVTL

(1) An-bang: tên một lộ thời Trần, tương đương với vùng đất tỉnh Quảng-ninh ngày nay.

143

題玄天洞

ĐỀ HUYỀN THIÊN ĐỘNG

雲掩玄天洞
煙開玉帝家
步虛聲寂寂
鳥散落山花

Vân yểm Huyền-thiên động.

Yên khai Ngọc đế gia.

Bộ hư thanh tịch tịch,^{1*}Điền^{2*} tán lạc sơn hoa.

DỊCH NGHĨA:

ĐỀ ĐỘNG HUYỀN-THIÊN (1)

Mây che động Huyền-thiên.

Khói tỏa nhà Ngọc đế (2).

Tiếng tụng kinh (3) im ắng,

Chim bay tán loạn làm rụng hoa núi.

DỊCH THƠ:

Mây che mờ mịt Huyền-thiên động,

Khói tỏa long lanh điện Ngọc hoàng.

Tiếng kệ cầu kinh sao vắng vẻ,

Chim bay tan tác rụng hoa ngàn.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH:

CÁC BẢN: VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3

^{1*} TVTL2, TVTL3: tịch tịch 寂寂^{2*} TVTL2, TVTL3: mã 馬

CHÚ THÍCH:

- (1) Huyền-thiên: theo Công dư tiệp ký 公餘捷記, động ở trên dãy núi thuộc xã Kiệt đặc 傑特, huyện Chí-linh 至靈, nay thuộc tỉnh Hải-hung. Đời Trần, đạo sĩ Huyền Vân 玄雲 tu ở đây nên vua đặt tên là động Huyền-thiên.
- (2) Ngọc đế: Ngọc hoàng thượng đế.
- (3) Tiếng tụng kinh (bộ hư thanh): sách Di uyển 異苑 chép: Trần Tư Vương 陳思王 đi chơi núi, chợt nghe trên không có tiếng tụng kinh âm vang trong trẻo. Người giỏi về âm luật bắt chước tiếng ấy miêu tả ra gọi là *thần thiên thanh*. Sau các đạo sĩ cũng theo đó mà gọi là bộ hư thanh. Ở đây, tác giả dùng « bộ hư thanh » để chỉ tiếng tụng kinh.

144

和慧忠上士

HỌA TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ

明明常在
亦捏目作怪
見怪不見怪
其怪悉自壞。

Minh minh thường tự tại,
Diệc niết mục tác quái.
Kiến quái bất kiến quái.
Kỳ quái tất tự hoại.

DỊCH NGHĨA:

HỌA THƠ THƯỢNG SĨ TUỆ TRUNG (1)

Sự sáng suốt vốn là ở nơi mình,
Cũng dụi mắt làm thành quái dị.
Nhưng thấy quái dị mà không coi là quái dị,
Thì điều quái dị kia tự nó mất đi.

DỊCH THƠ:

Sáng suốt thường tự tại,
Cũng dụi mắt làm quái.
Thấy quái không thấy quái,
Quái kia liền tự hoại.

TRÚC THIÊN
(Bd. TSNI)

CHÚ THÍCH:

XUẤT XỨ: TSNI.

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Bài thơ này rút từ bài *Thượng sĩ hành trạng* 上士行狀 của Trần Nhân Tông trong TSNI. Theo Trần Nhân Tông, đây là bài họa lại một bài tụng của Tuệ Trung Thượng sĩ làm trong lễ chay cầu siêu cho hoàng hậu vợ của Thành Tông và là em gái ruột của Tuệ Trung. Xem thêm bài *Thượng sĩ hành trạng* số 207, của Trần Khâm. Tuệ Trung Thượng sĩ tức Trần Tung (xem thêm tiểu sử Trần Tung trong cùng tập).

*

145

宮園春日憶舊

CUNG VIÊN XUÂN NHẬT ỨC CỰU

宮門半掩徑生苔
白晝沈沈少往來
萬紫千紅空爛熳
春如許為誰開。

Cung^{1*} môn bán^{2*} yêm kinh sinh đài,
Bạch trú trâm trâm thiêu vắng lai.
Vạn tử thiên hồng không lạn mạn,^{3*}
Xuân hoa như hĩa^{4*} vị thủy khai?

DỊCH NGHĨA:

NGÀY XUÂN TRONG VƯỜN NGỰ NHỚ NGƯỜI CŨ

Cửa cung khép hờ, lối đi rêu mọc,
Giữa ban ngày mà sâu lặng, ít người qua lại.
Muôn tia nghìn hồng rực rỡ suông mà thôi,
Hoa xuân đẹp như kia vì ai mà nở?

DỊCH THƠ:

Cửa ngõ lơ mờ dấu bụi rêu,
Chìm chìm ngày bạc vẻ đìu hiu.
Đầy vườn rực rỡ hồng chen tia,
Hoa khéo vì ai nở nở nhiều.

NGÔ TẤT TỐ
(VHBT)

Cửa cung nửa khép, đường rêu phủ,
Ngày lặng đìu hiu vắng bóng người.
Muôn tia nghìn hồng đua rực rỡ,
Hoa xuân đường ấy nở vì ai?

NAM TRẦN

KHẢO ĐỊNH:

CÁC DI BẢN: VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3.

1* TVTL1, TVTL2, TVTL3: không 空

2* TVTL2, TVTL3: trâm 塵

3* TVTL2, TVTL3: mạn lạn 爛熳

4* VATT: vô chủ 無主

146

夏景

HẠ CẢNH

窈窕華堂畫影長
荷花吹起北窗涼
園林雨過綠成幄
三兩蟬聲鬧夕陽

Yêu diêu hoa đường trú ảnh trường,
Hà hoa xuy khởi Bắc song ^{1*} lương.
Viên lâm vũ quá lục thành ăc,
Tam lưỡng thiên thanh nào tịch dương.

DỊCH NGHĨA :

CẢNH MÙA HÈ

Nhà hoa thăm thẳm, bóng ngày rủ dài,
Hoa sen đưa hương mát đến cửa sổ phía Bắc.
Vườn rừng sau mưa trở thành tấm màn biếc,
Vài ba tiếng ve khua rộn bóng chiều.

DỊCH THƠ :

Bóng ác ngày dài dài gác hoa,
Nhị sen đưa mát trước song qua.
Sau mưa cây cỏ buông màn biếc,
Vài tiếng ve kêu rộn bóng tà.

ĐINH VĂN CHẬP
(Tập chí Nam phong)

Ngày dài, thăm thẳm bóng nhà hoa,
Song Bắc mùi sen gió thoảng qua.
Mưa tạnh, rừng cây màn biếc rủ,
Ve kêu vài tiếng rộn chiều tà.

HUỆ CHI

KHẢO ĐỊNH :

CÁC DI BẢN: VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3, HVTT

^{1*} TVTL2, TVTL3: phong

*

147-148

讀大慧語錄有感

ĐỘC ĐẠI TUỆ NGŨ LỤC HỮU CẢM

—

I

打瓦鑊龜三十年
幾回汗出為參禪
一朝識破娘生面
鼻孔元來沒半邊

Đã ngỗ toàn quy tam thập niên,
Kỷ hồi hãn xuất vị tham thiền.
Nhất triều thức phá nương sinh diện,
Ty không^{1*} nguyên lai một bán biên.

二

II

眼前無色耳無聲
一片心頭自打成
聲色不干唇舌外
任他剎報與都丁。

Nhãn tiền vô sắc nhĩ vô thanh.
Nhất phiến tâm đầu tự đả thành.
Thanh sắc bất can thân thiết ngoại.
Nhậm tha bác báo dữ đồ đình.

DỊCH NGHĨA:

CẢM XÚC KHI ĐỌC ĐẠI TUỆ NGŨ LỤC (1)

I

Ba mươi năm dùi rửa đập ngói (2).
Mấy lần toát mồ hôi vì tham cứu đạo Thiền.
Một sớm bỗng thấy hết được khuôn mặt của mẹ (3).
Thì ra khuôn mặt ấy chỉ có một nửa.

II

Trước mắt không có màu sắc, bên tai không có âm thanh,
Cái tâm của mình tự cho là có đấy thôi.
Thanh và sắc không can dự tới, đã ở ngoài môi và lưỡi.
Mặc cho chúng «bác» hay «báo», «đồ» hay «đình» (4).

DỊCH THƠ:

I

Đập ngói dùi rửa ba chục niên,
Mồ hôi ướt đầm bởi tham Thiền.
Một mai nhìn thấu dung nhan mẹ,
Mới biết khuôn trăng khuyết một bên.

II

Mắt tai nào có sắc cũng thanh,
Chỉ một tâm kia tự đức thành.
Môi lưỡi bỏ ngoài thanh nói sắc.
Mặc người « bác bảo » với « đồ đình ».

PHẠM TÚ CHÂU

KHẢO ĐỊNH:

CÁC DỊ BẢN: TĐNL1, TĐNL2

1* TĐNL2: không tự 孔 昇

CHÚ THÍCH:

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm, dựa vào lời ghi trong TĐNL. Bài thơ này cũng rút từ TĐNL. *Đại tuệ ngữ lục*: là một bộ sách Thiền học Trung-quốc, được các nhà Thiền học thời Trần sử dụng khá phổ biến. Hiện chúng tôi chưa rõ tiền sử tác giả cũng như nội dung tác phẩm.
- (2) *Dùi rũa đập ngói* (đả ngỗa toàn quy): là nhóm từ thường được dùng như một mô-típ quen thuộc trong văn học Phật giáo thời Lý — Trần. Hàm nghĩa xác định chưa rõ, nhưng có lẽ để chỉ những việc làm khổ công của người học đạo, có thể là việc từ chối (đập ngói) đến khó (dùi mai rũa), và cũng có thể là những việc làm máy móc vô ích. Ở đây, tác giả dùng với nghĩa thứ hai.
- (3) *Khuôn mặt mẹ* (nương sinh diện): xem Cht. 2, bài *An định thời tiết*, số 84, của Trần Tung.
- (4) *Bác bảo và đồ đình*: tiếng tượng thanh, chưa thật rõ nghĩa.

*

149

自述

TỰ THUẬT

自從州角入禪流
打瓦鑽龜沒外求
認得本來真面目
到頭何處不依休

Tự tông quán giốc nhập thiền lưu.
Đả ngỗa toàn quy một ngoại cầu.
Nhận đắc bản lai chân diện mục.
Đáo đầu hà xứ bất hưu hưu.

終日閑彈不可調琴
閑門無事關心會
箇中曲破無人會
惟有松風和此音

Chung nhật nhàn đàn bất điệu cầm.
Nhàn môn vô sự khả quan tâm.
Cá trung khúc phá vô nhân hội.
Duy hữu tùng phong họa thử âm.

縱橫不墮有無機
萬法紛紛總不知
喫飯打眠隨處用
更無他事可應為。

一彈指破萬重山
這箇工夫也是閑
寒暑到來無所識
未曾分上老人干。

箇中無欠亦無餘
佛也無兮人也無
秋景遠來天外遠
青山雲鎖髻都盧。

Tung hoành bất đọa hữu vô ky (cơ),
Vạn pháp phân phân tổng bất tri.
Khiết phạn dã miên^{1*} tùy xứ dụng,
Cánh vô tha sự khả ứng vi.

Nhất^{2*} đàn chỉ phá vạn trùng sơn,
Giả cá công phu dã thị nhàn.
Hàn thử đáo lai vô sở thức,
Vị tằng phân thượng lão nhân can.

Cá trung vô khiếm diệc vô dư.
Phật dã vô hề nhân dã vô.
Thu cảnh viễn lai thiên ngoại viễn,
Thanh sơn vân tỏa chủy Đô-lô^{3*}.

DỊCH NGHĨA:

TỰ THUẬT⁽¹⁾

Từ thuở còn đề trái đào đã gia nhập dòng Thiền.
Dùi rũa đập ngói⁽²⁾ không cầu gì khác.
Đã nhận ra được bộ mặt thật vốn có⁽³⁾.
Thì đến nơi nào mà lòng không thung dung?

Suốt ngày thanh thoi gảy cây đàn không điệu,
Trong cảnh cửa nhàn, không có việc gì đáng để tâm.
Khúc nhạc trong lòng ta đã hình thành mà không ai biết⁽⁴⁾,
Chỉ có gió trên cây tùng là họa được âm thanh ấy.

Tung hoành mà không dễ rơi cơ hữu vô,
Vạn pháp rối bời đều không biết.
Ăn cơm, đi ngủ đều tùy ý,
Ngoài ra, không có việc gì khác đáng làm.

Một cái búng tay phá được vạn tầng núi,
Công phu ấy cũng dễ dàng thôi.
Lạnh nóng đến cũng không có cái gì dễ nhận biết,
Một phân cũng chưa từng can dự đến ông già này.

Trong lòng ta không thiếu cũng không thừa,
 Phật là không, người cũng là không.
 Cảnh thu xa ở ngoài trời xa,
 Mây khóa non xanh mặc cái trò đồ-lo⁽⁵⁾.

DỊCH THƠ :

Từ phen để chồm, nhập làng Thiên,
 Đạp ngói dui rùa dốc chí bền.
 Nhận được khuôn trăng như nó có,
 Đến đâu mà chẳng thấy hồn nhiên.

Gảy đàn không điệu, trọn ngày nhàn,
 Cửa lững, không còn việc phải toan.
 Khúc nhạc trong lòng, không kẻ hiểu,
 Hòa âm họa có gió thông ngàn.

Tung hoành không để rớt cơ màu,
 Muốn pháp bời bời, thấy biết đâu.
 Ngủ đây, chên no, tùy ý thích,
 Ngoài ra còn có việc gì đâu.

Búng tay phá đồ núi muôn trùng,
 Đường ấy công phu cũng nhẹ không,
 Lạnh đến, nóng qua không nhận biết,
 Mây mây chẳng bận đến thân ông.

Không thiếu không dư ở cõi lòng,
 Phật không, người cũng vẫn là không.
 Cảnh thu xa lắt, trời xa lắt,
 Mây khóa non xanh, mặc rười-rong.

HUỆ CHI — PHẠM TÚ CHÂU

KHẢO ĐỊNH :

CÁC DI BẢN : TĐNL1, TĐNL2

1* TĐNL2 : nhân 眼

2* TĐNL2 : nhị 二

3* TĐNL2 : Đô ngu 都虞

CHÚ THÍCH :

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm, dựa vào lời ghi trong TĐNL. Bài thơ này cũng được rút từ tác phẩm trên. TĐNL cho đây là 5 bài, chúng tôi cho là 5 đoạn của một bài, vì cùng chung một từ thơ, một chủ đề tư tưởng.

- (2) *Dùi rùa đập ngói* : xem chú thích 2, bài *Độc Đại Tuệ ngữ lục hữu cảm* số 147—148 cùng tác giả.
- (3) *Bộ mặt thật vốn có* (Bản lai chân diện mục) : xem Cht. 5, bài *Kim cương tam muội kinh tự*, số 4, của Trần Cảnh.
- (4) Tác giả dùng hình ảnh « khúc nhạc trong lòng ta đã hình thành » để nói lên sự ngộ Thiền màu nhiệm của mình.
- (5) *Đô-lô* : hai chữ này *Từ nguyên* 辭源 đưa ra mấy nghĩa : a) Tên một trò chơi đòi Hán ; b) Tên một nước ; c) Vật gì thân hình nhẹ, giỏi leo, trèo ; d) Vin vào gây trức mà lên hay xuống. Theo chúng tôi, ở đây tác giả dùng với nghĩa trò chơi, một cái gì luôn luôn biến diệt thay đổi. Còn chữ *chủ*, chính là *chủ ty* 紫鼻, nghĩa là coi thường, chả đáng gì.

150

讀佛事大明錄有感

ĐỘC PHẬT SỰ ĐẠI MINH LỤC
HỮU CẢM

四十年一片成
牢關跳出萬重局
動如空谷風敲響
靜若寒潭月漏明
句裡五玄親透得
路頭十字任縱橫
有雲在青天何水在瓶

Tứ thập dư niên nhất phiến thành,
Lao quan khiêu xuất vạn trùng quynh.
Động như không cốc phong xao hưởng.
Tĩnh nhược(*) hàn đàm nguyệt lậu minh.
Cử lý ngũ huyền thân thấu đắc,
Lộ đầu thập tự nhậm tung hoành.
Hữu nhân vấn ngã hà tiêu tức,
Vấn tại thanh thiên thủy tại bình.

DỊCH NGHĨA :

CẢM XÚC KHI ĐỘC PHẬT SỰ ĐẠI MINH LỤC (1)

Bốn mươi năm lễ tu vẹn được một tấm lòng,
Đã nhảy ra khỏi hàng vạn tầng cửa tù ngục.
Động thì như tiếng gió vang trong hang trống,
Tĩnh thì tựa ánh trăng lọt xuống đầm lạnh.
Tự mình đã thấu được nghĩa lý của ngũ huyền (2),
Mặc sức tung hoành trên con đường bốn ngã (3).
Có người hỏi ta sinh diệt là thế nào ?
Như mây trên trời xanh và nước ở trong bình.

DỊCH THƠ :

Bốn mươi năm lẻ một tâm thành,
 CỬA KHỔ MUÔN TRUNG, VƯỢT NHÉ TỈNH.
 ĐỘNG TỰA HANG KHÔNG GÀO GIÓ TÁP,
 TỈNH NHƯ ĐẦM LẶNG RƠI TRẮNG THANH!
 NĂM HUYỀN NGHĨA LÝ GỒM THẬU ĐƯỢC,
 BỐN NGẢ DẠC NGANG MẶC SỨC MÌNH.
 AI KỂ HỎI TA SINH VỚI DIỆT,
 MÂY TRÊN TRỜI BIẾC, NƯỚC TRONG BÌNH.

Theo HẢI THẠCH

(Việt-nam văn học sử giản ước tân biên)

KHẢO ĐỊNH :

CÁC DI BẢN : TĐNL1, TĐNL2

1* TĐNL2; như 女²

CHỮ THÍCH :

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm, dựa vào lời ghi trong TĐNL. Bài thơ này cũng rút ra từ tiểu truyện Trần Thánh Tông trong sách đó. Theo TĐNL, đây là những sáng tác Trần Thánh Tông làm sau khi đã đi tu (1279).
- (2) Ngũ huyền: trong thuật ngữ đạo Phật, chữ «ngũ» được dùng phổ biến, vì vậy ngũ huyền, tức là năm điều vi diệu trong giáo lý đạo Phật, ở đây có thể có nhiều nghĩa: a) Hoặc là ngũ chủng tạng: năm kho chân lý của nhà Phật, gồm kho Như Lai, kho chính pháp, kho pháp thân, kho xuất thế, kho tự tính thanh tịnh; b) Hoặc là ngũ chủng thông: năm thứ thần thông của người tu hành; c) Ngũ định: năm phép thiền định nhờ đó người tu hành đạt đến sự sáng suốt của trí tuệ; d) Ngũ thức: năm cái tâm thức của người tu hành.
- (3) Bốn ngả: nguyên văn là thập tự, tức là chữ thập, là đường ngã tư; tuy vậy, đó cũng vẫn là cách hiểu hình thức. Có lẽ Trần Thánh Tông không dừng ở cái nghĩa bề ngoài đó mà có gửi gắm một khái niệm Phật học. Cũng như chữ «ngũ», chữ «thập» trong thuật ngữ đạo Phật được dùng phổ biến, nên ở đây thập tự có thể là thập tướng: mười phép quán tưởng trong tu hành, hoặc thập trí: mười trí của đức Như Lai, cũng có thể là thập pháp giới: mười cảnh giới của Phật pháp, hoặc thập pháp: mười đức hạnh của người tu hành...

151

輓陳仲徵

痛東無不萬一回流
 哭風端管壘堆天水
 江濕天人白黃力灘
 南淡上間雲壤量頭
 老爲編有遮覆隨共
 鉅傷年死故香流不
 卿情月生宅各水平

VĂN TRẦN TRỌNG TRUNG ^{1*}

Thống khóc Giang-nam lão cự khanh,
 Đông phong thấp ^{2*} lệ vị thương tình.
 Vô đoan thiên thượng biên niên
 nguyệt,

Bất quản nhân gian hữu tử sinh.
 Vạn điệp bạch vân già ^{3*} cổ trạch,
 Nhất đôi hoàng nhưỡng phúc hương
 danh.

Hồi thiên lực lượng tùy lưu thủy,
 Lưu thủy than đầu cộng ^{4*} bất bình.

DỊCH NGHĨA :

VIẾNG TRẦN TRỌNG TRUNG ⁽¹⁾

Đau đớn khóc người bề tôi giỏi kỳ cựu của đất Giang-nam ⁽²⁾,
 Trước gió đông dầm lệ thương xót cho ông.
 Vô cớ mà sở trời lại ghi năm tháng của ông.
 Chẳng kể gì đến trần gian ai nên sống mà ai nên chết.
 Mây trắng muôn tầng che ngôi nhà cũ,
 Đất vàng một nắm vùi lấp danh thơm.
 Sức xoay trời ⁽³⁾ đã phó cho dòng nước chảy.
 Dòng nước đầu ghềnh cũng chung nỗi bất bình.

DỊCH THƠ :

Giang-nam người giỏi mất rồi sao ?
 Trước gió, thương ai lệ ghen ngào.
 Chẳng xét tử sinh nơi địa giới,
 Bỗng ghi năm tháng chốn thiên tao.
 Đất vàng một nắm danh thơm phủ,
 Mây trắng muôn trùng mái cũ bao.
 Sức cả xoay trời theo nước chảy.
 Đầu ghềnh nước chảy hận tuôn trào !

PHẠM TÚ CHÂU

KHAO ĐỊNH :

CÁC DI BẢN : VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3, HVTT

1* HVTT: Văn Thiệu sư Trần Trọng Trung 挽少師陳仲微 ; TVTL1, TVTL2: Văn Thiệu bảo Trần Trọng Trung 挽少保陳仲微 ; Văn Thiệu bảo Trần Trọng Vi 挽少保陳仲微。

2* VATT: uân 攄

3* TVTL1: liêu 遼

4* TVTL3: dĩ 與

CHÚ THÍCH :

- (1) Trần Trọng Trung: tự Tri Quảng 智廣, là bề tôi kỳ cựu và trung thành của nhà Nam Tống 南宋. ANCL chép tên ông là Trần Trọng Vi 陳仲微. Cũng theo ANCL, khi nhà Tống mất, ông không theo Nguyên mà chạy sang Việt-nam. Ông có câu thơ bày tỏ ý mình:

死為越國歸鄉鬼
生作南朝拒諫臣。

Tử vi Việt quốc quy hương quỷ,

Sinh tác Nam triều cự gián thần.

Nghĩa là:

Chết thì làm quỷ từ nước Việt tìm về quê hương,

Sống thì làm quan Cự gián của nhà Nam Tống.

Vua Thánh Tông rất trọng đãi ông. Khi ông mất, Thánh Tông thương tiếc làm bài thơ viếng trên đây.

- (2) Giang-nam: khu vực phía Nam sông Trường-giang 長江

- (3) Công sức xoay trời: chỉ việc khôi phục lại nhà Nam Tống.

152

幸天長行宮

HẠNH THIÊN-TRƯỜNG HÀNH CUNG 1*

景清幽物亦清幽
十部笙歌禽百舌
千行奴僕千人頭
月無事照人無事
水有秋涵天有秋
四海已清塵已靜
今年遊勝昔年遊

Cảnh thanh u vật diệc 2* thanh u,
Thập nhất 3* tiên châu thử nhất châu.
Bách bộ 4* sinh ca cầm bách thiết.
Thiên hàng nô bộc quất thiên đầu.
Nguyệt vô sự chiếu nhân vô sự.
Thủy hữu thu hàm thiên hữu thu.
Tứ hải dĩ thanh trần dĩ tĩnh. 5*
Kim niên 6* du thắng tích niên du.

DỊCH NGHĨA:

CHƠI HÀNH CUNG THIÊN-TRƯỜNG (1)

Cảnh thanh nhã, vật cũng thanh nhã.
 Đây là một trong mười một châu thần tiên.
 Trăm giọng chim là trăm bộ sáo đàn,
 Nghìn ngọn quit lá nghìn hàng tôi tớ (2).
 Trăng nhàn hạ soi người nhàn hạ.
 Nước mùa thu lồng trời mùa thu.
 Bốn bề đã trong, bụi đã lắng,
 Cuộc đi chơi năm nay hơn hẳn cuộc đi chơi năm trước.

DỊCH THƠ:

Cảnh thanh u, vật cũng thanh u.
 Mười một châu tiên, đây một châu.
 Trăm tiếng đàn ca: chim sánh giọng,
 Nghìn hàng tôi tớ: quit nhỏ đều.
 Trăng vô sự chiếu người vô sự,
 Nước ngậm thu lồng trời ngậm thu.
 Bốn bề đã trong, như đã lắng,
 Năm nay chơi, thú vượt năm nao.

NGUYỄN ĐỒNG CHI
 (VNCVHS II)

KHẢO ĐỊNH:

CÁC DI BẢN: VATT, ĐVSKTT, TVTL1, TVTL2, TVTL3, HVHT, TTTPHT.

- 1* VATT: Hạnh Thiên-trường phủ: 行天長府; HVHT: 行天長府
 2* VATT: dữ vật 與物, HVTT: diệp vật 亦物
 3* VATT: nhất thập: 一十; TTTPHT, HVTT, TVTL1, TVTL2, TVTL3: thập nhị + 二
 4* VATT: điệu 言問
 5* VATT: tịnh 立青
 6* TVTL2, TVTL3: lui 來

CHỮ THÍCH:

- (1) Thiên-trường: xem Cht. 1, phần tiền sử Trần Cảnh, tr. 21. Bài này VATT, TVTL và HVHT đều cho là của Trần Nhân Tông. ĐVSKTT nói rõ là sau trận thắng quân Nguyên lần thứ ba, vào tháng Năm năm Kỷ sửu (1289), Thượng hoàng (Thánh Tông) về thăm Thiên-trường và làm bài này. TTTPHT cũng chép vào thơ của Trần Thánh Tông. Chúng tôi theo ĐVSKTT và TTTPHT.
 (2) Nghìn hàng tôi tớ: sách Trương dương kỷ 襄陽記 chép: Lý Hành 李衡 trồng một nghìn cây quit và bảo con rằng «cha đã có một nghìn tôi tớ, hẳn không phải phiên các con cung cấp cơm áo». Câu này lấy ý ở điển ấy.

153

真心之用

真惺無入任動靜其其洒髌不全分
 心惺去損大順如如輕重洒髌可無日明
 之寂無入任雲牆如如而而度踪爲剖
 用寂來益小逆鶴壁毛石淨赤量跡君劈。

CHÂN TÂM CHI DỤNG

Chân tâm chi dụng,
 Tĩnh tĩnh tịch tịch.
 Vô khứ vô lai,
 Vô tồn vô ích.
 Nhập đại nhập tiểu,
 Nhậm thuận nhậm nghịch.
 Động như vân hạc,
 Tĩnh như tường bích.
 Kỳ khinh như mao,
 Kỳ trọng như thạch.
 Sái sái nhi tịnh,
 Khỏa khỏa nhi xích.
 Bất khả đạc lượng,
 Toàn vô tung tích.
 Kim nhật vị quán,
 Phân minh phẫu phách.

DỊCH NGHĨA:

TÍNH NĂNG CỦA CHÂN TÂM (1)

Dụng của chân tâm,
 Thông tuệ, lặng lẽ.
 Không đi không đến,
 Không bớt không thêm.
 Vào nhỏ hay vào to,
 Mặc kệ thuận hay nghịch.
 Động thì như mây, như hạc,
 Tĩnh thì như tường, như vách.
 Nhẹ tựa mảy lông,
 Nặng như đá.
 Lầu lầu trong sạch,
 Trần trụi không có vật gì.
 Không thể đo lường,
 Hoàn toàn không có tung tích.
 Nay ta vị ngời,
 Tổ bày rành mạch.

DỊCH THƠ:

Dụng của chân tâm,
 Thông minh tịch tịch.
 Không đến không đi,
 Không tồn không tịch.
 Vào nhỏ vào to,
 Mặc thuận cùng nghịch.
 Động như hạc mây,
 Tĩnh như tường vách.
 Nhẹ tựa mây lông,
 Nặng như bàn thạch.
 Trần trần trụi trụi,
 Lầu lầu trong sạch.
 Chẳng thể đo lường,
 Tuyệt vô tung tích.
 Nay ta vì người,
 Tổ bày rành mạch.

PHẠM TỬ CHÂU

CHÚ THÍCH:

XUẤT XỨ: TĐNL.

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm.

*

154

生死

SINH TỬ

生如著衫
 死如脱袴
 自古及今
 更無異路

Sinh như trước sam,
 Tử như thoát khố (khóa).
 Tự cổ cập kim,
 Cảnh vô dị lộ.

八字打開分付了
 更無餘事可呈君。

Bát tự đã khai phân phó liễu,
 Cảnh vô dư sự khả trình quân.

DỊCH NGHĨA:

SỐNG VÀ CHẾT⁽¹⁾

Sống như mặc áo vào,
Chết như trút bỏ quần ra.
Từ xưa tới nay,
Không có con đường nào khác.

Khi thông tám chữ⁽²⁾ dẫn dò xong rồi,
Không còn việc gì phải trình với ông nữa.

DỊCH THƠ:

Sống như mặc áo,
Chết tựa trút ra.
Xưa nay chẳng quá,
Một con đường ấy.

Tỏ bày tám chữ, dẫn dò xong,
Chẳng còn việc khác để trình ông.

PHẠM TÚ CHÂU

CHÚ THÍCH:

XUẤT XỨ: TĐNL

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Theo TĐNL, đây là hai đoạn thơ Trần Thánh Tông ứng khẩu vào lúc bệnh tình đã trầm trọng, chưa đầy một ngày sau thì mất (1290).
(2) Tám chữ (bát tự): xem Cht. 14, bài *Phê thuật hương thượng nhất lộ*, số 8, của Trần Cảnh.

155

贈陳光啟

TẶNG TRẦN QUANG KHẢI

一代功名天下有
兩朝忠孝世間無Nhất đại công danh thiên hạ hữu,
Lưỡng triều trung hiếu thế gian vô.

DỊCH NGHĨA:

TẶNG TRẦN QUANG KHẢI⁽¹⁾

Công danh trọn một đời, thiên hạ còn có người như ông,
Tấm lòng trung hiếu đối với hai triều vua thì thế gian không ai có.

DỊCH THƠ:

Công danh một thuở còn bao kẻ,
Trung hiếu hai triều chỉ một ông.

HUỆ CHI

CHÚ THÍCH:

XUẤT XỨ: BẢNG HỒ DI SỰ LỤC

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Đây là hai câu Trần Thánh Tông đề tặng Trần Quang Khải lúc ông cầm quân ra trận chống giặc Nguyên Mông trong cuộc kháng chiến lần thứ hai (1285), do Nguyễn Trãi ghi lại.

156

答慧忠上士

ĐÁP TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ

炎炎暑氣汗通身
未曾浣我娘生袴

Viêm viêm thử khí hãn thông thân,
Vị^{1*} tăng cặn^{2*} ngã nương sinh khóa.

DỊCH NGHĨA:

TRẢ LỜI TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ⁽¹⁾

Khí nóng nồng nực làm cho mồ hôi toát đầm mình,
Nhưng chưa hề ướt được cái khố của người mẹ sinh ta⁽²⁾.

DỊCH THƠ:

Hôi nồng hăm hập mồ hôi ướt,
Quần mẹ sinh ta thấm được đâu?

PHẠM TÚ CHÂU

KHẢO ĐỊNH:

CÁC DI BẢN: TSNL, TĐNL1, TĐNL2.

1* TĐNL1, TĐNL2: hà 何

2* TSNL: uyên 浣

CHÚ THÍCH :

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Đây là hai câu thơ của Trần Thánh Tông trả lời Tuệ Trung Thượng sĩ lúc nhà vua ốm nặng. Tuệ Trung viết thư thăm hỏi. Hai câu thơ do Trần Nhân Tông 陳仁宗 trích lục trong bài *Thượng sĩ hành trạng* in cuối sách TSNL (xem bài số 211, của Trần Khâm), và cũng được chép trong TĐNL. Trần Thánh Tông mất tháng Năm năm Canh dần (1290), có thể hai câu thơ này làm vào tháng Ba hoặc tháng Tư năm đó.
- (2) *Cái khổ của người mẹ sinh ta*: hình ảnh này được dùng phổ biến trong ngôn từ Thiền học, là một biểu tượng để chỉ cái mà Thiền tông gọi là «bản lai diện mục», tức là cái tâm nguyên thủy, cái bản thể bất biến thường tồn của mọi hiện tượng trong vũ trụ, mà mọi tác động bên ngoài như bệnh tật không bao giờ ảnh hưởng đến được.

157

宗身之義論

當奉養之業下胞傳也。之天同語福宗以肉此之祖外骨以年承雖等當萬下。貴卿等社天富與卿宗之享則樂則宗同內共忘祖弟而則勿者兄尊樂久下室之憂使天宗人共孫與一則子

PHIÊN ÂM :

TÔNG THÂN CHI NGHĨA LUẬN

Thiên hạ giả, tổ tông chi thiên hạ. Thừa tổ tông chi nghiệp đương dĩ tông thất huynh đệ đồng hưởng phú quý. Tuy ngoại dĩ thiên hạ phụng nhất nhân chi tôn, nhi nội tắc dĩ Khanh đẳng cốt nhục đồng bào, ưu tắc cộng ưu, lạc tắc cộng lạc. Khanh đẳng đương dĩ thử ngữ truyền chi tử tôn, sử cứu vật vong, tắc tông xã vạn niên chi phúc dã.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ TÌNH NGHĨA ANH EM TRONG HOÀNG TỘC⁽¹⁾

Nước nhà, là nước nhà của tổ tông truyền lại. Người thừa kế cơ nghiệp của tổ tông nên cùng với anh em trong dòng họ cùng hưởng phú quý. Tuy bề ngoài là cả thiên hạ phụng sự một người tôn quý, nhưng bên trong thì ta cùng

các khanh là đồng bào ruột thịt, lo thì cùng lo, vui thì cùng vui. Các khanh nên đem mấy lời này mà truyền cho con cháu, để nhớ mãi đừng quên. Ấy là phúc muôn đời của tông miếu xã tắc vậy.

HUỆ CHI

CHÚ THÍCH:

XUẤT XỨ: ĐVSKTT

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Theo ĐVSKTT, vào tháng Giêng năm Mậu thìn, niên hiệu Thiệu Long 紹隆 thứ 11 (1268) vua Trần Thánh Tông truyền bảo anh em trong tông thất mấy lời trên đây, sau đó xuống chiếu cho các vương hầu, hễ xong buổi chầu thì vào trong điện và lan đình cùng nhau ăn uống, hoặc có khi trời tối không về thì đặt gối dài chần rộng cùng ngủ liền giường với nhau để tỏ hết tình thân hoàng tộc. Còn khi có lễ lớn chầu mừng, tiếp đãi tân khách thì phân biệt ngôi thứ cao thấp rõ ràng. Vì thế nên các vương hầu lúc bấy giờ không ai là không kính thuận.

*

TRẦN QUỐC TOẠI

陳國遂

(1254 — 1277)

Ông hiệu là Sầm Lâu 岑樓, được phong tước Uy văn vương, là cháu họ và cũng là con rể Trần Thái Tông (1) 陳太宗. Năm sinh năm mất chưa có cứ liệu gì chắc chắn (2). Vốn có chí ham học, nên ngay từ còn trẻ Trần Quốc Toại đã tích lũy được một vốn kiến thức sâu rộng. Trần Thánh Tông 陳聖宗 từng hỏi ông về nguồn gốc của hai chữ «quan gia» 官家 (tiếng đề mệnh danh nhà vua) và câu trả lời của ông làm nhiều người khâm phục (3).

Ông còn là một nhà thơ có tài. Tác phẩm Sầm Lâu tập 岑樓集 rất nổi tiếng lúc đương thời. Nhưng sau khi ông mất, không ai còn giữ được. Chỉ còn lại ba đoạn của ba bài thơ, được trích dẫn trong các bộ sử.

- (1) Chữ «quốc» trong tên Trần Quốc Toại cho phép ta nghĩ rằng ông có thể là em cùng cha khác mẹ với Trần Quốc Tuấn 陳國峻 chẳng?
- (2) Dựa theo cách ghi chép biên niên của ĐVSKTT, Nguyễn Đồng Chi xác định năm mất của Trần Quốc Toại cũng là năm bộ sử này chép về ông (Đinh sử, 1277). Chúng tôi tán thành suy luận đó. Từ năm Đinh sử mà suy ra ông mất lúc 24 tuổi thì biết năm sinh của ông là Giáp dần (1254).
- (3) ĐVSKTT, Q.V chép câu trả lời của Trần Quốc Toại như sau: 五帝以天下爲官。三王以天下爲家。所謂官家也。 Ngũ đế dĩ thiên hạ vi quan, tam vương dĩ thiên hạ vi gia, sở vi quan gia dã; nghĩa là: « Năm đời đế lấy thiên hạ làm của công, ba đời vương lấy thiên hạ làm của nhà, do đó gọi là quan gia vậy ».

158

勝封侯

THẮNG PHONG HẦU

簪笠五湖榮佩印
桑麻蔽野勝封侯

Soa lạp Ngũ-hồ vinh bội ấn,
Tang ma tế dã thắng phong hầu.

DỊCH NGHĨA:

HƠN CẢ BẠC PHONG HẦU (1)

Mang tôi đội nón ở chốn Ngũ-hồ vinh dự hơn đeo ấn,
Dâu gai đầy nơi đồng nội sướng hơn được phong hầu.

DỊCH THƠ:

Tôi nón Ngũ-hồ hơn giữ ấn,
Dâu gai đầy nội vượt phong hầu.

CAO HUY GIU
(Bd. ĐVSKTT)

CHÚ THÍCH:

XUẤT XỨ: ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm.

*

159

惟詩可勝金

DUY THI KHẢ THẮNG KIM

古來何物不成土
死後惟詩可勝金

Cổ lai hà vật bất thành thổ?
Tử hậu duy thi khả thắng kim.

DỊCH NGHĨA:

THƠ QUÝ HƠN VÀNG (1)

Xưa nay vật gì mà chẳng hóa thành đất?
Sau khi chết, chỉ có thơ để lại là quý hơn vàng.

DỊCH THƠ:

*Chết xuống vật gì không hóa đất ?
Riêng thơ để lại quý hơn vàng.*

HUỆ CHI

CHÚ THÍCH:

XUẤT XỨ: ANCL

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm.

160

輓文憲侯

VĂN VĂN HIẾN HẦU

山 豈 忍 埋 成 器 玉 Sơn khởi nhẫn mai thành khí ngọc.
月 空 自 照 少 年 魂 Nguyệt không tự chiếu thiếu niên hồn.

DỊCH NGHĨA:

VIẾNG VĂN HIẾN HẦU (1)

*Núi há nỡ chôn hòn ngọc đã mài dũa thành đồ vật?
Trăng luống soi dọi mảnh hồn của kẻ thiếu niên.*

DỊCH THƠ:

*Ngọc mới mài xong núi nỡ chôn ?
Trăng suông soi dọi chút anh hồn.*

HUỆ CHI

CHÚ THÍCH:

XUẤT XỨ: ANCL

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm, dựa vào ANCL. Văn hiến hầu là cháu Trần Quốc Toại, chưa rõ tên thực là gì. Nhưng trong ĐVSKTT cũng có nhắc đến một Văn hiến hầu là người đã gây nên cái chết của Trần Quốc Chân 陳國瑱 vào năm 1329; nếu hai người chỉ là một thì hẳn phải có một nhầm lẫn nào đấy, vì người trong câu đối diếu của Trần Quốc Toại chết rất trẻ, và ngay tác giả cũng không thể sống sau thế kỷ XIII.

TRẦN QUANG KHẢI

陳 光 啟

(1241 — 1294)

Ông tự là Chiêu Minh 昭明, sinh vào mùa đông năm Tân sửu (1241), là con trai thứ ba Trần Thái Tông

Dưới triều Trần Thánh Tông 陳聖宗 (1258 — 1278), ông làm Trương quốc thái úy, tước Đại vương; đến triều Nhân Tông 仁宗 (1279 — 1293) lại được thăng chức Thượng tướng thái sư. Cùng với Trần Quốc Tuấn 陳國峻, ông cũng là một nhân vật trọng yếu của vương triều, đã đóng góp nhiều công sức vào sự nghiệp dựng nước và giữ nước đương thời. Trong hai cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông (1284 — 1285, 1287 — 1288) Quang Khải là một trong những người đóng vai trò chủ chốt. Ông có mặt ở nhiều chiến trường quan trọng và đã tham gia trận phản công lớn, đánh tan quân giặc ở Hàm-tử 鹹子, Chương-đương 章陽 giải phóng kinh thành Thăng-long 昇龍.

Trần Quang Khải học rộng biết nhiều, chẳng những là một tướng cầm quân giỏi mà còn là một nhà ngoại giao có tài, một nhà thơ với những vần thơ «sâu xa lý thú»⁽¹⁾. Ông là một trong những tác gia tiêu biểu của văn học thời thịnh Trần. Trong thơ văn ông có thể tìm thấy một tinh thần yêu nước kiên cường, một tấm lòng gắn bó với con người và tạo vật, một khí phách anh hùng tiêu biểu cho dân tộc. Khi ông đi chiến trận, Trần Thánh Tông đã tặng lá cờ với hai câu thơ:

一代功名天下有
兩朝忠孝世間無

Nhất đại công danh thiên hạ hữu,

Lưỡng triều trung hiếu thế gian vô.

Nghĩa là:

Công danh trọn một đời, thiên hạ còn có người như ông,

Tấm lòng trung hiếu đối với hai triều vua thì thế gian không ai có⁽²⁾.

Ông mất ngày 3 tháng Bảy năm Giáp ngọ (26-VII-1294).

Tác phẩm: Trần Quang Khải có tập thơ *Lạc đạo* 樂道集, nhưng đã mất, chỉ còn lại 11 bài.

(1) Lời bình của Phan Huy Chú 潘光輝注, LTHCLC.

(2) Xem bài *Tặng Trần Quang Khải*, số 159, của Trần Hoàng.

161

從駕還京師

奪 稍 章 陽 渡
 拏 胡 鹹 子 關
 太 平 當 致 力
 萬 古 此 江 山

TỤNG GIÁ HOÀN KINH SƯ^{1*}

Đoạt sóc Chương-dương độ,
 Cầm Hồ Hàm-tử quan^{2*}.
 Thái bình đương trí lực,
 Vạn cổ thử^{3*} giang san.

DỊCH NGHĨA:

PHÒ GIÁ VỀ KINH⁽¹⁾

Bến Chương-dương cướp giáo giặc⁽²⁾,
 Cửa Hàm-tử bắt quân Hồ⁽³⁾.
 Buổi thái bình nên dốc toàn sức lực,
 Thì non sông này muôn đời dài lâu.

DỊCH THƠ:

Chương-dương cướp giáo giặc,
 Hàm-tử bắt quân thù.
 Thái bình nên gắng sức,
 Non nước ấy nghìn thu.

TRẦN TRỌNG KIM
 (Việt-nam sử lược)

Cướp giáo Chương-dương đó,
 Bắt thù Hàm-tử đây.
 Thái bình nên gắng sức,
 Muôn thuở nước non này.

TRINH ĐƯƠNG

KHẢO ĐỊNH:

CÁC ĐỊA BẢN: ĐVSKTT, VATT, TVTL, HVTT, TTTPHT

- 1* VATT: thuật hoài 述懷, TTTPHT: Chương-dương độ 章陽渡
 2* TTTPHT: nghị tri 宜致, HVTT chú: có bản chép: tu nỗ lực 須努力
 3* ĐVSKTT, VATT, HVTT, TVTL: cưu 鷗. Ở đây theo TTTPHT.

CHÚ THÍCH:

- (1) Ngày 6 tháng Sáu năm Ất Dậu (9-VII-1285), sau khi đã đuổi đạo quân Thoát Hoan chạy dài lên phía Bắc, giải phóng Thăng-long 昇龍, hai vua Trần trở về lại Kinh đô, Trần Quang Khải đi theo phò giá và làm bài thơ trên.
 (2) Chương-dương: nay thuộc huyện Thường-tín, tỉnh Hà-sơn-binh. Theo ĐVSKTT, tháng Tám năm Ất Dậu (1285), Trần Quang Khải cùng các tướng Trần Quốc Toản 陳國纂, Trần Thông 陳通, Nguyễn Khả Lạp 阮可立, Nguyễn Truyền 阮傳 đem dân binh các lộ đánh thắng một trận lớn ở đây rồi tiến về giải phóng Thăng-long. Quân Nguyên tan vỡ, Thoát Hoan và A Lạt phải chạy qua sông Lô.
 (3) Hàm-tử: một địa điểm trên sông Hồng, nay thuộc huyện Khoái-châu, tỉnh Hải-hưng. Tại đây, tháng Tư năm Ất Dậu (1285), Trần Nhật Duật cùng các đạo quân khác cũng giành chiến thắng lớn.

*

162

送北使柴莊卿

送君歸去獨徬徨
 馬首駸駸指帝鄉
 南北心旌懸反旆
 主賓道味泛離觴
 一談笑頃嗟分袂
 共唱酬間惜對床
 未審何時重覩面
 慙慙握手叙暄涼

TỔNG BẮC SỨ SÀI TRANG KHANH^{1*}

Tổng quân quy khứ độc bàng hoàng,
 Mã thủ xâm xâm chỉ đế hương.
 Nam Bắc tâm tình huyền phản bái,
 Chủ tân đạo vị phiếm ly trường.
 Nhất đàm tiêu khoảnh ta phân duệ,
 Cộng xướng thù gian tích đối sàng.
 Vị thăm hà thời trùng đồ^{2*} diện,
 Ân cần ác thủ tự huyền^{3*} lương.

DỊCH NGHĨA:

TIỀN SỨ BẮC SÀI TRANG KHANH⁽¹⁾

Tiền ông trở về riêng những hàng khuâng,
 Ngựa xăm xăm⁽²⁾ nhắm thẳng nẻo quê hương nhà vua.
 Nỗi lòng kẻ Nam người Bắc vẫn lưu luyến trên ngọn cờ vè,
 Tình khách chủ dạt dào trong chén rượu ly biệt.

Vừa nói cười đỏ má thoát đã ngậm ngùi chia tay,
 Cùng nhau xường họa tiếc những lúc hai giường đối diện.
 Chưa biết bao giờ lại được gặp mặt,
 Để cầm tay ân cần tỏ nỗi hàn huyên.

DỊCH THƠ :

Tiền người về Bắc dạ khôn khuấy,
 Vó ngựa băng chừng nẻo nước mây.
 Nam Bắc băng khuáng cờ trở bóng,
 Ân tình dào dạt chén chia tay.
 Nói cười thoáng đã xa hình dáng,
 Xường họa còn ngờ mới đó đây.
 Biết đến khi nào cùng gặp lại,
 Cầm tay bày tỏ nỗi niềm tày.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

CÁC DỊ BẢN : ANCL, VATT, TVTL1, TVTL2.

- 1* TVTL1; Tống Sài Nghiêm Hương 送紫巖鄉 ; TVTL2; Tống Sài Nghiêm Khanh 送紫巖卿
 2* TVTL1, TVTL2; dịch 覲
 3* VATT; thơ 凄

CHÚ THÍCH :

- (1) Sài Trang Khanh; tên là Sài Thung 柴椿, Thượng thư Bộ lễ của nhà Nguyên. Năm 1278, Hốt Tất Liệt (Qubilai) cử y mang chiếu sang trách vua Trần về việc lên ngôi không xin mệnh Thiên triều và bắt vua Trần thân vào châu. Nhưng chuyến đi này không kết quả. Năm 1279 y lại sang hạch sách về chuyện đó. Vua Trần Nhân Tông 陳仁宗 phải sai Trần Di Ái 陳違愛 sang thay. Lần thứ ba, năm 1281 Sài Thung được cử làm An-nam hành tuyên úy đô soái, có Lý Chấn Văn 李振文 làm phó đem 5000 quân đưa Di Ái về làm An-nam quốc vương cùng một số Thượng thư trong triều đình bù nhìn do nhà Nguyên sắp đặt. Nhưng lần này nữa nhà Nguyên lại thất bại; đến biên giới Di Ái bỏ trốn. Nhà Trần đã đón tiếp Sài Thung tử tế, nghe «tuyên dụ chỉ», và khi y ra về lại đặc biệt tiễn đưa, nhưng giữ vững tư thế độc lập trước sau như một của mình. Trần Quang Khải đã làm hai bài thơ tặng Sài Thung và đồng bọn trong những dịp này. Riêng bài này chỉ có thể làm trong hai dịp 1278 hoặc 1279, vì giọng thơ tuy cũng khách sáo nhưng chưa đến nỗi nhợt nhạt như bài tặng Sài Thung và Lý Chấn Văn trong năm 1281. (Xem thêm bài Tặng Bắc sứ Sài Trang Khanh, Lý Chấn Văn đồng, số 163, cùng tác giả).
- (2) Ngựa xầm xầm (mã thủ xầm xầm); chữ mã thủ 馬首 cũng có nghĩa là hướng đi vì vậy câu thơ này cũng có thể hiểu là: xầm xầm nhằm thẳng hướng quê hương nhà vua.

163

贈北使柴莊鄉
李振文等

一	封	鳳	詔	下	天	庭
咫	尺	皇	華	萬	里	行
北	關	衣	冠	爭	祖	道
南	州	草	木	盡	知	名
口	啣	威	福	君	褒	貶
身	佩	安	危	國	重	輕
敢	祝	四	賢	均	泛	愛
好	爲	卯	翼	越	蒼	生

TẶNG BẮC SỨ SÀI TRĂNG KHANH,
LÝ CHẤN VĂN ĐẲNG^{1*}

Nhất phong phượng chiếu hạ thiên
đỉnh,
Chỉ xích hoàng hoa vạn lý hành.
Bắc nguyệt y quan tranh tồ đạo,
Nam châu thảo mộc tận tri danh.
Khẩu hàm uy phúc quân bao biểm,
Thân bội an nguy quốc trọng khinh.
Cảm chúc tứ hiền quân phiếm ái,
Hảo vi noãn dục^{2*} Việt thương sinh.

DỊCH NGHĨA:

TẶNG SỨ BẮC SÀI TRĂNG KHANH, LÝ CHẤN VĂN⁽¹⁾

Một phong chiếu phượng⁽²⁾ từ sân trời ban xuống,
Nhà vua⁽³⁾ trao trách nhiệm⁽⁴⁾ sứ giả cho ông đi ngoài vạn dặm.
Các bậc áo mũ ở Bắc triều tranh nhau tiễn người lên đường⁽⁵⁾,
Cây cỏ ở Nam giao đều biết danh tiếng ông.
Nói lời oai phúc, ông thay nhà vua mà khen chê,
Thân mang sự an nguy quan hệ đến việc trọng khinh của nhà nước.
Dám mong bốn vị sứ giả tài giỏi⁽⁶⁾ có lòng yêu thương công
bằng rộng lớn,
Hãy che chở cho thương sinh nước Việt.

DỊCH THƠ:

Một phong chiếu phượng từ sân trời,
Gang tấc hoàng hoa, vạn dặm khơi.
Áo mũ Bắc phương đưa gót sứ,
Cỏ cây Nam quốc biết tên người.
Lời vua uy phúc mang trong miệng,
Việc nước an nguy gánh nặng vai.
Xin chúc yêu thương đều rộng khắp,
Che chở trăm họ ở quê tôi.

TRẦN LÊ VĂN

KHẢO ĐỊNH:

CÁC DI BẢN: ANCL, VATT, TVTL1, TVTL2

- 1* ANCL: *Tặng Thiên sứ Sài Thung, Lý Chấn Văn dâng* 贈天使紫椿, 李振文等 TVTL1: *Tặng Bắc sứ Sài Nghiêm Hương, Lý Chấn Văn* 贈北使紫嚴鄉, 李振文. TVTL2: giống như trên nhưng Sài Nghiêm Hương viết là Sài Nghiêm Khanh 紫嚴卿. Ở đây theo VATT, nhưng thay chữ Sài Xuân 紫春 bằng Sài Trang Khanh 紫壯卿 cho thống nhất với bài trước.
- 2* TVTL1, TVTL2: *dực noãn* 翼卵

CHỦ THÍCH:

- (1) *Sài Trang Khanh và Lý Chấn Văn*: xem Chт. 1, bài *Tổng Bắc sứ Sài Trang Khanh* ở trên. Bài thơ này nói đến cả Sài Thung và Lý Chấn Văn, lời lẽ khách sáo; nhạt nhẽo hơn bài trước, nên có thể đoán được viết trong lần Sài Thung đem Trấn Di Ai về nước vào năm 1281.
- (2) *Chiếu nhà vua (phượng chiếu)*: sách *Sự vật kỷ nguyên* 事物紀原 chép: đời Hậu Triệu (khoảng (319—351) Thạch Quý Long 石季龍 đặt lầu Hy-mã 戲馬, trên lầu đặt chiếu thư. Chiếu viết bằng giấy ngũ sắc mỗi khi ban thi cho con phượng gõ ngậm ở mỏ rồi trao. Từ đó người ta gọi chiếu nhà vua là chiếu phượng.
- (3) *Nhà vua (chỉ xích)*: xuất phát từ một câu trong *Tả truyện* 左傳: 天威不遠 顔咫尺 Thiên uy bất viễn nhan chỉ xích; nghĩa là: Sự soi xét của thiên tử không xa, oai nghiêm ở ngay trước mặt kẻ bề tôi trong gang tấc. Về sau trong biểu tấu, các quan lại thường dùng chữ *viễn nhan, chỉ nhan, chỉ xích* để chỉ nhà vua.
- (4) *Trách nhiệm sứ giả (hoàng hoa)*: Kinh thi 詩經, Tiểu nhã 小雅 có bài thơ Hoàng hoàng giả hoa 皇皇者華 nội dung nói về việc vua tiễn bề tôi đi sứ. Về sau, chữ hoàng hoa trở thành điển cố chỉ việc đi sứ.
- (5) *Tiến người lên đường (tổ đạo)*: Tổ đạo nguyên nghĩa là lễ tế thần đường để cầu cho cuộc đi được thông suốt. Về sau, các bữa tiệc tiễn hành cũng gọi là tổ đạo.
- (6) *Bốn vị sứ giả*: có lẽ chỉ Sài Thung, Lý Chấn Văn và các sứ thần nhà Nguyên trong đoàn

*

164

題白馬祠

ĐỀ BẠCH-MÃ-TỪ^{1*}

昔	聞	人	道	大	王	靈	Tích văn nhân đạo đại vương linh,
今	日	方	知	鬼	帖	驚	Kim nhật phương tri quỷ thiếp ^{2*} kinh.
火	聚	三	區	焚	不	及	Hỏa tụ ^{3*} tam khu ^{4*} phân bất cập ^{5*} ,
風	塵	一	陳	扇	難	傾	Phong trần nhất trần phiến nan khuynh.
指	揮	颯	颯	三	千	象	Chỉ huy vông lượng tam thiên chủng.
彈	壓	諸	魔	百	萬	兵	Đàn áp chư ^{6*} ma bách vạn binh.
願	伏	餘	威	推	北	敵	Nguyên phục dư uy thời Bắc địch ^{7*} ,
頓	令	寰	宇	宴	然	清	Đốn linh hoàn vũ yển nhiên thanh.

DỊCH NGHĨA:

ĐỀ ĐỀN BẠCH-MÃ (1)

Xưa kia nghe người ta nói đến oai linh của đại vương.
 Ngày nay mới biết là ma quỷ phải khiếp kinh.
 Ba khu lửa cháy, không cháy được tới đền,
 Một trận gió bụi lay chuyển cũng không nghiêng đổ.
 Chỉ huy ba ngàn quân yêu quái,
 Trấn áp trăm vạn quân ma quỷ.
 Xin nhờ dư oai [của thần] để phá tan giặc Bắc,
 Trong chốc lát làm cho đất nước thanh bình.

DỊCH THƠ:

*Đại vương xưa nức tiếng oai linh,
 Nay mới hay rằng ma quỷ kinh.
 Lửa tụ ba khu không cháy miếu,
 Gió lay một trận chẳng nghiêng mình.
 Khiến sai bọn quỷ ba nghìn đũa,
 Đánh dẹp loài ma trăm vạn binh.
 Nhờ cậy dư uy trừ giặc Bắc,
 Giúp ngay đất nước được thanh bình.*

TRẦN LÊ VĂN

KHẢO ĐỊNH:

CÁC DI BẢN: VĐUL, TTTPHT, BẢN KHÁC CỔ Ở ĐỀN BẠCH-MÃ:

龍肚最灵祠 LONG-ĐỔ TỐI LINH TỪ

- 1* TTTPHT: Đề Bạch-mã đại vương từ 題白馬大王祠
 2* TTTPHT: mi 魅
 3* TTTPHT: ngựa 馬; Long-đổ tối linh từ: -bác 馬
 4* TTTPHT: khu 區
 5* TTTPHT và Long-đổ tối linh từ: tận 盡
 6* TTTPHT và Long-đổ tối linh từ: tà 邪
 7* TTTPHT: lỗ 虜

CHÚ THÍCH:

- (1) Đền Bạch-mã: nay vẫn còn ở phố Hàng buồm, Hà-nội.

165

題野墅

ĐỀ DÃ THỰ 1*

野芳一幾路溪鬼一
 墅菲聲片挽分神段
 初桃牛農羊燕暗風
 開李笛簞腸尾地光
 景四青碧通斷偷可
 物時樓瀧紫紅相隱
 新春月雲陌塵語君

Dã thự sơ khai cảnh vật 2* tân,
 Phương phi 3* đào lý tứ thời xuân.
 Nhất thanh ngư địch thanh lâu nguyệt,
 Kỳ phiến nông soa bích lũng vân.
 Lộ vân dương tràng thông tử mạch,
 Khê 4* phân yển vĩ đoạn hồng trần.
 Quỷ thần ám địa thâm tương ngữ,
 Nhất đoạn 5* phong quang khả ẩn quân.

DỊCH NGHĨA:

ĐỀ THƠ Ở BIỆT THỰ ĐỒNG QUÊ (1)

Biệt thự ở đồng quê vừa làm xong, cảnh vật mới mẻ,
 Đào lý thơm tho bốn mùa tươi tốt.
 Một tiếng sáo trẻ chăn trâu làm xanh ánh trăng trên lầu,
 Máy mảnh áo tôi nhà nông biếc đám mây dưới lũng.
 Đường quanh co như ruột dê thông với đường vùng ngoại kinh kỳ,
 Khe xòe đuôi én ngăn cách đám bụi đỏ.
 Quỷ thần thầm nói với nhau trong chỗ kín đáo:
 Một giải phong quang này có thể làm nơi ẩn dật cho nhà ngời.

DỊCH THƠ:

Trại giữa đồng quê dựng mới rồi,
 Thơm tho đào mạn bốn mùa tươi.
 Lầu cao trăng biếc, vi vu sáo,
 Lũng rợp mây xanh, lấp lánh tôi.
 Đường lượn ruột dê, thông phố chợ,
 Khe chia đuôi én, dớt trần ai.
 Quỷ thần trong tối đương bàn vụng:
 Một giải phong quang khéo đợi ngời.

HUỆ CHI

KHẢO ĐỊNH:

CÁC DI BẢN: VATT, TVTL1, TVTL2.

- 1* TVTL1, TTTTL2: dã thụ tự 野墅寺
 2* TVTL2: tương 相
 3* TVTL1: phi phân 菲芬
 4* VATT: giang 江
 5* VATT: tri 致

CHÚ THÍCH:

- (1) Trong TSNL của Trần Tung cũng có bài thơ này dưới đầu đề *Tĩnh-bang cảnh vật* 淨邦景物. Trại ấp của Trần Quang Khải có thể là ở vùng Phúc-hưng 福興 chứ không phải ở Tĩnh-bang (như một bài thơ tiếp theo sẽ cho thấy). Nhưng trại ấp của Trần Tung ở đâu cũng không rõ vì Tĩnh-bang nếu đúng là An-bang 安邦 thì phải thuộc quyền trông coi của Trần Quốc Tảng 陳國瑩 con thứ ba Trần Quốc Tuấn. Do sự lằng lẩn từ lâu giữa tiêu sử Trần Tung và Trần Quốc Tảng, nên rất có thể, người soạn TSNL đã gán bài thơ này cho Trần Tung, với đầu đề mới do mình tự đặt. Hơn nữa, nội dung bài thơ cũng không có gì siêu thoát, mà từ lâu lại đã quen thuộc với độc giả như một tác phẩm nổi tiếng của Trần Quang Khải; vì vậy, chúng tôi vẫn xử lý như truyền thống là xếp cho Trần Quang Khải mà bỏ đi ở phần tác giả Trần Tung.

166

福興園

PHÚC-HƯNG VIÊN^{1*}

福興一曲水回環
 中有平園數畝寬
 梅塢雪消珠蓓蕾
 竹亭雲捲碧琅玕
 暑來邀客澆茶碗
 雨過呼僮理樂欄
 南望狼煙無復起
 顏然一榻夢偏安

Phúc-hưng nhất khúc thủy hồi hoàn^{2*},
 Trung hữu bình viên số mẫu khoan.
 Mai ở tuyết tiêu châu^{3*} bội lồi,
 Trúc đình^{4*} vân quyển bích lang can.
 Thử lai yểu khách kiêu trà uyển^{5*},
 Vũ quá hô đồng^{6*} lý dục lan.
 Nam vọng lang yên vô phục khởi,
 Đồi nhiên nhất tháp mộng thiên an.

DỊCH NGHĨA:

VƯỜN PHÚC-HƯNG (1)

Một dòng nước chảy bao quanh vườn Phúc-hưng,
 Ở giữa là một khu vườn bằng phẳng rộng đến vài mẫu,
 Bờ mai, khi tuyết tan, nu lông lạnh hạt châu,
 Đình trúc, lúc mây cuốn, là xanh cảnh biếc (2).

Năng lên, mời khách, pha chén trà,
 Mưa tạnh, gọi gia đồng sửa lại giàn thuốc.
 Trông về phía Nam không còn khói lang⁽³⁾ bốc lên nữa,
 Thành thoi trên giường, yên tâm với giấc mơ riêng.

DỊCH THƠ :

Lượn quanh bến Phúc, nước theo vời,
 Vài mẫu vườn quê khá thanh thoi.
 Tan tuyết, bờ mai châu kết nụ,
 Quang mây, đình trúc ngọc đâm chồi.
 Năng lên, mời khách pha chè thưởng,
 Mưa tạnh, sai đồng giở thuốc coi.
 Xa ngóng ải Nam, im khói lửa,
 Trên giường nghiêng ngửa nhẹ hồn mai.

NGÔ TẤT TỐ
 (VHBT)

KHẢO ĐỊNH :

CÁC DI BẢN: VATT, TVTL, HVTT, TTTTPT, LTHCLC

- 1* HVTT, TTTTPT, VATT: Đề Phúc-hưng viên 題福興園
- 2* TTTTPT, VATT: hoàn 还
- 3* TTTTPT, VATT: ngân 銀
- 4* LTHCLC: đình 庭, VATT chú: hữu tác: đình 有作庭; nghĩa là: có bản viết đình
- 5* VATT: uyên 宛
- 6* TTTTPT, TVTL, HVTT: đồng 童

CHÚ THÍCH :

- (1) VATT chú: có người nói bài thơ này của Lý Văn Hồ 李文虎 đề ở vườn của Đỗ Tử Bình 杜子平. Đỗ Tử Bình đời Trần làm đến chức Nhập nội hành khiển kiêm trấn Lạng-giang 諒江. Vườn này ở huyện Cổ-lan 古蘭. Tuy nhiên, VATT vẫn coi bài thơ này là của Trần Quang Khải. Vì vậy, chúng tôi cũng coi lời chú này như một thuyết đề tham khảo.
- (2) Lá xanh cành biếc: dịch ý chữ ngọc lang can. Lang can là một thứ đá đẹp như ngọc. Sách Sơn hải kinh 山海經 lại nói ở núi Côn-luân 崑崙 có cây lang can tức một loại trúc quý.
- (3) Khói lang: ngày xưa các đồn biên ải đốt lửa để báo hiệu khi có giặc. Các đồn khác nhận được hiệu đó lại đốt lửa truyền tin. Vì các đồn ở cách xa nhau nên khi đốt lửa người ta phải bỏ phân chó sói vào để khói đậm và bốc thẳng.

167

劉家渡

LƯU-GIA ĐỘ

劉家渡口樹參天
 扈從東行昔泊船
 惜塔江亭秋水
 荒祠古塚石麕前
 太平圖誌幾千里
 李代山河三百年
 詩客重來頭髮白
 梅花如雪照晴川

Lưu-gia độ khẩu thu tham thiên,
 Hồ tưng Đông hành tích bạc thuyền.
 Cự tháp giang đình thu thủy thượng,
 Hoang từ cổ trủng thạch lân tiền.
 Thái-bình đồ chí cơ thiên lý,
 Lý đại sơn hà nhị bách niên.
 Thi khách trùng lai đầu phát bạch,
 Mai hoa như tuyết chiếu tình xuyên ^{1*}.

DỊCH NGHĨA :

BẾN ĐÒ LƯU-GIA (1)

Bến đò Lưu-gia cây cao ngắt trời,
 Xưa phò giá sang Đông, từng đỗ thuyền nơi đây.
 Tháp cũ đình xưa, trên dòng sông thu.
 Đền hoang mộ cổ, trước dãy lân đá.
 Bản đồ phủ Thái-bình (2) rộng tới gần nghìn dặm,
 Non sông nhà Lý trải hai trăm năm (3).
 Khách thơ trở lại nơi đây đầu đã bạc.
 Hoa mai như tuyết soi bóng xuống dòng sông trong.

DỊCH THƠ :

Lưu-gia xanh ngắt một trời cây,
 Thuyền ngự xuôi dòng trước ghé đây.
 Tháp cũ đình xưa làn nước chiếu,
 Đền hoang mộ cổ dãy lân bày.
 Thái-bình nghìn dặm cơ đồ rộng,
 Lý đại hai trăm vạn mệnh dài.
 Trở lại khách thơ đầu đã bạc,
 Trời thanh nước gợn ánh hoa mai.

NHÓM LÊ QUÝ ĐÔN
 (Bd. HVTVT)

KHẢO ĐỊNH :

CÁC DI BẢN : VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3.

^{1*} TVTL2 : giang 江, có lẽ chép sai, vì chữ này không hiệp vần.

CHÚ THÍCH:

- (1) Lưu-gia : ở làng Lưu-xá, thuộc huyện Hưng-hà, tỉnh Thái-bình ngày nay.
 (2) Thái-bình ; tên phủ, còn có tên là phủ Long-hưng 隆興 nay là tỉnh Thái-bình.
 (3) Đời Lý, khi Lý Huệ Tông 李惠宗 còn làm Thái tử, đã chạy loạn Quách Bốc 郭卜 đến thôn Lưu-gia rồi lấy con gái Trần Lý 陳李 làm vợ. Sau nhờ anh em Trần Lý mà khôi phục được cơ nghiệp, nhưng mối quan hệ thân tộc đó cũng đưa đến sự chấm dứt triều đại Lý, mở đầu triều đại Trần. Lưu-gia vì vậy trở thành nơi có quan hệ đến cơ đồ hai trăm năm của nhà Lý.

*

168-169

春日有感

一

雨 欲 肥 梅 潤 細 枝
 閑 門 兀 兀 坐 書 癡
 半 分 春 色 閒 蹉 過
 五 十 衰 翁 已 自 知 倦
 故 國 心 隨 飛 鳥 倦 遲
 恩 波 海 闊 縱 鱗 遲
 生 平 膽 氣 輪 困 在
 醉 倒 東 風 賦 一 詩

二

月 色 微 微 夜 向 闌
 東 風 特 地 起 春 寒
 翻 空 柳 絮 粘 高 閣
 覺 夢 湘 筠 撲 畫 欄
 被 物 潤 從 天 外 雨
 驚 心 紅 退 昔 時 顏
 去 愁 賴 有 三 杯 酒
 撫 劍 悠 悠 憶 故 山

XUÂN NHẬT HỮU CẢM

I

Vũ dục phì mai nhuận tế chi^{1*},
 Bế môn ngọt ngọt tọa^{2*} thư si.
 Bán^{3*} phần xuân sắc nhàn sai quá,
 Ngũ thập suy ông dĩ tự tri.
 Cố quốc tâm tùy^{4*} phi điều quyện,
 Ân ba hải khoáng tung lân tri.
 Sinh bình đảm khí^{5*} luân khuân tại,
 Túy đảo đông phong phú nhất^{6*} thi.

II

Nguyệt sắc vi vi dạ hướng lan.
 Đông phong đặc địa khởi xuân hàn.
 Phiên không liễu như niêm cao các,
 Giác^{7*} mộng Tương quân phác họa lan.
 Bị vật nhuận tông thiên ngoại vũ.
 Kinh tâm^{8*} hồng thoái tích thi nhan.
 Khử sầu lại hữu tam bôi tửu,
 Phủ kiếm du du ức cố san.

DỊCH NGHĨA :

CẢM HỨNG NGÀY XUÂN (1)

I

Mưa muốn làm tươi tốt cây mai nên gọi trút cánh tơ,
 Đóng cửa, ngồi sừng sững một con người nghiện sách.
 Nửa phần sắc xuân đã hờ hững trôi đi,
 Năm mươi tuổi tự biết mình suy yếu.
 Tắm lòng cổ hương (2) mỗi một theo cánh chim bay,
 Ôn vua như biển rộng, nên còn chần chừ như con cá giương vây.
 Riêng chỉ đứng cảm lúc bình sinh vẫn còn nguyên đó,
 Say ngả nghiêng trước gió Đông (3), ngâm một bài thơ.

II

Bóng trắng mờ mờ, đêm đã gần tàn,
 Gió Đông đột ngột khơi dậy cái rét mùa xuân.
 Bay múa trên không, tơ liễu dính vào gác cao,
 Tỉnh mộng, cành trúc (4) đập vào lan can chạm vế.
 Cảnh vật thêm tươi nhờ trận mưa ngoài trời,
 Lòng kinh sợ sắc mặt hồng hào thời xưa đã phai.
 Tiêu sầu nhờ có vài chén rượu,
 Vô kiếm, vời vợi nhớ non xưa (5).

DỊCH THƠ :

I

Lâm râm mưa bụi gọi hoa mai,
 Khép chặt phòng thơ ngất ngưỡng ngồi.
 Già nửa phần xuân cam bỏ uống,
 Tôi năm chục tuổi biết suy rồi.
 Mơ màng nước cũ chim bay mỗi,
 Khơi thăm nguồn ân cá khó bơi.
 Đăm khi ngày nào rày vẫn đó,
 Đè nghiêng ngọn gió đọc thơ chơi.

NGÔ TẤT TỐ
 (VHĐT)

II

Đêm xuân hồ hết, bóng trắng mờ,
 Lạnh lạnh hơi xuân mượn gió đưa.
 Tơ liễu vờn không, vương gác thượng,
 Cành tre quấy mộng, đập rèm thưa.
 Hơi mưa xa gửi ớn đầm thâm,
 Vẽ mặt buồn phai nét trẻ thơ.
 Tiêu khiển may nhờ ba chén rượu,
 Vỗ thanh gươm cũ nhớ non xưa.

Theo NGÔ TẤT TỐ
 (VHBT)

KHẢO ĐỊNH:

CÁC DI BẢN: VATT, TVTL1, TVTL2, TTTPHT

- 1* TVTL1, TVTL2: *tế nhược ti* 細若絲
 2* VATT: *nhất* 一
 3* TVTL1, TVTL2: *tam* 三
 4* VATT, TVTL1, TVTL2: *hoàn* 還
 5* TVTL1: *lượng* 量
 6* VATT, TTTPHT: *nhất phú* 一賦
 7* VATT: *lặng* 靜
 8* TTTPHT: *bi* 悲

CHÚ THÍCH:

- (1) Theo ý bài thơ, tác phẩm này được sáng tác vào năm Trần Quang Khải 50 tuổi, tức là năm 1290.
- (2) *Tấm lòng nhớ cố hương*: nguyên văn là *cố quốc tâm*. Cố quốc là nước cũ, gồm cả quá khứ lịch sử của đất nước, dân tộc, nhưng nhiều khi cũng có nghĩa là cố hương. Câu thơ của Đỗ Phủ 杜甫: 相逢故國人 *Tương phùng cố quốc nhân*; nghĩa là: gặp gỡ người quê nhà.
- (3) *Gió Đông*: gió từ phương Đông, tức gió xuân.
- (4) *Cành trúc* (Tương quân): tương truyền khi vua Thuận chết, hai vợ là Nga Hoàng 娥皇 và Nữ Anh 女英 đi tìm. Đến miền sông Tương, hai nàng thương khóc quá, nước mắt vẩy lên rừng trúc, làm cho trúc vùng này lốm đốm rất đẹp. Ở đây, tác giả dùng chữ Tương quân để chỉ trúc trong vườn mình.
- (5) Theo VATT, Lý Tử Tấn 李子晉 có bình luận về bài thơ này: 有去國意 *Hữu khứ quốc ý*; nghĩa là: có lòng muốn đi ở ải.

ĐÌNH CỬNG VIÊN

丁拱垣

(? — 1294)

Đình Cửng Viên, người Đông-sơn 東山, Thanh-hóa 清化 học rộng và có tài văn chương. Dưới ba triều vua Trần (Thánh Tông 聖宗 1258—1279, Nhân Tông 仁宗 1279—1293, Anh Tông 英宗 1293—1314), ông đều được tin cậy và giao những việc quan trọng. Năm 1270 ông cùng Lê Đa 黎陀 sang sứ Nguyên bàn về việc cương giới; năm 1282 được trao chức Hàn lâm viện học sĩ phụng chỉ. Hai năm sau, trong khi quân Nguyên ở ạt đánh sang nước ta, Đình Cửng Viên được giao công việc ở Nội mật viện. Kháng chiến thành công ông lại xin về Viện hàn lâm. Sau nhiều năm giữ việc từ lệnh, ông được thăng chức Thái tử thiếu bảo, tước Quan nội hầu.

Đình Cửng Viên có tinh thần yêu nước và tự tôn dân tộc. Năm 1291, trong khi phò Trần Nhân Tông tiếp sứ Nguyên Trương Lập Đạo 長立道 ông đã cứng cỏi vạch tội ác quân xâm lược Nguyên và khẳng định danh vị vua tôi nước mình khiến Trương Lập Đạo rất tức bực mà không làm gì được. Chắc vì những lý do đó Trần Anh Tông rất quý trọng ông, thường chỉ dùng tước hiệu gọi, không gọi bằng tên thật.

Ông mất năm Giáp ngọ (1294), năm sau còn được truy tặng chức Thiệu phó.

Tác phẩm: hiện còn một bài thơ.

170

瞿塘圖

CỦA BƯỞNG ĐỒ

荒塘草陽滅亡景墻
道瞿秋夕變興南畫
鳥是閒送窮語西空
崔轉壘山誰口片蕭
千不故空有無一蕭
落流旗角地端憐雨
霜江旌鼓天筆可風

Sương lạc thiên ^{1*} nhai điều đạo hoang,
Giang lưu bất chuyển thị Cù-đường.
Tinh kỳ cổ lũy nhân ^{2*} thu thảo,
Cổ giốc không sơn tổng tịch dương.
Thiên địa hữu thủy cùng biến diệt,
Bút đoan vô khẩu ^{3*} ngữ hưng vương
(vong).
Khả liên nhất phiến Tây nam cảnh,
Phong vũ tiêu tiêu không họa tường.

ĐỊCH NGHĨA:

ĐỀ BỨC TRANH CÙ-BƯỜNG (1)

Sương phủ nghìn đèo núi, đường chim bay hoang vu (2).
Sông trôi mà núi non không chuyển (3), ấy là Cù-đường.
Cờ xí quanh lũy cũ chỉ còn lơ thơ đám cỏ mùa thu,
Trống, tù và trên núi hoang tiền bóng chiều.
Trong trời đất có ai hiểu thấu lẽ biến diệt?
Ngọn bút không có miệng vẫn nói chuyện hưng vong.
Đáng thương một vùng quang cảnh lầy nam ấy,
Trải gió mưa tiêu điều, chỉ còn lại bức tường hoa.

DICH THO :

Chót vót đèo cao vọt đầm sương,
Sóng trôi chẳng chuyền, ầy Cù-đương.
Cờ bay thành cũ, thừa cây cỏ,
Trống rộn đời hoang, tiền bóng dương.
Đời có ai tường điều biến diệt?
Bút không lời mách chuyện hưng vương.
Thương thay phong cảnh Tây nam ầy,
Mưa gió tiêu điều một mảnh tường!

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH:

CÁC DỊ BẢN: VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL4

- 1* TVTL1, TVTL2, TVTL4: thiên 天
 2* TVTL1: vi 圍
 3* TVTL4: khách 客

CHÚ THÍCH:

- (1) *Cù-đường*: tên một khúc sông thuộc huyện Phụng-tiết 奉節, tỉnh Tứ-xuyên 四川, Trung-quốc. Nơi đây địa thế hiểm trở, hai bờ vách đá dựng đứng, vốn là một vị trí quân sự trọng yếu trong các cuộc chiến tranh ở Trung-quốc thời xưa.
- (2) *Đường chim bay (điều đạo)*: ý nói đường hiểm trở, người và thú không đi được, chỉ có chim chóc bay qua được mà thôi. Thơ Lý Bạch 李白 có câu: 四貼太白有鳥道 *Tây chiêm Thái-bạch hữu điều đạo*; nghĩa là: nhìn về phía Tây núi Thái-bạch có con đường hiểm trở.
- (3) *Sông trôi mà núi non không chuyển*: nguyên văn là giang lưu bất chuyển, ý nói sông chảy mà núi non Cù-đường vẫn không lay chuyển. Trong một bài thơ vịnh Gia Cát Lượng 諸葛亮 có câu: 江流石不轉 *Giang lưu thạch bất chuyển*; nghĩa là: sông chảy mà đá không bị lay chuyển.

LÊ CÙNG VIÊN

黎拱垣

(? — ?)

Lê Cùng Viên sống vào khoảng thế kỷ XIII, đồng thời với Trần Quang Khải. Quê quán, năm sinh năm mất và hành trạng đều chưa rõ, chỉ biết vào năm Quý ty (1293), ông giữ chức Thiếu bảo kiêm Tri kiểm định thiên hạ tụng trạng ty, trước Kim tử vinh lộc đại phu (1).

Tác phẩm : hiện còn bài văn bia *Phụng Dương Công chúa thần đạo bi minh tinh tự* 奉陽公主神道碑銘并序, được khắc vào bia đá năm 1293 và khắc lại năm 1822.

- (1) Vào thời Trần, đồng thời với Lê Cùng Viên còn có một người tên là Đinh Cùng Viên 丁拱垣, từng được phong Thái tử thiếu bảo và giữ các chức trong Viện hàn lâm, Viện nội sát, từng đi sứ và tiếp sứ, được ĐVSKTT nhắc đến rất nhiều lần. Do đó có nhà nghiên cứu ngờ Lê Cùng Viên chỉ là Đinh Cùng Viên khắc nhầm. Phỏng đoán này có thể hợp lý song chưa có bằng chứng chắc chắn để khẳng định dứt khoát, do đó trong bộ sách này chúng tôi vẫn trình bày tách thành hai người. Xem thêm tiểu sử và thơ văn Đinh Cùng Viên trong cùng tập.

*

171

奉陽公主神道碑銘并序

陳氏姓也。名也。奉陽公主壽命也。相國太師皇考也。憲真夫人慈妣也。幼年宋嘉淑明。太宋皇帝愛之義為子。及嫁上相太師詔賜王姬車服。此公主良配也。

時太師有嬖與公主少不諧。相國憲真御之將奪其志。公主不可曰。女辱已歸于太師。諧不諧命也。父母之命固不道可。其奈長則從夫之義何。相國憲真乃止。此公主貞節也。

事夫以敬順。待媵以寬恕。一婢一妾或遭太師譴怒者。曲折微解。毋令見聲色。雖老列婦弗如也。至於太師銓品朝廷人物。自冰閭內事者。未嘗以褻近擅為報重。此公主賢德也。

相國太師有疾。親侍湯藥。左飧右粥。衣不解帶。卧不安席者。朞年。此公主侍親疾也。

相國太師薨。斬衰盡哀。毀性幾滅。國人見之無不掩涕。此公主居喪禮也。憲真娶居二十餘年。晨夕侍側。問安視膳。罔有少怠。設遇一訶一責。則匍匐伏罪。不敢以榮貴而自高自大。此公主事親孝也。

逮憲真薨。公主樂心柴骨。亦有聞。父母所遺產業。皆散諸昆弟。一毫不取。但傾家貲財。施僧供佛。食飢衣寒。用資二天冥福。此公主慎終追遠也。

太師身都相位。日勞萬機。不遑家事。

委付。區處長幼。整頓貲產。凡所施為。如出一意。此公主治衆法也。

針線助神袞。鹽梅資調羹。內助之道太多。殊非尋常兒女之比。此公主相成道也。其奴婢使不大聲以色。設有竊盜則隨便追之。不忍露其醜惡。此公主仁心也。平居暇日。小小臧獲。每如勞問。不曾以箠撻為事。故有過惡者。或自攝服。此公主用心寬恕也。

年少歸于相門。身營多事。未暇學問。歲晚在愛佛書。雖隻言片字。不能夠致。然大覺之心。粗有識者。其有為小教所不拘滯。此公主通於心性也。

甲申冬北虜南寇。太師上船避賊。夜半舟中失火。時太師睡寢。公主疑是賊來。微警授之以牌。且以身蔽。古之憑婦。蔑以加此。此公主明於義勇也。天資慈愛。一視嫡庶。有小善者。則稱揚於太師之前。有小惡者。則提耳微誨。掩惡揚善。有古君子之風。此公主心無妬忌也。

撫字嫻族。大小康道。其有不才者。寧以財物予之。不敢尹諸重賤。此公主心無謁也。

病篤不問子孫。唯以愛夫為念。太師遺書手中。言來生之日。願為夫婦如初。此公主純於愛敬也。

子七人。長早亡。追悼不能自己。乃義關內候國公。以代之。此公主之義子也。次文肅王道。載文可以裨時政。武可以撥國亂。娶靖國大王女寶姿公主。次武肅王道。尚聖宗皇帝第四

女寶真公主。長女瓊輝公主。諱瑞王有。兩適人。俱不諧。次瓊姿公主。諱瑞柔。歸于檢校太尉。次瓊寶公主。諱瑞恩。適靖國大王長子仁國王。次瓊態公主。諱瑞茲。繼歸于檢校太尉。瓊輝瓊恣。武肅皆先亡。孫十三。男七女六。真慈公主諱瑞。適判首上位武寧侯之子沼。餘皆尚幼。此公主之嫡孫子也。

甲子二百八十二。公主所享年也。重興辛卯三月二十二日。薨之年月日也。天長府。獨立村。公主所塋也。興隆元年四月十一日。塋之年月日也。主公主之喪而請銘以塋也。文肅王也。論次其所得於上相太師而為之銘者。少保蔡拱垣也。銘曰。

為善必福 今人之常程。
謂仁必壽 今天胡不靈。
生有賢行 今歿有令名。
嬪于相門 今世襲厥聲。
村名獨立 今高處是塋。
文肅韓君 今奉為之銘。

翰林侍講沅士康書。

翰林校書郎戴冕周善眾鵬。

金紫光祿大夫少保兼知檢定天下訟狀司蔡拱垣 撰。

興隆元年癸巳四月十二日義夫四朝元老平章軍國重事立。

明命三年歲次壬午六月初壹日遵依古字重刊。

PHIÊN ÂM :

PHỤNG DƯƠNG CÔNG CHÚA THẦN ĐẠO BỊ MINH TÍNH TỰ (1*)

Trần 2* thị, tính dã ; □ □ danh dã. Phụng Dương công chúa thọ mệnh dã. Trương quốc thái sư hoàng khảo 3* dã ; Tuệ Chân phu 4* nhân từ tử dã. Ấu niên tông gia thực minh, Thái Tông Hoàng đế ái chi, nghĩa vi tử. Cặp giá 5* Thượng tướng Thái sư, chiêu tứ vương cơ xa phục. Thử công chúa lương phối dã.

Thời Thái sư hữu bề, dữ công chúa thiếu bất hài. Trương quốc Tuệ Chân ngự chi, tương đoạt kỳ chi. Công chúa bất khả, viết :

— Nữ 6* nhục dĩ quy vu Thái sư 7*, hài bất hài, mệnh dã. Phu mẫu chi mệnh cố bất khả độn, kỳ nại trưởng tắc tông phu chi nghĩa hà ?

Trương quốc Tuệ Chân 8* nãi chi. Thử công chúa trinh tiết dã.

Sự phu dĩ kinh thuận ; đãi dẫu dĩ khoan thứ 9*. Nhất ti 10*, nhất thiệp, hoặc tao Thái sư khiến nộ giả, khúc chiết vi giải, vô linh hiện thanh sắc, tuy lão liệt phu, phất như dã. Chí ư Thái sư truyền phạm triều đình nhân vật, tự phi khốn nội sự giả, vị thương dĩ tiết 11* cận thiện 12* vi thập trọng. Thử công chúa hiền đức dã.

Trương quốc Thái sư hữu tật, thân thị thang được ; tả xan hữu chức ; y bất giải đới, ngoại bất an tịch giả cơ niên. Thử công chúa thị thân tật dã.

Trương quốc Thái sư hoăng, trăm thời tận ai, hủy tính cơ diệt ; quốc nhân kiến chi, vô bất yếm thê. Thử công chúa cư tang lễ dã.

Tuệ Chân 13* ly cư nhị thập dư niên, thân tịch thị trắc, vấn an thị thiện, vông hữu thiếu đãi. Thiết ngộ nhất kha, nhất trách, tắc bỏ bậc phục tội, bất cảm dĩ vinh quý nhi tự cao tự đại. Thử công chúa sự thân hiền dã.

Đãi Tuệ Chân 14* hoăng, công chúa loan 15* tâm sai cốt, diệc hữu văn. Phu mẫu sở di sản nghiệp, giai tán chư còn đệ, nhất hào bất thủ, dẫn khuynh gia xi tài thị tăng cúng phật, tự cơ ý hàn, dụng tư nhị thiên minh phúc. Thử công chúa thân chung truy viển dã.

Thái sư thân đồ tướng vị, nhật lao vạn cơ, bất hoàng gia sự, nhất nhất ủy phó, khu xử trưởng ấu, chỉnh đốn xi sản, phạm sở thì vi, như xuất nhất ý. Thử công chúa trị gia pháp dã.

Chăm tuyển trị hồ cồn, diêm mai tư điều canh, nội trợ chi đạo vuu đa, thù phi tầm thường nhi 16* nữ chi tỷ. Thử công chúa tương thành đạo dã.

Kỳ nô 17* tỷ sử, bất đại thanh, dĩ sắc. Thiết hữu thiết đạo, tắc tùy tiện truy chi, bất nhân lộ kỳ xú ác. Thử công chúa nhân tâm dã.

Bình cư hạ nhật, tiêu tiêu tang hoạch, mỗi như lạc vấn, bất tăng dĩ chủ thất vi sự. Cố hữu quá ác giả, hàm tự nhiếp phục. Thử công chúa dụng tâm khoan thứ dã.

Niên thiếu quy vu tương môn, thân doanh đa sự, vị hạ học vấn. Tuế văn, vuu ái phật thư, tuy chích ngôn phiến tự bất năng câu trí, nhiên đại giác chi tâm, thô hữu thức giả, kỳ hữu vi tiểu giáo sở bất câu trệ. Thư công chúa thông ư tâm tính dã.

Giáp thân đông, Bắc lộ Nam khấu, Thái sư thường thuyên tị tặc. Dạ bán chu trung thất hỏa, thời Thái sư thuy tâm, công chúa nghi thị tặc lại, vì cảnh, thụ chi dĩ bài; thả^{18*} dĩ thân tế. Cổ chi Phùng Phu, miệt dĩ gia thử. Thư công chúa minh ư nghĩa dũng dã.

Thiên tư từ ái, nhất thị dịch thư, hữu tiểu thiện giả tặc xưng dương ư Thái sư chi tiền; hữu tiểu ác giả, tặc đề nhĩ vi hối. Yếu ác đương thiện, hữu cổ quân tử chi phong. Thư công chúa tâm vô đồ kỳ dã.

Phủ tự nguyên tộc, đại tiểu mị đạo; kỳ hữu bất tài giả, ninh dĩ tài vật dữ chi, bất cảm thị chư trọng chức. Thư công chúa tâm vô tư yết dã.

Bệnh đốc, bất văn tử tôn, duy dĩ ái phụ vi niệm. Thái sư di thư thủ trung, ngôn: «Lai sinh chi nhật, nguyện vi phụ phụ như sơ». Thư công chúa thuần ư ái kính dã.

Tử thất nhân, trưởng tảo vong, truy diệp bất năng tự dĩ, nãi nghĩa Quan nội hầu quốc công^{19*} dĩ đại chi. Thư công chúa chi nghĩa tử dã. Thư Văn túc vương Đạo Tài, văn khả dĩ tỳ thời chính, vũ khả dĩ chửng quốc loạn, thứ Tĩnh quốc đại vương nữ Bảo Tư công chúa. Thư Vũ túc vương Đạo □, thượng Thánh Tông Hoàng đế đệ tư nữ Bảo Chân công chúa. Trưởng nữ Quỳnh Huy công chúa, hỷ Thuy Hữu, lưỡng thích nhân câu bất hài. Thứ Quỳnh Tư công chúa, hỷ Thuy Nhu, quy vu Kiểm hiệu thái úy. Thứ Quỳnh Bảo công chúa, hỷ Thuy Ân, thích Tĩnh quốc đại vương trưởng tử Nhân quốc vương. Thứ Quỳnh Thái công chúa, hỷ Thuy Tư, kế quy vu Kiểm hiệu thái úy. Quỳnh Huy, Quỳnh Tư, Vũ túc giai tiên vong. Tôn thập tam, nam thất, nữ lục. Chân Tư công chúa hỷ Thuy □, thích Phán thủ thượng vị Vũ ninh hầu chi tử Chiêu. Dư giai thượng ấu. Thư công chúa chi dịch tôn tử dã.

Giáp tý nhị bách bát thập nhị, công chúa sở hưởng niên dã. Trùng Hưng Tân mao, tam nguyệt nhị thập nhị nhật, hoăng chi niên nguyệt nhật dã. Thiên-trường phủ, Độc-lập thôn, công chúa sở táng dã. Hưng Long nguyên niên Tứ nguyệt thập nhất nhật, táng chi niên nguyệt nhật dã. Chủ công chúa chi tang nhị thỉnh minh dĩ táng giả. Văn túc vương dã. Luận thứ kỳ sở đắc ư Thượng tướng Thái sư nhĩ vi chi minh giả. Thiếu bảo Lê Công Viên dã.

Mình viết:

Vì thiện tất phúc hễ, nhân chi thường trịnh.

Vì nhân tất thọ hễ, thiên hồ bất linh.

Sinh hữu hiền hạnh hễ, một hữu lệnh danh.

Tần vu tương môn hễ, thể tập quyết thanh.

Thôn danh Độc-lập hễ, cao xức thị oanh.

Văn phi Hán^{20} quân hễ, thêm vi chi minh.*

Phu nhân Tuệ Chân ở góa hơn hai mươi năm, công chúa sớm hôm vấn an, đích thân hầu hạ cơm nước, không chút trễ nải. Gặp khi phu nhân có điều gì quở trách, công chúa khúm núm nhận lỗi, không dám tự coi mình cao sang mà ra vẻ. Đó là công chúa thờ mẹ một lòng hiếu thảo.

Khi phu nhân Tuệ Chân mất, công chúa héo hon gầy guộc, ai thấy cũng khen. Sản nghiệp của cha mẹ để lại, công chúa chia đều cho anh em, còn mình không một chút tơ hào. Lại dốc cả gia sản để hổ thi cho sư và cúng Phật; kẻ đói thì cho ăn, kẻ rét thì cho mặc. Đem của cải cầu phúc cho cha mẹ, đó là việc công chúa chu đáo với việc sau, nhớ ơn những người trước.

Thái sư ở cương vị Tướng quốc, hằng ngày rất bận, chẳng có thì giờ đoái hoài đến việc nhà, ông ủy thác cho công chúa khu xử với kẻ già, người trẻ, trông nom sắp xếp tài sản. Mọi việc công chúa làm không điều gì không vừa ý Thái sư. Đó là cách thức công chúa trông nom cai quản việc nhà.

Việc kim chỉ vá may, muối mớ nấu nướng, tài nội trợ của công chúa càng giỏi, người đàn bà tầm thường không thể nào sánh được. Đó là công chúa thành thạo việc nội trợ.

Đối với nô tỳ, công chúa không to tiếng, chỉ sai bảo bằng nét mặt. Nếu kẻ nào lỡ lấy trộm vật gì, công chúa chỉ tùy tiện truy hỏi mà không nổi để lộ điều xấu xa của chúng. Đó là lòng nhân của công chúa.

Ngày thường, những khi rỗi rãi, đối với đám tù nô⁽⁶⁾, công chúa thường thăm hỏi, an ủi, chưa từng dùng roi vọt, cho nên những kẻ xấu cũng cảm phục. Đó là lòng khoan thứ của công chúa.

Công chúa về làm dâu nhà tướng từ tuổi còn nhỏ, công việc bận rộn, chưa từng có lúc rảnh rang để học hỏi. Đến khi về già, công chúa đặc biệt thích đọc sách nhà Phật. Tuy chưa hiểu căn cứ từng câu từng chữ, nhưng nét đại quát về cái tâm « đại giác » cũng đã hiểu được, ngoài ra những giới luật lặt vặt thì không câu nệ. Đó là công chúa đã thông về tâm và tính⁽⁷⁾ vậy.

Mùa đông năm Giáp thân (1284), giặc Nguyên sang cướp nước Nam⁽⁸⁾, Thái sư xuống thuyền lánh giặc. Nửa đêm có chiếc thuyền bốc cháy, lúc đó Thái sư đang ngủ, công chúa tưởng giặc đến, khẽ đánh thức Thái sư dậy, đưa cho ngài chiếc mộc rồi lấy thân mình che cho chồng. Lòng dũng cảm như vậy, Phùng Phu đời xưa⁽⁹⁾ cũng không hơn được. Đó là công chúa hiểu biết việc nghĩa và chỉ dũng cảm.

Công chúa vốn có lòng nhân từ bác ái, không phân biệt con vợ lẽ vợ cả, hề ai làm được điều gì tốt, dù nhỏ cũng khen trước mặt Thái sư, ai làm điều gì xấu, dù nhỏ cũng rí tai răn dạy. Giấu che việc xấu, nêu khen việc hay, công chúa đã có phong cách của bậc quân tử thời xưa. Đó là công chúa lòng không ghen ghét.

Công chúa thân yêu họ hàng nội ngoại, nhưng ai không có tài thì thà cho liễn của chứ không dám trao cho trọng trách. Đó là công chúa lòng không riêng tư.

Khi ốm nặng, công chúa không hỏi gì đến con cháu, chỉ một lòng yêu thương, lo nghĩ đến chồng. Thái sư viết thư đặt vào tay công chúa nói: « Kiếp sau xin được làm chồng vợ như xưa ». Đó là công chúa một lòng trong tình yêu đối với Thái sư vậy.

Công chúa được bảy người con. Con trưởng mất sớm, công chúa thương xót khôn nguôi, bèn nuôi Quan nội hầu quốc công⁽¹⁰⁾ thay con. Đó là con nuôi công chúa. Người thứ hai là Văn tức vương Đạo Tái⁽¹¹⁾. Vương là người tài văn có thể giúp cho chính sự đương thời, tài võ có thể dẹp yên loạn nước, lấy con gái Tĩnh quốc đại vương⁽¹²⁾, là công chúa Bảo Tư. Thứ nữa là Vũ tức vương Đạo □, lấy công chúa Bảo Chân, con gái thứ tư vua Thành Tông. Con gái lớn là công chúa Quỳnh Huy húy là Thụy Hữu, hai lần gả chồng đều không hòa hợp. Con gái thứ là công chúa Quỳnh Tư, húy là Thụy Nhu, gả cho Kiểm hiệu thái úy⁽¹³⁾. Thứ nữa là công chúa Quỳnh Bảo, húy là Thụy Ân, lấy con trưởng Tĩnh quốc đại vương là Nhân quốc vương. Thứ nữa là công chúa Quỳnh Thái, húy là Thụy Tư, làm vợ kế Kiểm hiệu thái úy. Quỳnh Huy, Quỳnh Tư, Vũ tức đều mất sớm. Cháu có mười ba người, bảy trai, sáu gái. Công chúa Chân Từ, húy là Thụy □, lấy con trai Phán thủ thượng vị Vũ ninh hầu tên là Chiêu. Ngoài ra đều còn nhỏ. Đó là tất cả con, cháu ngành đích của công chúa.

Công chúa thọ được 282 ngày giáp tý⁽¹⁴⁾. Ngày 22 tháng Ba năm Tân mao (22-IV-1291), niên hiệu Trưng Hưng, công chúa mất, táng tại thôn Độc-lập, phủ Thiên-trường⁽¹⁵⁾. Ngày táng là 11 tháng Tư niên hiệu Hưng Long năm đầu (18-V-1293). Người chủ tang công chúa đến xin bài minh để táng là Văn tức vương. Người bàn luận với Thái sư về những điều hay điều tốt của công chúa để viết bài minh là Thiếu bảo Lê Cung Viên. Bài minh rằng :

*Làm thiện tất được phúc chừ, là điều thường tình,
Nói nhân tất được thọ chừ, trời đâu chẳng linh.
Sống có nết na chừ chết được lưu danh,
Làm vợ cửa tướng chừ đời đời khen mình.
Nơi thôn Độc-lập chừ xir cao mờ xanh,
Không phải Hàn quán⁽¹⁶⁾ chừ, lặn viết bài minh.*

Hàn lâm thị giảng NGUYỄN SĨ LIÊM viết

Hàn lâm hiệu thư lang Đới miện CHU THIÊN CHUNG
khắc

Kim tử vinh lộc đại phu Thiếu bảo kiêm Tri kiểm định
thiên hạ tụng trạng ty LÊ CUNG VIÊN soạn

Ngày 12 tháng Tư năm Quý tị (19-V-1293) niên hiệu Hưng
Long năm đầu, chồng là Nguyên lão bốn triều⁽¹⁷⁾, Bình
chương quân quốc trọng sự, lập bia

Ngày 1 tháng Sáu năm Nhâm ngọ (18-VII-1822), niên hiệu
Minh Mệnh thứ ba khắc lại.

LÊ TỰ LANH

KHẢO ĐỊNH:

CÁC DI BẢN: BẢN DẬP KÝ HIỆU 7804, VÀ BẢN SAO THEO BIA HIỆN CÒN

Hiện nay, trước đền thờ công chúa Phụng Dương, vợ Trần Quang Khải tại thôn Độc-lập, nay là xã Mỹ-thành, huyện Mỹ-lộc, tỉnh Hà-nam-ninh, có một tấm bia viết về bà. Bia cao 1 m 17 (không kể bệ), rộng 0 m 74.

Bia do Trần Quang Khải lập vào năm Hưng Long thứ nhất đời Trần Anh Tông (1293), sau khi làm lễ an táng công chúa ở đây. Trải nhiều năm tháng chữ bị mờ nên năm Minh Mệnh thứ ba (1822), bia được khắc lại. Có thể là do chữ quá mờ, người khắc lại ít am hiểu chữ nghĩa nên trong bia có rất nhiều chữ sai, vô nghĩa. Chúng tôi đã theo các sự kiện được ghi trong sử sách, căn cứ vào dạng chữ, hiệu đính một số trường hợp. Những chữ chưa hiệu đính được thì thay bằng dấu khung vuông

- 1* Nguyên bản: tự 寺 (chùa), không có nghĩa, đoán là tự 序 (dề tựa).
- 2* Trong bia bỏ trống. Căn cứ vào chức trước phụ thân công chúa là Tướng quốc Thái sư, mà trong khoảng thời gian ấy (dưới hai triều vua Thái Tông và Thánh Tông, chỉ có Trần Thủ Độ được giữ chức này, do đó có nhiều khả năng công chúa là con Trần Thủ Độ, như vậy bà họ Trần, tạm thêm vào chữ Trần 陳. Xem thêm chú thích 1, cùng bài.
- 3* Nguyên bản: ký 耆, không có nghĩa, đoán là khảo 考
- 4* Nguyên bản: khứ 去, không có nghĩa, đoán là phu 夫
- 5* Trong nguyên bản sau chữ vị 未 là một khoảng trống đủ viết hai chữ. Nhưng trước các chữ Thái sư 太師, Tướng quốc 相國, đế 帝... thường có một khoảng trống để dài. Như vậy ở đây bia khắc thiếu một chữ, hợp với chữ vị phải thành một cụm từ chỉ việc Phụng Dương đi lấy chồng. Nhưng chữ vị thì không hợp được với từ nào có nghĩa như thế. Bởi vậy tạm đoán là hai chữ cặp giá
- 6* Nguyên bản: thiếp 妾; con cái không xưng hô với cha mẹ bằng đại từ này, đoán là nữ 女, nghĩa là con gái.
- 7* Nguyên bản có 6 khoảng trống, trừ một chỗ dài, bia còn thiếu 5 chữ, đoán là: dĩ quy vu Thái sư 已歸于太師, nghĩa là đã về làm vợ Thái sư.
- 8* 13* 14* Nguyên bản: trình 貞 khác, nhầm. Ở đoạn văn trên đã nói rõ mẹ sinh ra Phụng Dương tên là Tuệ Chân 慧真, do đó chữa lại.
- 9* Nguyên bản có hai khoảng trống, đoán là hai chữ khoan thứ 寬恕
- 10* Nguyên bản thiếu một chữ, đoán là chữ tỷ 婢
- 11* Nguyên bản: 衰, biến dạng của chữ suy 衰, không có nghĩa, đoán là tiếu 藐, nghĩa là gần gũi.
- 12* Nguyên bản: đàn 檀, tên một thứ gỗ thơm, không có nghĩa, đoán là chữ thiện 擅.
- 15* Nguyên bản: lạc 樂, không có nghĩa, đoán là loan 鸞, một loại cây có gai. Cả câu có ý nói lòng bối rối đau đớn như bị gai đâm.
- 16* Nguyên bản: quỷ 鬼, không có nghĩa, đoán là nhi 兒
- 17* Nguyên bản: ngư 馬入, không có nghĩa, đoán là nô 奴
- 18* Nguyên bản: đàn 旦, không có nghĩa, đoán là thả 且
- 19* Nguyên bản: hề 今, không có nghĩa, đoán là công 公
- 20* Nguyên bản: hứ 言章, không có nghĩa, đoán là hàn 韓

CHÚ THÍCH :

- (1) *Tướng quốc Thái sư* : bia không ghi rõ họ, tên nhưng xét trong các pho sử lớn : ĐVS KTT, VSTGCM, trong khoảng hai triều vua Trần Thái Tông (1226 — 1258) và Trần Thánh Tông (1258 — 1278) chỉ có Trần Thủ Độ được phong Thái sư Thống quốc, cũng thường gọi là Tướng quốc Thái sư. Ngoài ra, năm 1264 Trần Nhật Hạo 陳日昊 (anh ruột Thái Tông) cũng được phong Tướng quốc Thái sư, nhưng ông cố từ chối, chỉ giữ chức Thái úy. Mãi đến năm 1268, Nhật Hạo chết, Thánh Tông mới truy tặng chức Thái sư. Như vậy Tướng quốc Thái sư ở đây có phần chắc là Trần Thủ Độ. Xét về tuổi tác, Thủ Độ sinh năm 1194, công chúa Phụng Dương sinh năm 1244 (tính theo tư liệu ghi trên bia), như vậy lúc này ông 50 tuổi. Đành ông ở tuổi đó sinh con là bình thường. Và có thể đoán tương đối chắc chắn rằng công chúa Phụng Dương là con gái Trần Thủ Độ.
- (2) *Phu nhân Tuệ Chân* : chưa rõ tiểu sử.
- (3) *Vua Thái Tông* : tức Trần Thái Tông, xem tiểu sử Trần Cảnh, trong cùng tập.
- (4) *Thượng tướng Thái sư* : tức Trần Quang Khải, năm 1282 ông được phong Thượng tướng Thái sư, xem thêm tiểu sử, trong cùng tập.
- (5) *Lựa chọn, khen thưởng...* : nguyên văn là *thuyền 金全*, *phẩm 卹*, nghĩa là chọn người để bổ làm quan và xét khen thưởng.
- (6) *Tù nô* : nguyên văn là *tang hoạch 臧獲*, nghĩa là tù nhân bắt được trong khi đánh nhau. Những tù nhân này thường được chia cho các quan to làm gia nô nhưng phải đảm đương những việc khó nhọc, khác với nô tì chỉ sai bảo việc nhà. Tạm dịch là tù nô để phân biệt.
- (7) *Tâm và tỉnh* : cũng như *dại giác*, thuật ngữ đạo Phật, chỉ sự giác ngộ của các Phật tử.
- (8) *Giặc Nguyên sang cướp* : chỉ việc quân Nguyên Mông đánh sang nước ta lần thứ hai mùa đông năm Giáp thân (1284). Tháng Chạp ÂL (7-1 đến 5-11 năm 1285), chúng bắt đầu tràn qua cửa ải nước ta. Lúc đầu nhà Trần rút khỏi kinh thành Thăng-long. Sự kiện nói ở đây có lẽ xảy ra trong lần rút quân đó.
- (9) *Phùng Phụ* : người nước Tấn thời xưa có tài bắt hổ. Ở đây tác giả dẫn để khen sự dũng cảm của Phụng Dương.
- (10) *Quan nội hầu quốc công* : không rõ tiểu sử.
- (11) *Văn túc vương Đạo Tái* : tức Trần Đạo Tái, xem tiểu sử trong cùng tập.
- (12) *Tĩnh quốc đại vương* : tức Trần Quốc Khang 陳國康, con của Trần Liễu 陳柳 và công chúa Thuận Thiên 順天. Khi Thuận Thiên được đưa vào cung làm hoàng hậu thay thế Chiêu Thánh 昭聖 lâu chưa có con, bà đã có mang Quốc Khang được ba tháng. Tuy vậy Thái Tông vẫn coi Quốc Khang là con mình.
- (13) *Kiểm hiệu thái úy* : dưới ba đời vua Thái Tông, Thánh Tông, Nhân Tông 仁宗, sử ghi một người được phong Kiểm hiệu thái úy là Tả thiên vương Đức Việp, con thứ Trần Thái Tông. Không rõ có phải người này lại làm rõ Trần Quang Khải không.
- (14) *282 ngày giáp tí* : theo cách tính âm lịch thì cứ 60 ngày có một ngày giáp tí. Như vậy 282 ngày giáp tí có nghĩa là $282 \times 60 = 16.920$ ngày. Năm ÂL có 360 ngày, tính ra thành $16.920 : 360 = 47$ năm. Công chúa Phụng Dương sống được 47 năm. Công chúa mất năm Tân mão (1291) do đó sinh vào năm 1244.
- (15) *Thôn Độc lập, phủ Thiên trường* : nay là xã Mỹ-thành, huyện Mỹ-lộc, tỉnh Hà-nam-ninh.
- (16) *Hàn quân* : tức Hàn Dũ. Xem Chb, 24, bài *Phổ khuyển phát bồ-đề lâm*, số 7, của Trần Cảnh.
- (17) *Nguyên lão bốn triều* : vị quan to, cao tuổi làm quan trải bốn triều vua, Trần Quang Khải sinh năm 1240, con thứ ba Trần Thái Tông được phong Chiêu minh đại vương. Ông làm Thái úy (1261) đời Trần Thánh Tông, làm Tướng quốc Thái úy (1281) đời Trần Nhân Tông (1279 — 1293), mất năm 1291 đời Trần Anh Tông (1293 — 1314). Vì thế gọi là Tứ triều nguyên lão.

TRẦN KHÂM

陳 聆

NHÂN TÔNG

仁 宗

(1258 — 1308)

Trần Khâm là con đầu Trần Thánh Tông 陳聖宗, sinh ngày 11 tháng Mười một năm Mậu ngọ (7-XII-1258), lên làm vua từ năm Kỷ mao (1279), niên hiệu là Thiệu Bảo 紹寶 (1279—1284) và Trưng Hưng 重興 (1285—1293).

Lúc trẻ có nhiều tên gọi: Khâm, Phật Kim 佛金 và Nhật Tôn 日尊. Sau khi mất thụy hiệu là Nhân Tông.

Trong lịch sử chế độ phong kiến Việt-nam, Trần Nhân Tông là một trong những ông vua yêu nước và anh hùng. Lên nối ngôi vua giữa tình thế đất nước đang đứng trước một cuộc xâm lăng không tránh khỏi của đế quốc Nguyên Mông, ông đã cùng vua cha lãnh đạo triều đình và dân chúng khẩn trương chuẩn bị về mọi mặt, nâng sức chiến đấu của quân và dân lên vượt bậc và nhờ đó đã giành thắng lợi rực rỡ trong hai lần đọ sức với 50 vạn quân giặc (1285 và 1288), lập nên chiến công lừng lẫy trên trang sử của dân tộc và của cả thế giới trong thời đại đó. Ông còn giành những thắng lợi quan trọng trong các cuộc hành binh về phía Tây và phía Nam, củng cố vững vàng biên giới của Tổ quốc. Là người nổi tiếng khoan hòa và nhân ái, ông đã xây dựng một chính sách đoàn kết từ trong hoàng tộc đến ngoài muôn dân, thực hiện chủ trương «nới sức dân», đề bạt và tuyển dụng người có tài bằng thi cử để bổ sung cho chế độ thế tập, nới rộng tinh thần dân chủ. Dưới triều đại ông, hai cuộc hội nghị nổi tiếng được ghi vào sử sách là hội nghị các tướng lĩnh ở Bình-than 平瀾 và hội nghị những người già cả trong cả nước ở Diên-hồng 延洪 để bàn mưu kế, tỏ quyết tâm chống giặc. Có thể nói ông là một vị vua có tinh thần «thân dân» nhất đời Trần.

Trần Nhân Tông còn là một nhà văn hóa, nhà thơ xuất sắc ở thế kỷ XIII. Ông đã sáng lập ra dòng Thiền Trúc lâm 竹林 ở Việt-nam, đáp ứng một nhu cầu sinh hoạt tinh thần của người Việt đương thời, mặt khác cũng nhằm góp phần vào việc xây dựng một nước Đại-việt 大越 có quy mô to

thể, có văn hóa văn minh độc lập, chống lại những ảnh hưởng ngoại lai, phi dân tộc. Riêng trong lĩnh vực thơ văn, ông là một nhà thơ có phong cách. Thơ ông có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa cảm quan triết học và cảm quan thể sự, có tính thần lạc quan, yêu đời, tấm lòng vị tha của một nhân cách cỡ lớn và sự rung động tinh tế, lòng yêu tự do thích thắng của một nhà nghệ sĩ. Ở đây cũng thể hiện sự hòa hợp khó chia tách giữa một ngôi bút vừa cung đình vừa bình dị, dân dã, có cả những kiến thức sách vở uyên bác lẫn với sự từng trải lịch lãm.

Vào năm 1293, Trần Nhân Tông nhường ngôi cho con và nhận tước vị Thái thượng hoàng. Từ đây ông bắt đầu đi sâu vào Phật học. Nhưng mãi đến 1298 ông mới thật khoác áo nhà sư đi thuyết pháp các nơi, chu du khắp đất nước, vào đến tận kinh đô nước Chiêm-thành 占城 rồi mới trở về lên tu ở núi Yên-tử 晏子, lấy pháp hiệu là Hương Vân Đại đầu đà 香雲大頭陀, hoặc còn gọi là Trúc lâm đại đầu đà 竹林大頭陀, được người đương thời tôn xưng là Giác hoàng Điều ngự 覺皇調御. Ông mất ngày 3 tháng Mười một năm Mậu thân (16-XI-1308) tại am Ngoa-vân 卧雲 trên núi Yên-tử.

Tác phẩm: theo các sách TĐNL, TVTL, *Đại-việt thông sử* 大越通史, LTHCLC, Trần Nhân Tông đã có các tác phẩm sau: *Trần Nhân Tông thi tập* 陳仁宗詩集, *Đại hương hải ấn thi tập* 大香海印詩集, *Tăng già toái sự* 僧伽碎事, *Thạch thất my ngữ* 石室寐語 và bộ *Trung hưng thực lục* 中興實錄 do ông sai văn thần biên soạn. Tuy nhiên, hiện chỉ còn tìm thấy 31 bài thơ, hai cặp câu thơ lẻ, một bài minh và một bài tán. Ngoài ra, trong sách TTBH còn có hai bài văn Nôm biên ngẫu ghi tên ông là tác giả. Chúng tôi sưu tập lại dưới đây tất cả những tác phẩm có xuất xứ khác nhau đó, đồng thời còn chọn trích thêm một đoạn văn ngữ lục trong TĐNL và một lời phát biểu của ông với sứ giả Trương Lập Đạo 張立道 do chính vị sứ này ghi lại.

172

春日謁昭陵

貔虎千門肅
衣冠七品通
白頭軍士在
徃徃說元豐。

XUÂN NHẬT^{1*} YẾT CHIÊU LĂNG^{2*}

Tì hổ thiên môn túc,
Y quan thất phẩm thông.
Bạch đầu quân sĩ tại,
Vãng vãng thuyết Nguyên Phong.

DỊCH NGHĨA :

NGÀY XUÂN THĂM CHIÊU-LĂNG (1)

Quân thị vệ như hùm gấu, trước nghìn cửa đứng nghiêm túc,
 Áo mũ các quan đủ cả bảy phẩm.
 Người lính già đầu bạc còn đến ngày nay,
 Thường kể lại chuyện đời Nguyên Phong.

DỊCH THƠ:

Nghìn cửa, nghiêm tì hồ,
 Bảy phẩm, đủ cân đai.
 Lính bạc đầu còn đó,
 Chuyện Nguyên Phong, kể hoài.

TRẦN LÊ VĂN

KHẢO ĐỊNH:

CÁC DI BẢN: VATT, TVTL2, TVTL3, HVTT

- 1* TVTL2: nguyên dân 元旦. HVTT: nguyên nhật 元日
 2* TVTL2: chỉ chép có đầu bài.

CHÚ THÍCH:

- (1) Chiêu-lăng: lăng vua Trần Thái Tông 陳太宗

173

春曉

睡起啟窗扉
 不知春已歸
 一雙白蝴蝶
 拍拍趣花飛。

XUÂN HIỀU 1*

Thuy khởi khai song phi,
 Bất tri xuân dĩ quy.
 Nhất song bạch hồ điệp,
 Phách phách sấn hoa phi.

DỊCH NGHĨA :

BUỔI SỚM MÙA XUÂN

Ngủ dậy mở cánh cửa sổ,
 Không ngờ mùa xuân đã về.
 Một đôi bướm trắng,
 Phàn phật cánh, bay đến với hoa.

DỊCH THƠ :

Ngủ dậy, mở cửa sồ,
 A, xuân về rồi đây!
 Kia một đôi bướm trắng,
 Nhăm hoa, phời phời bay.

TRẦN LÊ VĂN

KHẢO ĐỊNH :

CÁC DỊ BẢN : VATT, TVTL2, TVTL3, HVTT

- 1* VATT: *văn* 晚 nhưng dưới chữ *văn* lại viết thêm chữ *hiếu* 曉 . TVTL2, TVTL3, HVTT: *văn* 晚 .

*

174

題古州鄉村寺

世數一索莫
 時情西海隈
 魔宮淨管甚
 佛國不勝春

ĐỀ CÔ-CHÂU HƯƠNG THÔN TỰ

Thế số nhất sách mạc^{1*},
 Thời tình lưỡng hải ngàn.
 Ma cung hồn quản thậm^{2*},
 Phật quốc bất thăng xuân.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ CHÙA LÀNG HƯƠNG CÔ-CHÂU (?)

Số đời hoàn toàn mờ mịt,
 Tình người đổi thay qua đời mắt⁽²⁾.
 Khi cung ma bị quản chặt,
 Thì cõi Phật tràn ngập màu xuân.

DỊCH THƠ :

Số đời mờ mịt cả,
 Tình trong đổi mắt trong.
 Cung ma nếu quản chặt,
 Cõi Phật xuân không cùng.

TRẦN LÊ VĂN

KHẢO ĐỊNH:

CÁC BẢN: TĐNL, TLTCNT, TTTTPT

1* TĐNL, TTTTPT: tức mặc 鄧墨

2* TTTTPT: quản thậm sự 管甚事

CHÚ THÍCH:

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Theo TĐNL thi tháng Mười năm Mậu thân (1308) Trần Nhân Tông được tin công chúa Thiên Thụy 天瑞 ốm nặng bèn từ Yên-tử về thăm. Đến ngày 15 tháng Mười Ấl sau khi dặn dò xong, Nhân Tông lại trở về Yên-tử. Giữa đường ông nghỉ lại trong một ngôi chùa làng ở hương Cổ-châu, sáng hôm sau trước khi lên đường ông đề bài kệ này lên vách chùa đề ngộ ý mình. Sự việc Nhân Tông từ Yên-tử về thăm công chúa Thiên Thụy lúc bà sắp mất, ĐVSKTT cũng có chép.
- (2) Đói mắt (hải ngân). Trong thơ của Tô Thức 蘇軾 có câu: 凍合玉樓寒 起慄; 光交銀海眩生花. Đồng hợp ngọc lâu hàn khôì lật; Quang giao ngân hải huyền sinh hoa. Các nhà chú giải giảng rằng: Kinh của Đạo giáo gọi xương vai là ngọc lâu và mắt là ngân hải. Ở đây có lẽ chính là ngân hải nhưng vì niêm vận, tác giả phải đổi ngược lại thành hải ngân chăng?

*

175

洞天湖上

洞天湖上景
花草減春容
上帝憐岑寂
太清時一鍾。

ĐỘNG-THIÊN HỒ THƯỢNG

Động-thiên hồ thượng cảnh,
Hoa thảo giảm xuân dung.
Thượng đế liên sâm tịch,
Thái^{1*} thanh thì nhất chung.

DỊCH NGHĨA:

TRÊN HỒ ĐỘNG-THIÊN⁽¹⁾

Quang cảnh hồ Động-thiên,
Hoa cỏ kém vẻ xuân tươi.
Thượng đế thương hiu quạnh,
Thỉnh thoảng điểm một tiếng chuông giữa tầng biếc.

DỊCH THƠ:

Cảnh hồ Động-thiên nọ.
Hoa cỏ giảm màu xuân.
Thượng đế thương hiu quạnh,
Tầng xanh chuông bỗng ngân.

TRẦN LÊ VĂN

KHẢO ĐỊNH:

CÁC DI BẢN: VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3

1* TVTL3: đại 大.

CHÚ THÍCH:

(1) Hồ Động-thiên; chưa rõ ở đâu.

*

176

登寶臺山

地僻臺逾古
 時來春未深
 雲山相遠近
 花徑半晴陰
 萬事水流去
 百年心語心
 倚欄橫玉笛
 明月滿胸襟。

ĐĂNG BẢO-ĐÀI SƠN^{1*}

Địa tịch đài du^{2*} cổ,
 Thời lai xuân vị^{3*} thâm.
 Vân sơn tương viễn cận,
 Hoa kính bán tinh^{4*} âm.
 Vạn sự thủy lưu thủy,
 Bách niên tâm ngữ tâm.
 Ý lan hoành ngọc địch,
 Minh nguyệt mãn hung^{5*} khâm.

DỊCH NGHĨA:

LÊN NÚI BẢO-ĐÀI (1)

Đất hẻo lánh, đài thêm cổ kính,
 Theo thời tiết, mùa xuân về chưa lâu.
 Núi mây như xa, như gần,
 Ngõ hoa nửa rợp, nửa nắng.
 Muôn việc như nước tuôn nước,
 Trăm năm lòng lại như lòng.
 Tựa lan can nâng ngang chiếc sáo ngọc,
 Ánh trăng sáng chan hòa trước ngực.

DỊCH THƠ:

Đất vắng, đài thêm cổ,
 Ngày qua, xuân chưa nồng.
 Gần xa, mây núi ngắt,
 Nắng rợp, ngõ hoa lồng.

Muôn việc nước trôi nước,
Trăm năm lòng nhủ lòng.
Tựa hiên, nâng sáo ngọc,
Đầy ngực, ánh trăng trong.

Theo NGÔ TẤT TỐ
(VHDT)

KHẢO ĐỊNH:

CÁC DI BẢN: VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3, HVTT, TTTPHT

- 1* VATT, TTTPHT Đàng Bảo-dải sơn họa vận 登寶臺山和韻
2* VATT chủ: nhất tác do 一作猶 TTTPHT: do 猶
3* TTTPHT: vĩnh 永
4* TTTPHT: u 幽
5* TTTPHT: hoài 懷

CHÚ THÍCH:

- (1) Núi Bảo-dải: VATT chủ: Bảo-dải còn có tên khác là Long-dải 龍岱 thuộc châu Ái 愛州, ở Bảo-lộc 保祿 cũng có, HVTT chủ: núi Bảo-dải ở xã Động-mạc 洞漠, huyện Vọng-deanh 望瀛. Huyện Đông-triều 東潮, Hải-dương cũng có.

Như vậy là có nhiều ngọn núi mang tên Bảo-dải nhưng theo chúng tôi, có lẽ ngọn núi mà tác giả nói ở đây là ngọn núi thuộc dãy Yên-tử 安子, huyện Đông-triều, nay thuộc tỉnh Quảng-ninh.

177

饋張顓鄉
春餅

柘枝舞罷試春衫
况值今朝三月三
紅玉堆盤春菜餅
從來風俗舊安南。

QUỖ TRƯỞNG HIỂN KHANH
XUÂN BÌNH¹⁷

Già chi vũ^{2*} bãi thí xuân sam,
Hưởng trị kim^{3*} triều tam nguyệt tam.
Hồng ngọc đôi^{4*} bản xuân thái^{5*} bình,
Tòng lai phong tục cựu An-nam.

DỊCH NGHĨA:

TẶNG BÁNH NGÀY XUÂN CHO TRƯỞNG HIỂN KHANH⁽¹⁾

Mùa già chi⁽²⁾ xong, thử tẩm áo ngày xuân⁽³⁾.
Hưởng nửa hôm nay lại gặp tiết mừng ba tháng Ba⁽⁴⁾.
Bánh rau⁽⁵⁾ mùa xuân, như ngọc hồng bày đầy mâm,
Đó là phong tục của nước An-nam xưa nay.

DỊCH THƠ:

Mùa giá chi rồi, thử áo xuân,
 Hôm nay, hàn thực, buổi thanh thân.
 Bánh rau đầy đặn như hồng ngọc,
 Nước Việt, tục này theo cổ nhân.

TRẦN LÊ VĂN

KHẢO ĐỊNH:

CÁC DỊ BẢN: ANCL, VATT, TVTL2, TVTL3, TTTPHT

- 1* VATT, TVTL2, TVTL3, TTTPHT: tức sự 卽事 ANCL thêm chữ: thiên sứ 天使 trước chữ Trương 張, chúng tôi lược bớt.
 2* ANCL: thuận 舜
 3* TVTL2, TVTL3: xuân 春
 4* ANCL: tuyết điêu 雪彫
 5* TVTL2, TVTL3: thái 採

CHÚ THÍCH:

- (1) Trương Hiên Khanh: xem Cht. 1, bài Tống Bắc sứ Trương Hiên Khanh, số 2, của Trần Cảnh.
 (2) Mùa giá chi: VATT chú: giá chi vũ vốn là thác bọt vũ, người ta chép lầm thành quen. Có thể giá chi vũ Nhân Tông nói ở đây là một điệu múa cổ của dân tộc ta chăng?
 (3) Thử tắm áo xuân: có lẽ cũng là tên một điệu múa.
 (4) Mồng ba tháng Ba là tiết thanh minh, trong ngày đó nhân dân ta thường đi tảo mộ và ăn tết bằng các loại bánh, phổ biến nhất là bánh trôi, bánh chay...
 (5) Bánh rau (thái bính): ở đây có thể là bánh khúc.

*

178

送北使李仲賓
 蕭方崖

坎坎靈池煖饜筵
 春風無計駐歸鞭
 不知兩點輶星福
 幾夜光芒照越天。

TỐNG BẮC^{1*} SỨ LÝ TRỌNG TÂN^{2*},
 TIÊU PHƯƠNG NHAI

Khảm khảm^{3*} Linh^{4*} trì noãn^{5*} tiên^{6*}
 diên,
 Xuân phong vô kế^{7*} trụ quy^{8*} tiên^{9*}.
 Bất tri lưỡng điểm thiêu tinh phúc.
 Kỷ dạ quang mang chiếu Việt thiên.

DỊCH NGHĨA :

TIỀN SỨ BẮC LÝ TRỌNG TÂN, TIÊU PHƯƠNG NHAI (1).

Ao Linh-trì (2) thăm thăm, bữa tiệc tiễn đưa ảm áp,
 Gió xuân không cách nào giữ lại ngọn roi trên đường về.
 Chẳng hay phúc lành của hai ngôi sao sứ thần (3),
 Còn vắng vắng soi trời Việt được mấy đêm nữa!

DỊCH THƠ :

Sầu thăm Linh-trì, nồng rượu tiễn.
 Gió xuân không giữ được người về.
 Nào hay sao sứ hai ngôi phúc,
 Còn chiếu trời Nam mấy khắc khuya.

TRẦN LÊ VĂN

KHẢO ĐỊNH :

CÁC DỊ BẢN : ANCL, VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3, TTTPH

- 1* ANCL : thiên 天
 2* TVTL1 : lai 賚
 3* VATT : xuy xuy 吹吹 và chú : nhất tác khâm khâm, 一作坎坎 nghĩa là : có bản chép : khâm khâm, TTTPH : xuy xuy 吹吹
 4* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : hư 虛
 5* TVTL2, TVTL3 : áo 煖
 6* TTTPH : tống 送
 7* TVTL1, TVTL2 : ngữ 語
 8* TTTPH : chinh 征
 9* TVTL1, TVTL2 : an 輦

CHỮ THÍCH :

- (1) Năm 1293, nhà Nguyên lấy cơ vua Trần không đích thân sang châu, chuẩn bị đem quân đánh Việt-nam lần thứ 4. Nhưng năm sau (1294) Hốt Tất Liệt (Qubilai) tức Nguyên Thế Tổ 元世祖 chết, cháu là Thiết-mộc-nhi 鐵木兒 tức Nguyên Thành Tông 元成宗 lên nối ngôi liền xuống chiếu bãi binh. Lý Trọng Tân và Tiêu Phương Nhai được cử sang Đại-việt tuyên bố tờ chiếu đó. Trong chuyến đi này Tiêu Phương Nhai đã viết cuốn *Sứ giao lục* 使交錄.
 (2) *Linh-trì* : có lẽ là tên một cái ao cảnh nào đó của nhà vua trong hoàng thành.
 (3) VATT chú 輦郎輕車, 恐無輦星 Thiều tức khinh xe, khảng vô thiều tinh : nghĩa là thiều là một loại xe nhẹ, e rằng không có sao Thiều.

179

春景

楊柳花深鳥語遲
 畫堂簷影暮雲飛
 客來不問人間事
 共倚欄杆看翠微。

XUÂN CẢNH

Dương liễu hoa thâm điều ngữ trì,
 Họa đường thiêm ảnh mộ vân phi.
 Khách lai bất vấn nhân gian sự,
 Cộng^{1*} ý^{2*} lan can khán thủy vi.

DỊCH NGHĨA :

CẢNH XUÂN

Trong khóm hoa dương liễu rậm, chim hót chậm rãi,
 Dưới bóng thềm ngôi nhà chạm vẽ, mây chiều lướt bay.
 Khách đến chơi không hỏi việc đời,
 Cùng đứng tựa lan can ngắm màu xanh mờ mịt ở chân trời.

DỊCH THƠ :

Chim nhàn nhả kêu, liễu trở dày,
 Thềm hoa chiều rợp bóng mây bay.
 Khách vào chẳng hỏi chuyện nhân thế,
 Cùng tựa lan can nhìn núi mây.

HUỆ CHI

KHẢO ĐỊNH:

CÁC DI BẢN: VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3

1* TVTL: chỉ 又

2* TVTL: bạng 傍

*

180

二月十一日夜

歡伯澆愁風味長
 桃笙竹簟穩龍床
 一天如水月如畫
 花影滿窗春夢長。

NHỊ NGUYỆT THẬP NHẤT NHẬT ĐẠ

Hoan bá kiêu sâu phong vị trường,
 Đào sinh, trúc đạm ổn long sàng.
 Nhất thiên như thủy, nguyệt như trú,
 Hoa ảnh mãn song, xuân mộng trường.

DỊCH NGHĨA :

ĐÊM MƯỜI MỘT THÁNG HAI

Chén rượu (1) rửa sâu có phong vị đậm đà,
 Chiếc chiếu đào sinh (1) yên ổn trên giường rộng.
 Trời trong như nước, trăng sáng như ban ngày,
 Bóng hoa tràn ngập cửa sổ, giấc mộng đêm xuân triển miên.

DỊCH THƠ :

Rửa sâu có rượu nhiều phong vị,
 Chiếu trúc, giường rộng mọi vẻ cân.
 Nước ấy vàng xanh, trăng ấy ngọc,
 Đây song hoa quện giấc mơ xuân.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

Rượu tưới sâu tan, vị đậm đà,
 Giường rộng, chiếu trúc trải bày ra.
 Trời trong như nước, trăng vàng vạc,
 Giấc mộng xuân dài dưới bóng hoa.

TRẦN LÊ VĂN

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : VATT, TVTL2, TVTL3

- (1) Chén rượu (hoan bá): theo sách Dịch lâm 易林 rượu được gọi là «bác vui», vì nó tiêu trừ nỗi lo, đưa lại niềm vui.
 (2) Chiếu đào sinh: theo Từ hải 辭海, ở Từ-xuyên 四 川 có loại đào sinh trúc đốt dài, vỏ mềm có thể làm chiếu nên người ta gọi thứ chiếu đan bằng trúc Từ-xuyên là «đào sinh».

*

閨怨

KHUÊ OÁN 1*

睡起 鉤簾 看墜紅
 黃鸝 不語 怨東風
 無端 落 日西樓外
 花影 枝頭 盡向東

Thuy khởi câu liêm khán trụy 2* hồng.
 Hoàng li bất ngữ oán Đông phong.
 Vô đoan lạc nhật tây lâu ngoại,
 Hoa ảnh chi đầu tận hướng Đông.

DỊCH NGHĨA:

NIỀM OÁN HẬN CỦA NGƯỜI KHUÊ PHỤ

Ngủ dậy, cuốn màn xem cánh hồng rụng,
 Chim oanh vàng bắt tiếng, oán gió Đông (1).
 Không đứng mặt trời lặn phía ngoài lầu Tây,
 Đầu cành bóng hoa đều hướng về phía Đông.

DỊCH THƠ:

*Tỉnh giấc, rèm nâng, ngó rụng hồng,
 Hoàng oanh im tiếng, giận Đông phong.
 Lầu Tây vô cớ, vàng dương lặn,
 Cánh bóng hoa cành ngả hướng Đông.*

TRẦN LÊ VĂN

KHẢO ĐỊNH:

CÁC DỊ BẢN; VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3

- 1* VATT: sầu 愁
 2* VATT: dọa 渣

CHÚ THÍCH:

- (1) Gió đông: tức gió xuân. Trời đã sang hè, chim hoàng oanh không hót vì oán mùa xuân đã qua, gió xuân không tới nữa.

*

182

梅

MAI

鐵膽石肝凌曉雲
 縞裙練悅迓東風
 人間儉素漢文帝
 天下英雄唐太宗

Thiết đảm, thạch can lăng hiêu^{1*} tuyết,
 Cảo^{2*} quần, luyện thuế nhạ^{3*} đông phong.
 Nhân gian kiệm tố^{4*} Hán Văn Đế,
 Thiên hạ anh hùng Đường Thái Tông.

DỊCH NGHĨA:

CÂY MAI

Gan dạ sắt đá vượt lên tuyết buổi sáng,
 Quần lụa mộc, khăn lụa trắng đón gió đông (1).
 [Như] Hán Văn Đế là người tiết kiệm, mộc mạc trong nhân gian.
 [Và] Đường Thái Tông là bậc anh hùng trong thiên hạ.

DỊCH THƠ :

Gan lì sắt đá nhờn sương tuyết,
Mộc mạc khăn xiêm đón gió đông.
Như Hán Văn xưa, danh tiết kiệm,
Thái Tông, Đường nọ, tiếng anh hùng.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH :

CÁC DI BẢN: VATT, TVTL2, TVTL3, TTTPHT

- 1* VATT: bắc 北 và ghi chú bắc nhất tác hiệu 北一作曉, nghĩa là chữ bắc có bản viết là hiệu. TTTPHT: địa 地.
2* TVTL2, TVTL3, TTTPHT: 纓 素.
3* VATT, TVTL2, TVTL3: bội 背.
4* TTTPHT: ước 約.

CHÚ THÍCH:

- (1) Gió đông (đông phong): xem Ch. 1, bài Khuê oán, số 181, cùng tác giả.
(2) Hán Văn Đế: con thứ Hán Cao Tổ 漢高祖 tên là Hằng 恒 là vua thứ ba nhà Hán (179 — 156 trước CN), được sử sách khen là nhân từ, kiệm ước.
(3) Đường Thái Tông: tên là Lý Thế Dân 李世民 (627 — 649), người sáng lập ra nhà Đường ở Trung-quốc, được người xưa khen là ông vua thông minh, anh hùng của nhà Đường.

*

183

春 晚

年少何曾了色空
一春心在百花中
如今勘破東皇面
禪板蒲團看壁紅。

XUÂN VẮN

Niên thiếu hà tăng liễu sắc không,
Nhất xuân tâm tại bách hoa trung.
Như kim kham phá đông hoàng^{1*} diện,
Thiền bản bồ đoàn khán trụ^{2*} hồng.

DỊCH NGHĨA:

XUÂN MUỘN

Thuở trẻ chưa từng hiểu rõ « sắc » với « không »,
Mỗi khi xuân đến vẫn gửi lòng trong trăm hoa.
Ngày nay đã khám phá được bộ mặt chúa xuân⁽¹⁾,
Ngồi trên nệm cỏ⁽²⁾ giữa tấm phản nhà chùa ngắm cánh hoa rụng.

DỊCH THƠ:

Tuổi trẻ chưa lường lẽ sắc không,
Xuân sang, hoa nở, rộn tơ lòng.
Chúa xuân nay đã thành quen mặt,
Nệm cỏ ngồi yên, ngó rụng hồng.

Theo NGÔ TẮT TỔ
(VHĐT)

KHẢO ĐỊNH:

CÁC DI BẢN: VATT, TVTL2, TVTL3

- 1* VATT, TVTL2, TVTL3: phong 風. Trong VHĐT của Ngô Tất Tố là: hoàng 皇, chúng tôi theo bản này.
2* VATT: đạo 道.

CHÚ THÍCH:

- (1) Chúa xuân (đông hoàng): tức đông quân là thần mùa xuân. Bài Lập xuân hậu thi 立春後詩 của Vương Sơ 王初 có câu: 東君珂佩嚮珊珊. 青馭多時下九關. Đông quân kha bội hướng san san, Thanh ngự đa thì hạ cửu quan: Chúa xuân đeo ngọc kêu lanh canh. Cưỡi ngựa xanh nhiều lúc đi xuống chín cửa quan.
(2) Nệm cỏ (bồ đoàn): tấm nệm bằng cỏ bồ, hình tròn, nhà sư thường dùng trong lúc ngồi thiền định hay lễ bái. VATT chú: 禪家語. 禪家之禪板蒲團即人家不板蒲席也. Thiền gia ngữ. Thiền gia chi thiền bản bồ đoàn tức nhân gia mộc bản bồ tịch dã. Nghĩa là: Thiền bản bồ đoàn, thuật ngữ nhà Thiền, là loại chiếu bằng cỏ bồ, cũng như chiếu cói của nhà dân.

*

184

天長晚望

THIÊN-TRƯỜNG VẮN VỌNG

村後村前淡似烟
半無半有夕陽邊
牧童笛裡歸牛盡
白鷺雙雙飛下田

Thôn hậu thôn tiền đạm tự yên,
Bán vô bán hữu tịch dương biên.
Mục đồng địch lý quy ngư tận,
Bạch lộ song song^{1*} phi hạ điền.

DỊCH NGHĨA:

NGẮM CẢNH CHIỀU Ở THIÊN-TRƯỜNG (1)

Trước thôn, sau thôn đều mờ mờ như khói phủ,
Bên bóng chiều [cảnh vật] nửa như có, nửa như không.
Trong tiếng sáo, mục đồng lừa trâu về hết,
Từng đôi cò trắng hạ cánh xuống đồng.

DỊCH THƠ:

Trước xóm sau thôn tựa khói lồng,
 Bóng chiều dường có lại dường không.
 Mọc đồng sáo vắng, trâu về hết,
 Cỏ trắng từng đôi liềm xuống đồng.

Theo NGÔ TẤT TỐ
 (VHBT)

KHẢO ĐỊNH:

CÁC DI BẢN: VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3, HVTT

1* VATT: nhất song 一雙

CHÚ THÍCH:

(1) Thiên-trường: xem Ch. 1. tiểu sử Trần Cảnh, trong cùng tập.

*

185

月

NGUYỆT

半窗燈影滿床書
 露滴紅庭夜氣虛
 睡起石聲無覓處
 不憚花上月杳初

Bán song đăng^{1*} ánh nấn sàng thư
 Lộ^{2*} trích thu đình dạ khí hư.
 Thuy khởi châm thanh vô mịch xứ,
 Mộc tề hoa thượng nguyệt lai sơ.

DỊCH NGHĨA:

TRĂNG

Bóng đèn soi nửa cửa sổ, sách đầy giường.
 Mọc rơi trên sân thu, hơi đêm thoáng mát.
 Tỉnh giấc không biết tiếng chày, nện vải ở nơi nào,
 Trên chum hoa quế trăng vừa mọc.

DỊCH THƠ:

Đèn song chéch bóng, sách đầy giường.
 Đêm vắng sân thu lúc đặc sương.
 Thịch dậy tiếng chày đâu chẳng biết,
 Trên cành hoa quế nguyệt lồng gương.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐỊNH:

CÁC DI BẢN: VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3, HVTT

1* TVTL3: kế 計

2* TVTL1: sương 霜

186

題普明寺水榭

薰盡千頭滿座香
水流初起不多涼
老松影裡僧閑閉
第一蟬聲秋思長

ĐỀ PHỒ-MINH TỰ THỦY TẠ^{1*}

Huân tận thiên đầu mãn tọa hương.
Thủy lưu sơ khởi bất đa lương.
Lão tùng ảnh lý tăng quan^{2*} bế,
Đệ nhất thiên thanh thu^{3*} tứ trường^{4*}.

DỊCH NGHĨA:

ĐỀ NHÀ THỦY TẠ CHÙA PHỒ-MINH⁽¹⁾

Xông hết nghìn nén hương, khắp nhà thủy tạ thơm ngào ngạt,
Dòng nước mới dâng không lạnh lắm.
Dưới bóng đa già, cổng chùa đóng im ỉm,
Một tiếng ve đầu tiên, tứ thu man mác.

DỊCH THƠ:

*Nghìn hương thấp hết ngát đầy nhà,
Làn nước hiu hiu gió lạnh qua.
Dưới bóng đa già chùa vắng vẻ,
Tiếng ve khơi động tứ thu xa.*

Theo NGÔ TẤT TỐ
(VHBT)

KHẢO ĐỊNH:

CÁC DI BẢN: VATT, TVTTL, TVL3, TTTPHT

1* Bài này TTTPHT chép vào thơ Trần Minh Tông.

2* TVTTL, TVL3, khai 閑.

3* TTTPHT: sầu 愁.

4* VATT chú: nhất tác tổng lịch dương 一作送夕陽; nghĩa là: có bản chép: tổng lịch dương.

CHÚ THÍCH:

- (1). Chùa Phồ-minh: VATT chú Trần Thái Tông về chơi hương Tức-mặc 卽墨 xây dựng cung Trùng-hoa 重華, lại xây ở phía Tây cung một ngôi chùa gọi tên là chùa Phồ-minh. Về sau ngôi chùa này trở thành một nơi du ngoạn và nghỉ ngơi của các vua nhà Trần.

Thời Trần, Tức-mặc thuộc lộ Thiên-trường 天長. Hiện nay làng Tức-mặc, huyện Mỹ-lộc, tỉnh Hà-nam-ninh còn tháp Phồ-minh và chùa.

187

武林秋晚

VŨ-LÂM THU VÂN

畫橋倒影蘸溪橫
一抹斜陽水外明
寂寂千山紅葉落
濕雲如夢遠鐘聲。

Họa kiều đảo ảnh蘸 khe hoành,
Nhất mạt tà dương thủy ngoại minh.
Tịch tịch thiên sơn hồng diệp lạc,
Thấp vân như mộng^{1*} viễn^{2*} chung thanh.

DỊCH NGHĨA :

CHIỀU THU Ở VŨ-LÂM (1)

Chiếc cầu chạm vẽ đảo bóng vắt ngang dòng suối,
Một vệt nắng chiều rực sáng bên ngoài ngấn nước.
Nghìn núi lặng tờ, lá đỏ rơi,
Mây ướt giăng như mộng, tiếng chuông xa vắng.

DỊCH THƠ :

Lòng khe in ngược bóng cầu hòa,
Hắt sáng bờ khe, vệt nắng tà.
Lặng lẽ nghìn non, rơi lá đỏ,
Mây giăng như mộng, tiếng chuông xa.

BĂNG THANH

KIỂU ĐỊNH :

CÁC DI BẢN : VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3

- 1* TV 1, TVTL2, TVTL3: hòa mộng 和夢. Trong VIỆT Ngô Tái Tổ thay chữ mộng bằng chữ lộ 露. Ở đây, theo VATT.
2* TVTL1, TVTL2, TVTL3: tổng 送.

CHỮ THÍCH :

- (1) Vũ-lâm: VATT chú: Vũ-lâm là tên động. Theo Bđ. ĐVSKTT thì động này ở xã Vũ-lâm, nay thuộc huyện Yên-khánh, tỉnh Hà-nam-ninh.

188

諒州晚景

LẠNG-CHÂU VÂN CẢNH

古寺淒涼秋靄外
漁船蕭瑟暮鍾初
水明山靜白鷗過
風定雲閑紅樹疎。

Cổ tự thê lương thu ải ngoại,
Ngư thuyền tiêu sất mộ chung sơ.
Thủy minh, sơn tĩnh ^{1*} bạch âu ^{2*} quá,
Phong định, vân nhàn, hồng thụ sơ.

DỊCH NGHĨA:

CẢNH CHIỀU Ở CHÂU LẠNG (1)

Ngôi chùa cổ lạnh lẽo sau lớp khói mùa thu,
Thuyền câu hiu quạnh, chuông chiều bắt đầu điềm.
Nước trong, núi lặng, chim âu trắng bay qua,
Gió im, mây nhón nhơ, cây lơ thơ lá đỏ.

DỊCH THƠ:

Chùa cổ dàu hiu, cách khói thu,
Chuông chiều giống giả, quạnh thuyền câu.
Mây thanh, gió lặng, thưa cây đỏ,
Nước sáng, non yên, trắng bóng âu.

HUỆ CHI

Chùa xưa lạnh lẽo khói thu mờ,
Chiều quạnh thuyền câu, chuông vắng đưa.
Núi lặng, nước quang, âu trắng lượn,
Tạnh mây, im gió, đỏ cây thưa.

TRẦN LÊ VĂN

KHẢO ĐỊNH:

CÁC BẢN: VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3, TTTPHT

1* VATT, TVTL1, TTTPHT: 淨

2* TVTL1, TVTL3: 鷗

CHÚ THÍCH:

(1) Châu Lạng: đời Trần thuộc lộ Lạng-giang 諒江, gồm các huyện Yên-thổ 安勢, Yên-ninh 安寧, Cổ-lũng 古隴, Bảo-lộc 保祿, tức là một phần tỉnh Hà-bắc ngày nay.

189-190

山房漫興

SƠN PHÒNG MẠN HƯNG

I

誰縛更將求解脫
不允何必覓神仙
猿閑鳥倦人應老
依舊雲庄一榻禪。

Thùy phọc cánh trưng cầu giải thoát,
Bất phạm, hà tất mịch thần tiên.
Viên nhàn mã quỵên nhàn ung lão,
Y cựu vân trang nhất tháp thiền.

II

是非念逐朝花落
名利心隨夜雨寒
花盡雨晴山寂寂
一聲啼鳥又春殘。

Thị phi niệm trục triều hoa lạc,
Danh lợi tâm tùy dạ vũ hàn.
Hoa tận vũ tình sơn tịch tịch,
Nhất thanh đề điều hựu xuân tàn.

DỊCH NGHĨA:

MẠN HƯNG Ở SƠN PHÒNG

I

Ai trói buộc mà phải tìm phương giải thoát,
[Phạm cách] chẳng phạm tục cần gì tìm thần tiên.
Vượn nhàn, ngựa mỏi, người cũng đã già,
Vẫn một chiếc giường thiền ở am mây cũ.

II

Niềm thị phi rụng theo hoa buổi sớm,
Lòng danh lợi lạnh theo trận mưa đêm.
Hoa rụng hết, mưa đã tạnh, núi non tịch mịch,
Một tiếng chim kêu, lại cảnh xuân tàn.

DỊCH THƠ:

I

Ai trói buộc chi, tìm giải thoát?
Khác phạm đâu phải kiếm thần tiên.
Vượn nhàn, ngựa mỏi, ta già lão,
Như trước, am mây chốn tọa thiền.

II

Phải trái rụng theo hoa buổi sớm,
Lợi danh lạnh với trận mưa đêm.
Hoa tàn, mưa tạnh, non im lặng,
Xuân cõi còn dư một tiếng chim.

ĐỖ VĂN HỮ

CHÚ THÍCH:

XUẤT XỨ: NÔML

191-192

早梅

五出圓葩金撚鬚
 珊瑚沉影海鱗浮
 箇三冬白枝前面
 些一辨香春上頭
 甘露流芳癡蝶醒
 夜光如水渴禽愁
 姮娥若識花佳處
 桂冷蟾寒只麼休。

二

五日驚寒懶出門
 東風先已到孤根
 影橫水面冰初泮
 花壓枝頭暖未分
 翠羽歌沉山店月
 畫龍吹濕玉闌雲
 一枝迷入故人夢
 覺後不堪持贈君。

TẢO MAI

I

Ngũ xuất viên ba^{1*} kim niên tu,
 San hô trầm ảnh hải lân^{2*} phù.
 Cả tam đông bạch chi tiền diện,
 Tá^{3*} nhất biện^{4*} hương xuân thương
 dầu.

Cam lộ lưu phương^{5*} si điệp tỉnh,
 Dạ quang như thủy khát cầm sầu.
 Hằng^{6*} Nga nhược thức hoa giai xứ^{7*}
 Quế lãnh thiềm hàn^{8*} chỉ má hưu !

II

Ngũ nhật kinh hàn lãn xuất môn,
 Đông phong tiên dĩ đáo cô căn.
 Ảnh hoành thủy diện băng sơ bản,
 Hoa áp chi đầu noãn vị phân.
 Thủy vũ ca trầm sơn điểm^{9*} nguyệt,
 Họa long xuy^{10*} thấp Ngọc-quan vân.
 Nhất chi mê nhập cố nhân mộng,
 Giác hậu bất kham trì tặng quân.

DỊCH NGHĨA:

HOA MAI SỚM

I

Năm cánh hoa tròn nhị điểm vàng,
 [Như] bóng san hô chìm, [như] vảy cá biến nổi.
 Cánh hoa trắng xóa suốt trong ba tháng đông,
 Sang đầu xuân chỉ còn loáng thoáng một vài cánh thơm nhẹ.
 Mọc ngọt chảy mùi thơm làm chú bướm si ngây tỉnh giấc,
 Ánh sáng ban đêm như nước khiến con chim khát buồn rầu.
 Nếu Hằng Nga⁽¹⁾ biết được vẻ đẹp thanh nhã của hoa mai,
 Thì có tra' gì cây quế với cung thiềm⁽²⁾ lạnh lẽo.

II

Chỉ năm ngày sợ rét lười ra khỏi cửa,
 Mà gió xuân đã sớm đến với gốc cây cô đơn.
 Bóng ngả trên mặt nước, băng giá bắt đầu tan,
 Hoa trầu nặng đầu cành, hơi ấm chưa định rõ.
 Giọng ca Thủy vũ⁽³⁾ lắng chìm mặt trăng xóm núi,
 Tiếng sáo Họa long⁽⁴⁾ âm ướm đám mây Ngọc quan⁽⁵⁾.
 Một cành hoa lạc vào giấc mộng cổ nhân,
 Tỉnh dậy, không thể đem tặng anh được⁽⁶⁾.

DỊCH THƠ :

I

Năm cánh hoa tròn, vàng nhị phở,
 Nồi nhen vẩy cá, chìm san hô.
 Đông ba tháng trái, cành khoe trắng,
 Xuân một làn thơm, nhánh nhẹ đưa.
 Đêm ngờ nước trong, chìm cháy cỏ,
 Sương lưng hương ngát, bướm tan mơ.
 Hằng Ngà như biết đây hoa đẹp,
 Quế lạnh cung Thiềm, há mền ra ?

II

Năm ngày ngại rét, lười ra cửa,
 Gốc lẻ nào ngờ đã gió xuân.
 Mặt nước băng tan, cây bóng ngả,
 Đầu cành hoa trầu, ấm chưa phân.
 Trăng chìm xóm núi, lời ca bỗng,
 Mây ướm quan hà, tiếng sáo ngân.
 Lạc tới chiêm bao, hoa một nhánh,
 Muốn đem tặng bạn, khó vô ngần !

TRẦN LÊ VĂN

KHẢO ĐỊNH :

CÁC DI BẢN :

Bài I : NÔML, VATT, TVTL2, TVTL3.

Bài II : VATT, TTTPHT.

1* TVTL2 : hoa 花

2* TVTL2, TVTL3 : vãn 雲

3* NÔML : thử 止

4* TVTL3 : biện 絲

5* NÔML : dục ngưng 欲凝

6* TVTL3 : thương 女

- 7* VATT, TVTL2, TVTL3: vị 味
 8* TVTL2: cung 宮
 9* TTTPT: thiếu chữ điểm 店
 10* TTTPT: cải 改

CHÚ THÍCH:

- (1) *Hằng Nga*: theo sách *Hậu Hán thư* 後漢書; vợ Hậu Nghệ 后羿 là Hằng Nga (còn có tên là *Thường Nga* 嫦娥) lấy trộm thuốc trường sinh của chồng rồi bay lên cung trăng, bị hóa thành con cóc (thiềm thừ). Do đó mặt trăng có tên là cung thiềm.
 (2) *Cây quế*: sách *Dậu dương tạp trở* 酉陽雜俎 chép: trong trăng có cây quế, cao 500 trượng. Vì thế cung quế cũng là tên gọi mặt trăng.
 (3) *Thủy vũ*: tức thủy vũ ngâm, tên một từ khúc. Cung điện của khúc ngâm này còn thấy ở bài *Trúc sơn từ* 竹山詞 của Trương Tiệp 張捷. Lời đề tựa của ông nói: Vương Quân Bản 王均本 trao cho ta một khúc hát theo Việt điệu tên là *Tiểu mai hoa dẫn* 小梅花引, bảo ta lấy ý bay lên tiên, bước trông cõi hư không mà làm lời cho khúc hát...
 (4) *Họa long*: có lẽ là một loại sáo hay tù và có vẽ hình con rồng. *Từ hải* 辭海 dẫn lời của Thẩm Lực 沈約, Từ Quảng 徐廣 nói rằng tù và của người Hồ chỗ tay cầm vẽ con giao long có chân năm sắc.
 (5) *Ngọc-quan*: tên một cửa ải trên đường đi sang Tây-vực 西域 thuộc tỉnh Cam-lúc 甘肅, Trung-quốc. Ở đây tác giả mượn đề miêu tả tiếng sáo Họa-long làm ấm ướt cả đám mây trên cửa ải.
 (6) Hai câu cuối lấy ý trong điển *Nhất chi xuân* 一枝春, rút từ câu thơ của Lục Khải 陸啟 tặng Phạm Việp 范曄: 折梅逢驛使, 寄與隴頭人. 江南何所有. 聊贈一枝春. *Chiết mai phùng dịch sứ, Kỳ dữ lũng đầu nhân. Giang-nam hà sở hữu. Liêu tặng nhất chi xuân*; nghĩa là: bẻ cành hoa mai, gặp được người đưa thư trạm, gửi cho người ở Lũng-đầu. Đất Giang-nam có gì đâu, hãy tặng anh một cành xuân.
 Nhưng ở đây tác giả chỉ có cảnh mai trong giấc mộng nên không thể đem tặng bạn được.

*

193

天長府

THIÊN-TRƯỜNG PHỦ 1*

綠暗紅稀倍寂寥
 霽雲各雨土花銷
 齋堂請後僧歸院
 江館更初月上橋

Lục âm hồng hi bội tịch liêu,
 Tê^{2*} vân thôn vũ thổ^{3*} hoa tiêu.
 Trai đường giảng^{4*} hậu tăng quy^{5*}
 viện.
 Giang quán canh sơ nguyệt thượng^{6*}
 kiều.

三十仙宮橫夜榻
 八千香剎動春潮
 普明風景渾如昨
 彷彿菱牆入夢饒。

Tam thập tiên cung hoành dạ tháp,
 Bát thiên hương sát động xuân triều.
 Phổ-minh phong^{7*} cảnh hồn như tạc,
 Phảng phất canh tường nhập mộng
 nhiều^{8*}.

DỊCH NGHĨA :

PHỦ THIÊN-TRƯỜNG (1)

Màu xanh sẫm, màu đỏ thừa, cảnh thêm vắng vẻ,
 Máy quang, mưa tạnh ngập bùn đất cũng mất sạch.
 Trên trai đường, giảng kinh xong, các sư về viện,
 Quán bên sông, mới canh đầu trăng đã lên cầu.
 Ba mươi cung tiên đặt giường ngủ la liệt,
 Tám nghìn ngọn tháp thơm khua động nước triều mùa xuân.
 Phong cảnh chùa Phổ-minh (2) vẫn như trước,
 Phảng phất trong chiêm bao hình dáng vua cha như trông tường
 thấy bóng, ăn canh thấy hình (3).

DỊCH THƠ :

Lục rậm, hồng thừa cảnh quạnh hù,
 Máy quang, mưa tạnh đất tan rêu.
 Phòng trai giảng đoạn, sư về viện,
 Cầu bến canh đầu, bóng nguyệt treo.
 Ba chục cung tiên, giường ngủ đặt,
 Tám nghìn bóng tháp, nước triều reo.
 Phổ-minh phong cảnh, chùa như cũ,
 Trong giấc mơ màng Thuần thấy Nghiêu.

Theo NGÔ TẤT TỐ
 (VHBT)

KHẢO ĐỊNH:

CÁC DI BẢN: VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3, HVTT, TTPHT

- 1* VATT: thiên trường, 天長 TTPHT: Thiên-trường cung vịnh 天長宮詠
 2* TVTL1, HVTT: vụ 霧
 3* TTPHT: ngọc 玉
 4* VATT: chúc 弼
 5* VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3, TTPHT: lai 來
 6* TTPHT: độ 渡
 7* TTPHT: thiếu chữ phong 風
 8* TVTL3: thiếu 燒

CHÚ THÍCH:

- (1) *Thiên-trường* : xem Ch.1, tiểu sử Trần Cảnh, trong cùng tập.
 (2) *Chùa Phổ-minh* : chùa do Trần Thái Tông xây dựng, xem thêm Ch.1, bài *Đề Phổ-minh tự thủy tạ*, số 186, cùng tác giả.
 (3) *Canh trường* : theo sách *Hậu Hán thư* 後漢書 vua Nghiêu mất, vua Thuấn trưởng nhờ luôn trong ba năm, vì thế lúc ngồi thấy hình dáng vua Nghiêu ở mặt tường, lúc ăn thấy hình bóng ở bát canh. Ở đây tác giả mượn điển ấy để miêu tả lòng nhớ vua cha (tức Thánh Tông).

194

贈北使李思衍

雨露汪洋普漢恩
 鳳啣丹詔出紅雲
 拓開地每皆和氣
 淨挾天河洗戰塵
 盡道璽書十行下
 勝如琴殿五絃薰
 乾坤兼愛無南北
 何患雲雷復有屯。

TẶNG BẮC SỨ LÝ TƯ DIỄN

Vũ lộ uông^{1*} dương phổ Hán ân,
 Phượng hàm đan chiếu xuất hồng vân.
 Thác khai địa giác giai hòa khí,
 Tịnh hiệp thiên hà tẩy chiến trần.
 Tận đạo tì thư thập hàng hạ,
 Thắng như cầm điện ngũ huyền熏.
 Càn khôn kiêm ái vô Nam Bắc,
 Hà hoạn vân^{2*} lôi phục hữu truân.

DỊCH NGHĨA:

TẶNG SỨ BẮC LÝ TƯ DIỄN⁽¹⁾

Ơn nhà Hán như mưa móc tràn trề khắp nơi,
 Chim phượng ngậm tờ chiếu đỏ⁽²⁾ xuất hiện nơi đám mây hồng.
 Mảnh đất mới mở rộng cũng có hòa khí,
 Kéo sông Thiên-hà rửa sạch bụi chiến tranh:
 Mọi người đều bảo tờ chiếu ban xuống chỉ có mười hàng,
 Nhưng hơn hẳn tiếng hòa âm của chiếc đàn cầm năm dây⁽³⁾.
 Trời đất vốn một lòng yêu thương không phân biệt Nam, Bắc,
 Còn lo gì gặp bước gian truân gió mưa sấm sét.

DỊCH THƠ :

Ôn tuôn mưa móc khắp nơi nơi,
 Chiều phượng, tầng mây ban xuống rồi.
 Hòa khí lan đều trên nẻo đất,
 Cơn qua rửa sạch dưới sông trời.
 Chỉ là tờ ngọc lời thừa thớt,
 So với đàn cầm giá mấy mươi.
 Trời đất thương yêu Nam với Bắc,
 Gió mưa cũng đỡ nỗi lo đời.

TRẦN LÊ VĂN

KHẢO ĐỊNH :

XUẤT XỨ : ANCL

- 1* ANCL : chủ 主, chắc là chữ uông 汪 in lầm; tạm chữa lại.
- 2* Bản in bỏ trống, chúng tôi theo hiệu đính của cụ Phan Duy Tiếp (bản dịch ANCL; bản in rô-nê-ô của Trường Đại học Tổng hợp Hà-nội).

CHÚ THÍCH :

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Năm 1288 quân Nguyên bị ta đánh bại, Thoát Hoan phải theo đường tắt chạy trốn. Ô Mã Nhi 烏馬兒, Tích Lệ Cơ 昔戾機 bị bắt. Nhưng sau đó theo chính sách ngoại giao mềm mỏng của ta, Trần Nhân Tông 陳仁宗 lại sai sứ sang cống và dâng biểu « xin lỗi ». Vì vậy năm 1289 Lý Tư Diễn được cử sang Việt-nam tuyên dụ chiếu của vua Nguyên « tha tội » và phong tước cho vua nhà Trần như cũ; đồng thời bọn này cũng có nhiệm vụ đòi ta trao trả các tướng tá bị bắt. Trong bữa tiệc họp mặt, Lý Tư Diễn làm thơ, Trần Nhân Tông họa và làm bài thơ tặng trên đây.
- (2) *Phượng ngậm tờ chiếu đỏ* : tức chiếu nhà vua; xem thêm Cht. 1, bài *Tặng Bắc sứ Sài Trang Khanh, Lý Chấn Văn dâng*, số 163, của Trần Quang Khải.
- (3) *Đàn cầm năm dây* (cầm điện ngũ huyền): sách *Lễ nhạc ký* 禮樂記 chép: ngày xưa vua Thuấn làm đàn cầm năm dây để ca bài ca *Nam phong* 南風. Trong bài ca có câu: gió Nam hòa ầm có thể giải được sự oán giận của dân ta, gió Nam hợp thời có thể làm giàu của cải của dân ta.

195

西征道中

TÂY CHINH ĐẠO TRUNG

錦帆輕趁浪花開
蓬底厭厭首不抬
三峽暮雲無雁到
九灘明月有龍來
淒涼竹色添宮夢
撩亂閑愁到酒杯
漢武翻招窮黷謗
男兒汲汲若爲哉。

Cầm phàm khinh sấn lãng hoa khai,
Bồng đề yêm yêm thủ bất đài.
Tam-giáp mộ vân vô nhạn đáo,
Cửu-than minh nguyệt hữu long lai.
Thê lương hành sắc thêm cung mộng,
Liêu loạn nhàn sầu đáo tửu bôi.
Hán Vũ phiên chiêu cùng độc bàng,
Nam nhi cấp cấp^{1*} nhược vi tai.

DỊCH NGHĨA :

TRÊN ĐƯỜNG TÂY CHINH (1)

Buồm gấm nhẹ nhàng lướt tới, hoa sóng nổi tung,
Dưới mũi thuyền, uể oải không muốn ngẩng đầu.
Núi Tam-giáp (2) lơ lửng mây chiều, không nhận tới,
Chốn Cửu-than (3) trắng sáng vắng vặc, có rồng bơi lại.
Cảnh đi đường lạnh lẽo lại thêm giấc mộng cung đình vắng vương.
Mỗi sâu vor vắn đến với chén rượu.
Hán Vũ Để lại chuốc lấy lời chê «chung bình độc vũ» (4),
Thế thì nam nhi lặt đặt về việc chinh chiến làm gì?

DỊCH THƠ :

Buồm gấm vèo bay, hoa sóng tung,
Đầu nghe mệt mỏi dưới mũi bồng.
Mây chiều Tam-giáp trông không nhận,
Trắng sáng Cửu-than thấy có rồng.
Quanh quẽ dăm xa mơ điện cũ,
Vấn vương sâu lắng thấm lỵ nồng.
Hán hoàng mang tiếng say chinh chiến,
Lặt đặt nam nhi có ưởng công ?

TRẦN LÊ VĂN

KHẢO ĐỊNH :

CÁC DỊ BẢN: VATT, TVTL, TTTPH

1* VATT, TTTPH: 汲汲 得得 .

CHÚ THÍCH :

- (1) Năm Trưng Hưng 重興 thứ 6 (1290), Trần Nhân Tông đem quân đánh biên giới phía Tây. Bài thơ này làm trên đường hành quân.
- (2) Tam-giáp : ba dãy núi lớn ở vào khoảng giữa Tứ-xuyên 四川 và Hồ-bắc 湖北, Trung-quốc. Ở đây có lẽ tác giả mượn đề tả cảnh rừng núi hiểm trở trên đường hành quân.
- (3) Cửu-than : chín ngọn thác lớn ở tỉnh Phúc-kiến 福建 là những thác rất dữ của Trung-quốc. Cũng như trên, tác giả chỉ mượn đề tả cảnh rừng núi hiểm trở dọc đường.
- (4) Cung binh độc vũ : lời chê của người đời sau đối với Hán Vũ Đế 漢武帝, vì ông là một ông vua hiếu chiến của nhà Hán, thường hay đem quân đánh Hung-nô 匈奴 và Tây-vực.

*

196

和喬元朗韻

飄飄行李巖雲南
春入梅花只兩三
一視同仁天子德
生無補世丈夫慙
馬頭風雪重回首
眼底江山少駐驂
明日瀘江烟水闊
葡萄嫩綠洗心慙。

HOA KIỀU NGUYỄN LĂNG VẬN^{1*}

Phiêu phiêu hành lý lĩnh vân^{2*} nam,
Xuân nhập mai hoa chỉ lưỡng tam.
Nhất thị đồng nhân thiên tử đức,
Sinh vô bổ^{3*} thế trượng phu tâm.
Mã đầu phong tuyết trùng hồi thủ,
Nhãn đề giang san thiểu trụ tham^{4*}.
Minh nhật^{5*} Lô giang yên^{6*} thủy khoát,
Bồ đào nộn lục tẩy tâm đàm.

DỊCH NGHĨA :

HOA THƠ KIỀU NGUYỄN LĂNG (?)

Bước chân sứ giả phơi phới như áng mây ngàn bay về phương Nam,
Mùa xuân vừa đến, hoa mai chỉ lác đác vài ba nụ.
Thương yêu mọi người như nhau là ân đức của thiên tử.
Sống mà không giúp gì cho đời là điều đáng thẹn của kẻ trượng phu.
Gió tuyết trước đầu ngựa, người lại trở về,
Non sông đầy trong đáy mắt, hãy dừng ngựa lại chốc lát.
Ngày mai đã qua sông Lô⁽²⁾ menh mông khỏi nước,
Xin cạn chén rượu bồ đào non tươi để rửa mát tâm lòng.

DỊCH THƠ:

Non Nam hành lý nhẹ như không,
Xuân đến cảnh mai mới điểm bông.
Lòng chúa không riêng ơn vũ lộ,
Chỉ trai quyết trả nợ làng bông.
Ngựa pha sương tuyết quay đầu lại,
Mắt ngắm giang sơn ngẩng mặt trông.
Mai sáng sông Lô mây nước thăm,
Bồ đào ngọt giọng rưới khuấy lòng.

Nhóm LÊ QUÝ ĐÔN
(Bd. HVTVT)

KHẢO ĐỊNH:

CÁC DI BẢN: ANCL, VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3, HVTT.

- 1* TVTL1: Đáp Kiền Nguyên Lăng vận 答喬元郎韻; TVTL2, TVTL3, không có chữ vận, HVTT: Đáp Bắc sứ Kiền Nguyên Lăng 答北使喬元郎
2* TVTL2: sơn 山
3* VATT chú: nhất tác: phu — 作輔; nghĩa là: có bản là chữ phu; TVTL2: phu 輔
4* VATT chú: nhất tác: Quách đồ giang Nam nhất trụ tham — 作廓底江南 — 馬主馬參; nghĩa là: có bản chép: Quách đồ giang Nam nhất trụ tham.
5* TVTL2, TVTL3: nguyệt 月
6* TVTL2: yên 堦

CHÚ THÍCH:

- (1) Kiền Nguyên Lăng: tên là Tông Lượng 宗諒, Thị lang bộ Lễ, cùng đi trong đoàn sứ nhà Nguyên sang Việt-nam năm 1301 (xem thêm Cht. 1, bài Tống Bắc sứ Ma Hợp, Kiền Nguyên Lăng, số 197, cùng tác giả). Bài này có lẽ Trần Nhân Tông làm trong buổi tiệc chiều dãi trước khi sứ bộ về nước.
(2) Sông Lô: tên cũ của sông Hồng.

197

送北使麻合
喬元郎

輶星兩點照天南
光引台躔夜繞三
上國恩深情易惑
小邦俗薄禮多慚

TỐNG BẮC SỨ MA HỢP.
KIỀU NGUYÊN LĂNG

Thiếu tinh lưỡng điểm chiếu^{3*} thiên Nam,
Quang dẫn^{3*} thài triền^{4*} dạ nhiều tam.
Thượng quốc ân thâm tình dị cảm,
Tiểu bang tục bạc^{6*} lễ đa tâm.

節 凌瘴霧身無恙
鞭拂春風馬有驂
鼎語願溫中統詔
免教憂國每如惓。

Tiết lãg chướng vụ thân vô dạng,
Tiên phát xuân phong^{7*} mã hữu tham.
Đỉnh ngữ nguyện ôn^{8*} Trung Thống
chiếu,
Miễn giao ưu^{9*} quốc mỗi như đàm.

DỊCH NGHĨA :

TIỀN SỨ BẮC MA HỢP, KIỀU NGUYỄN LÃNG (1)

Hai ngôi sao sứ thần chiếu xuống trời Nam,
Ánh sáng dẫn theo cung độ (2) mỗi đêm diều quanh ba vòng.
Ơn thương quốc sâu sắc dễ cảm tình người,
Phong tục nước nhỏ đơn giản thẹn lễ nghi sơ suất.
Cờ tiết mao vượt qua lam chướng, ngài vẫn bình an (3),
Ngọn roi quất trong gió xuân, ngựa có ngựa kèm (4).
Xin hãy ôn lại lời nói « chuông vạc » (5) trong tờ chiếu năm Trung
Thống (6),
Đề tránh cho nhau khỏi mối phiền « lo nước » luôn luôn nung đốt
trong lòng.

DỊCH THƠ

Trời Nam, sao sứ chiếu hai ngôi.
Dẫn lối ba vòng, đêm sáng soi.
Bên ấy, ơn sâu tình cảm động.
Nơi đây, lễ bạc thẹn sơ sai.
Gió xuân vi vút, vui kèm ngựa.
Cờ tiết xông pha, mừng khỏe người.
Trung Thống, chiếu xưa, lời hãy nhớ,
Nỗi lo đất nước, dịu lòng tôi.

TRẦN LÊ VĂN

KHẢO ĐỊNH :

CÁC DI BẢN : ANCL, VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3, TTTPHT

- 1* ANCL: thiện 天
2* TTTPHT: chiếu 照
3* ANCL, TVTL1, TVTL2, TVTL3: lạc 落
4* TVTL1, TVTL2, TVTL3: tiền 前
5* VATT chú: nhất tác hạ 一作下
6* TVTL2: bạc tục 薄俗
7* TTTPHT thiếu chữ: phong 風
8* TVTL2: ngôn 言
9* TVTL3: ái 愛

CHÚ THÍCH :

- (1) Theo ANCL năm 1301 vua nhà Nguyên sai Thượng thư Ma-cáp-ma 麻哈麻 (tức Ma Hợp) và Thị lang bộ Lễ Kiều Tông Lượng 喬宗諒 (tức Kiều Nguyên Lăng) mang chiếu sang dụ vua nhà Trần cứ theo lệ cũ ba năm vào cống một lần, nhà Nguyên sẽ không sai sứ sang nữa. Bài thơ này Trần Nhân Tông làm trong dịp thủ tiếp đó.
- (2) *Cung độ* (triển): tức triển thủ, cung độ mà mặt trời, mặt trăng và các vì sao phải đi qua.
- (3) *Bình an* (vô dạng): theo sách *Phong tục thông* 風俗通 thi dạng là một loại trùng cắn người, nhất là hay cắn tim người. Do đó người đời xưa thường lo lắng khổ sở về loại trùng này. Sau người ta dùng từ vô dạng với hai nghĩa: không có điều gì lo lắng và bình yên.
- (4) *Ngựa kèm* (tham): trong cỗ xe có ba ngựa kéo, hai con hai bên gọi là ngựa tham. Theo quan chế đời xưa chỉ có các quan to mới dùng xe có ngựa tham.
- (5) *Lời nói «chuông vạc»*: dịch thoát hai chữ «đỉnh ngữ». Đỉnh là một loại vạc lớn, tương truyền vua Vũ 禹 nhà Hạ 夏 lấy kim loại chín châu đúc chín cái vạc lớn. Về sau đỉnh trở thành vật tượng trưng cho quốc gia phong kiến. Lời chuông vạc là lời hệ trọng của quốc gia, đáng được tin cậy và tuân theo.
- (6) *Trung Thống*: niên hiệu của Hốt Tất Liệt (Qubilai): từ năm 1260 đến năm 1263. Theo ĐVSKTT, tháng 6 năm Trung Thống thứ 2 (1261) nhà Nguyên sai sứ mang thư sang dụ Việt-nam, đại ý nói: Các phong tục và quy chế về mũ áo cho các quan, Việt-nam được theo lệ cũ của mình mà sử dụng. Nhà Nguyên đã răn bảo các viên tướng ở Văn-nam không được đem binh lẫn cướp vùng biên giới và quấy nhiễu nhân dân nước ta.

Trông bài thơ trên Trần Nhân Tông có ý nhắc lại nội dung tổ chiếu đó.

*

198

大覺神光寺

神光寺香興偏幽
撐兔飛鳥天上游
十二樓臺開畫軸
三千世界入詩眸
俗多變態雲蒼狗
松不知年僧白頭
除却炷香參佛事
些餘念了總休休。

ĐẠI-LÂM THẦN-QUANG TỰ^{1*}

Thần-quang tự^{2*} liễu^{3*} hưng thiên^{4*} u.
Sanh thổ^{5*} phi ô^{6*} thiên thượng du.
Thập nhị lâu đài khai họa trục.
Tam thiên thế giới nhập thi mâu^{7*}.
Tục^{8*} đa biến thái vân thương cầu,
Tung bát tri niên tăng bạch đầu.
Trừ khước trụ hương tham Phật sự^{9*}.
Tả dư niệm^{10*} liễu tổng hưu hưu.

DỊCH NGHĨA :

CHÙA THẦN-QUANG TRÊN NÚI ĐẠI-LÂM ⁽¹⁾

Chùa Thần-quang vắng lặng, hừng thú có nét u nhã riêng,
 Chở ngọc thô, cưỡi kim ô du ngoạn trên bầu trời ⁽²⁾.
 Mười hai tòa lâu đài ⁽³⁾ mở ra bức vẽ,
 Ba nghìn thế giới ⁽⁴⁾ thu vào mắt thơ.
 Thói đời nhiều thay đổi như mây trắng hóa chó xanh ⁽⁵⁾,
 Cây thông chẳng biết đến năm tháng, nhà sư đầu đã bạc.
 Ngoài việc thắp hương tham thiền ra,
 Mọi điều suy nghĩ đều qua đi hết.

DỊCH THƠ :

Chùa vắng Thần-quang, hữu nhã hừng,
 Chở mây, thô ngọc, qua vàng đưa.
 Lâu đài chín cõi bày tranh vẽ,
 Thế giới ba ngàn lọt mắt thơ.
 Biến hóa thành dâu buồn thói tục,
 Tùng không biết tuổi bạc đầu sư.
 Ngoài câu cúng Phật, tuần nhang thắp,
 Lo nghĩ bao điều, mấy cũng ngo!

KHƯƠNG HỮU DỤNG

KHẢO ĐỊNH :

CÁC DI BẢN : VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3, TTTPHT

- 1* TTTPHT: Đề Đại-lâm Thần-quang tự 題大賢神光寺 và xếp vào thơ Trần Minh Tông. TVTL2, TVTL3: Đại-giác Thần-quang tự 大覺神光寺
 2* TVTL2: hương 香
 3* TTTPHT: chép nhầm là hương 香
 4* TVTL2: thanh 清
 5* TTTPHT: thiếu hai chữ sanh thô 撐兜
 6* VATT, TTTPHT: phi 飛
 7* VATT, TTTPHT: hoảng tiên châu 恍仙洲 và chú: nhất tác: nhập thi mầu: 一作入詩眸 nghĩa là có bản chép nhập thi mầu. 入詩眸
 8* TTTPHT: tháp 塔
 9* TVTL2: trụ ván hương thăm Phật 炷雲香慘佛
 10* TVTL2, TVTL3: vong 忘

CHÚ THÍCH:

- (1) *Chùa Thần-quang*: VATT chủ: chùa ở huyện Quế-dương 桂陽, xây dựng dưới triều vua Lý Nhân Tông 李仁宗. Trong LTHCLC Phan Huy Chú 潘光輝注 cũng nói: núi Lâm ở huyện Quế-dương, có rất nhiều chùa cổ..., chùa Thần-quang cũng ở trên núi ấy.
 Ngày nay còn di tích chùa Đạm, tên Nôm của chùa Thần-quang ở xã Nam-sơn, huyện Quế-võ, tỉnh Hà-bắc.
- (2) Câu này tác giả dùng phương pháp khoa trương, coi cuộc đi chơi lên núi Lâm như cưỡi mặt trăng, mặt trời đi du ngoạn trên trời.
- (3) *Mười hai tòa lâu đài* (thập nhị lâu đài); nơi ở của thần tiên. Theo thiên *Giao tư chí* 郊祀志 trong *Hàn thư* 漢書 thì có một phương sĩ nói thời Hoàng Đế 黃帝 có làm năm thành và mười hai tòa lâu đài để đợi một vị thần tên là Nghinh Niên 迎年.
- (4) *Ba nghìn thế giới* (tam thiên thế giới): tức tam thiên đại thiên thế giới, những thế giới hằng hà sa số mà kinh Phật hay nói đến. Ở đây tác giả mượn đề miêu tả cảnh bát ngát khi đứng ở một tầm cao mà nhìn ra xa.
- (5) *Mây trắng chó xanh* (vân thương cầu): lấy ý từ câu «bạch vân thương cầu» 白雲蒼狗 nói hình dạng những đám mây trắng trên trời luôn thay đổi, lúc thì như hình con chó rồi lại tan rất nhanh. Người ta hay mượn điển này để nói sự biến đổi của cuộc đời. Thơ Đỗ Phủ 杜甫 cũng có câu: 天上浮雲如白衣。斯須變幻為蒼狗. *Thiên thương phù vân như bạch y, Tư tu biến ảo vi thương cầu*: mây nổi trên trời như chiếc áo trắng, trong chốc lát biến thành chó xanh.

199

君須記

QUÂN TU KÝ

會稽舊事君須記
 驩愛猶存十萬兵。

Cối-kê cựu sự quân tu ký,
 Hoan, Ái do tồn thập vạn binh.

DỊCH NGHĨA:

NGƯỜI NÊN NHỚ (1)

Việc cũ ở Cối-kê (2) người nên nhớ,
 Châu Hoan, châu Ái (3) đang còn hàng chục vạn quân.

DỊCH THƠ:

Cối-kê việc cũ người nên nhớ,
 Hoan, Ái đang còn chục vạn quân.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Theo ĐVSKTT tháng Chạp năm Giáp thân (7-I đến 5-II-1285) Trần Hưng Đạo 陳興道 hội quân ở Hải-dông 海東, Vân-trà 雲茶, Ba-diêm 巴点 (khoảng vùng Đông-triều, tỉnh Quảng-ninh và Kim-thành tỉnh Hải-hung ngày nay) để chọn người mạnh khoẻ làm quân tiên phong vượt biển vào Nam. Lúc đó quân ta khá mạnh, các quân đều tụ họp đông đủ, Nhân Tông làm hai câu thơ này viết ở đuôi thuyền ngự đề động viên tướng sĩ.

Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng có lẽ ĐVSKTT nhầm, câu này phải viết vào lúc quân ta đang rút, quân địch đang tiến mạnh mới đúng. Chúng tôi dẫn đề bạn đọc tham khảo.

- (2) Việc cũ ở Cối-kê: vào thời Xuân thu, vua nước Việt 越 là Câu Tiễn 勾踐, bị vua nước Ngô 吳 là Phù Sai 夫差 đánh bại. Trải qua những ngày âm thầm chuẩn bị hết sức gian khổ và phải nhịn nhục, cuối cùng hàng ngàn quân do Câu Tiễn dẫn lên ở Cối-kê đã diệt được Phù Sai, rửa sạch mối thù.
- (3) Châu Hoan, châu Ái: theo ĐNVNQCĐ, châu Hoan gồm phần đất các huyện Nam-đàn Thanh-chương, Anh-sơn, Nghi-xuân (Nghệ-tĩnh) ngày nay, và châu Ái là các huyện Hà-trung, Hậu-lộc, Nga-sơn (Thanh-hóa) ngày nay. Nhưng trong văn cảnh câu thơ này, ý Trần Nhân Tông muốn chỉ chung vùng đất Thanh, Nghệ lúc ấy.

*

200

郎事

TỨC SỰ

社稷兩回勞石馬
山河千古奠金甌。

Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã,
Sơn hà thiên cổ điện kim âu.

DỊCH NGHĨA :

TỨC SỰ (1)

Trên nền xã tắc hai lần ngựa đá phải mệt nhọc,
Nhưng núi sông nghìn đời được đặt vững như âu vàng.

DỊCH THƠ :

Xã tắc hai phen chồn ngựa đá,
Non sông nghìn thuở vững âu vàng.

Theo TRẦN TRỌNG KIM
(Việt-nam sử lược)

CHÚ THÍCH:

XUẤT XỨ: ĐVSKTT

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Theo ĐVSKTT, ngày 17 tháng Ba năm Mậu tý (18-IV-1288) sau trận chiến thắng quyết định trên sông Bạch-dăng 白藤 triều đình đem các tướng giặc bị bắt là Tích Lệ Cơ 昔戾機 nguyên soái Ô Mã Nhi 烏馬兒, tham chính Sầm Đoạn 岑段, Phan Tiếp 樊接, Điền Nguyên soái 田元帥 và nhiều tướng tá khác làm lễ dâng thắng trận ở Chiêu-lăng (lăng vua Trần Thái Tông). Trần Nhân Tông thấy chân mấy con ngựa đã đều lấm bùn (vì trước đó quân Nguyên tràn qua đây đã đào Chiêu-lăng định phá đi mà chưa kịp) nên tức cảnh ngâm hai câu thơ trên.

*

201

竹奴銘

TRÚC NÔ MINH^{1*}

傲	雪	心	虛
凌	霜	節	勁
假	尔	為	奴
恐	非	无	性。

Ngạo tuyết tâm hư,
Lãng sương tiết kinh.
Giả nhĩ vi nô,
Khung phi thiên tính.

DỊCH NGHĨA:

BÀI MINH ĐỀ TRÚC NÔ (1)

Trải tuyết lạnh mà tâm thông suốt,
Dầu giải trong sương mà đốt cứng cỏi.
Mượn người làm tôi đòi,
Sợ rằng trái với tính tự nhiên của nhà người.

DỊCH THƠ:

Tâm không rải tuyết,
Đốt cứng phơi sương.
Mượn người làm nô,
Sợ trái tính thường.

CAO XUÂN HUY

KHẢO ĐỊNH:

CÁC DI BẢN: VATT, NÔML

1* VATT: Nhân Tông ngự chế trúc nô minh 仁宗御製竹奴銘 Căn cứ vào nội dung chúng tôi đoán đầu bài chỉ là ba chữ Trúc nô minh, vì thế lược bỏ phần người sau chép thêm.

CHÚ THÍCH :

- (1) Bài này có trong cả VATT và NÔML, nhưng VATT chép ở phần *Bồ đi* và ghi rõ là tác phẩm của Trần Nhân Tông, còn NÔML lại chép là của Trần Nghệ Tông 陳藝宗. Chúng tôi chưa có điều kiện xác định sai đúng. Tuy nhiên, căn cứ vào hành trạng thì Trần Nhân Tông là người có tinh thần dân chủ, biết nhìn ra trong hàng ngũ nô tỳ những phẩm cách cao quý, và tôn trọng họ. Vì vậy, tạm xếp vào tác phẩm của ông, chờ tra cứu thêm. *Trúc nô* : theo *Từ hải* 辭海 và *Hán Pháp từ điển* 漢法辭典 thì *trúc nô* còn có tên gọi khác là *thanh nô* 清奴, hay *trúc phụ nhân* 竹夫人 là một loại gối tựa hoặc gối kê tay đan bằng sậy hoặc bằng trúc, dùng trong mùa nực cho mát.

*

202

贊 慧 忠 上 士

TÁN TUỆ TRUNG THUỘNG SĨ

望 之 彌 高
鑽 之 然 彌 堅
忽 然 之 在 後
昭 之 是 在 前
夫 上 士 謂 禪

Vọng chí di cao,
Toàn chí di kiên.
Hốt nhiên tại hậu,
Chiêm chí tại tiền.
Phù thị chí vị,
Thượng sĩ chi Thiên.

DỊCH NGHĨA :

CA NGỌI THUỘNG SĨ TUỆ TRUNG (1)

Nhìn lên càng thấy cao,
Khoan vào càng thấy cứng.
Bỗng nhiên ở phía sau,
Nhìn lại thấy ở phía trước (2).
Cái đó gọi là :
Đạo Thiên của Thượng Sĩ (3).

DỊCH THƠ :

Càng nhìn càng cao,
Càng khoan càng bền.
Chợt phía sau đó,
Ngắm, phía trước liền.
Cái này tên gọi,
Là Thượng sĩ Thiên.

ĐỖ VĂN HỮ

CHÚ THÍCH:

XUẤT XỨ: TSNL

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm.
- (2) Bài này Trần Nhân Tông lấy ý từ một câu trong sách *Luận ngữ*, thiên *Tử Hãn* 子罕, là lời Khổng Tử ca ngợi cái « đạo ». Nguyên văn như sau: 仰之弥高, 鑽之弥坚, 占之在前, 忽焉在後. *Ngưỡng chi di cao, Toàn chi di kiên, Chiêm chi tại tiền, Hốt yên tại hậu*. Nghĩa là: Nhìn lên càng thấy cao, dùi vào càng thấy cứng. Bỗng nhiên vừa ở phía trước, nhìn lại đã thấy ở phía sau.
- (3) Dưới bài này có dòng lạc khoản như sau: 嗣法弟子竹林大頭陀謹言贊. *Tư pháp đệ tử Trúc lâm Đại đầu đà kính cẩn xưng tụng*. Nghĩa là: Học trò nối pháp là Trúc lâm Đại đầu đà kính cẩn xưng tụng.

*

203

有句無句

HỮU CÚ VÔ CÚ

有 句 無 句
 藤 枯 樹 倒
 幾 個 衲 僧
 撞 頭 磕 腦。

Hữu cú vô cú,
 Đẳng khô thụ đảo.
 Kỳ cá nạp tăng,
 Chàng đầu hạp não.

有 句 無 句
 體 露 金 風
 殘 伽 沙 數
 犯 刁 傷 鋒。

Hữu cú vô cú,
 Thể lộ kim phong.
 Căng già sa số.
 Phạm nhân thương phong.

有 句 無 句
 立 宗 立 旨
 打 瓦 驢 龜
 登 山 涉 水。

Hữu cú vô cú,
 Lập tông lập chỉ.
 Đả ngỗ toàn quy,
 Đẳng sơn thiệp thủy.

有非刻索
句有舟驥
無非求按
句無劍圖。

Hữu cú vô cú,
Phi hữu phi vô.
Khắc chu cầu kiếm,
Sách ký án đồ.

有互笠守
句不雪株
無回鞋待
句互花兔。

Hữu cú vô cú,
Hỗ bất hồi hổ.
Lạp tuyết hải hoa,
Thủ chu đãi thố.

有自執平
句古指地
無自忘陸
句今月沉。

Hữu cú vô cú,
Tự cổ tự kim.
Chấp chỉ vong nguyệt,
Bình địa lục trầm.

有如八金
句是字無
無如打已
句是開鼻。

Hữu cú vô cú,
Nhu thị như thị.
Bát tự dã khai,
Toàn vô ba tị.

有顧阿開
句左刺聒
無顧刺聒
句右地地。

Hữu cú vô cú,
Cố tả cố hữu.
A thích thích địa,
Náo quát quát địa.

有忉截彼
句忉斷此
無怛葛快
句怛藤活。

Hữu cú vô cú,
Điêu điêu đát đát.
Tiệt đoạn cát đẳng,
Bỉ thử khoái hoạt.

DỊCH NGHĨA :

CÂU HỮU CÂU VÔ (1)

Câu hữu câu vô,
 Như cây đổ, dây leo héo khô.
 Mấy gã thầy tăng,
 Đập đầu mẻ trán.

Câu hữu câu vô,
 Như thân thể lộ ra trước gió thu.
 Vô số cát sông Hằng,
 Phạm vào kiếm, bị thương vì mũi nhọn.

Câu hữu câu vô,
 Lập tông phái, ý chỉ.
 Cũng là dùi rúa, đập ngói (2),
 Trèo núi lội sông.

Câu hữu câu vô,
 Chẳng phải hữu, chẳng phải vô.
 Khác nào anh chàng khắc mạn thuyền mò gươm (3),
 Theo tranh vẽ đi tìm ngựa kỳ (4).

Câu hữu câu vô,
 Tác động qua lại, chẳng tác động qua lại.
 Chông tan như tuyết làm nón, như hoa làm hải (5).
 Ưồng công ôm gốc cây đợi thỏ (6)

Câu hữu câu vô,
 Từ xưa đến nay.
 Chỉ « chấp » ngón tay mà quên vàng trắng (7),
 Thế là chết đuối trên đất bằng.

Câu hữu câu vô,
 Như thế như thế!
 Tám chữ^(*) mở ra rồi,
 Hoàn toàn không còn điều gì lớn nữa^(*).

Câu hữu câu vô,
 Quay bên phải, ngoài bên trái.
 Thuyết lý âm i,
 Ôn ào tranh cãi.

Câu hữu câu vô.
 Khiến người rầu rĩ.
 Cắt đứt mọi duyên quẩn quít như dây leo,
 Thì hữu và vô đều hoàn toàn thông suốt.

DỊCH THƠ:

*Câu hữu câu vô,
 Dây khố cây đồ.
 Mấy gã thầy lẳng,
 Dập đầu trán võ.*

*Câu hữu câu vô,
 Gió vàng thể lộ.
 Vô số cát sông,
 Kiếm đâm dao bổ.*

*Câu hữu câu vô,
 Lập chỉ lập tông.
 Dùi rùa đập ngói,
 Trèo núi lội sông.*

Câu hữu câu vô,
Chẳng vô chẳng hữu.
Khắc thuyền tìm gươm,
So tranh tìm ngựa.

Câu hữu câu vô,
Tác động lại qua.
Ôm cây đợi thỏ,
Nón tuyết hái hoa.

Câu hữu câu vô,
Dù nay dù xưa.
Quên trắng ngăm ngón,
Chết đuối trên bờ.

Câu hữu câu vô,
Là thế là thế.
Tám chữ mở ra,
Không còn khó nghĩ.

Câu hữu câu vô,
Ngó phải ngó trái.
Thuyết lý ồn ào,
Liền lâu tranh cãi.

Câu hữu câu vô,
Rầu rầu rĩ rĩ.
Cắt đứt sản bìn,
Đó đây vui vẻ.

BẢNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : TBNL

- (1) Đầu đề do chúng tôi thêm. *Câu hữu câu vô* (Hữu cú vô cú) : hai câu diễn giải về mối quan hệ giữa hữu và vô. Nguyên văn : 有而非無, 無而非有. *Hữu nhi phi vô, vô nhi phi hữu*. Nghĩa là có mà chẳng phải là không ; không mà chẳng phải là có. Cũng có thể tác giả xuất phát từ luận thuyết *Tứ cú*, của sư Long Thọ 龍樹 trong *Trung quán luận* 中觀論 Nguyên văn là : 有無 ; 非有非無 ; 亦有亦無 . 非非有非非無 . *Hữu vô ; phi hữu phi vô ; diệc hữu diệc vô ; phi phi hữu phi phi vô*. Nghĩa là : có, không ; chẳng phải có, chẳng phải không ; cũng là có, cũng là không ; chẳng phải là chẳng phải có, chẳng phải là chẳng phải không. *Tứ cú* này nhằm giảng về sự « phá chấp », nghĩa là phá bỏ mọi định kiến để đi đến chân lý.
- (2) *Dùi rùa đập ngói* : xuất phát từ một ví dụ của Lâm Tế, ý nói người tu hành đã sai lầm ngay từ phương pháp thì không thể tìm ra chân lý. Ví như người nấu cơm đã thay việc dùi cây lấy lửa bằng dùi mai rùa, thay việc sát thóc bằng đập ngói đập sỏi ; cuối cùng sẽ chẳng có cơm vì mai rùa không phát lửa và ngói không thành gạo. Cũng còn cách hiểu khác, xem thêm Cht. 2, bài *Độc Đại Tuệ ngữ lục hữu cảm*, số 147 — 148, của Trần Hoảng.
- (3) *Khắc thuyền tìm gươm* : (khắc chu cầu kiếm) : sách *Lữ thị Xuân thu* 呂氏春秋 ghi : Có một người nước Sở đi dò qua sông. Giữa chừng đánh rơi kiếm xuống nước. Anh ta vội đánh dấu vào mạn thuyền, khi thuyền đến bến anh ta nhảy xuống, theo dấu ở mạn thuyền mò kiếm.
- (4) *So tranh tìm ngựa* (sách ký án đồ) : Bá Nhạc 伯樂 là một người giỏi xem tướng ngựa, ông viết quyển *Tướng mã kinh* 相馬經. Con ông theo quyển sách đó đi mua ngựa, nhưng cuối cùng chỉ mua được một con ngựa tồi, không cưỡi được. Bá Nhạc bảo : sở dĩ như vậy là vì con ông đã *án đồ sách tuần* 按圖索驥 : còn gọi là *án đồ sách ký* 按圖索驥. Điền cố này cũng như điền trên thường đề nói về những người máy móc, câu nệ, không linh hoạt.
- (5) *Ôm cây đợi thỏ* (Thủ thủ đãi thỏ) : Sách *Hàn Phi Tử* 韓非子 ghi : nước Tống có một người cây ruộng. Một hôm anh ta đang cây thì một chú thỏ con từ trong bụi nhảy ra, va phải gốc cây mà chết. Từ đó anh ta bỏ cây, ôm gốc cây ngồi chờ. Nhưng chờ mãi chẳng được con thỏ nào lại bị người nước Tống chê cười.
- (6) *Nón tuyết hải hoa* (Lập tuyết hải hoa) : làm nón bằng tuyết, làm hải bằng hoa, tuyết chóng tan, hoa chóng tàn. Câu này có lẽ cũng để chỉ những việc làm vô ích.
- (7) *Quên trăng ngắm ngón* (chấp chỉ vong nguyệt) : xem Cht. 10, bài *Sinh tử nhân nhi dĩ*, số 105, của Trần Tung.
- (8) *Tám chữ* (bát tự) : xem Cht. 14, bài *Phổ thuyết hướng thượng nhất lộ*, số 3, của Trần Cảnh. Cũng có thể tám chữ ở đây là chỉ hai câu liền ngay phía trên : *Hữu cú vô cú, Như thị như thị*.
- (9) Nguyên văn : *Toàn vô bả tị, ba tị* nghĩa đen là cái mũi lớn, ý nói những vấn đề nổi bật, quan trọng. Đại ý là đã hiểu rõ rồi thì hoàn toàn không còn vấn đề gì quan trọng, không còn đối tượng nữa.

204

師第問答

問。昔僧問瑯琊和尚。清淨本然。云何忽生山河大地。意旨是如何。

曰。
大似漁船出海。

進云。
此意如何。

曰。
誰知遮煙浪別有好商量。

問。
如何是過去佛家風。

曰。
園林寂寞無人管。
李白桃紅自在華。

問。
如何是現在佛家風。

曰。
白水泉風迷曉燕。
紅桃僊苑醉春風。

進曰。
如何是未來佛家風。

曰。
海浦待潮天款月。
漁村聞笛客思家。

進云。
如何是和尚家風。